

VBF VIETNAM BUSINESS FORUM

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

Vai trò của cộng đồng doanh nghiệp
trong phát triển nhanh gắn với bền vững



Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2019

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Giữa kỳ 2019 được tổ chức vào ngày 26/6/2019 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, của Ban Thư ký VBF, cũng như của các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ DỰ KIẾN

I. PHIÊN KHAI MẠC: PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

- 1.1. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam - AmCham
- 1.2. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam – KoCham
- 1.3.1. Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam – JCCI
- 1.3.2. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam – JCCI
- 1.4. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam – BBGV
- 1.5.1. Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam – EuroCham
- 1.5.2. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam – EuroCham
- 1.6. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam – SBG
- 1.7. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam - InCham

II. PHIÊN 1

- 2.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng
- 2.2.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng
- 2.2.2 Phụ lục Báo cáo của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng
- 2.2.3 Nhóm Công tác Điện & Năng lượng - Biên bản họp với Bộ Công Thương ngày 16/4/2019
- 2.3 Báo cáo của Nhóm Công tác Thị trường Vốn

III. PHIÊN 2

- 3.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo
- 3.2.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Nguồn nhân lực
- 3.2.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Nguồn nhân lực
- 3.2.3 Nhóm Công tác Nguồn nhân lực – Biên bản họp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 03/4/2019
- 3.3 Báo cáo của Nhóm Công tác Nông nghiệp

IV. PHIÊN 3

- 4.1.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại
- 4.1.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại
- 4.2.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Thuế & Hải quan
- 4.2.2 Nhóm Công tác Thuế & Hải quan – Biên bản họp với Tổng Cục Thuế ngày 13/5/2019
- 4.3.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Du lịch
- 4.3.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Du lịch

V. CÁC BÁO CÁO KHÁC

- 5.1. Báo cáo của Nhóm Công tác Ô tô/Xe máy
- 5.2. Báo cáo và Phụ lục báo cáo của Nhóm Công tác Khoáng sản
- 5.3. Tóm tắt Nội dung Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên 2018

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

Thời gian: 7:30 – 13:30, Thứ Tư, ngày 26 tháng 6 năm 2019
Địa điểm: Khách sạn Lotte Hà Nội, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN NHANH GẮN VỚI BỀN VỮNG

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ DỰ KIẾN

7:00 – 8:00	Đăng ký đại biểu
8:00 – 8:50	<p>Phát biểu khai mạc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng ▪ Tổ chức Tài Chính Quốc tế - Ông Kyle F. Kelhofer, Giám đốc Quốc gia cấp cao, Việt Nam, Lào, Campuchia ▪ Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Bà Virginia B. Foote, Đồng Chủ tịch: <i>Xây dựng nền kinh tế bền vững & thúc đẩy sự phát triển</i> <p>Phát biểu của 7 Hiệp hội Doanh nghiệp Thương mại (35')</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ - Bà Amanda Rasmussen, Chủ tịch ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam – Ông Kim Han Yong, Chủ tịch ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam – Ông Nobufumi Miura, Chủ tịch ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam – Ông Peter Rimmer, Đại diện ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam – Ông Tomaso Andreatta, Phó Chủ tịch ▪ Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore – Ông Seck Yee Chung, Phó Chủ tịch
PHIÊN 1	
8:50 – 9:30	<p>4 Nhóm Công tác (20')</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng và Nhóm Công tác Năng lượng: <i>Tiêu chí phát triển cơ sở hạ tầng nhanh và bền vững bao gồm năng lượng, PPP, xử lý chất thải, giao thông công cộng</i> ▪ Nhóm Công tác Thị trường Vốn và Nhóm Công tác Ngân hàng: <i>Tăng cường tiếp cận thị trường vốn Việt Nam một cách bền vững, phát triển chính phủ điện tử và nền kinh tế số</i>

	<p>4 Diễn giả Ông Tony Foster (Trưởng Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng) Ông John Rockhold (Trưởng Nhóm Công tác Năng lượng) Ông Kiên Nguyễn (Đại diện Nhóm Công tác Thị trường Vốn) Ông Aymar De Liedekerke Beaufort (Đồng Trưởng Nhóm Công tác Ngân hàng)</p> <p>Phản hồi của Chính phủ (20')</p>
9:40 – 9:55	NGHỈ GIẢI LAO
PHIÊN 2	
10:00 – 10:40	<p>3 Nhóm Công tác (15')</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo: <i>Hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp hướng tới nền kinh tế bền vững và sáng tạo đổi mới trong kinh doanh</i> ▪ Nhóm Công tác Nguồn Nhân lực: <i>Luật Lao động sửa đổi góp phần hỗ trợ sự phát triển nhanh và bền vững</i> ▪ Nhóm Công tác Nông nghiệp: <i>Tạo ra mô hình cây trồng dài ngày - chăn nuôi - thủy sản ít tác động nhất tới môi trường & giá trị gia tăng cao</i> <p>3 Diễn giả Giáo sư Raymond Gordon (Đại diện Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo) Ông Colin Blackwell (Trưởng Nhóm Công tác Nguồn Nhân lực) Ông David John Whitehead (Trưởng Nhóm Công tác Nông nghiệp)</p> <p>Phản hồi của Chính phủ (15')</p>
PHIÊN 3	
10:40 – 11:20	<p>3 Nhóm Công tác (15')</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại: <i>Nói lỏng các quy định để đẩy mạnh phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững / Phát triển chuỗi cung ứng xanh toàn cầu – Các khía cạnh về quản trị và môi trường</i> ▪ Nhóm công tác Thuế & Hải quan: <i>Tiếp tục cải thiện thủ tục hải quan để cạnh tranh với các nước láng giềng / Giải quyết các quy định gây cản trở việc mở rộng hoặc đầu tư mới</i> ▪ Nhóm Công tác Du lịch: <i>Thách thức về mặt tăng trưởng và bền vững</i> <p>3 Diễn giả Ông Frederick Burke (Trưởng Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại) Ông Mark Gillin (Trưởng Nhóm Công tác Thuế và Hải quan) Ông Kenneth Atkinson (Trưởng Nhóm Công tác Du lịch)</p> <p>Phản hồi của Chính phủ (15')</p>
11:25 – 11:45	PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGÀI TRỊNH ĐÌNH DŨNG (20')

BẾ MẠC

11:45 – 12:00	<ul style="list-style-type: none">▪ Ngân hàng Thế giới – Ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia▪ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Đồng Chủ tịch▪ Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng
12:00 – 13:30	TIỆC TRƯA

I. PHIÊN KHAI MẠC



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HOA KỲ TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
AmCham*

Xin kính chào tất cả quý vị, cảm ơn Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam đã cho chúng tôi cơ hội trình bày quan điểm của AmCham về việc thúc đẩy môi trường kinh doanh năng động và bền vững hơn tại Việt Nam. Năm nay đánh dấu kỷ niệm 25 năm thành lập AmCham với vai trò là “Tiếng nói của các Doanh nghiệp Hoa Kỳ” tại Việt Nam và các thành viên của chúng tôi luôn cam kết hỗ trợ cải thiện điều kiện kinh doanh để tăng cường năng lực của khu vực tư nhân cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội.

Năm nay cũng đánh dấu kỷ niệm 25 năm bình thường hóa quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Thay mặt Ban Điều hành của AmCham tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn tới chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ vì sự hỗ trợ nhiệt tình trong việc mở rộng các hoạt động thương mại, đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Mối quan hệ thương mại song phương giữa hai nước đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Trong 25 năm qua, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã tăng từ 220 triệu USD lên hơn 60 tỷ USD. Năm 1994, Việt Nam đứng thứ 95 trong các khu vực xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Tới nay, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 12. Hoa Kỳ luôn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, và Việt Nam cũng là một trong những thị trường xuất khẩu có mức tăng trưởng cao nhất của chúng tôi trên toàn cầu.

Từ khi thành lập, AmCham đã khẳng định rằng các nhà đầu tư nước ngoài với tiềm năng lớn không chỉ giúp nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng, mà còn giúp phát triển toàn bộ hệ sinh thái doanh nghiệp và doanh nhân địa phương. Hoạt động đầu tư này giúp đưa Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo ra nguồn việc làm chất lượng và giúp nâng cao năng suất, hiệu quả, đảm bảo an toàn và cải thiện môi trường. Chúng ta cần lưu ý rằng mặc dù theo số liệu thống kê đầu tư chính thức của Việt Nam, Hoa Kỳ có thứ hạng khá thấp, nhưng trên thực tế Hoa Kỳ lại là một trong những nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Sự hiểu lầm này bắt nguồn từ các luật thuế phức tạp và cấu trúc doanh nghiệp sử dụng các chuỗi và hệ thống cung ứng toàn cầu của Hoa Kỳ.

Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ cam kết của Chính phủ trong việc phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam và khuyến khích sự tham gia của những doanh nghiệp này vào chuỗi cung ứng toàn cầu. AmCham hiện đang phối hợp chặt chẽ với chương trình LinkSME của USAID với mục tiêu cải thiện và mở rộng mối quan hệ nhà cung cấp-người mua giữa các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài. Dự án này cũng sẽ giúp tăng năng suất và nâng cao năng lực của Việt Nam khi cung ứng sản phẩm cho các doanh nghiệp lớn hơn trong và ngoài nước.

Quy mô và sự phát triển nhanh chóng các mối quan hệ kinh tế và những lợi ích kinh tế to lớn mà hai bên chia sẻ khi duy trì và mở rộng mối quan hệ đặt ra yêu cầu với chính phủ hai nước trong

việc tập trung phát triển tầm nhìn tương lai cho mối quan hệ thương mại. Cộng đồng doanh nghiệp ở cả hai nước mong muốn trở thành đối tác trong việc phát triển tầm nhìn nhằm tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư.

Tăng trưởng xuất khẩu và đầu tư nước ngoài đã và đang là động lực chính cho thành tựu kinh tế của Việt Nam, tuy nhiên sự lãnh đạo và những sáng kiến chính sách táo bạo là chìa khóa để nhận diện và tận dụng các cơ hội.

Hiện nay, khu vực doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đang đứng trước những cơ hội lớn. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu, các doanh nghiệp hiện quan tâm tới việc tập trung hoạt động sản xuất tại một nước duy nhất và Việt Nam đang ở vị thế có thể tận dụng những cơ hội này. Triển khai một cách thận trọng các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại sẽ giúp tối đa hóa những cơ hội trên. Chúng ta cần phân tích để tìm ra những lĩnh vực mà khu vực tư nhân và nhà nước có xung đột lợi ích và những lĩnh vực mà hai khu vực này có thể cùng tồn tại.

Trong hai thập kỷ qua, Việt Nam có được vị thế cạnh tranh là nhờ vào chi phí lao động thấp và đặc điểm nhân khẩu học thuận lợi, bù đắp cho những gánh nặng pháp lý mà nhà đầu tư phải đối mặt. Gần đây, chi phí lao động đã vượt xa mức tăng năng suất gây ảnh hưởng xấu tới vị thế cạnh tranh của Việt Nam. Luôn luôn có những giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh và các thành viên của AmCham sẽ tiếp tục hỗ trợ các phương pháp chính sách hướng tới nâng cao năng suất trong nhiều lĩnh vực.

1. Giảm bớt gánh nặng tuân thủ thuế

Những tiến bộ gần đây trong lĩnh vực thuế và hải quan điện tử đã thể hiện cam kết của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế (GDT) trong việc giảm bớt gánh nặng ở giai đoạn kê khai và các chương trình này đã giúp tiết kiệm thời gian cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi chính phủ đang tìm kiếm các nguồn thu, thành viên của chúng tôi phải đối mặt với quá nhiều đợt kiểm toán, kiểm tra và thanh tra về thuế mà đôi lúc không phù hợp với luật thuế Việt Nam. Chúng tôi hiểu rằng các cơ quan thuế phải đạt được các chỉ tiêu thu ngân sách và chúng tôi hy vọng Tổng cục Thuế sẽ yêu cầu các cơ quan thuế địa phương chịu trách nhiệm đảm bảo thời gian kiểm toán ứng với kỳ kế toán theo quy định pháp luật, và yêu cầu các cán bộ dẫn chiếu tới các điều luật cụ thể và chi tiết khi thực hiện đánh giá lại nghĩa vụ thuế. Chúng tôi cũng hy vọng Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải Quan sớm ký kết Thỏa thuận trước về Xác định giá tính thuế (APA) với các đối tượng đủ điều kiện, giúp giảm thời gian và sự bất ổn đặc trưng của các cuộc kiểm toán thuế và hải quan. Chính sách thuế và việc triển khai công bằng là yếu tố quan trọng để thu hút những nguồn đầu tư mới, đồng thời giúp duy trì và phát triển các nguồn đầu tư hiện có.

2. Tiếp tục cải cách pháp lý và duy trì sự ổn định cho các nhà đầu tư hiện tại

Cải cách pháp lý là giải pháp hiệu quả nhất về mặt chi phí để kích thích và duy trì tăng trưởng kinh tế, và Việt Nam có toàn quyền kiểm soát giải pháp này, độc lập với các lực lượng thị trường bên ngoài. Việc thành lập Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là một bước quan trọng hướng tới giảm bớt gánh nặng pháp lý cho các doanh nghiệp, giúp giảm bớt thời gian xử lý và hạn chế tham nhũng. Chúng tôi hy vọng Văn phòng Chính phủ sẽ tập trung hơn nữa cho sáng kiến này.

Đồng thời, sự thay đổi thường xuyên các quy định và chính sách thường gây ảnh hưởng tiêu cực tới các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Trong một số trường hợp, các nhà đầu tư buộc phải

dừng hoạt động kinh doanh đã được cấp phép do sự xuất hiện của các quy định mới. AmCham khuyến nghị rằng Luật Đầu tư sửa đổi nên ban hành các điều khoản bảo vệ những hoạt động kinh doanh đã được cấp phép trong các giấy phép hiện có. Cụ thể, các hoạt động kinh doanh, điều khoản và điều kiện trong giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cần được bảo vệ trước những thay đổi về quy định.

3. Đầu tư cơ sở hạ tầng để nâng cao năng suất

Năm ngoái, 76% nguồn vốn FDI vào Việt Nam tập trung ở ba lĩnh vực: chế tạo, bất động sản và bán lẻ. Mặc dù đó cũng là những lĩnh vực tăng trưởng quan trọng nhưng chúng tôi mong muốn nguồn vốn đầu tư nước ngoài sẽ hỗ trợ nhiều hơn công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng của Việt Nam. Theo Báo cáo Triển vọng Hạ tầng Toàn cầu, Việt Nam sẽ cần hơn 600 tỷ USD để đạt được các mục tiêu cơ sở hạ tầng vào năm 2040. Trong khi nguồn ngân sách công chưa đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển này thì trên toàn cầu, hàng nghìn tỷ USD vẫn đang tìm kiếm đến cho các khoản đầu tư dài hạn và ổn định. Kết nối nguồn vốn đó với nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam sẽ giúp tăng tốc độ lưu chuyển hàng hóa và hành khách, nâng cao năng suất, uy tín, từ đó tạo thêm nhiều việc làm và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Huy động nguồn vốn cần thiết cho cơ sở hạ tầng đòi hỏi sự tham gia của các nhà đầu tư tư nhân, đổi lại họ sẽ nhận được tỷ suất lợi điều chỉnh theo mức độ rủi ro thị trường. Mặc dù các điều khoản đầu tư này có thể không hấp dẫn như nguồn vốn của các ngân hàng phát triển nhưng trong dài hạn, đây mới là nguồn phong phú và bền vững hơn cả. Các doanh nghiệp thành viên của AmCham hy vọng Chính phủ sẽ thiết lập cơ chế đầu tư theo hình thức Đối tác Công-Tư (PPP) trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh đó, để duy trì tính bền vững, cơ sở hạ tầng cảng của Việt Nam phải đảm bảo cân bằng sao cho cảng biển và cảng hàng không nằm ở vị trí thuận tiện cho các khu vực dân cư nhưng không quá gần đến mức tạo ra áp lực giao thông ngày càng tăng do xu hướng đô thị hóa nhanh chóng.

4. Tăng công suất năng lượng và chất lượng cuộc sống thông qua chương trình năng lượng bền vững

Năng lực cạnh tranh về môi trường hoạt động mà thực chất là chất lượng cuộc sống ở Việt Nam phụ thuộc vào nguồn năng lượng thân thiện với môi trường và đáng tin cậy. Liên quan đến nhu cầu năng lượng, cần sớm giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn cung ngày càng tăng so với nhu cầu về năng lượng điện. Điều này đòi hỏi cơ cấu giá tính đủ giá thành sản xuất, khuyến khích sử dụng hiệu quả cũng như cơ chế khai thác sản xuất điện tư nhân như năng lượng mặt trời trên mái nhà thông qua các hợp đồng mua bán điện trực tiếp hợp lý hơn. Để có được nguồn điện bền vững, Việt Nam cần phát triển thêm các nguồn năng lượng tái tạo và tiếp tục nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện. Các doanh nghiệp thành viên của AmCham là những chuyên gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này và mong muốn hỗ trợ Việt Nam hoàn thành các mục tiêu về môi trường, y tế, an ninh kinh tế và địa chính trị trong quá trình phát triển năng lượng.

5. Lựa chọn vì sức khỏe, an toàn và đảm bảo vệ sinh để duy trì tăng trưởng bền vững

Cơ sở hạ tầng và năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đảm bảo duy trì tăng trưởng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng xin nhắc lại nhu cầu cấp thiết phải giải quyết vấn đề chất lượng không khí kém ở các thành phố lớn và suy thoái môi trường do quản lý chất thải kém. Duy trì tăng trưởng kinh tế đồng nghĩa với việc ngăn chặn những vấn đề về “lối sống” thường đi kèm

với việc tăng thu nhập. Phương pháp phòng ngừa hiệu quả nhất không phải là đánh thuế một loại thực phẩm cụ thể nào đó mà là kết hợp giữa tuyên truyền nâng cao nhận thức và dán nhãn như sáng kiến “Lựa chọn vì sức khỏe” của Singapore để cung cấp thông tin cho người tiêu dùng về các thông tin dinh dưỡng quan trọng bên cạnh các yêu cầu ghi nhãn đơn giản.

6. Chính sách cấp tiến để phát huy tối đa tiềm năng của nền kinh tế số

Sự ủng hộ nhiệt tình của Thủ tướng Chính phủ đối với quá trình hợp tác với AmCham để giúp xây dựng nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam là nguồn khích lệ rất lớn đối với chúng tôi, trong thế giới ngày nay, nền kinh tế kỹ thuật số cũng là một phần không tách rời của nền kinh tế thực. Nền kinh tế kỹ thuật số giúp giảm đáng kể chi phí, cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều người tiêu dùng hơn và tạo điều kiện tiếp cận các thị trường mới và có quy mô lớn hơn.

Chúng tôi mong muốn được hợp tác với đội ngũ lãnh đạo của Việt Nam trong công cuộc hoàn thành các mục tiêu kinh tế kỹ thuật số và các doanh nghiệp thành viên của chúng tôi sẵn sàng cung cấp kiến thức chuyên môn để hỗ trợ Việt Nam xây dựng các quy tắc về công nghệ mới như thanh toán điện tử, dịch vụ nội dung số, trí tuệ nhân tạo và thành phố thông minh. Nền tảng chính sách tốt cho phép sử dụng ví di động và các hệ thống thanh toán điện tử khác một cách hiệu quả để hạn chế việc sử dụng tiền mặt, tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển cũng như ngăn ngừa tham nhũng và lừa đảo.

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và quy mô ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào mạng lưới Internet an toàn, ổn định và đáng tin cậy để thực hiện các hoạt động hàng ngày. Vì lý do đó, AmCham ủng hộ mạnh mẽ mục tiêu của chính phủ trong việc thúc đẩy sự phát triển của Internet và nền kinh tế kỹ thuật số tại Việt Nam đồng thời đảm bảo an ninh dữ liệu và bảo vệ người dùng Internet.

Các doanh nghiệp thành viên của chúng tôi đã tham gia tích cực trong quá trình xây dựng Luật An ninh mạng và mong sẽ có cơ hội góp ý cho dự thảo tiếp theo của nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng. Thông qua quá trình hợp tác, chúng ta có thể đạt được một môi trường trực tuyến mở, sáng tạo, an toàn và thúc đẩy thương mại phát triển. Đảm bảo quá trình chia sẻ dữ liệu tự do thuận lợi có ý nghĩa rất quan trọng và chúng tôi mong muốn được hợp tác với Chính phủ Việt Nam về các phương pháp tiếp cận chính sách nhằm thúc đẩy các mục tiêu của chính phủ đồng thời giảm thiểu sự gián đoạn đối với các doanh nghiệp, nền kinh tế và sự phát triển của Việt Nam.

7. Tạo điều kiện cho dịch vụ tài chính và fintech phát triển

Sự tăng trưởng của lĩnh vực dịch vụ tài chính và fintech sẽ phụ thuộc vào việc triển khai khung pháp lý, quy định và chính sách thuận lợi cho đầu tư và cho phép các lĩnh vực này tiếp tục đóng góp cho sự thịnh vượng và phổ cập tài chính của Việt Nam. Hiện nay, ngành ngân hàng Việt Nam đang áp dụng một trong những tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp nhất so với các quốc gia có trình độ phát triển tương đương trong khu vực. Việc nới tỷ lệ sở hữu nước ngoài sẽ cho phép các ngân hàng huy động vốn quốc tế trong bối cảnh thiếu hụt nguồn vốn trung hạn đến dài hạn để phục vụ cho các kế hoạch tăng trưởng, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Ngoài ra, điều này cũng sẽ giúp Việt Nam khai thác sâu thị trường vốn một cách có ý nghĩa và thu hút các định chế đầu tư nước ngoài tham gia hỗ trợ thanh khoản cho thị trường.

Bên cạnh đó, mặc dù lạc quan về những nỗ lực của chính phủ trong việc tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế không dùng tiền mặt và phát triển lĩnh vực kỹ thuật số, chúng tôi cũng đang quan

ngại về một số quy định gần đây về lĩnh vực thanh toán và fintech. Kế hoạch áp dụng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong lĩnh vực thanh toán và fintech đang tăng trưởng nhanh sẽ hạn chế đáng kể các công ty khởi nghiệp fintech Việt Nam trong việc huy động vốn từ các tổ chức đầu tư nước ngoài, từ đó hạn chế khả năng thu hút nhân tài và khiến họ kém cạnh tranh hơn so với các doanh nghiệp khác trong khu vực. Nhìn chung, những giới hạn như vậy sẽ cản trở sự phát triển của ngành và chúng tôi hy vọng rằng chính phủ sẽ duy trì các chính sách tạo điều kiện cho dịch vụ fintech có cơ hội đóng góp vào công cuộc đổi mới công nghệ và phổ cập tài chính tại Việt Nam.

AmCham cũng hoan nghênh quyết định sửa đổi luật bảo hiểm của Việt Nam, điều sẽ giúp ngành này tiệm cận các thông lệ tốt nhất toàn cầu. Chúng tôi mong Bộ Tài chính và Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm tiếp tục thu hút các công ty bảo hiểm đóng góp chuyên môn và kinh nghiệm toàn cầu cũng như đề nghị chính phủ tổ chức các cuộc tham vấn rộng rãi thường xuyên và liên tục trong quá trình soạn thảo.

8. Phát triển tương lai thông qua khoa học và công nghệ

Xây dựng một môi trường khuyến khích sự đổi mới là cực kỳ quan trọng đối với tương lai của Việt Nam. Khoa học và công nghệ luôn là những lĩnh vực có cơ hội lớn đòi hỏi cách tiếp cận chính sách với tư duy cấp tiến. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn tiếp tục nhận thấy các quy định pháp lý từ Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN) gây ra sự phức tạp không cần thiết và những quy định bổ sung - bao gồm cả việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng hay đăng ký công nghệ dẫn đến xử lý trùng lặp và gây ra rủi ro bảo mật IP cho những người liên quan trong chuyển giao công nghệ. Những gánh nặng trong kinh doanh không ảnh hưởng đáng kể đến các mục tiêu mà BKHCN mong muốn đạt được và do đó, chúng tôi tiếp tục đề nghị sự thay đổi cùng các đồng nghiệp trong Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại, cũng như các nhóm khác, những người ủng hộ cải tiến quan trọng cần thiết để cho phép dòng chảy công nghệ và khoa học được khơi thông để tạo cơ hội cho Việt Nam trên con đường tăng trưởng bền vững.

9. Bảo đảm cơ hội và công bằng

Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động cao nhất thế giới. Theo ước tính, có gần 80 phần trăm phụ nữ từ 15 đến 64 tuổi tham gia lực lượng lao động. Tỷ lệ cao hơn hầu hết các thành viên của OECD ngoại trừ Iceland, Thụy Điển và Thụy Sĩ - và cao hơn mười phần trăm so với nước láng giềng Trung Quốc. AmCham và các công ty thành viên đã đi đầu trong công cuộc hỗ trợ sự đóng góp của phụ nữ cho tương lai kinh tế Việt Nam và chúng tôi vẫn cam kết gia tăng cơ hội cho phụ nữ thông qua một số chương trình mang đậm dấu ấn của chúng tôi, bao gồm Chương trình Học bổng AmCham, Phụ nữ trong Kinh doanh, và Sáng kiến Phụ nữ Lãnh đạo. AmCham tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích các quy định và chính sách kinh doanh tư nhân đảm bảo môi trường làm việc công bằng và không có hiện tượng quấy rối cho tất cả nhân viên.

10. Phát triển bền vững trên những thị trường thay đổi nhanh chóng

Các thành viên của AmCham luôn ưu tiên phát triển bền vững thông qua thực tiễn kinh doanh và các hoạt động trách nhiệm xã hội. Những nỗ lực được duy trì ở cả khu vực công và khu vực tư nhân sẽ giúp xây dựng một nước Việt Nam bền vững về mặt kinh tế, giúp đảm bảo sức khỏe của người dân và bảo vệ môi trường trong những năm tới.

Thành viên của chúng tôi tin rằng những tiến bộ thực chất trong các vấn đề nêu trên sẽ giúp giải quyết những mối lo ngại về tiếp cận thị trường đã tồn tại từ lâu và hỗ trợ Việt Nam trong tham vọng vươn lên khu vực cạnh tranh kinh tế tiếp theo.

Với tư cách là những nhà đầu tư lớn ở thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp Hoa Kỳ luôn kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục thành công. AmCham sẽ luôn nỗ lực để giảm các rào cản thương mại, giúp chính phủ Việt Nam cải thiện các điều kiện kinh doanh, và tạo ra một môi trường kinh doanh chuẩn mực cao, minh bạch và ổn định, từ đó đảm bảo rằng nhà đầu tư của chúng tôi và tất cả mọi người có mặt trong khán phòng sẽ được tiếp cận những cơ hội này một cách công bằng.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công tới các vị lãnh đạo, các vị khách quý và các thành viên có mặt ở đây ngày hôm nay, và một lần nữa xin cảm ơn đã cho tôi cơ hội trình bày tại Diễn đàn.

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM (KOCHAM) TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
KoCham*

I. Thuế, Tài chính, Ngân hàng

Phương án thúc đẩy phát triển thị trường vốn

- Hiện nay, quy mô cho vay tín dụng của Việt Nam đã vượt quá 150% GDP và với dự kiến áp dụng Basel II vào năm 2020, theo dự tính sẽ gặp khó khăn không chỉ trong hoạt động tín dụng để đầu tư mới mà còn trong cả việc đảm bảo nguồn vốn cần thiết cho hoạt động kinh doanh cơ bản.
- Theo đó, cần phải có giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường vốn giúp có thể thay thế, bổ trợ cho thị trường cho vay hiện tại và giúp khối ngân hàng hiện nay có thể thu hút được nhiều nguồn vốn nước ngoài hơn.

1. Thu hút các CRA (Cơ quan xếp hạng tín dụng) có tín nhiệm của nước ngoài tham gia, phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp của Việt Nam

- Công bố Kế hoạch phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp với chỉ tiêu đạt 7% GDP vào năm 2020 và đạt 30% GDP vào năm 2030 theo Chỉ thị của Thủ tướng gần đây.
- Tuy nhiên, điều kiện tiền đề nhằm phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp là phải song hành với việc đánh giá và cung cấp thông tin chính xác về doanh nghiệp.
- Hiện nay, PTR (Phát Thịnh Rating) là Công ty đánh giá tín dụng đầu tiên được cấp phép tại Việt Nam, tuy nhiên, nếu đặt mục tiêu phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thu hút nguồn vốn ngoại vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam thì đòi hỏi phải cân nhắc các chính sách giúp thu hút sự tham gia của các CRA có tín nhiệm của nước ngoài.
- Ví dụ, nếu CRA của Hàn Quốc được cấp Giấy phép đánh giá tín dụng độc lập hoặc dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam và thực hiện đánh giá doanh nghiệp Việt Nam thì nội dung đánh giá đó có thể giúp ích rất nhiều trong việc thu hút các nhà đầu tư Hàn Quốc.
- Đồng thời, ngoài thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tại Việt Nam, sự tham gia của khối tư nhân vào SOC xã hội cũng được dự đoán sẽ sôi động hơn với Luật PPP được công bố gần đây, và chính lúc này CRA nước ngoài được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút nhà đầu tư.

2. Điều chỉnh đối tượng áp dụng quy định về thuế đối với hoạt động chuyển giá

- Theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành, đối tượng phải nộp báo cáo chuyển giá là doanh nghiệp có doanh thu trong năm khoảng 2,24 triệu USD (50 tỷ đồng) trở lên, giao dịch với các doanh nghiệp liên kết 1,35 triệu USD (30 tỷ đồng).
- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm phần lớn trong số các doanh nghiệp FDI với tư cách là đối tượng phải nộp báo cáo đang chịu gánh nặng lớn trong việc đáp ứng quy định này.
- Theo đó, cần phải tham khảo trường hợp của các quốc gia đã công nghiệp hóa khác để điều chỉnh tăng lên với quy mô hợp lý và chỉ quy định bắt buộc điều tra tại các phòng điều tra chuyên trách nhằm đảm bảo tính nhất quán và chuyên nghiệp trong điều tra.

3. Chuẩn bị thủ tục pháp lý và chủ trương vì sự tăng trưởng của thị trường cổ phiếu doanh nghiệp

- Hiện nay, tại Việt Nam không có chủ trương cụ thể về mặt pháp lý phục vụ cho sự tăng trưởng của thị trường cổ phiếu của các doanh nghiệp FDI.
- Vì sự phát triển liên tục của nền kinh tế Việt Nam, nhất thiết phải cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời cần phải niêm yết các doanh nghiệp FDI để huy động nguồn vốn cần thiết cho hoạt động thúc đẩy thị trường cổ phiếu và công nghiệp hóa một cách thuận lợi.
- Để thực hiện điều đó, Chính phủ đã kiến nghị chuẩn bị chủ trương cụ thể về mặt pháp lý hoặc Nghị định về việc niêm yết các doanh nghiệp FDI trên thị trường cổ phiếu càng nhanh càng tốt.

4. Giải quyết vấn đề chậm cấp Giấy phép đối với Dự án phát triển của các doanh nghiệp FDI

- Các doanh nghiệp FDI đã tham gia vào dự án phát triển Khu vực Thủ Thiêm, TP. Hồ Chí Minh nhưng giấy phép dự án bị chậm trễ nên gặp phải vô vàn khó khăn.
- Các doanh nghiệp kỳ vọng vào sự cải thiện môi trường cơ sở hạ tầng của Việt Nam và sự đầu tư bổ sung cho khu vực liên quan thông qua giải quyết vấn đề nhanh chóng.

5. Chính sách khuyến khích đầu tư đối với ngành công nghiệp phụ trợ (Supporting Industries, dưới đây gọi tắt là “SI”)

- Mặc dù cơ sở pháp lý liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (“Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22.03.2018 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16.05.2016”) rất rõ ràng, nhưng Bộ Tài chính (MOF) và Tổng cục thuế (GDT) vẫn có ý kiến rằng “Đối với các dự án thuộc lĩnh vực SI thực hiện từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 sẽ không được áp dụng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho lĩnh vực SI”.
- Kiến nghị Chính phủ cần nhắc đến việc ngành công nghiệp SI là ngành công nghiệp có thể dẫn dắt nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh cũng như liên tục tạo ra giá trị gia tăng cao và chấp thuận các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Miễn thuế quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu

- Từ sự giải thích Nghị định số 134 (hiệu lực thi hành từ ngày 01.09.2016) về Luật thuế xuất nhập khẩu từ cơ quan chức năng, nhiều doanh nghiệp FDI dự kiến sẽ bị đánh thuế trở về trước với số tiền lớn và phải chịu tiền phạt.
- Phần lớn các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu của Việt Nam sản xuất sản phẩm trung gian để xuất khẩu hoặc nhận gia công sản xuất một số công đoạn, do đó theo dự tính, quy định này cũng sẽ gây thiệt hại lớn đến các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.
- Về dài hạn, sẽ gây khó khăn cho việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam cũng như làm mất đi tính cạnh tranh của cả quốc gia, vì vậy xin kiến nghị sửa đổi quy định pháp luật liên quan.

Xem xét lại việc áp dụng luật thuế trở về trước bao gồm Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chính phủ Việt Nam đang tích cực thực hiện thu hút đầu tư từ doanh nghiệp nước ngoài thông qua chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nhiều doanh nghiệp FDI đã và đang đầu tư, thực hiện dự án trên cơ sở cam kết của Chính phủ Việt Nam nhưng cùng với các sửa đổi đột ngột của Luật thuế, các sửa đổi này được áp dụng trở về trước khiến nhiều doanh nghiệp đối mặt với khó khăn trong hoạt động kinh doanh do lợi nhuận giảm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp và tất cả các chính sách thuế có thể được điều chỉnh, sửa đổi trên cơ sở môi trường doanh nghiệp và chính sách của Chính phủ, tuy nhiên Luật sửa đổi không nên có hiệu lực trở về trước mà nên được áp dụng từ thời điểm phát sinh hiệu lực.
- Kiến nghị áp dụng luật sửa đổi từ sau thời điểm sửa đổi cho phù hợp với dòng chảy của thời đại.

II. Lao động, Pháp luật lao động

1. Liên quan đến thời gian làm việc ngoài giờ

a. Nâng tiêu chuẩn số giờ làm thêm

- Doanh nghiệp gặp nhiều vướng mắc do giới hạn số giờ làm thêm nghiêm ngặt của Chính phủ Việt Nam là 4 giờ/ tuần, 30 giờ/ tháng, 200 giờ/ năm (đối với ngành nghề cần tập trung nhiều lao động như may mặc, dệt may, giày dép là 300 giờ). Nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, do đó, để tận dụng tối đa nguồn vốn đầu tư này, cần phải nới rộng giới hạn này thêm nhiều.
 - * Tại Hàn Quốc công nhận số giờ làm thêm khoảng 600 giờ/ năm (12 giờ/ tuần)
 - * Năm 2013 khi sửa đổi Bộ luật lao động Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã chuẩn bị phương án nới lỏng số giờ làm thêm 1 năm lên 360 giờ nhưng đã không được thực hiện do sự phản đối của Công đoàn.

b. Sửa đổi phương án tính tiền lương làm thêm giờ

- Quy định phải chi trả tiền lương làm thêm giờ ít nhất 300% đối với ngày nghỉ lễ, Tết, ngày nghỉ hưởng lương, và theo điều khoản này thì tiền lương làm thêm giờ không bao gồm trong tiền lương của ngày làm việc vào ngày lễ, Tết, ngày nghỉ hưởng lương này, do đó, trên thực tế, vào ngày nghỉ lễ, doanh nghiệp phải chi trả mức tiền lương 400% dẫn tới doanh nghiệp phải chịu gánh nặng chi phí lớn. Theo đó, nên loại trừ điều khoản này để tiền lương làm thêm giờ của các ngày này bao gồm cả tiền lương của ngày đó giống như tiền lương làm thêm giờ vào ngày thường, ngày nghỉ theo tuần.

2. Mở rộng phạm vi ngành nghề cho phép biệt phái

- Các doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam đang tăng vọt do cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gần đây nên việc tìm kiếm nhân lực tại Việt Nam không hề dễ dàng, đặc biệt trở ngại trong việc tăng cường nhân lực nhằm ứng phó với nhu cầu nhân lực tạm thời là rất lớn, vì vậy cần phải mở rộng đối tượng biệt phái, điều động trong Luật lao động Việt Nam.
 - * Theo Bộ Luật lao động Việt Nam (Khoản 2 Điều 53 Bộ luật Lao động Việt Nam, Khoản 1 Điều 25 và Phụ lục 5 Nghị định về biệt phái, điều động người lao động), chỉ 17 công việc được cho phép như thông dịch – biên dịch, lao công, bảo vệ, lái xe v.v.v, còn nhân lực sản xuất tại nhà máy thì không được phép.

3. Hoàn thiện bảng lương

- Bảng lương theo Bộ luật lao động Việt Nam (5% trở lên giữa các cấp chức vụ) tạo giới hạn quá lớn trong việc điều hành nhân lực của doanh nghiệp, trên thực tế điều hành, sự chênh lệch về mức lương cấp trên và cấp dưới có khoảng cách rất lớn nên bảng lương đang trở thành vấn đề ngay cả ở góc độ công bằng. Để đảm bảo tính tự chủ trong điều hành doanh nghiệp, cần phải sửa đổi theo hướng xóa bỏ bảng lương hoặc áp dụng tự do.

4. Về lương tối thiểu

- Gần đây, lương tối thiểu liên tục tăng dẫn tới gánh nặng về chi phí nhân công của doanh nghiệp ngày càng gia tăng, do đó kiến nghị chỉ quyết định mức tăng lương tối thiểu tối đa 3%.
- Ngoài ra, cần phải mở rộng tiêu chuẩn lương tối thiểu từ lương cơ bản thành “lương cơ bản + phụ cấp + các khoản trợ cấp khác” giống như khi tính toán chi phí bảo hiểm xã hội.

* Tại Hàn Quốc, gần đây cũng sửa đổi Luật lương tối thiểu để đưa phụ cấp, tiền thưởng thành tích hàng tháng vào lương tối thiểu.

III. Xây dựng, Cơ sở hạ tầng

Luật liên quan tới PPP

1. Thực hiện phương án xóa bỏ tính thiếu xác thực cho nhà đầu tư

- Trong thời gian qua, bảo lãnh chính phủ mà các nhà đầu tư Hàn Quốc liên tục đề nghị rất xứng đáng được đánh giá cao ở chỗ được thể hiện rõ ràng dưới hình thức đảm bảo lợi nhuận tối thiểu (MRG : Minimum Revenue Guarantee) và có khả năng được bảo lãnh bởi bên thứ 3 như tổ chức tín dụng nhằm nâng cao độ tin cậy.
- Tuy nhiên, cũng nhận thấy giải pháp bổ sung giúp giảm bớt tính thiếu xác thực cho nhà đầu tư cần phải được thực hiện về mặt pháp luật và trong quá trình thi hành.
- Cần phải tăng thời gian bảo đảm, hiện nay tối đa là 10 năm và tỷ lệ bảo đảm (5 năm đầu 75%, 5 năm tiếp 65%) lên. (ví dụ: 5 năm đầu 90% → 5 năm tiếp 80% → 5 năm tiếp 70%)
- Hơn thế nữa, trong trường hợp Dự án đường cao tốc Bắc Nam, dự kiến sẽ bắt đầu công bố đấu thầu trong năm nay, nhưng Luật này dự kiến sẽ thông qua vào đầu năm tới, do đó, để áp dụng bảo lãnh Chính phủ đối với dự án Đường cao tốc Bắc Nam, cần phải quy định đây là dự án ký kết Hiệp ước thực hiện sau khi luật này được thi hành.

2. Điều chỉnh lại tỷ lệ vốn tự nhân bắt buộc

- So với Nghị định trước, việc tiêu chuẩn * về tỷ lệ vốn tự nhân bắt buộc tăng lên dự kiến sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả đầu tư, vì vậy, cần phải áp dụng trở lại Nghị định hiện tại.
* Tỷ lệ vốn tối thiểu theo Nghị định trước đây: 1.500 tỷ đồng trở lên 10%, dưới 1.500 tỷ đồng 20% → theo dự thảo Nghị định mới, 2.000 tỷ đồng trở lên tối thiểu 15%, dưới 2.000 tỷ tối thiểu 20%.

3. Trọng tài khi xảy ra tranh chấp

- Khi điều chỉnh các tranh chấp về dự án PPP tuân theo đấu thầu quốc tế, cần phải bắt buộc giải quyết tại Tòa án nước ngoài (Dự thảo luật quy định lựa chọn Tòa án Việt Nam hoặc Tòa án nước ngoài).
- Với trường hợp dự án quốc tế, quy định bắt buộc phải có sự tham gia của doanh nghiệp trong nước nhưng việc quy định trong luật có thể đem lại ấn tượng không cởi mở, vì vậy việc đề ra trong Thông báo mời thầu sẽ hợp lý hơn.

<i>Tham chiếu</i>	<i>Ý kiến</i>	<i>Khuyến nghị</i>
Điều 80	Xét thấy rằng đây là thời điểm để thông qua hình thức PPP và các nhà đầu tư nên chấp nhận những rủi ro liên quan đến nhu cầu cũng như kỳ vọng về doanh thu, nên có vẻ như cần tăng tỷ lệ và thời gian bảo lãnh doanh thu tối thiểu để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia tích cực vào các dự án PPP.	Vui lòng tăng tỉ lệ (100%) và thời gian (20 năm) đối với bảo lãnh doanh thu tối thiểu để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia tích cực vào các dự án PPP.
Điều 80	Không vạch rõ điểm bắt đầu của 5 năm đầu tiên cho bảo lãnh doanh thu tối thiểu.	Vui lòng xác định rõ điểm bắt đầu của 5 năm đầu tiên cho bảo lãnh doanh thu tối thiểu là thời điểm dự án tạo ra doanh thu sau khi việc xây dựng dự án được hoàn thành.
Điều 79	Có vẻ như cần làm rõ về định nghĩa “giá trị dự kiến ban đầu” khi chúng ta tính toán đến biến động tỷ giá, và cũng cần phải đặt ra cách thức (làm thế nào), thời điểm (khi nào) Chính Phủ và các nhà đầu tư xác định giá trị chênh lệch do biến động tỷ giá và Chính Phủ giải quyết thế nào với sự thay đổi này.	Vui lòng làm rõ định nghĩa về “giá trị dự kiến ban đầu” khi tính toán biến động tỷ giá. Vui lòng quy định cách thức (làm thế nào) và thời điểm (khi nào) Chính phủ và các nhà đầu tư xác định giá trị chênh lệch do biến động tỷ giá hối đoái và cách xử lý của Chính Phủ đối với sự thay đổi này.
Điều 4	Không rõ một công ty FDI được thành lập tại Việt Nam theo pháp luật Việt Nam là “nhà đầu tư trong nước” hay “nhà đầu tư nước ngoài”.	Vui lòng làm rõ hơn định nghĩa “nhà đầu tư nước ngoài” và “nhà đầu tư trong nước”.
	Vui lòng xem xét và chuẩn bị điều khoản chuyên tiếp để các dự án đang triển khai có thể được bảo vệ bởi nội dung của Luật này và được hưởng các nội dung của Luật này.	Vui lòng xem xét điều khoản chuyên tiếp vì xét thấy đây là thời gian cần thiết để chuẩn bị Luật này và đưa Luật này có hiệu lực.

IV. Luật đầu tư, hỗ trợ FDI và quy định khác

Giảm thiểu điều kiện xin chứng nhận đối với Doanh nghiệp chế xuất (EPE: Export Processing Enterprise)

1. Điều kiện Đề nghị chứng nhận EPE

- Theo Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP (Khoản 6 Điều 2 NĐ số 29/2008/NĐ-CP trước đây), doanh nghiệp chế xuất (EPE) được định nghĩa là (1) doanh nghiệp hoạt động trong các Khu chế xuất (export processing zone), (2) nằm trong các Khu công nghiệp (industrial park) hoặc Khu kinh tế (economic zone) và sản xuất sản phẩm xuất khẩu.
- Theo khoản 2 điều 1 Nghị định số 114/2015/NĐ-CP được sửa đổi năm 2015, doanh nghiệp chế xuất tách biệt với khu vực bên ngoài và phải có hệ thống tường rào, rào chắn, có công ra vào có chức năng kiểm soát ra vào, bảo đảm các cơ quan hữu quan như Cơ quan hải quan có thể kiểm tra, giám sát.

2. Sự cần thiết phải giảm thiểu các điều kiện trở thành doanh nghiệp EPE

- Tính đến tháng 05/ 2019, Việt Nam có 326 Khu công nghiệp và 625 Cụm công nghiệp.
 - Tuy nhiên, việc các doanh nghiệp không đủ điều kiện được chứng nhận EPE chỉ vì không nằm trong Khu công nghiệp sẽ dẫn đến trở ngại lớn đối với nhiều nhà đầu tư nước ngoài muốn mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.
 - Chứng nhận EPE rất cần thiết cho việc mở rộng quy mô của các nhà đầu tư FDI vì khi đạt chứng nhận EPE sẽ nhận được ưu đãi như đơn giản hóa thủ tục hải quan.
 - Để giải quyết vấn đề này, KOCHAM hi vọng sẽ giảm bớt điều kiện chứng nhận (khoản 2 điều 1 Nghị định số 114/2015/ND-CP) để có thể cấp chứng nhận EPE cho doanh nghiệp đã đáp ứng một số điều kiện sau khi ban ngành liên quan khảo sát thực tế và chấp thuận mà không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có nằm trong Khu công nghiệp hay không, đồng thời xin kiến nghị sửa đổi Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 82/2018/ND-CP .
- * Có 6 doanh nghiệp Hàn Quốc đồng ý về đề xuất sửa đổi quy định pháp luật. Và hiện tại, chúng tôi cũng tiếp tục nhận được nhiều kiến nghị tương tự về vấn đề này.

6 công ty bao gồm Estec Phú Thọ, TPS, Fabchem Vina, KST (thuộc tỉnh Phú Thọ), Myeong Sung Vina (Hà Nam), Sanico (Ninh Bình).

Tăng cường Chỉ đạo của Chính phủ đối với Chính quyền địa phương về việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp có vốn nước ngoài

- Đã có nhiều trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tin tưởng vào chính sách phát triển Khu công nghiệp của chính quyền địa phương rồi đầu tư, sau đó gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh do sự thay đổi chính sách phát triển, vì vậy cần phải có sự chỉ đạo của Chính phủ trong đối với chính quyền các địa phương về việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Một trường hợp tiêu biểu đó là Công ty Estec Phú Thọ đặt trụ sở tại Tỉnh Phú Thọ. Vào tháng 6 năm 2019, Công ty này đã quyết định đầu tư 8 triệu USD Mỹ để xây dựng nhà máy mới trên cơ sở Dữ liệu quảng bá thu hút đầu tư nước ngoài do Tỉnh Phú Thọ phát hành năm 2015.
- Tuy nhiên, Tỉnh Phú Thọ đã đột ngột thay đổi Quy hoạch phát triển Khu công nghiệp dẫn đến khu vực mà doanh nghiệp này đặt nhà máy chỉ là CCN (Cụm công nghiệp) – Khu công nghiệp của địa phương chứ không phải là Khu công nghiệp. Tóm lại, doanh nghiệp này đang phải đối mặt với khó khăn trong hoạt động kinh doanh do không được chỉ định là doanh nghiệp EPE – do chỉ các doanh nghiệp nằm trong Khu công nghiệp của quốc gia mới có thể xin cấp phép theo Nghị định số 82/2018/ND-CP của Chính phủ.
- Đây là một trường hợp điển hình gây tổn hại đến niềm tin của doanh nghiệp đối với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và tài liệu quảng bá của Tỉnh. Sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các tỉnh trở nên quá nóng, vì vậy cũng phát sinh trường hợp quảng bá phóng đại hoặc cung cấp thông tin sai lệch. Chúng tôi rất lo lắng sẽ có thêm nhiều trường hợp tương tự như vậy nữa.
- Đặc biệt, thủ tục đầu tiên để chỉ định Khu công nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành là Tỉnh lập kế hoạch và có quyền hạn, trách nhiệm nộp lên Chính Phủ, vì vậy, doanh nghiệp FDI không còn lựa chọn nào khác ngoài việc căn cứ vào các tài liệu và thông tin quảng bá do Tỉnh cung cấp làm cơ sở cân nhắc đầu tư.

Kiến nghị:

Trong bối cảnh này, KOCHAM đề xuất 2 nội dung sau.

- Nhằm nâng cao độ tin cậy đối với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, cần phải tăng cường quản lý, giám sát ở cấp Trung ương đối với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và các tài liệu quảng bá của chính quyền địa phương.
- Trong khi đó, Chính quyền địa phương cần phải thực hiện các giải pháp hỗ trợ hợp lý đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chịu thiệt hại do thông tin cung cấp sai lệch. Với công ty Estec Phú Thọ nói trên, chúng tôi kiến nghị xem xét phương án đặc cách trao tư cách EPE hoặc kiến nghị lên Chính phủ chỉ định khu vực đó là Khu công nghiệp.

V. Khoản nợ chưa thanh toán đối với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng

Ngày càng phổ biến tình trạng các công ty xây dựng Hàn Quốc hoặc nước ngoài không được thanh toán tiền thi công đúng thời hạn khi thực hiện thi công các công trình cơ sở hạ tầng của các cơ quan nhà nước của Việt Nam. Do tình hình của phía Việt Nam, khoản nợ chưa thanh toán dài hạn, tính riêng chi phí thi công cũng lên tới khoảng 125 triệu đô la Mỹ. Tình trạng này là bắt nguồn từ chính sách của chính phủ Việt Nam trong việc quản lý tỷ lệ nợ quốc gia (65% GDP mỗi năm). Thông qua biểu quyết của Quốc hội Việt Nam năm 2016, số tiền giải ngân vốn vay giai đoạn 2016 ~ 2020 sẽ được giới hạn ở mức 300 nghìn tỷ đồng (60 nghìn tỷ đồng mỗi năm), dẫn đến việc trì hoãn thanh toán nợ công trình. Đứng trên lập trường của chính phủ Việt Nam cũng có một ảnh hưởng tiêu cực do phần lãi suất phải trả và chi phí gián tiếp phải trả cho các doanh nghiệp thi công gia tăng.

Nhằm duy trì mối quan hệ tin tưởng lẫn nhau giữa hai quốc gia, cũng như tránh việc tăng chi tiêu ngân sách quốc gia đối với các khoản chi phí gián tiếp của chính phủ Việt Nam thì việc nhanh chóng giải quyết các khoản chi phí công trình là hết sức cần thiết.

VI. Nhanh chóng phê duyệt các dự án đầu tư và nâng cao độ tín nhiệm

Đối với trường hợp các công ty Hàn Quốc đang thực hiện các dự án đầu tư phát triển tại Việt Nam, sự chậm trễ trong việc cấp giấy phép phát triển cùng với việc không thực hiện các điều khoản trong hợp đồng giữa các công ty Hàn Quốc và chính phủ Việt Nam đã dẫn đến sự gia tăng gánh nặng tài chính và sự không chắc chắn trong quá trình thực hiện dự án.

Đặc biệt, đối với khu vực Hồ Chí Minh, giấy phép cho các dự án đầu tư lớn đã tạm thời bị đình chỉ từ năm 2018 đến năm 2019, dẫn đến những lo ngại về khả năng thu hồi phần chi phí đầu tư và chi phí tăng thêm cũng như vốn đầu tư cho các dự án đầu tư quy mô lớn đã đầu tư trước đây bao gồm những dự án của doanh nghiệp Hàn Quốc. Nếu việc trì hoãn cấp phép cho các dự án tiếp tục tiếp diễn, sẽ có tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam do sự thu hẹp đầu tư của các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam.

Nếu Chính phủ Việt Nam có thể hỗ trợ đẩy nhanh việc phê duyệt cấp phép các dự án đầu tư, việc này sẽ có đóng góp rất lớn vào đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam đối với các dự án đầu tư phát triển thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy phát triển đô thị, hỗ trợ phát triển tình hình kinh tế trong nước.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN (JCCI) DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Trình bày bởi
Ông Nobufumi Miura
Chủ tịch*

Kính thưa Ngài Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc,
Kính thưa Ngài Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng,
Thưa toàn thể Quý vị,

Tôi là Nobufumi Miura, chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam.

Hôm nay, tôi muốn nói về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường kinh doanh đối với “Sự phát triển nhanh và bền vững” của khu vực tư nhân, những mong đợi đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân và vai trò ngày càng gia tăng của họ ở Việt Nam. Việc cải thiện môi trường kinh doanh sẽ thúc đẩy đầu tư của các bên tư nhân, góp phần vào sự phát triển hơn nữa của Việt Nam. Thay mặt Phòng thương mại và công nghiệp Nhật Bản, tôi muốn nhấn mạnh ba đề xuất, bao gồm: “PPP – Quan hệ đối tác công-tư”, “Sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ” và “Khả năng dự đoán thay đổi của luật pháp”.

Khía cạnh đầu tiên là “PPP – Quan hệ đối tác công-tư”.

Hiện nay, vấn đề nợ công của Việt Nam đã được quản lý đến mức giới hạn cao nhất, do đó, Việt Nam cần thúc đẩy việc đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng của các bên tư nhân. Tuy nhiên, những nhà đầu tư lại đang gặp phải những rủi ro cao trong mô hình PPP – Quan hệ đối tác công-tư hiện tại. Để khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào các dự án PPP, Chính phủ cần làm rõ sự phân bổ rủi ro giữa Chính phủ và các bên tư nhân, và hỗ trợ toàn diện cho bên tư nhân nhằm đảm bảo sự hoàn vốn hợp lý từ khoản đầu tư.

Chúng tôi muốn yêu cầu việc áp dụng “Hệ thống đảm bảo chuyển đổi ngoại tệ” và “Luật nước ngoài” làm luật điều chỉnh.

Chúng tôi tin rằng việc đẩy mạnh thực hiện PPP - Quan hệ đối tác công-tư sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại Việt Nam.

Thứ hai, Chính phủ được dự kiến sẽ cam kết phát triển “Các ngành công nghiệp phụ trợ”

Năm ngoái, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (FDI) đạt mức cao nhất từ trước tới giờ, đó là nhờ những nỗ lực tích cực của Chính phủ Việt Nam. Xin gửi lời chúc mừng nồng nhiệt nhất tới thành tựu của đất nước bạn.

Trong khi FDI chủ yếu phát triển sản xuất và lắp ráp thành phẩm, các ngành công nghiệp phụ trợ vẫn chưa được đẩy mạnh phát triển. Việc thiết lập ngành công nghiệp cốt lõi với sự cạnh tranh quốc tế là hết sức quan trọng trong sự phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam. Việc thiết lập ngành công nghiệp cốt lõi cũng đòi hỏi tăng cường các ngành công nghiệp phụ trợ trong chuỗi giá trị công nghiệp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, các ngành công nghiệp phụ trợ đang đối mặt với sự cạnh tranh chi phí toàn cầu, và hiện cần đến sự hỗ trợ hơn nữa từ phía Chính phủ để cải thiện năng suất ở Việt Nam. Cụ thể, để xúc tiến việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và phát triển tài năng nhân lực, chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ của đất nước bạn trong việc thực hiện nhiều chính sách ưu đãi đối với ngành này.

Cuối cùng, chúng tôi muốn đề cập đến “Khả năng dự đoán thay đổi của luật pháp”

Để thúc đẩy các ngành công nghiệp mới bao gồm các ngành công nghiệp phụ trợ, Chính phủ cần phải sắp xếp tương xứng các luật & quy định và áp dụng chúng đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng dự đoán thay đổi của luật pháp. Sự thay đổi về luật hay quy định trong khoảng thời gian ngắn và việc giải thích và áp dụng các quy định không hợp lý sẽ làm xáo trộn hoạt động kinh doanh ổn định. Điều này sẽ làm tăng chi phí văn phòng, dẫn đến những khó khăn trong việc thiết lập và điều hành các ngành công nghiệp.

Chẳng hạn, Việt Nam đang phải đối mặt với những lo ngại nghiêm trọng về môi trường và đang áp dụng nhiều biện pháp để thúc đẩy việc bảo vệ môi trường. Chúng tôi tôn trọng hành động này ở Việt Nam, tuy nhiên nhiều biện pháp dường như không thực tế đối với các doanh nghiệp, cũng như không đưa ra đủ thời gian để các doanh nghiệp chuẩn bị cho các luật mới.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ thực hiện các biện pháp phù hợp cho việc ban hành, sửa đổi luật và quy định, và đưa ra khung thời gian hợp lý cho sự thay đổi trong tương lai.

Chúng tôi, Phòng Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản đánh giá cao nếu chính phủ Việt Nam xem xét đề xuất của chúng tôi hôm nay để biến Việt Nam trở thành quốc gia hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM (JCCI) DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
JCCI*

Chúng tôi đề xuất 7 hạng mục sau đây với mong muốn chính phủ Việt Nam tập trung thực hiện để cải thiện môi trường đầu tư.

1. Về PPP (Quan hệ Đối tác công-tư)

Trước hết, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các ngài đã xem xét và chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung dự thảo của Luật PPP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa ra.

Về vấn đề nợ công của đất nước các ngài, hiện tại đã được quản lý đến mức giới hạn cao nhất là 65% so với GDP quy định tại Quốc hội, chúng tôi biết rằng thời gian gần đây các ngài vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để hạn chế các khoản vay. Trong bối cảnh đó, chúng tôi cho rằng "Việc áp dụng một cách tích cực mô hình PPP" là một trong những phương thức hiệu quả để sử dụng nguồn vốn tư nhân và thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng thay cho chính phủ.

Tuy nhiên, mô hình PPP tức là doanh nghiệp tư nhân thực hiện đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng thay cho chính phủ, chính vì thế chúng tôi nghĩ rằng chính phủ nên làm rõ sự chia sẻ rủi ro giữa chính phủ và nhà đầu tư tư nhân, hỗ trợ toàn diện cho các nhà đầu tư tư nhân để họ có thể thu hồi vốn một cách an toàn sau khi đã mạo hiểm thực hiện đầu tư.

Bên cạnh đó, khi các doanh nghiệp nước ngoài trong đó bao gồm các doanh nghiệp Nhật Bản chúng tôi tham gia vào các dự án PPP, từ quan điểm Tiêu chuẩn toàn cầu, chúng tôi đặc biệt mong rằng các ngài hiểu được tầm quan trọng của việc đảm bảo chuyển đổi ngoại tệ và áp dụng "Pháp luật nước ngoài" làm luật điều chỉnh, đồng thời, trong phiên họp lần trước vào cuối tháng 11 năm ngoái, chúng tôi cũng đã trình bày trong buổi đối thoại với Thủ tướng chính phủ, hôm nay chúng tôi xin phép đưa lại 4 nội dung mong muốn được cải thiện dưới đây.

- a. Quy định rõ việc sẽ áp dụng "Pháp luật nước ngoài" làm luật điều chỉnh.
- b. Cho phép sử dụng trọng tài nước ngoài trong tất cả các dự án cơ sở hạ tầng bao gồm "Bất động sản" như một điều khoản về giải quyết tranh chấp
- c. Cho phép các nhà đầu tư và các công ty dự án được đặt ra quyền thế chấp cho quyền sử dụng đất, quyền sử dụng vận hành tài sản trên đất và thiết bị dự án
- d. Làm rõ sự chia sẻ rủi ro giữa chính phủ và nhà đầu tư tư nhân, Chính phủ cũng sẽ gánh chịu rủi ro thông qua các loại bảo lãnh của chính phủ trong đó có việc chuyển đổi ngoại tệ

Chúng tôi hy vọng rằng, thông qua các nội dung cải thiện trên đây, các dự án PPP sẽ mang lại tăng trưởng kinh tế lớn hơn cho Việt Nam.

2. Về phát triển ngành công nghiệp phụ trợ

Để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng hiện nay ở Việt Nam và tiếp tục giúp tăng trưởng bền vững hơn nữa trong tương lai, nhiệm vụ cấp bách là phải xây dựng ngay ngành công

ng nghiệp cơ bản có tính cạnh tranh với quốc tế. Để xây dựng ngành công nghiệp cơ bản này, điều quan trọng không phải chỉ là sản xuất và lắp ráp thành phẩm, mà còn cần tăng cường sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu, phụ tùng và bán thành phẩm là nền tảng của công việc sản xuất, lắp ráp đó, cũng như phải xây dựng chuỗi giá trị công nghiệp tại Việt Nam.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam năm 2018 tăng 9,1% so với năm 2017, đạt 19,1 tỷ USD là mức cao nhất từ trước tới giờ. Đặc biệt, FDI nhằm xây dựng các cơ sở sản xuất trong ngành may mặc, sản xuất linh kiện và sản phẩm điện tử đang ngày càng tăng, FDI dự kiến cũng sẽ tăng trong năm 2019. Tuy nhiên, trong chuỗi giá trị công nghiệp, các công đoạn đang được tăng cường bởi FDI là sản xuất và lắp ráp thành phẩm, còn “Ngành công nghiệp phụ trợ” để sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu, phụ tùng và bán thành phẩm - là các công đoạn trước đó chưa được đẩy mạnh. Việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ là một bài toán quan trọng để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh về chi phí thông qua việc cải thiện tỷ lệ nội địa hóa (mua hàng trong nước) tại các công ty sản xuất và lắp ráp thành phẩm, từ đó giúp hình thành, xây dựng nên ngành công nghiệp cơ bản.

Tại tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), hiện đang xúc tiến các hoạt động kết nối các doanh nghiệp của Việt Nam và Nhật Bản như phối hợp với Cơ quan xúc tiến thương mại Việt Nam, sẽ tổ chức “Đảm phán thương mại về việc mua và trưng bày phụ tùng” tại Hà Nội vào tháng 8 năm nay, hỗ trợ xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam và phát triển kênh bán hàng, v.v. Chúng tôi hiểu rằng việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam là một nhiệm vụ cấp bách đối với các doanh nghiệp Nhật Bản chúng tôi.

Hôm nay, chúng tôi xin đề xuất 4 nội dung dưới đây nhằm xây dựng và phát triển hơn nữa ngành công nghiệp phụ trợ.

a. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp

Để xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, theo Nghị định 82 (Nghị định 82/2018/NĐ-CP), có nêu ra là sẽ có chính sách ưu đãi về chi phí cho thuê đất và thời hạn cho thuê đất cho ngành công nghiệp phụ trợ so với Khu công nghiệp thông thường, chúng tôi mong muốn chính phủ sẽ thực hiện nhiều chính sách ưu đãi hơn nữa để xúc tiến việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ. Ngoài ra, để thúc đẩy sự ra đời của các doanh nghiệp đáp ứng chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, chúng tôi mong muốn các ngài nghiên cứu các chính sách ưu đãi cho việc sản xuất sản phẩm chất lượng cao hay chính sách giúp xúc tiến việc cải thiện trên quan điểm quản trị kinh doanh cơ bản như 5S, ISO, v.v.

b. Áp dụng các chính sách thúc đẩy việc hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam và chuyển giao công nghệ

Đặc biệt, đối với các lĩnh vực công nghiệp quy mô sản xuất nhỏ với nhu cầu thấp ở Việt Nam, một trong các biện pháp tức thời để đạt được lợi nhuận kinh tế nhờ quy mô, chúng tôi mong muốn chính phủ áp dụng các chính sách ưu đãi để thúc đẩy việc hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ Nhật Bản vốn có năng lực kỹ thuật cao trong các lĩnh vực này có thể sản xuất tại Việt Nam.

Ngoài ra, để thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa các công ty Nhật Bản sản xuất và lắp ráp thành phẩm và ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam, chúng tôi mong muốn chính phủ xem xét một cơ chế xây dựng một hệ thống giới thiệu các doanh nghiệp mà có thể kết nối với các công ty của Việt Nam một cách chi tiết hơn.

c. Hướng tới việc mở rộng chế độ đào tạo nhân lực

Cùng với sự đầu tư của các công ty nước ngoài vào Việt Nam và gia tăng số lượng các công ty trong lĩnh vực sản xuất, việc thiếu lao động phổ thông cũng như nhân lực kỹ thuật đang là một bài toán cần giải quyết. Chúng tôi nghĩ rằng chính phủ không chỉ chú trọng đến việc đào tạo các kỹ sư CNTT như hiện nay, mà còn cần phải tập trung vào công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực địa phương nhiều hơn nữa thông qua việc tăng cường chức năng và khung đào tạo của các Cơ sở đào tạo nghề đã được triển khai từ trước tới giờ giữa chính phủ Việt Nam và Nhật Bản, đó là một phương thức hiệu quả để giải quyết bài toán này.

Ngoài việc giáo dục và phát triển nguồn nhân lực địa phương, để tăng cường hơn nữa hiệu quả của hệ thống đào tạo kỹ năng, chúng tôi mong muốn các ngài xem xét các biện pháp hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản mà đang sử dụng thực tập sinh kỹ năng Việt Nam tại Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam. Các doanh nghiệp đó sẽ là nơi tiếp nhận và sử dụng các thực tập sinh kỹ năng Việt Nam sau khi thực tập kỹ năng tại Nhật Bản trở về nước, điều này sẽ giúp ích cho công tác đào tạo các kỹ thuật viên là những người đã học được các kỹ thuật tiên tiến.

d. Hỗ trợ để thúc đẩy mở rộng quy mô thị trường trong nước

Do ở Việt Nam, quy mô thị trường vẫn còn nhỏ, cho dù đầu tư vào thiết bị thì cũng không thu được lợi ích kinh tế dựa vào quy mô, thiếu cạnh tranh về chi phí đối với phụ tùng nhập khẩu. Kết quả là tồn tại ngành công nghiệp mà việc mua sắm trong nước (nội địa hóa) không tiến triển. Chúng tôi nghĩ rằng việc hỗ trợ đầu tư cho việc chế tạo khuôn và đồ gá có thể đạt được hiệu quả tương tự như việc mở rộng số lượng sản xuất được coi là một biện pháp hiệu quả để đẩy nhanh việc mở rộng quy mô thị trường, vì vậy rất mong các ngài xem xét.

3. Về khả năng dự đoán thay đổi của luật pháp

Để xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp mới bao gồm ngành công nghiệp phụ trợ, việc chính phủ xây dựng và vận hành ổn định hệ thống pháp luật Việt Nam, hay nói cách khác, khả năng dự đoán được các thay đổi của luật pháp có ý nghĩa rất quan trọng. Các thay đổi luật pháp một cách nhanh chóng và trong thời gian ngắn, cũng như việc các quy chế pháp luật đã đề ra không được hiểu một cách thích hợp và không được vận hành đúng như kỳ vọng sẽ khiến không thể quản lý kinh doanh ổn định, làm gia tăng chi phí cho các bộ phận gián tiếp, dẫn đến việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp trở nên khó khăn.

Xu hướng không dự đoán được sự thay đổi của pháp luật trong những năm gần đây đã dẫn đến việc các nhà đầu tư bị tước đi cơ hội thu được các lợi nhuận hợp lý, ảnh hưởng xấu đến việc thúc đẩy đầu tư xa hơn. Để bảo vệ các nhà đầu tư và khuyến khích đầu tư hơn nữa, chúng tôi mong muốn các ngài xem xét thí dụ như đặt ra một giai đoạn chuyển tiếp phù hợp v.v.

a. Bãi bỏ việc giảm 50% thuế thu nhập cá nhân cho các đặc khu kinh tế

Nghị định 82 (Nghị định 82/2018/NĐ-CP) ngày 22/5/2018 được ban hành và thực thi trong thời gian ngắn là tháng 7 năm 2018. Việc đột ngột bãi bỏ một chính sách ưu đãi như vậy gây ảnh hưởng lớn đến lỗ lãi và kế hoạch đầu tư của các doanh nghiệp đang hoạt động trong đặc khu kinh tế, gây ra sự hoang mang lớn cho các doanh nghiệp, không đảm bảo được khả năng dự đoán các thay đổi của luật pháp. Chúng tôi mong muốn các ngài xem xét việc đặt ra một giai đoạn chuyển tiếp phù hợp, thực hiện các biện pháp có cân nhắc đến những doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực do sự thay đổi hệ thống pháp luật.

b. Áp dụng ưu đãi thuế công nghiệp phụ trợ cho việc mở rộng kinh doanh trước năm 2015

Từ Nghị định 111 (Nghị định 111/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 55 (Thông tư 111/2015/TT-BTC) về luật thuế doanh nghiệp và ưu đãi thuế công nghiệp phụ trợ, việc hiểu rằng nếu đảm bảo điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành thì việc mở rộng kinh doanh trước năm 2015 vẫn sẽ được hưởng ưu đãi thuế doanh nghiệp đối với các công ty trong ngành công nghiệp phụ trợ là thỏa đáng, và kể cả Bộ tư pháp và Bộ công thương cũng đang hiểu như vậy. Khi tham chiếu khoản 1 điều 13 Luật đầu tư thì chúng tôi cũng thấy như vậy. Tuy nhiên, đã có trường hợp Bộ tài chính từ chối áp dụng chính sách ưu đãi thuế này.

Nếu trong nội bộ chính phủ Việt Nam cũng có những cách hiểu khác nhau thì các doanh nghiệp sẽ không thể áp dụng đúng luật pháp được và không đảm bảo được khả năng dự đoán các thay đổi của luật pháp. Việc xảy ra tình trạng này khiến các doanh nghiệp không thể yên tâm đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ. Chúng tôi mong muốn Chính phủ Việt Nam nhanh chóng phát biểu thống nhất quan điểm và đưa ra các căn cứ rõ ràng và cụ thể, đảm bảo khả năng dự đoán các thay đổi của luật pháp để các doanh nghiệp có thể áp dụng đúng.

c. Thông tư 18 liên quan đến việc Hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thông tư 18 (Thông tư 18/2019/TT-BTC) về việc Hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT) ngày 3/4/2019 được ban hành và được thực thi từ ngày 20/5/2019. Đây là Thông tư để kiểm soát việc hoàn thuế gia tăng, có tác động lớn đến kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp. Thường cần phải có đủ tiền và thiết bị để thúc đẩy việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ có giá trị gia tăng, nhưng Thông tư này lại ảnh hưởng tiêu cực đến việc này. Thông tư được thi hành 1 tháng sau khi được ban hành, đặc biệt về các nội dung gây ảnh hưởng tiêu cực khiến khó đảm bảo được khả năng dự đoán các thay đổi luật pháp của doanh nghiệp. Chúng tôi mong muốn quy định về việc hoàn trả thuế giá trị gia tăng ở giai đoạn đầu tư được quy định từ điều 1 đến điều 2 Luật Thuế giá trị gia tăng (Luật 106/2016/QH13) thành một quy định riêng và chính phủ cần kiểm tra về sự ảnh hưởng của quy định đó. Chúng tôi mong các ngài hiểu rằng quy định này sẽ có một tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như không quay vòng được vốn dẫn đến phá sản để đặt ra một giai đoạn chuyển tiếp phù hợp chẳng hạn như để thời gian là một năm.

4. Về tình hình thất chặt cung và cầu về điện

Cùng với sự gia tăng nhanh về nhu cầu điện, cung và cầu về điện ở Việt Nam đang bị thất chặt. Đặc biệt, đối với ngành sản xuất thì điện là sự sống còn của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình trạng thiếu điện và không ổn định nguồn điện sẽ làm giảm ý định mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp đã đầu tư vào Việt Nam, và sẽ là yếu tố cản trở các hoạt động đầu tư mới vào Việt Nam.

Để tránh mất điện quy mô lớn, chúng tôi biết rằng Tổng công ty Điện lực Việt Nam đang yêu cầu những người có nhu cầu sử dụng điện lớn tiết kiệm điện trong các trường hợp khẩn cấp, tuy nhiên, chúng tôi không biết mức độ nào được coi là tình trạng khẩn cấp, chính vì vậy đây là một rủi ro lớn đối với doanh nghiệp để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Rất mong các ngài thấu hiểu điều này.

Không khó để hình dung rằng nhu cầu về điện sẽ tiếp tục tăng trong tương lai khi thực hiện công nghiệp hóa và gia tăng các hoạt động đầu tư mới để phát triển kinh tế hơn nữa. Chúng tôi mong muốn chính phủ Việt Nam sớm xây dựng các nhà máy điện quy mô lớn và hỗ trợ việc áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo giúp ổn định điện năng.

5. Về các biện pháp bảo vệ môi trường

Tại Việt Nam, các vấn đề ô nhiễm môi trường như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước và ô nhiễm đất đã trở thành vấn đề nghiêm trọng do sự phát triển kinh tế và công nghiệp hóa nhanh chóng và do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Có nhiều nguyên nhân gây ra vấn đề ô nhiễm môi trường ví dụ như giải pháp cho nước thải chưa qua xử lý khi xảy ra sự cố ở các khu công nghiệp, hay vấn đề xử lý chất thải trong bối cảnh chưa có khu xử lý rác thải.

Chúng tôi biết rằng Chính phủ Việt Nam đang áp dụng nhiều chính sách trong đó có Luật bảo vệ môi trường (Luật 55/2014/QH13) sửa đổi năm 2015 để thúc đẩy việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong Nghị định 40 (Nghị định 40/2019/NĐ-CP) ban hành vào ngày 13 tháng 5 năm 2019, có thể nói là nhằm mục đích ứng phó vấn đề về nước thải chưa qua xử lý, có yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh phải lắp đặt bể chứa và hồ chứa có khả năng lưu trữ nước thải tối thiểu là 3 ngày, điều này sẽ là gánh nặng lớn cho các doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý nước thải riêng. Chúng tôi rất mong các ngài xem xét lại Nghị định 40, trong tương lai, khi nghiên cứu các chính sách bổ sung để bảo vệ môi trường, rất mong các ngài nghiên cứu các quy định trên cơ sở đã làm rõ các căn cứ khách quan về tính hợp lý sao cho phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Vấn đề ô nhiễm môi trường gây tổn hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam, là vấn đề cần phải nỗ lực giải quyết. Các công ty Nhật Bản đã từng phải khắc phục các vấn đề ô nhiễm xảy ra trước đây ở Nhật Bản, chúng tôi hoàn toàn hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Dựa trên kinh nghiệm đó, chúng tôi đang thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp để cùng tồn tại với môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại Việt Nam, và chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp bổ sung góp phần bảo vệ môi trường nếu cần.

Các doanh nghiệp Nhật Bản với công nghệ và kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẵn sàng hợp tác với các ngài để giúp Việt Nam đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững.

6. Về việc nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng

Trong Thông tư 18 (Thông tư 18/2019/QĐ-TTg) ban hành ngày 19/4/2019, liên quan đến Tuổi đời của dây chuyền sản xuất và máy móc, thiết bị đã qua sử dụng kể từ sau khi sản xuất hiện đang được quy định là 10 năm, Chính phủ đã sửa đổi thành không giới hạn về tuổi đời đối với dây chuyền sản xuất, và mở rộng tuổi của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng thành tối đa 20 năm bao gồm cả trường hợp đặc biệt, chúng tôi xin chân thành cảm ơn về việc sửa đổi này.

Các ngài không những kéo dài số năm Tuổi của máy móc thiết bị kể từ sau khi sản xuất mà còn làm rõ Tiêu chuẩn đánh giá, Thời gian cần thiết cho việc kiểm tra đối với thiết bị đối tượng, Nội dung của Giám định thư kèm theo thiết bị, chúng tôi xin chân thành cảm ơn về việc sửa đổi này. Chúng tôi tiếp tục đề nghị các ngài trong tương lai thực hiện hoạt động kiểm tra dựa trên các phán quyết hợp lý, cho phép nhập khẩu máy móc và thiết bị đã đáp ứng các tiêu chuẩn như hiệu suất đầu ra và tỷ lệ tiêu thụ điện năng để thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa nhiều hơn nữa ở Việt Nam.

7. Về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của người nước ngoài

Chúng tôi nhận được báo cáo là hiện nay tại chính quyền của một số tỉnh trong đó có các tỉnh ở phía Nam Việt Nam, đang quy định phạm vi đối tượng được áp dụng là “Người lao động điều chuyển nội bộ trong công ty” một cách không rõ ràng trong trường hợp cư dân nước ngoài đi xin giấy phép lao động. Việc này, chúng tôi cho rằng chính phủ Việt Nam đang quy định một cách

không rõ ràng về việc miễn tham gia bảo hiểm xã hội trong trường hợp cư dân nước ngoài là “Người lao động điều chuyển nội bộ trong công ty”.

Chúng tôi mong rằng chính quyền địa phương quy định phạm vi áp dụng của “Người lao động điều chuyển nội bộ trong công ty” dựa trên các tiêu chí rõ ràng sau khi đưa ra căn cứ pháp lý hợp lý và đầy đủ khi vận hành việc cấp giấy phép lao động.



BRITISH
BUSINESS
GROUP
VIETNAM

BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM (BBGV) DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
BBGV*

Kính thưa Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Xuân Phúc,

Kính thưa Bộ trưởng các Bộ ban ngành và các vị lãnh đạo Chính phủ, các Đại sứ, Các đồng nghiệp đại diện các Phòng Thương mại,

Kính thưa các Quý vị,

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam về nỗ lực bền bỉ trong việc xây dựng một môi trường kinh doanh cởi mở và minh bạch hơn.

Thay mặt cho các thành viên của Hiệp hội, chúng tôi muốn đề xuất tới Chính phủ những vấn đề sau đây:

1. Giáo dục

BBGV vui mừng nhận thấy Giáo dục vẫn là ưu tiên hàng đầu của quốc gia. Các cơ hội tham gia kinh doanh hiện sẵn có ở nhiều lĩnh vực bao gồm đào tạo tiếng Anh, đào tạo đội ngũ giảng viên, đánh giá chất lượng, giáo dục kỹ thuật số, học liệu và giáo dục xuyên quốc gia. Với hơn 23 triệu học sinh, sinh viên; 1,2 triệu giáo viên, giảng viên; Việt Nam hiện là một thị trường rất sôi động cho cả hoạt động trao đổi sinh viên lẫn hợp tác giáo dục, những hoạt động mà hiện nay Vương Quốc Anh chiếm 9% thị phần.

Những cam kết mạnh mẽ trong việc cải cách toàn diện giáo dục bằng việc cải cách các quy định lập pháp và khuyến khích đầu tư nước ngoài đang được đánh giá cao; có thể kể đến như Nghị định 86 sửa đổi giúp nâng tỷ lệ học sinh, sinh viên theo học tại các cơ sở đào tạo quốc tế.

Các chương trình giáo dục quốc tế và xuyên quốc gia giữa Việt Nam và Vương quốc Anh hiện đang phát triển rất mạnh mẽ với 475 chương trình, dự án đã được phê duyệt và 310 hoạt động khác đang trong quá trình đàm phán, chuẩn bị. Có khoảng 12.000 sinh viên Việt Nam hiện đang học tập tại Anh Quốc. Về đào tạo chuyên nghiệp, các tổ chức và doanh nghiệp Anh Quốc rất sẵn lòng hỗ trợ về chuyên môn - thế mạnh của mình, đồng thời xây dựng và mở rộng các quan hệ đối tác với các công ty địa phương, các trường học, đại học, cao đẳng và các cơ quan chính phủ trong nhiều lĩnh vực bao gồm Du lịch và Khách sạn, Công nghệ thông tin, Logistic, Ô tô, Cơ khí, Tài chính & Kế toán, Marketing và Truyền thông, tiếng Anh và các kỹ năng mềm khác.

Tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới lần thứ 16 diễn ra ở Luân Đôn trong đầu năm nay, phái đoàn bao gồm đại diện từ 100 trường đại học và các doanh nghiệp của Việt Nam đã đến Vương quốc Anh; 29 biên bản ghi nhớ (MOU) đã được ký kết giữa các bên liên quan trong lĩnh vực giáo dục, minh chứng cho sự thắt chặt mối quan hệ giáo dục giữa hai nước. Thỏa thuận đã đạt được nhằm mục đích tăng cường hơn nữa hợp tác Anh – Việt, cung cấp một nền giáo dục toàn diện, chất lượng cao cho học sinh, sinh viên Việt Nam theo chương trình cải cách giáo dục hiện nay.

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho các quốc gia, trong đó có vấn đề việc làm. BBGV tin rằng Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ. Để đương đầu với thách thức và giải quyết các nhu cầu kinh tế - xã hội, việc tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề là hết sức cần thiết. Nhu cầu về các dịch vụ đào tạo vừa học vừa làm ngày càng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực về kinh doanh, quản lý, hay các ngành khác như logistic, công nghệ thông tin. Điều này đòi hỏi nhiều hơn nữa những giáo viên/giảng viên có đủ năng lực chuyển tải những chương trình đào tạo quốc tế nhằm nâng cao kỹ năng và giúp cho học viên đạt được chứng nhận quốc tế.

2. Nông sản

Thương mại nông sản vẫn đang là một lĩnh vực thu hút sự chú ý của nhiều công ty Anh.

Về xuất khẩu nông sản từ Việt Nam sang thị trường EU (bao gồm cả Anh), quốc gia EU chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Việt Nam. Tuy nhiên, trong việc xuất khẩu nông sản từ các nước EU sang Việt Nam, quốc gia EU bắt buộc phải cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Việt Nam. Sản phẩm sau đó vẫn có thể bị giữ lại tại hải quan đồng thời phát sinh chi phí lưu kho cho đến khi giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Việt Nam được cấp. Điều này dẫn đến lãng phí thời gian và chi phí.

Giấy phép là yêu cầu bắt buộc để có thể nhập khẩu thực phẩm từ một quốc gia EU vào Việt Nam. Quá trình này có thể kéo dài tới vài tuần và yêu cầu thực hiện những thử nghiệm tốn kém cho mẫu phẩm. Giấy phép này chỉ được cấp cho một hình thức đóng gói của sản phẩm của một nhà sản xuất cụ thể, do đó, mỗi hình thức đóng gói sản phẩm khác nhau sẽ cần một giấy phép riêng.

Việc cấp giấy phép nhập khẩu cho thực phẩm Việt Nam tại các quốc gia EU không yêu cầu thực hiện quy trình như trên.

Quy trình này là rào cản thương mại và khiến việc nhập khẩu vào Việt Nam trở nên chậm chạp, tiêu tốn nhiều thời gian, tốn kém và quan liêu trong khi các nhà xuất khẩu Việt Nam không phải gặp những rào cản tương tự.

3. Năng lượng

BBGV tích cực ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, tuy nhiên hạ tầng lưới điện yếu cùng với nhu cầu sử dụng điện tăng 12% khiến các doanh nghiệp có thể phải đối mặt với thách thức lớn về năng lượng. Theo Tổng Sơ đồ Điện hiện tại, tỉ trọng nhiệt điện than dự kiến sẽ tăng từ 49% vào năm 2020 lên 53,2% vào năm 2030. Điều này sẽ làm gia tăng ô nhiễm, vấn đề nghiêm trọng hiện gặp phải tại nhiều thành phố lớn. Các lựa chọn về năng lượng tái tạo thay thế là hết sức tiềm năng tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, song song với đó, cần cân nhắc đến ưu đãi cho hiệu quả năng lượng và đầu tư từ khu vực tư nhân.

Các nhà đầu tư lo ngại về giá điện FiT thấp của Việt Nam và khả năng thanh toán của các Hợp đồng Mua bán Điện. Các nhà sản xuất chỉ có thể bán cho nhà cung cấp điện độc quyền của nhà nước EVN (Tập đoàn Điện lực Việt Nam), đồng nghĩa với việc sẽ không nhận được bảo đảm của Chính phủ Việt Nam.

Để mở đường cho các dự án năng lượng tái tạo, Việt Nam cần điều chỉnh giá điện, điều tiết thị trường và cung cấp nhiều hơn các sản phẩm tài chính hỗn hợp cho khu vực tư nhân. BBGV ủng hộ sự chuyển đổi mô hình định giá điện dựa trên cơ chế định giá thị trường. Điều này cũng sẽ

khuyến khích nhiều nhà đầu tư tư nhân tham gia vào thị trường năng lượng tái tạo. Việc làm mới hệ thống truyền tải của các dự án năng lượng mặt trời đang chờ chính phủ phê duyệt và các sửa đổi tham vọng hơn trong Tổng Sơ đồ Điện cũng sẽ xảy ra.

Các công ty Anh Quốc đã thể hiện mong muốn được đầu tư và hợp tác với các đối tác Việt Nam tại Hội thảo “Phát triển Năng lượng tái tạo hướng tới giảm thiểu Cacbon tại Việt Nam” diễn ra tại Hà Nội vào tháng 3 vừa qua. Hơn 30 công ty năng lượng tái tạo đã gặp gỡ các đại diện của ngành năng lượng công và tư nhân Việt Nam.

Cảm ơn Diễn đàn đã cho phép chúng tôi bày tỏ góc nhìn và những vấn đề mà chúng tôi hiện đang phải đối mặt.

Chúc tất cả sức khỏe và thịnh vượng.



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Trình bày bởi
Ông Tomaso Andreatta
Phó Chủ tịch*

Kính thưa Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Xuân Phúc,
Kính thưa Bộ trưởng các Bộ ban ngành và các vị lãnh đạo Chính phủ, các Đại sứ, Các đồng nghiệp đại diện các Phòng Thương mại,
Kính thưa các Quý vị,

Chúng tôi ghi nhận và hoan nghênh Chính phủ Việt Nam tích cực hợp tác với các đối tác châu Âu để hoàn thiện tiến trình phê duyệt Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) – một hiệp định quan trọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với thị trường chung châu Âu rộng mở. Với sự kết thúc của cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu, chúng tôi kỳ vọng việc thảo luận và phê duyệt hiệp định này sẽ được bao gồm trong nghị trình năm nay.

Theo kết quả Chỉ số Môi trường Kinh doanh theo quý (quarterly Business Climate Index) mới nhất của Eurocham, hơn một ngàn doanh nghiệp thành viên EuroCham đã tái xác nhận kỳ vọng tích cực vào sự tăng trưởng thương mại và kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và doanh nghiệp châu Âu nói riêng vẫn còn quan ngại về một số vấn đề chính sách như yêu cầu **kiểm định từng lô** đối với ngành kinh doanh ô tô; việc chứng nhận các phụ tùng ô tô và thuế nhập khẩu, tôn trọng và bảo đảm quyền Sở hữu trí tuệ đối với mẫu xe máy, quy định **đóng Bảo hiểm Xã hội bắt buộc** cho người lao động nước ngoài nhưng thiếu chính sách tương đồng cho phép người nước ngoài định cư lâu dài tại Việt Nam; sự **không đồng nhất trong các quy định** và cách thức áp dụng quy định cho các sản phẩm thuốc sáng chế và trang thiết bị y tế, ví dụ như việc cho phép các công ty dược được cấp phép, đăng ký lưu hành sản phẩm hay việc áp dụng Thuế Giá trị Gia tăng đối với trang thiết bị y tế; **định giá hải quan, quy trình thông quan và áp dụng mã HS; Hàng hóa sản xuất/gia công xuất khẩu tại chỗ; thanh tra thuế; hoàn Thuế Giá trị gia tăng**. Nếu những vấn đề này được giải quyết, **môi trường đầu tư và thương mại tại Việt Nam sẽ cải thiện đáng kể, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ được đẩy mạnh**, phát triển Việt Nam trở thành **một điểm đến đầu tư hấp dẫn** cho kinh doanh và thương mại.

Các doanh nghiệp thành viên EuroCham trong lĩnh vực Vận tải & Hậu cần kiến nghị ghi nhận đa dạng hóa các phương thức vận tải, hơn là phụ thuộc chủ yếu vào các tuyến đường. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực Du lịch đang rất quan ngại về bảo tồn di sản văn hóa và thắng cảnh, cũng như bình ổn hóa sự tương tác giữa du khách và người dân địa phương và đề xuất mở rộng phạm vi miễn giảm visa cho tất cả các nước thành viên thuộc khối Liên minh châu Âu. Các doanh nghiệp nhập khẩu Rượu vang và Rượu mạnh đang đối mặt rất nhiều khó khăn và thách thức, tin rằng các biện pháp chống buôn lậu và rượu giả hiệu quả hơn sẽ giúp đạt được các mục tiêu về sức khỏe cộng đồng và việc truy thu thuế.

Tại Việt Nam, căng thẳng thương mại gần đây trong khu vực Thái Bình Dương được nhiều người nhìn nhận như một cơ hội thu hút thêm đầu tư nước ngoài (FDI) và đẩy mạnh xuất khẩu. Với nền kinh tế phụ thuộc tương đối nhiều vào FDI và xuất khẩu, Việt Nam khá nhạy cảm hơn đối với các chu kỳ kinh tế toàn cầu. Sự lạnh nhạt của các nền kinh tế lớn sẽ trở thành một vấn đề nghiêm trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Thêm vào đó, nếu thương mại toàn cầu bị tác động nhiều hơn bởi các đàm phán song phương, tương lai sẽ sáng lạn hơn nếu Việt Nam tránh được việc nghiêng về xu hướng bảo hộ.

Chúng tôi chỉ đề cập ở đây việc quản lý nước và chất thải rắn, sử dụng năng lượng hiệu quả ở các tòa nhà và nhà máy như là các yếu tố quan trọng hướng tới phát triển bền vững.

Luật về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đang được lấy ý kiến rộng rãi: EuroCham đã trình 109 kiến nghị cải thiện. Điều quan trọng không chỉ là việc quy định quan trọng này cần được ban hành càng sớm càng tốt, mà còn là xây dựng mối quan hệ tin cậy lâu dài và các quy tắc rõ ràng giữa Chính phủ Việt Nam với các doanh nghiệp và các thị trường.

Cơ sở hạ tầng là một vấn đề đầu tư lâu dài, không chỉ là sự cần thiết của một cơ chế ra quyết định minh bạch và nhanh chóng để khởi động dự án, mà cả những thay đổi bất ngờ từ phía Chính phủ hoặc đối tác tư nhân có thể dẫn tới những tổn hại nghiêm trọng.

Hai di sản lớn trong quá khứ cần phải được vượt qua để đưa PPP thực thi có quy mô tại Việt Nam: thứ nhất, cần minh bạch rằng các dự án PPP là sự phối hợp giữa khu vực công và tư, không phải là dự án của Chính phủ, vì vậy các dự án này chủ yếu tuân theo các quy định pháp luật thông thường; Quan niệm thứ hai cho rằng cái gì không được quy định thì sẽ không tồn tại và làm giảm phạm vi các doanh nghiệp có thể giải quyết vấn đề, vì vậy cần được giảm thiểu. Khi Việt Nam ngày càng phát triển, vai trò của Nhà nước cần được thể hiện rõ hơn trong việc định hướng, tạo điều kiện và giám sát các hành vi tốt của tất cả các bên tham gia thay vì trực tiếp thực hiện hầu hết các công việc.

Việt Nam cần tiếp tục dẫn đầu những thay đổi trong việc cạnh tranh, và để thích ứng lợi thế cạnh tranh của mình với thế giới mới về công nghệ, di động và kiến trúc. Ví dụ như hoàn toàn đón nhận thực tế rằng, trong một quốc gia có thu nhập trung bình với mức lương tăng trưởng nhanh, giờ đây các gia đình có thể trả tiền cho các dịch vụ mà chỉ vài năm trở lại đây phải được nhà nước cung cấp với chi phí thấp hoặc miễn phí.

Các công ty thành viên của EuroCham đã chọn Việt Nam là ngôi nhà của mình và dự định mở rộng đầu tư, kinh doanh hết mức có thể. Chúng tôi là minh chứng cho thấy sức hấp dẫn của Việt Nam ngày hôm nay. Chính phủ Việt Nam có thể xây dựng đất nước ngày càng trở nên thu hút hơn bằng sự cân bằng khôn ngoan giữa định hướng chính sách rõ ràng, các quy định pháp luật tinh giản, và cởi mở với các thị trường quốc tế.

Cuối cùng tôi kính chúc hội nghị và các Quý vị Sức khỏe, Hạnh phúc, và Thành công.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2019

*Chuẩn bị bởi
Eurocham*

Kính thưa Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, cùng Bộ trưởng các Bộ ban ngành, thưa Giám đốc Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Tài chính Quốc tế, thưa các Đại sứ và đồng nghiệp đại diện các Hiệp hội thương mại và Các Quý vị.

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam EuroCham đánh giá cao sự hỗ trợ và các sáng kiến tích cực của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao tính cạnh tranh, cũng như lắng nghe ý kiến từ phía cộng đồng doanh nghiệp. Chúng tôi vui mừng được biết rằng, Chính phủ nói chung và Bộ Kế hoạch Đầu tư nói riêng đang nỗ lực tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động đầu tư kinh doanh. Chúng tôi rất mong rằng những điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng và không cần thiết sẽ được loại bỏ, đơn giản hóa trong Quý III, 2019 theo như Nghị quyết 02/NQ-CP. Chúng tôi cam kết làm việc chặt chẽ với Chính phủ và các Bộ ban ngành để hỗ trợ xây dựng chiến lược quốc gia thu hút vốn FDI trong thời gian tới.

Với trọng tâm về thương mại, EuroCham tiếp tục hỗ trợ việc phê chuẩn và thực thi sắp tới của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) để nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Hiệp định thương mại tự do EVFTA sẽ mở cửa thị trường, tăng cường thương mại, và giúp Việt Nam trở thành môi trường đầu tư hấp dẫn cho các công ty Châu Âu ở Đông Nam Á. Việt Nam đang có những dấu hiệu tích cực để trở thành trung tâm đầu tư và thương mại trong khu vực, vị trí thuận lợi để thu hút vốn FDI từ châu Âu. Về lâu dài, Hiệp định EVFTA tăng cường thương mại và đầu tư trên cơ sở đôi bên cùng có lợi và cải thiện các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội. Hiệp định này không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và người tiêu dùng mà cho cả các công dân Việt Nam, về phúc lợi xã hội, tiền lương, và tiêu chuẩn, nhờ đó, giúp việc đầu tư vào Việt Nam bền vững hơn.

Theo đây là những khuyến nghị mang tính xây dựng của Eurocham nhằm mục đích nâng cao vị thế của Việt Nam, đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm đến đầu tư hấp dẫn, cạnh tranh, hiệu quả, và bền vững nhất cho doanh nghiệp châu Âu tại Đông Nam Á.

I. Tính quan trọng của Tăng trưởng Xanh, bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững

1. Xử lý nước thải

Mục tiêu hơn 10 tỷ đô-la Mỹ đầu tư vào lĩnh vực cung cấp và thoát nước vào năm 2020 của Bộ Xây dựng là một mục tiêu tham vọng nhưng cũng đầy thách thức. Mục tiêu này sẽ khó đạt được trong thời gian ngắn nếu không kêu gọi đầu tư từ khu vực tư nhân. Tuy nhiên, giá nước sạch và xử lý nước thải còn quá thấp để các nhà đầu tư tư nhân xây dựng các doanh nghiệp có lợi nhuận tài chính. Chúng tôi cũng nhận thấy có các quy định về việc có thu phí xử lý nước thải và/hoặc phí bảo vệ môi trường hay không còn chưa thống nhất. Bên cạnh đó, Chương 19 của Bộ luật Hình sự 12/2017/QH14 có quy định hình phạt đối với vi phạm về môi trường, nhưng pháp luật sẽ

không mang tính răn đe, hiệu quả nếu không được nghiêm khắc thực hiện trên thực tế hoặc số tiền phạt quá nhỏ so với việc triển khai các biện pháp xử lý nước thải hiệu quả hơn.

Lợi ích tiềm tàng của các khoản đầu tư từ khu vực tư nhân không chỉ về môi trường. Với chính sách ưu đãi và sự phối hợp thực hiện các quy định hợp lý, Việt Nam có thể **phát triển bền vững ngành công nghiệp nước**. Các tổ chức viện trợ và các thể chế đa phương đã và đang sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam về tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển năng lực. Các biện pháp này sẽ không kéo dài vĩnh viễn và Việt Nam cần phải quyết định sẽ sẵn sàng thực hiện các kiến nghị này hay đối mặt với sự xuống cấp ngày càng trầm trọng của môi trường.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị thành lập một lực lượng chuyên trách thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn về xử lý nước thải hiện nay; thống nhất các quy định còn mâu thuẫn về phí xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường để tránh tình trạng các quy định chồng chéo gây ra nhầm lẫn; tập trung vào các khu công nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý vào môi trường và thực hiện các biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với doanh nghiệp vi phạm mang tính răn đe với các doanh nghiệp khác; chuyển sang mô hình tính giá theo nhu cầu sử dụng đối với xử lý nước thải; và tạo điều kiện bền vững cho các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nước

2. Quản lý chất thải

Phần lớn chất thải tại Việt Nam không được phân loại ở cấp hộ gia đình, và được thải tại bãi chôn lấp mà không qua xử lý. Sự thiếu phối hợp trong quản lý chất thải có thể dẫn đến những vấn đề môi trường, kinh tế-xã hội nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngàn người dân. Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh không chỉ đang gây nguy hại môi trường và ảnh hưởng đến người dân ở khu vực xung quanh mà còn lãng phí nguồn nguyên liệu giá trị vốn có thể được tái chế hoặc sử dụng để sản xuất điện năng. Các tập đoàn đa quốc gia hiện đang tự đề ra mục tiêu tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo và họ cần khung pháp lý hỗ trợ thực hiện việc kinh doanh tại Việt Nam.

Việt Nam đã ban hành quy phạm pháp luật về sản xuất điện từ chất thải rắn, còn gọi là sản xuất Năng Lượng từ chất thải (WTE) từ năm 2014. Cần có **văn bản hướng dẫn và lịch trình phê duyệt rõ ràng, khả thi** đối với các dự án sản xuất năng lượng từ chất thải và đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Việt Nam có đánh thuế túi nhựa nylon, nhưng chính sách này chưa thực sự được thực thi hiệu quả. Lý do của việc không tuân thủ các quy định môi trường hiện hành về xử lý chất thải cần được làm rõ. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giảm thiểu sử dụng túi nhựa và các hướng dẫn thực hiện có thể được mở rộng ra hạn chế việc sử dụng ống hút nhựa một lần, cốc, bao bì, dụng cụ, chai lọ và các sản phẩm nhựa không phân hủy khác. Các Quyết định này cần được triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

Việc phân loại chất thải sinh hoạt ở cấp hộ gia đình cần được triển khai trên toàn quốc. Phân loại rác thải theo chất liệu giúp hạn chế ô nhiễm, giảm thiểu tối đa công đoạn phân loại thủ công rác thải tại các bãi chôn lấp.

Các doanh nghiệp kinh doanh xử lý chất thải theo quy định pháp luật cần được tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi; việc chấp hành các quy định liên quan cần được khuyến khích và khen thưởng; còn các trường hợp vi phạm quy định về xử lý chất thải phải bị xử lý nghiêm khắc.

Chúng tôi đề xuất một tầm nhìn tích hợp cho tất cả các doanh nghiệp trong ngành xử lý chất thải, nhằm phát triển ngành này theo hướng tinh giản, chuyên nghiệp và được đào tạo bài bản; từ đó cung cấp đủ nguyên liệu tái sử dụng cho việc thành lập các nhà máy tái chế - mô hình hiện tại chưa có ở Việt Nam.

Điều cấp thiết nhất hiện nay là thay đổi cách thức xả thải và xử lý chất thải. Nâng cao nhận thức về trách nhiệm và hành động đẹp cần được ưu tiên. Cần có sự thay đổi căn bản trong cách các hộ gia đình, tổ chức và doanh nghiệp nhìn nhận cách xả thải và cách xử lý các bao bì đóng gói, từ đó tận dụng và tối đa khả năng tái sử dụng rác thải, chuyển đổi rác thành vật chất khác có giá trị như năng lượng. Cách xử lý này sẽ giảm thiểu tối đa ảnh hưởng lên môi trường.

3. Công trình bền vững và công trình xanh

Công trình cao tầng vẫn đang và sẽ là các công trình tiêu thụ nhiều điện năng nhất. Thiết kế tòa nhà một cách hợp lý có thể góp phần hạn chế lượng điện tiêu thụ trong 25 năm tiếp theo của vòng đời tòa nhà. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình xanh tại Việt Nam hiện vẫn đang trong giai đoạn sơ khai với chỉ khoảng 40 công trình trong nước được cấp giấy chứng nhận công trình xanh, trong đó phần lớn thuộc lĩnh vực công nghiệp.

Chúng tôi kiến nghị minh bạch hóa hơn thời điểm đưa ra áp dụng chế độ định giá điện theo giá thị trường và loại bỏ trợ cấp. Bộ Công Thương nên công bố **Lộ trình Biểu giá bán lẻ điện cho người tiêu dùng điện trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp**, cho thấy khả năng lạm phát giá điện đối với chủ sở hữu tòa nhà đến năm 2020 và 2025.

Chính phủ trung ương và địa phương cần khuyến khích chủ công trình xây dựng xin cấp chứng chỉ công trình xanh. Bên cạnh các loại chứng chỉ công trình xanh quốc tế được sử dụng tại Việt Nam, Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam đã phát triển chứng chỉ LOTUS. Chúng tôi ủng hộ công nhận nhiều hệ thống khác nhau để sử dụng tại Việt Nam, và tự thị trường sẽ chọn lọc hệ thống nào thiết thực và hữu ích;

Việc sử dụng các giải pháp gạch không nung cần được xúc tiến thực hiện thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam. Các công trình cần sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Công trình sử dụng năng lượng hiệu quả không tốn chi phí đầu tư cao hơn. Việc sử dụng vật dụng tiết kiệm năng lượng từ giai đoạn kiến trúc-xây dựng và trong quá trình sử dụng tòa nhà sẽ có tác dụng lâu dài về mặt bền vững. Chúng tôi khuyến khích tất cả các công trình đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (VEEBC), Bộ Xây dựng ban hành năm 2013, hoặc quy chuẩn đơn giản hơn, để được cấp giấy phép xây dựng trong Giai đoạn Thiết kế Cơ bản.

II. Thực phẩm và Nông nghiệp bền vững

1. Tiểu ban Dinh Dưỡng

Nhãn hàng hóa

Vừa qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ đưa ra Dự thảo 3 Thông tư quy định chi tiết một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017. Chúng tôi hoan nghênh một số hướng dẫn chi tiết Dự thảo Thông tư đưa ra đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh như Quy định container đựng hàng hóa dạng rời, dạng lỏng không phải là bao bì thương phẩm, do đó không phải ghi nhãn hàng hóa. Tuy nhiên, chúng tôi rất quan ngại về Điều 8.1 của Dự thảo Thông tư này khi đưa ra một yêu cầu mới “*Không được thể hiện trên nhãn nội dung nhấn mạnh sự không có mặt hoặc không bổ sung một hoặc một số thành phần trong sản phẩm*”.

Yêu cầu mới này không có trong quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP. Việc một thông tư hướng dẫn đưa ra những quy định mới không có trong nghị định là không phù hợp với Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật. Ngoài ra, thông tư này không phù hợp với quy định quốc tế

Codex về ghi nhãn dinh dưỡng CAC/GL 23-1997. Theo đó, Codex chỉ hướng dẫn cho công bố “không bổ sung đường” và “không bổ sung muối”, với các tiêu chí khác với điều 8, trong khi điều 8 vừa có tiêu chí khác với Codex, vừa mở rộng cho tất cả các thành phần của sản phẩm. Quy định mới này cũng sẽ tạo nên rào cản thương mại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, và đẩy Việt Nam ra khỏi hội nhập quốc tế. Ví dụ, sản phẩm đã tuân theo tiêu chuẩn Codex và có câu khuyến nghị “Không bổ sung đường” nhưng sẽ không thể nhập được vào Việt Nam, và tương tự, các mặt hàng sữa tươi không bổ sung đường của nhiều doanh nghiệp khác (trong đó có doanh nghiệp Việt Nam) sẽ phải thay nhãn nếu muốn được tiếp tục lưu thông. Nếu điều này được áp dụng, hàng loạt sản phẩm có nhãn vừa sửa năm 2017 để tuân thủ Nghị định 43, đến năm 2019 lại phải sửa tiếp vì Thông tư hướng dẫn Nghị định 43, gây ra các phí tổn lớn và không cần thiết.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng-Bộ Khoa học và công nghệ bỏ yêu cầu mới trong Điều 8.1. ra khỏi Dự thảo Thông tư, hoặc phải áp dụng chính xác quy định của Codex trong CAC/GL 23-1997.

2. Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản

Dịch tả lợn Châu Phi

Ngày 19 tháng 2 năm 2019, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn xác nhận dịch tả lợn Châu Phi đang bùng phát ở Việt Nam. Từ tháng 2 tới nay, dịch đã lan ra khắp cả nước và hơn 2 triệu con lợn bị tiêu hủy. Sự phức tạp của dịch bệnh và vấn đề kháng virus khiến dịch bệnh trở nên khó kiểm soát. Cho tới nay, bệnh dịch này không có vaccine phòng ngừa và không có cách điều trị, vì thế, cách duy nhất để ngăn chặn là tiêu hủy toàn bộ động vật nhiễm bệnh hoặc có tiếp xúc với dịch bệnh.

EuroCham và Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp & Thủy sản đang rất lo ngại về sự bùng phát của virus tả lợn khắp cả nước. Mặc dù virus này không lây qua người và không nhiễm bệnh lên người, nó gây tử vong cho lợn, đồng thời ảnh hưởng to lớn tới việc tiêu thụ và cung cấp thịt gia súc của Việt Nam. Ở cấp độ vĩ mô, việc bùng phát dịch có hậu quả nghiêm trọng tới thị trường thịt lợn và sinh kế của nông dân Việt Nam.

Kiến nghị: Chúng tôi khuyến khích Chính phủ, Bộ NN&PTNT, chính quyền địa phương, cùng các bên hữu quan phối hợp làm việc cùng cộng đồng doanh nghiệp chúng tôi để nâng cao nhận thức cho người dân, áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học, và thực hiện tất cả mọi biện pháp để giải quyết tình hình, bao gồm cả thời gian tạm dừng chăn nuôi.

3. Croplife Việt Nam

Ngành Nông nghiệp - Khoa học thực vật: Đảm bảo khả năng cạnh tranh của nông dân Việt Nam và đầu tư tương lai vào đổi mới nền nông nghiệp.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị hỗ trợ xuất khẩu bằng cách tăng cường hợp tác với các đối tác thương mại, cung cấp thông tin và kiến thức về bảo vệ thực vật cho cơ quan quản lý địa phương và nông dân để đảm bảo nông sản giá trị cao đạt được những tiêu chuẩn chất lượng cao nhất, và đáp ứng các yêu cầu về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu tối đa (MRL) để xuất khẩu.

Các công cụ bảo vệ thực vật cần được đánh giá thông qua một quá trình nhất quán, nghiêm ngặt về mặt khoa học, hài hòa với các phương pháp và tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Các đánh giá này cần được thực hiện bởi các chuyên gia khoa học và cần áp dụng một lộ trình phù hợp để có thể đánh giá toàn diện.

Nông dân Việt Nam cần được tạo điều kiện để tiếp cận các sản phẩm bảo vệ thực vật an toàn, được hỗ trợ bởi các chương trình tập huấn và đào tạo chất lượng cao. Điều này sẽ đảm bảo rằng nông dân có thể tiếp tục sản xuất lương thực an toàn, dinh dưỡng với giá thành hợp lý, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

Chúng tôi cũng kiến nghị đẩy mạnh hợp tác để phát triển các biện pháp phù hợp để xây dựng khung pháp lý có thể đoán định, dựa trên cơ sở khoa học cho kỹ thuật biến đổi gen. Điều này sẽ giúp Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển và nâng cao thu nhập của nông dân.

III. Phát triển nền du lịch bền vững tại Việt Nam

Chính sách visa

Kiến nghị: Để phát huy tối đa tiềm năng du lịch của Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ xem xét mở rộng chính sách thị thực, bao gồm: mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực, bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do bao gồm các nước thành viên Liên minh châu Âu, các đối tác thương mại hoặc đầu tư quan trọng và các thị trường mục tiêu của du lịch trong nước; kéo dài thời hạn chương trình miễn thị thực được công bố gần đây với thời hạn chương trình miễn thị thực mới là từ 1 năm đến 5 năm; kéo dài thời hạn miễn thị thực từ 15 ngày lên 30 ngày, nhanh chóng làm rõ các thủ tục và quy định về việc cho phép quay lại Việt Nam trong vòng 30 ngày đối với các du khách được miễn thị thực, cải thiện giao diện, tốc độ và thủ tục truy cập trang web cấp thị thực điện tử hiện nay. Điều này sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch khi cho phép du khách có thời gian lưu trú đủ dài để khám phá văn hóa và thắng cảnh của Việt Nam.

IV. Ngành dược – Tầm quan trọng của chất lượng và phát minh

1. Ngành Dược phẩm Phát minh (Pharma Group)

Pharma Group (PG) đại diện tiếng nói của ngành Dược phẩm phát minh tại Việt Nam. PG cùng 23 thành viên đều có cùng sứ mệnh: Đảm bảo người bệnh Việt Nam tiếp cận một cách nhanh chóng và bền vững các loại thuốc phát minh an toàn và có chất lượng cao. PG đánh giá rất cao các đối thoại thường xuyên với Bộ Y tế (BYT), cụ thể trong việc soạn thảo các văn bản quan trọng trong ngành Dược gần đây. Chúng tôi hoan nghênh các nỗ lực của BYT trong việc xây dựng các chính sách tăng cường khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh.

Chúng tôi tin tưởng vào tiềm năng để Việt Nam trở thành một trung tâm cho ngành dược phẩm phát minh trong khu vực ASEAN (bao gồm sản xuất, xuất khẩu và cung ứng các dịch vụ ý tế chất lượng). Việt Nam có rất nhiều lợi thế thu hút (thị trường trong nước thu hút đầu tư, ổn định về chính trị, nguồn nhân lực được đào tạo, là cửa khẩu vào ASEAN). Việt Nam mong muốn một cách rõ nét việc chuyển đổi từ sản xuất đến đổi mới sáng tạo, Nghiên cứu và Phát triển, Dịch vụ và Chăm sóc sức khỏe điện tử.

Ngành chăm sóc sức khỏe là một trong những ngành thúc đẩy đổi mới và sáng tạo chính. Các công ty dược phẩm nghiên cứu và phát triển (ngành dược phẩm phát minh) sẽ là những động lực thúc đẩy chính vì lý do chúng tôi đầu tư ít nhất 10% doanh thu toàn cầu cho việc Nghiên cứu và Phát triển. Các chuyển đổi trên có nhiều thách thức đồng thời gia tăng các cơ hội hợp tác Công – tư. Việt Nam đang có khả năng chuyển dịch lên một vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị của ngành khoa học đời sống so với một số nước khác trong khu vực ASEAN, và hiện tại là thời điểm để cân nhắc các giá trị mang lại của ngành cho Việt Nam.

a. Pháp nhân hoạt động: Yếu tố đảm bảo hoạt động lâu dài của các Công ty tại Việt Nam

Các Công ty Dược phẩm phát minh quan tâm đến các cơ hội để thành lập các pháp nhân hoạt động doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, để tiếp tục đầu tư và trở thành các đối tác lâu dài của Việt Nam. Chúng tôi chân thành cảm ơn Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan vì sự quan tâm và hỗ trợ dành cho các Công ty trong thời điểm các trao đổi về loại hình hoạt động, thời gian chuyển tiếp cụ thể đang tiếp diễn.

Ghi nhận các Công ty sẽ có những trao đổi riêng với cơ quan nhà nước liên quan đến các kế hoạch cụ thể, PG cam kết tiếp tục hỗ trợ ngành dược phẩm phát minh trên các nguyên tắc pháp lý rõ ràng, mang tính dự báo cũng như tạo điều kiện cho việc thực thi các trách nhiệm về an toàn, chất lượng cũng như hoạt động cảnh giác dược.

Khuyến nghị: Với mục tiêu tạo điều kiện trong việc thành lập pháp nhân đầu tư nước ngoài đồng thời đảm bảo các hoạt động đảm bảo an toàn và chất lượng thuốc, sẽ cần sự quan tâm và hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan.

b. Thông tư Đăng ký thuốc (Chứng nhận sản phẩm Dược CPP)

Chúng tôi hoan nghênh việc ban hành gần đây Thông tư quy định về việc đăng ký thuốc tại Việt Nam (Thông tư 32/2018 của Bộ Y tế), thông tư trong đợi sẽ giúp bệnh nhân tiếp cận các loại thuốc chất lượng cao nhanh hơn. Thông tư Đăng ký thuốc đồng thời sẽ tăng cường việc quản lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến thuốc giả và kém chất lượng cũng như các hồ sơ đăng ký giả. PG chia sẻ cũng như hoàn toàn ủng hộ mục tiêu của Bộ Y tế trong việc đảm bảo chất lượng cũng như truy xuất nguồn gốc của thuốc.

Nhằm đạt các mục tiêu trên, chúng tôi tin tưởng rằng các đối thoại cần tiếp diễn liên quan đến các yêu cầu mới liên quan đến Chứng nhận sản phẩm dược (CPP) mà có nguy cơ gây ra các tác động không mong muốn lên khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh cũng như làm gia tăng các gánh nặng về thủ tục hành chính.

Khuyến nghị

- Đầu tiên, các trao đổi chính thức giữa các cơ quan quản lý dược chặt chẽ và Bộ Y tế rất được mong đợi nhằm có các phản hồi chính thức liên quan đến tính khả thi của các yêu cầu mới về CPP của Việt Nam.
- Các trao đổi kỹ thuật giữa Bộ Y tế và cộng đồng doanh nghiệp (thuốc phát minh và thuốc phiên bản) nhằm tìm kiếm các giải pháp tốt nhất đảm bảo mục tiêu chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

c. Báo cáo về giá trị mang lại của ngành Dược phẩm phát minh

Ngành Dược phẩm phát minh tin tưởng tiềm năng của Việt Nam trong việc phát triển ngành khoa học đời sống và trở thành một trung tâm hàng đầu khu vực ASEAN về chăm sóc sức khỏe dựa trên chất lượng và phát minh. Để hỗ trợ tầm nhìn này, chúng tôi hoan nghênh tất cả các bên có liên quan cùng tham gia với Pharma Group trong việc xây dựng một báo cáo với mục tiêu làm rõ các giá trị về Kinh tế và Xã hội mà ngành Dược phẩm phát minh có thể đóng góp cho Việt Nam. Chúng tôi tin tưởng rằng đây là một điểm khởi đầu quan trọng nhằm hỗ trợ các đối thoại Công-tư về các chiến lược hướng tới tài chính Y tế bền vững và phát triển ngành khoa học đời sống phát minh, cho một Việt Nam mạnh khỏe và phồn vinh.

2. Trang thiết bị y tế và chẩn đoán

a. Vấn đề Xã hội hóa Trang thiết bị Y tế và Mô hình đặt máy tại các bệnh viện

Chủ trương xã hội hóa trang thiết bị y tế là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước Việt Nam nhằm có thêm nguồn lực chia sẻ với ngân sách nhà nước và giúp các bệnh viện có máy móc hiện đại nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh cho người dân. Theo thống kê của Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam (BHXH), có trên 3.420 máy được lắp đặt tại 59 tỉnh thành trên toàn quốc với nhiều hình thức xã hội hóa TTBYT khác nhau. Việc đưa các máy móc vào hoạt động giúp bệnh viện nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị và một số kỹ thuật y tế mới làm Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực.

Chúng tôi rất hoan nghênh việc chính phủ Việt Nam đã đưa vấn đề xã hội hóa y tế và mô hình đặt máy tại các bệnh viện vào buổi họp với các đại diện lãnh đạo các Bộ, Cơ quan Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ và Bảo hiểm xã hội Việt Nam; đại diện các Bộ: Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ vào ngày 19 tháng 4 năm 2018 và đề xuất xây dựng chính sách đầy mạnh xã hội hóa y tế để có căn cứ pháp lý triển khai thực hiện nhằm đảm bảo minh bạch, công khai và hài hòa lợi ích giữa cơ sở khám, chữa bệnh, người bệnh và quỹ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, các công ty Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán - thành viên của Eurocham nhận được rất nhiều phản hồi từ các đối tác trong nước về việc chưa thống nhất chính sách về mô hình đặt máy tại các bệnh viện công lập giữa các cơ quan quản lý bao gồm Bộ Y Tế, Bộ Tài Chính, Bảo Hiểm Xã Hội.

Chúng tôi rất quan ngại việc này sẽ làm gián đoạn tiến hành các xét nghiệm chuẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân, đặc biệt là các xét nghiệm nhanh quan trọng liên quan đến mạng sống của bệnh nhân hoặc chăm sóc sức khỏe ví dụ như sàng lọc máu, thu thập mẫu, phẫu thuật. Cùng với đó, các bệnh viện sẽ mất các cơ hội tiếp nhận các kỹ thuật xét nghiệm tiên tiến, hiện đại đã áp dụng tại các nước tiên tiến và tăng gánh nặng về mặt tài chính cho bệnh viện và nhà nước nếu phải đầu tư, mua máy và TTBYT. Về phía doanh nghiệp, vấn đề này gây khó khăn trong việc xử lý và bảo trì các máy đã đặt trước đây tại bệnh viện, các máy mới chuẩn bị đặt tại bệnh viện.

Kiến nghị: Chúng tôi kính mong Chính Phủ/ cơ quan quản lý nghiên cứu hình thức hợp tác công-tư đặc thù cho ngành y tế hiện nay và đưa ra các mô hình xã hội hóa đa dạng và phù hợp với thực tế, trong thời gian sớm nhất ban hành văn bản chính thức thống nhất giữa các bên liên quan (BYT, BTC, BHXH) về mô hình đặt máy tại bệnh viện cộng nhằm tạo hành lang pháp lý công khai và minh bạch, và tiến hành phổ biến các văn bản, huấn luyện các bên liên quan giúp các đơn vị thấu hiểu chính sách rõ ràng để thực hiện đúng và tuân thủ theo pháp luật.

b. Quy định về Thuế giá trị gia tăng đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu

Trang thiết bị y tế nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong ngành y tế Việt Nam. Năm 2016, tổng vốn đầu tư vào trang thiết bị y tế tại Việt Nam là 950 triệu đô la Mỹ. Đến năm 2017, con số này tăng lên 1,1 tỷ đô la Mỹ. Tăng trưởng đầu tư cho trang thiết bị y tế trung bình đạt 18% mỗi năm trong 5 năm gần đây. Trong đó, 90% trang thiết bị y tế được nhập khẩu từ các nước để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các bệnh viện, trong đó bệnh viện công lập chiếm 70% thị phần tiêu thụ.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, việc nhập khẩu trang thiết bị y tế đang gặp phải một số bất cập trong chính sách, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của ngành, trong đó phải kể đến vấn đề áp dụng thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu. Theo Điều 1.8 của Thông tư 26/2015/TT-BTC (Thông tư 26), Trang thiết bị y tế được hưởng thuế suất thuế GTGT

là 5% . Theo đó, các thiết bị, dụng cụ y tế và vật tư y tế chuyên dùng theo xác nhận của Bộ Y tế được hưởng mức thuế suất này.

Nghị định 36 quy định các sản phẩm hàng hóa đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 2 và được tổ chức phân loại trang thiết bị y tế hợp lệ phân loại thuộc một trong 4 loại A, B, C hoặc D thì được coi là trang thiết bị y tế. Sau khi được cấp số lưu hành, cơ sở mua bán trang thiết bị y tế được quyền nhập khẩu không hạn chế số lần, số lượng và không phải đề nghị Bộ Y tế cấp phép nhập khẩu hoặc xác nhận sản phẩm, hàng hóa đó là trang thiết bị y tế.

Tuy nhiên, hiện nay cơ quan Hải quan căn cứ vào Thông tư 26 đề yêu cầu các trang thiết bị y tế nhập khẩu phải có xác nhận của Bộ Y tế để được hưởng mức thuế suất thuế GTGT 5%. Lý do là cơ quan Hải quan không có căn cứ, cơ sở áp dụng Nghị định 36 và các văn bản hướng dẫn Nghị định này để áp dụng thuế GTGT 5% đối với dụng cụ, thiết bị chuyên dùng cho y tế.

Việc thiếu đồng bộ nhất quán trong thực thi quy định pháp luật liên quan đến nhập khẩu trang thiết bị y tế, đặc biệt là vấn đề thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng này đang gây khó khăn bất cập rất lớn cho doanh nghiệp nhập khẩu cũng như bệnh viện công lập từ nhiều tháng nay. Hiện nay, các doanh nghiệp nhập khẩu đang phải nộp thuế suất thuế GTGT 10% cho các mặt hàng nhập khẩu mà theo Nghị định 36 được định nghĩa là trang thiết bị y tế.

Kiến nghị: Chúng tôi trân trọng kính đề nghị Chính Phủ thống nhất trong việc thực hiện quản lý đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu giữa các Bộ ngành liên quan; đồng thời thống nhất việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu; và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu trong thời gian sớm nhất

V. Công nghệ Thông tin và Truyền thông

1. Sự phát triển của Công nghiệp 4.0 và Mạng 5G

Quyết tâm nắm bắt cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0 (Công nghiệp 4.0) của Chính phủ là một quyết định đem lại lợi ích cho cả Việt Nam và các doanh nghiệp châu Âu hoạt động tại Việt Nam. EuroCham và Tiểu ban CNTT&TT được thành lập nhằm mục đích hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đạt được mục tiêu chương trình hiện đại hóa tham vọng và tiến bộ. Để tăng năng suất và vị thế cạnh tranh cho đất nước, Chính phủ cần đẩy nhanh quá trình số hóa nền kinh tế và tiếp tục áp dụng các ứng dụng CNTT trong sản xuất cũng như trong các ngành công nghiệp khác. Để bắt đầu thích ứng với Công nghiệp 4.0, Chính phủ có thể phối hợp với các ngành nghề để triển khai các giải pháp mở rộng như quản lý vận hành, bảo trì dự đoán, tối ưu hóa hàng tồn kho, tiết kiệm năng lượng và truy xuất nguồn gốc.

Bên cạnh đó, hạ tầng mạng 4G, 5G và Mạng lưới vạn vật kết nối Internet (Internet of Things – IoT) sẽ góp phần phát triển các thành phố thông minh, sáng tạo, bền vững và an toàn. Theo ông Nguyễn Đức Chung, Cục trưởng Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, kế hoạch phát triển 5G tại Việt Nam được chia thành 3 giai đoạn: thử nghiệm (2019); hoạch định băng tần (2019-2020) và cấp phép triển khai 5G thương mại (2020).¹ Chúng tôi hoan nghênh việc thử nghiệm cuộc gọi 5G đầu tiên vào giữa tháng 5 năm 2019. Các doanh nghiệp châu Âu mong muốn được tiếp tục hợp tác chiến lược với các nhà mạng Việt Nam trong việc xây dựng mạng 4G và triển khai mạng 5G bắt đầu từ năm 2020, cũng như phát huy lợi thế của Công nghiệp 4.0.

¹ <http://vneconomy.vn/mo-hinh-nao-cho-phat-trien-5g-tai-viet-nam-20190329091705061.htm>

Cuối cùng, **chúng tôi mong muốn Chính phủ tiếp tục tiếp tục triển khai** các sáng kiến tích cực như Chính phủ điện tử, hợp lý hóa và hiện đại hóa các quy trình hành chính cho doanh nghiệp và người dân.

2. Phát triển CNTT&TT trong Giáo dục và Đào tạo

Trong khi nhu cầu nhân lực CNTT là rất lớn và các công ty thường trả lương cao cho các vị trí công việc CNTT, các trường đại học và cao đẳng gặp rất nhiều khó khăn trong việc tuyển đủ số lượng sinh viên cho các ngành đào tạo.² Thêm vào đó, Việt Nam hiện vẫn chưa có bất kỳ giáo trình và bộ kỹ năng đào tạo CNTT nào dựa trên các tiêu chí quốc tế giúp đáp ứng yêu cầu của các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ theo các mục tiêu đề ra trong Quyết định 1755 về phát triển ngành CNTT&TT.

Kiến nghị: Chính phủ cần hợp tác với các trường đại học danh tiếng ở nước ngoài, các hiệp hội trong nước và quốc tế trong ngành, nhằm xây dựng một chương trình học phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về kiểm tra kỹ năng chuyên môn ngành CNTT, và thiết kế một khóa học trình độ cơ bản. Điều này sẽ giúp tăng cường kỹ năng mềm, nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh, rèn luyện tư duy hướng đến kết quả cho đội ngũ nhân sự để có thể mang lại giá trị thực tế và kiến thức kỹ thuật khi làm việc cho các doanh nghiệp.

Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần đưa ra quy định bắt buộc sinh viên các trường đại học CNTT và các trường dạy nghề CNTT phải hoàn thành một khóa thực tập thực tế. Việc thực tập có thể thực hiện tại bất kỳ doanh nghiệp CNTT nào mà sinh viên lựa chọn trong vòng 6 đến 12 tháng như một phần bắt buộc trong chương trình học. Một khóa thực tập bắt buộc dài hơn so với bình thường tại các công ty CNTT sẽ tạo điều kiện cho các sinh viên có được những kinh nghiệm đầu tiên đầy đủ, thực tế và vận dụng được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm của mình trong môi trường quốc tế. Đồng thời, các công ty CNTT sẽ có cơ hội phát hiện và tuyển dụng được nhân tài vào các vị trí công việc trong tương lai, do đó, có thể giảm thiểu chi phí chung phát sinh từ việc đào tạo lao động mới.

Các trường đại học cần phối hợp chặt chẽ với ngành CNTT để nắm bắt được các xu hướng công nghệ và nhu cầu thực tế về công việc trong ngành đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Các chương trình đào tạo CNTT phải đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành và cần phản ánh thực tế rằng có đến 23 chuyên ngành trong lĩnh vực CNTT thay vì tập trung vào hai ngành nghề chính (kỹ sư phần mềm và kỹ thuật viên hỗ trợ CNTT).

VI. Nâng cao chính sách quản lý nguồn năng lực và tăng cường đào tạo

1. Sự thiếu nhất quán về thuế và Luật lao động: Bảo hiểm Xã hội cho người lao động nước ngoài

Theo Nghị định 11/2016/NĐ-CP, hình thức chuyển nội bộ được chấp nhận với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thuế không chấp nhận thu bổ nhiệm và nhấn mạnh rằng các văn phòng công ty Việt Nam phải ký hợp đồng lao động với người nước ngoài để khấu trừ các khoản chi phí nhân sự cho Thuế TNDN. Kết quả là, những người lao động này sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và y tế bắt buộc, gây tổn kém cho cả người lao động và bên sử dụng lao động. Các quy định hiện tại chỉ công nhận nhân viên chuyển từ công ty mẹ (ví dụ như nhà đầu tư trên giấy phép đăng ký) tới chi nhánh ở Việt Nam là chuyển nội bộ. Tuy nhiên, theo thông lệ quốc tế, nhân sự thường được phân bổ toàn cầu, tới các công ty liên kết

² <https://english.thesaigontimes.vn/55538/Vietnam-faces-severe-shortage-of-IT-manpower.html>

trên khắp thế giới để tận dụng nguồn nhân lực của tập đoàn, tùy thuộc vào yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Do thuyền chuyển từ công ty liên kết (không phải là công ty mẹ) không được coi là thuyền chuyển nội bộ, vì thế, người lao động và văn phòng tại Việt Nam được yêu cầu phải kí hợp đồng. Cùng với hợp đồng lao động, công ty gặp rủi ro, không chỉ với chi phí bảo hiểm xã hội bắt buộc, và mà cả thuế hợp đồng nước ngoài nếu một phần lương của người lao động được công ty liên kết trả và thu ngược lại của văn phòng ở Việt Nam.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ sửa đổi định nghĩa của “thuyền chuyển nội bộ” nhằm loại bỏ hạn chế việc phân bổ nguồn lực từ công ty mẹ để phản ánh đúng thực chất, và theo đúng sự phát triển của thị trường lao động quốc tế. Chúng tôi cũng đề nghị sửa đổi các quy định về Thuế TNDN để công nhận thu bổ nhiệm, là một tài liệu hợp pháp để hỗ trợ tính chi phí nhân sự.

2. Giáo dục và Đào tạo

Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang thay đổi thị trường lao động và các kỹ năng yêu cầu với nhân lực Việt Nam. Nhằm trang bị cho người lao động những kỹ năng cần thiết để hỗ trợ cho công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam, các giáo viên trong nước phải được đào tạo và phát triển với các phương pháp giáo dục quốc tế, hiện đại.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Chính phủ hợp tác với các cơ sở đào tạo tư nhân quốc tế, cung cấp các chương trình bồi dưỡng đào tạo giáo viên chuẩn quốc tế để tăng cường năng lực của giáo viên trong nước. Đồng thời chúng tôi khuyến khích đối thoại giữa các nhà giáo dục địa phương và doanh nghiệp để cùng đưa ra các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng.

VII. Sự tăng trưởng mạnh về kinh tế và việc phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải

1. Ngành công nghiệp ô tô

a. Biểu thuế nhập khẩu đối với linh kiện xe lắp ráp CKD

Nghị định 125/2017/NĐ-CP quy định biểu thuế ưu đãi 0% cho linh kiện ô tô nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước áp dụng cho nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu nhất định trong 5 năm từ năm 2018 đến năm 2022. Để đủ điều kiện tham gia chương trình ưu đãi thuế, sản lượng chung của nhóm sản phẩm và sản lượng riêng của mẫu xe cam kết nhất định phải ít nhất đạt mức sản lượng tối thiểu quy định. Tuy nhiên, hầu hết các nhà sản xuất ô tô tại Việt Nam đều không đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế này.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị rằng chương trình ưu đãi thuế nên được xây dựng sao cho công bằng và không phân biệt đối xử đối với tất cả những nhà sản xuất xe đã đầu tư vào Việt Nam, nghĩa là thuế nhập khẩu đối với linh kiện xe lắp ráp CKD nên được loại bỏ vô điều kiện, bất kể nhập khẩu từ đâu. Điều này sẽ thúc đẩy việc đa dạng hóa nhà cung cấp trên thị trường, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp ô tô.

b. Yêu cầu kiểm định đối với ngành kinh doanh ô tô

Đăng kiểm các phương tiện CBU nhập khẩu theo quy định Nghị định 116

Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam vẫn chưa phản hồi phần lớn các rào cản kỹ thuật ô tô đối với thương mại đã nêu ra tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam vừa qua và chúng tôi hy vọng sớm nhận được thông tin từ Bộ. Trái lại, dự thảo Thông tư mới nhất về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ

thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất và lắp ráp ô tô theo quy định tại Nghị định 116/2017/ND-CP (Nghị định 116) mà Việt Nam đã thông báo cho WTO cho thấy các rào cản kỹ thuật đối với thương mại vẫn đang tiếp diễn. Do thương mại quốc tế trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do là quan hệ song phương toàn cầu, chúng tôi kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) vui lòng có phản hồi chính thức các vấn đề về ô tô mà Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam nêu trong lần này. Quy trình đăng kiểm áp dụng cho cả CBU đang gây ra những trở ngại đối với thương mại liên quan đến vấn đề an toàn như tốn kém chi phí, mất nhiều thời gian, và không cần thiết. Quan điểm này đã được phản ánh đến cơ quan quản lý Việt Nam tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban liên hiệp EU-VN vào ngày 10/05/2019.

Kiến nghị: Nhằm giải quyết các bất cập nêu trên, chúng tôi đề xuất Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi Nghị định 116 và xem xét yêu cầu của ngành công nghiệp ô tô để hợp lý hóa các thủ tục kiểm định CBU, theo đúng tinh thần của Quyết định 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, trong đó nêu rõ quy trình kiểm tra cần theo hướng áp dụng quản lý trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Theo đó, chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe đối với tất cả các lô hàng thay vì áp dụng cho từng lô xe nhập khẩu. Chúng tôi cũng đề xuất việc kiểm tra mẫu ô tô đại diện này chỉ nên được thực hiện lần đầu tiên cho mỗi kiểu loại xe.

c. Đăng kiểm các phụ tùng, linh kiện liên quan đến an toàn theo Thông tư 41

Ngành công nghiệp ô tô đánh giá cao tất cả các điều chỉnh tích cực của Chính phủ nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại, do đó việc thực hiện lặp lại quy trình đăng kiểm rõ ràng là không cần thiết đối với tất cả các phụ tùng đã được lắp đặt sẵn trong tất cả các mẫu xe CBU đã được chứng nhận đăng kiểm bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam. Vì thế, chúng tôi kính đề xuất lại lần nữa việc hủy bỏ Thông tư 41/2018/TT-BGTVT của Bộ GTVT có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 hướng dẫn chi tiết Nghị định 74/2018/ND-CP (Thông tư 41) hoặc giới hạn đối tượng áp dụng cho các phụ tùng không được tích hợp sẵn trong các mẫu xe CBU đã được duyệt đăng kiểm bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam. Chúng tôi cũng đề xuất Cục Đăng kiểm Việt Nam chấp thuận mẫu giấy chứng nhận ECE cho các linh kiện dành cho mục đích dịch vụ và giấy xác nhận OEM cho các linh kiện dành cho mục đích dịch vụ của các mẫu xe không còn sản xuất.

Thông tư 41 quy định rằng xe và các linh kiện, phụ tùng an toàn (sử dụng cho mục đích sản xuất và dịch vụ) phải được chứng nhận và/hoặc khả năng tương thích với quy định kỹ thuật của chúng được công bố sau khi thông quan, nhưng trước khi được bán ra thị trường. Quy trình này được áp dụng trên cả sản phẩm sản xuất nội địa và nhập khẩu. Quy trình thử nghiệm Thông tư 41 vẫn chưa rõ ràng, nhưng các nhà nhập khẩu CBU vẫn phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý theo quy định tại Nghị định 116 trong việc tiến hành dịch vụ sửa chữa và bảo hành cho khách hàng tại Việt Nam. Thật vậy, toàn bộ lô hàng phụ tùng nhập khẩu bao gồm các phụ tùng, linh kiện chịu ảnh hưởng theo quy định của Thông tư 41 đều bị hoãn lại mà không có lý do, kéo theo sự chậm trễ và chi phí cho khách hàng Việt Nam. Trong khi đó, khách hàng đang có yêu cầu sửa chữa không thể chờ kiểm tra và đăng kiểm cho từng phụ tùng để phục hồi xe của mình. Giải pháp tạm thời cho phép nhập khẩu các phụ tùng để cung cấp cho các xe với cam kết sẽ phải thực hiện các yêu cầu thử nghiệm và đăng kiểm trong tương lai không phải là một giải pháp lâu dài. Mặc dù đã có yêu cầu sự giải thích chính thức từ Bộ Giao thông Vận tải, các nhà nhập khẩu CBU vẫn đang đối mặt nguy cơ ngày càng tăng trong việc không tuân thủ khi thử nghiệm và đăng kiểm được làm rõ hiệu lực hồi tố.

Chúng tôi tin rằng việc thực hiện lặp lại quy trình đăng kiểm đối với các phụ tùng, linh kiện tương tự nhau cũng sẽ không mang lại thêm sự an toàn cho các phương tiện tại Việt Nam, do đó không cần thiết áp dụng lại quy trình đăng kiểm cho tất cả các phụ tùng đã được lắp đặt sẵn trong tất cả các mẫu xe CBU đã có chứng nhận đăng kiểm bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam. Chúng tôi

kính mong bãi bỏ hoặc hạn chế áp dụng Thông tư 41 trên các phụ tùng, linh kiện không được tích hợp sẵn trong các mẫu xe CBU đã được duyệt đăng kiểm bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Kiến nghị: Nhằm giải quyết những bất cập nêu trên, chúng tôi đề xuất Bộ Giao thông Vận tải xem xét sửa đổi Thông tư 41 để bãi bỏ hoặc hạn chế áp dụng Thông tư 41 trên các phụ tùng, linh kiện không được tích hợp sẵn trong các mẫu xe CBU đã được duyệt đăng kiểm bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam.

d. Kiểm định linh kiện xe CKD

Trong quá trình thực hiện Nghị định 116, Bộ GTVT đã công bố dự thảo quy chế kiểm định đối với các sản phẩm CKD và linh kiện CKD, trong đó quy định việc kiểm định sẽ được thực hiện tại Việt Nam và báo cáo/giấy chứng nhận kiểm tra của ECE không còn được chấp nhận để được miễn kiểm định. Chúng tôi quan ngại rằng chi phí kiểm định và thời gian thực hiện cho các bộ phận được cung cấp Chứng nhận ECE, vốn là quy trình bắt buộc đối với toàn bộ việc chứng nhận xe, có thể tăng lên. Hơn nữa, yêu cầu mẫu kiểm định đặc biệt đối với kính (cần có một lỗ hồng trên mẫu và nhà cung cấp bộ phận của chúng tôi hầu như không cung cấp) + đèn pha công nghệ cao (cần có một mô-đun điều khiển để bật/tắt) là những thách thức lớn đối với kiểm định bộ phận.

Gián đoạn sản xuất là một rủi ro tiềm tàng nếu dự thảo quy định đã công bố được phê duyệt. Thực tế là, sự thay đổi nguồn cung phụ tùng có thể xảy ra trong quá trình sản xuất một mẫu xe nhất định và phải mất khoảng 6 tháng để chứng nhận cho bộ phận đó kể từ khi chúng tôi bắt đầu đặt hàng mẫu phụ tùng để kiểm định.

Việc thực hiện Nghị định 116 trong sản xuất xe CKD sẽ có hiệu lực vào ngày 17 tháng 4 năm 2019, tuy nhiên, thông tư hướng dẫn thực hiện vẫn chưa được ban hành. Thực tế là một số nhà sản xuất đã chủ động đăng ký chứng nhận tuân thủ theo yêu cầu của Nghị định 116. Dựa vào điều 21 trong dự thảo Thông tư đề cập bên trên, các hồ sơ chứng nhận, cho dù đáp ứng yêu cầu của Nghị định 116, cũng sẽ hết hạn sau 6 tháng kể từ ngày thông tư được ban hành, mặc dù Nghị định 116 cho phép thời hạn hiệu lực là 3 năm.

Kiến nghị: Bộ Giao thông Vận tải cần xem xét lại Nghị định 116 theo hướng chấp nhận giấy chứng nhận ECE cho linh kiện lắp ráp CKD. Điều này để tránh những chi phí không cần thiết và gánh nặng hành chính do kiểm định trùng lắp/kiểm toán COP. Ngoài ra, chúng tôi hy vọng Bộ Giao thông Vận tải xem xét dự thảo thông tư cho linh kiện CKD, chấp nhận thời hạn hiệu lực 3 năm cho các hồ sơ chứng nhận đã đáp ứng yêu cầu của Nghị định 116 và thông tư mới.

e. Xe điện tại Việt Nam

Tầng lớp trung lưu Việt Nam đang gia tăng, đô thị hóa ngày càng phát triển và người dân dần chuyển từ xe máy sang ô tô. Với hơn 50 triệu xe máy đang lưu hành nội địa, xe điện đã trở thành một giải pháp chiến lược nhằm phát triển khả năng di chuyển trong các thành phố thân thiện với môi trường. Xe điện bao gồm một chuỗi hoàn chỉnh của các đơn vị cung cấp và các dịch vụ liên kết từ việc cung cấp và phân phối động cơ; trạm sạc và giao diện sạc; bộ pin bao gồm sạc, tái chế và tiêu hủy. Về bản chất, sản xuất xe điện đắt hơn nhiều so với sản xuất xe chạy bằng xăng hoặc bằng dầu diesel. Do đó, ưu đãi thuế quyết định khả năng tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp đó.

Đến năm 2025, xe chạy bằng xăng và dầu diesel bị cấm ở Na Uy. Pháp đã soạn thảo một bộ luật tương tự có hiệu lực vào năm 2040. Tương lai của các phương tiện giao thông ở Việt Nam cũng sẽ là điện. Chi phí đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ khá lớn nhưng tầm nhìn ngày nay đối với các tiêu

chuẩn về điện và ưu đãi thuế sắp tới, bao gồm cả định nghĩa và thuế suất nhập khẩu đối với xe điện, vẫn chưa rõ ràng. Thiết lập các quy trình và tiêu chuẩn cho Xe điện (EV) và Xe điện lai sạc điện (PHEV) sẽ mở đường cho phương tiện di chuyển bằng điện trong tương lai với sự tự tin hoàn toàn cho khách hàng Việt Nam cũng như tạo ra một sân chơi xứng tầm nhằm đảm bảo công bằng đối với tất cả các công nghệ trong thị trường ô tô.

Thế giới hiện đang phân chia giữa một vài tiêu chuẩn phích cắm sạc mang tính cạnh tranh khác nhau theo từng khu vực. Điều cần thiết là phải điều chỉnh tiêu chuẩn phích cắm sạc để hài hòa với các nước Singapore, Malaysia và thậm chí cả khu vực ASEAN nhằm tránh các tiêu chuẩn khác nhau áp dụng tại các quốc gia khác nhau. Hơn nữa, định hướng điều chỉnh đồng nhất các tiêu chuẩn có thể làm gia tăng hoạt động kinh doanh xuất khẩu từ VN sang các nước khác trong khối ASEAN (FTA nội khối ASEAN FTA) và cũng mang lại các tác động tích cực đến FDI cũng như tạo việc làm. Chuẩn bị và lập kế hoạch trước rất quan trọng trong việc xây dựng hiệu quả cơ sở hạ tầng sạc điện công cộng tại Việt Nam nhằm mang lại khả năng tiếp cận di động ngang tầm với các công nghệ truyền thống.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị **Bộ Tài chính** làm rõ định nghĩa tài chính và Mã HS cho từng định nghĩa ô tô - Xe điện chạy bằng pin (BEV), Xe điện lai sạc điện (PHEV), Xe điện có thể kéo dài quãng đường di chuyển (EREV) và Xe chạy bằng pin nhiên liệu (FCV) – định nghĩa áp dụng chính xác từng loại xe. Nhằm giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm không khí, tạo điều kiện cho quá trình chuyển đổi sang xe điện ở các thành phố lớn tại Việt Nam, **Bộ Tài chính** cần đưa ra mức thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt hấp dẫn đối với xe điện nhập khẩu nguyên chiếc và xe điện lắp ráp nội địa.

Nhằm thực thi các tiêu chuẩn quốc gia về thiết bị sạc và cải thiện việc chấp thuận sạc EV tại Việt Nam, chúng tôi cũng kính mong **Bộ Giao thông Vận tải** chỉ định một trong hai triển tiêu chuẩn chính IEC32 là tiêu chuẩn bắt buộc đối với Việt Nam (IEC loại 1 hoặc IEC loại 2) và thu hút các nhà sản xuất và nhập khẩu ô tô có quan tâm đóng góp cho các cuộc thảo luận công khai và công bằng liên quan đến việc thiết lập các thiết kế tiêu chuẩn và hướng dẫn đối với các biển báo sạc EV và bãi đỗ xe EV là cần thiết nhằm tạo một môi trường hiệu quả trong việc ứng dụng EV, xây dựng cơ sở hạ tầng điện và trạm sạc phù hợp sẽ được lắp đặt trong các bãi đỗ xe, nhận dạng và khuyến khích các tòa nhà thân thiện với môi trường sẵn sàng lắp đặt sạc EV.

2. Ngành công nghiệp xe máy

a. Xem xét lại việc cấm xe máy tại các thành phố lớn đến hết 2030

Đã có những đề xuất về việc giới hạn và cấm xe máy tại các thành phố lớn ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Hướng tiếp cận này không được xem là giải pháp hiệu quả để cải thiện tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tai nạn giao thông tại các thành phố lớn, và có thể tạo ra nhiều khó khăn, bất tiện cho người dân ở khu vực thành thị. Quy định cấm được đề xuất cũng có thể gây thách thức lớn cho ngành sản xuất xe máy, vốn đã đầu tư dài hạn vào Việt Nam nhằm phát triển thị trường trong nước và quốc tế, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Kiến nghị: Cơ quan quản lý địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn, đồng thời xét đến nhu cầu của người dân nhằm đề xuất quy hoạch tổng thể khả thi, giảm thiểu tối đa tác động đến đời sống hàng ngày và công việc của người dân và tránh hệ quả tiêu cực về kinh tế. Một trong những biện pháp có thể được thực hiện ngay lập tức để cải thiện tình hình là tập trung quản lý hoặc cấm xe máy cũ, vốn là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí.

Ngoài ra, các chương trình đào tạo, nâng cao ý thức của người dân về chấp hành quy định và an toàn giao thông cũng cần được triển khai.

Trong dài hạn, chúng tôi đề xuất cơ quan quản lý thực hiện nghiên cứu, tham khảo và áp dụng thông lệ tốt nhất từ các quốc gia khác, nơi mà hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng giao thông tiên tiến được sử dụng kết hợp hiệu quả với xe máy bằng cách áp dụng biện pháp khu vực hạn chế giao thông.

b. Quản lý nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

Quy trình quản lý hiện hành cho linh kiện nhập khẩu còn nhiều phức tạp vì yêu cầu quản lý tách biệt dựa trên mục đích sử dụng của linh kiện, nghĩa là nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu (mã E31) hoặc nhập khẩu vì mục đích thương mại (mã A12). Yêu cầu quản lý này nhằm phục vụ cho việc thu thuế và hoàn thuế. Do việc nhập khẩu được thực hiện dựa trên kế hoạch sản xuất và trên thực tế, kế hoạch sản xuất luôn thay đổi tùy theo hoạt động sản xuất thực tế, sẽ luôn có những thay đổi về mục đích sử dụng của linh kiện nhập khẩu.

Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các giai đoạn để theo dõi các nguồn nhập khẩu nhằm tuân thủ quy định pháp luật về quản lý cho mục đích hạch toán theo từng loại hình nhập khẩu và khai báo kịp thời sự thay đổi mục đích sử dụng và nộp thuế cho E31, điều này dẫn đến rất nhiều rủi ro. Nếu muốn tránh rủi ro, doanh nghiệp phải nhập tất cả dưới dạng A12 chịu thuế, sau đó yêu cầu hoàn thuế, làm tăng đáng kể gánh nặng về dòng tiền/khối lượng công việc/chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Kiến nghị: Chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét nghiên cứu sửa đổi các quy định hải quan hiện hành để cho phép đơn giản hóa quy trình quản lý cho các doanh nghiệp nhập khẩu cả E31 và A12. Một cơ chế thuận lợi cho việc khai báo hải quan và đối chiếu, đặc biệt trong bối cảnh sản xuất phức tạp, là rất cần thiết. Điều này rất quan trọng để khuyến khích xuất khẩu và phù hợp với chính sách gần đây của Chính phủ Việt Nam về cải cách thủ tục hành chính/thuế.

c. Bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT)

Chúng tôi quan ngại rằng các sản phẩm xe máy cao cấp của các công ty xe máy đang bị làm nhái. Một số công ty đang kinh doanh các sản phẩm với hình thức giống các sản phẩm của các thương hiệu tên tuổi và khiến người dân nhầm lẫn với sản phẩm chính hãng. Trong nhiều trường hợp, nhà sản xuất các sản phẩm nhái không sao chép hoàn toàn mà thực hiện một số thay đổi nhỏ trong trang trí sản phẩm. Điều này gây khó khăn cho các chủ sở hữu quyền SHTT trong quá trình bảo hộ quyền SHTT do hiện tại ở Việt Nam chỉ có một trung tâm đánh giá là Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPRI) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN) để đánh giá và xác định liệu sản phẩm nhái có sự khác biệt đáng kể so với sản phẩm chính hãng hay không. Kết quả đánh giá này đóng vai trò rất quan trọng vì nó sẽ được xem là bằng chứng để khiếu nại ra tòa. Tuy nhiên, đôi khi kết quả đánh giá của VIPRI không hợp lý và chủ sở hữu quyền SHTT cũng khó có thể phản đối. Nếu không có kết quả tích cực từ trung tâm đánh giá, chủ sở hữu quyền SHTT dường như không thể bảo vệ và/hoặc thực thi quyền SHTT của họ tại Việt Nam thì việc đăng ký quyền SHTT dường như là vô nghĩa.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị rằng Chính phủ cần thành lập thêm nhiều trung tâm độc lập để thẩm định, xác định dấu hiệu vi phạm SHTT trong các vụ việc tranh chấp liên quan đến quyền SHTT; các cơ quan hữu quan khác liên quan đến SHTT cũng cần được ủy quyền để lên tiếng mạnh mẽ hơn về các vấn đề SHTT. Ngoài ra, cần áp dụng cơ chế cho phép chủ sở hữu trí tuệ phản biện các đánh giá của VIPRI, cũng như thành lập các tòa án chuyên trách để xử lý các vấn

đề về SHTT. Sự hợp tác giữa các tổ chức thực thi bảo hộ quyền SHTT và cơ quan hữu quan cũng cần được tăng cường

3. Vận tải và Hậu cần

a. Hạ tầng giao thông tại Việt Nam

Việt Nam có tiềm năng lớn cùng với một vị trí địa lý lý tưởng để tận dụng nguồn vốn đầu tư và cải thiện hơn nữa hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm xác định vị thế của Việt Nam là một trung tâm vận tải mới của ASEAN.

Việc ban hành các Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông và Quyết định số 708/QĐ-BCT của Bộ Công thương phê duyệt Kế hoạch cải thiện chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam, Chính phủ đã cho thấy quyết tâm trong công cuộc cải thiện cơ sở hạ tầng vận tải hậu cần của đất nước. Chúng tôi muốn đóng góp ý kiến về những vấn đề trọng tâm, cần được nhanh chóng tập trung đầu tư, giải quyết, như sau:

- Phương thức vận hành cũng như phương thức quản lý của hệ thống đường cao tốc vẫn chưa thực sự hiệu quả để tối đa hóa hiệu quả sử dụng và chưa thật sự giảm bớt vấn đề tắc nghẽn giao thông trên các tuyến đường phụ/thay thế. Vai trò giám sát của Chính phủ cần được nhân mạnh để không chỉ đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo sự an toàn và tính bền vững của các công trình này.
- Việc đa dạng hóa các phương thức vận tải – ví dụ như đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không – và mức độ kết nối của các phương thức này đóng vai trò quan trọng trong việc giải phóng áp lực cho giao thông đường bộ. Sự tương quan giữa quy hoạch hạ tầng giao thông và quy hoạch các khu chế xuất/khu phân phối mới cần được nghiên cứu kỹ lưỡng ở cấp liên Bộ để đảm bảo tối ưu hóa công năng sử dụng trong tương lai.
- Trong dài hạn, Chính phủ cần xem xét áp dụng các công nghệ mới cho hạ tầng giao thông, ví dụ như Blockchain, e-DO (lệnh giao hàng điện tử) cho các lô hàng lẻ (LCL), cảng điện tử, phí điện tử, v.v. Trong ngắn và trung hạn, lý tưởng nhất là đến cuối năm 2019, quá trình đồng bộ và tích hợp các thủ tục vào Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN của tất cả các Bộ ngành liên quan cần được hoàn thành.

b. Chính sách và quy trình hải quan

Trị giá tính thuế hải quan

Quy định quá trình xác minh cơ sở tham vấn giá, cơ sở bác bỏ trị giá khai báo hải quan được thực hiện ngay tại thời điểm thông quan với hải quan cửa khẩu yêu cầu người kê khai hàng hóa nhập khẩu phải chứng minh với Hải quan Cửa khẩu rằng họ đủ điều kiện áp dụng phương pháp Trị giá giao dịch bằng cách xuất trình chứng từ theo quy định trong Thông tư. Việc xuất trình các chứng từ này ngay tại cửa khẩu là không thực tế để thực hiện. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, trị giá hải quan khi bị từ chối bởi Hải quan cửa khẩu vẫn chưa có được sự giải thích rõ ràng và/hoặc các bằng chứng cụ thể từ cơ quan Hải quan. Điều này tạo ra rào cản để thành lập một cơ chế tham vấn giá cởi mở và được ghi nhận lại một cách chính thức.

Kiến nghị: Chúng tôi đề xuất cơ quan quản lý cần quy định rõ các loại tài liệu nào cần được kê khai trong quy trình tham vấn giá để hỗ trợ việc chứng minh trị giá giao dịch. Ngoài ra, công chức Hải quan chỉ có thể bác bỏ Trị giá Giao dịch khi có căn cứ rõ ràng, được ghi chép và thông báo chính thức cho người kê khai.

Phân loại mã HS

Các nhà nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam bị ảnh hưởng đặc biệt bởi những thay đổi đối với mã HS, dẫn đến tăng nghĩa vụ thuế phải nộp của doanh nghiệp. Các khoản truy thu áp dụng hồi tố (bao gồm thuế, lãi chậm trả và tiền phạt) thường bị lùi 5 năm. Sự khác biệt lớn giữa ý kiến phân loại của Hải quan Việt Nam so với các mã HS được Hải quan tại các nước xuất khẩu chấp nhận trên Giấy Chứng nhận Xuất xứ được cấp và chấp nhận ở nước xuất khẩu cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình nhập khẩu.

Kiến nghị: Chúng tôi đề nghị cơ quan Hải quan cần công bố trên trang thông tin chính thức của mình tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp (được ban hành trong vòng 5 năm gần nhất) cũng như tích hợp một công cụ tìm kiếm hiệu quả để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tra cứu thông tin. Trong trường hợp Hải quan thay đổi ý kiến về mã HS áp dụng cho sản phẩm, quyết định này phải được thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do/căn cứ thay đổi ý kiến, cũng như không áp dụng hồi tố.

Liên quan đến việc xác minh Giấy chứng nhận xuất xứ, chúng tôi đề xuất rằng sự khác biệt về mã HS, bất kể ở cấp độ chữ số nào, không phải là cơ sở để Hải quan từ chối giấy Chứng nhận xuất xứ, trừ khi có bằng chứng rõ ràng thể hiện hàng hóa trên Giấy Chứng nhận Xuất xứ và hàng hóa xuất trình khi nhập khẩu là hoàn toàn khác nhau.

Một vấn đề khác là hầu hết các hãng tàu đang gặp khó khăn để tuân thủ yêu cầu của Hải quan Việt Nam về việc khai mã HS 8 chữ số khi nhập khẩu phế liệu. Theo các tiêu chuẩn quốc tế / các thực hành giao thương thông thường, đối với phế liệu, chỉ có mã HS 4 chữ số hoặc 6 chữ số được áp dụng.

Chúng tôi đề xuất cơ quan Hải quan áp dụng các tiêu chuẩn của ngành (mà EuroCham và các thành viên đại diện cho các hãng tàu rất sẵn lòng đề xuất) và chỉ yêu cầu khai tối đa mã HS gồm 6 chữ số cho phế liệu nhập khẩu.

Hàng hóa sản xuất/gia công xuất khẩu tại chỗ

Chúng tôi hiểu rằng cả Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan đều đồng tình rằng Nghị định 134 chưa cung cấp các hướng dẫn cụ thể về việc xử lý thuế hải quan đối với hàng hóa được giao dịch theo mô hình xuất nhập khẩu tại chỗ. Chúng tôi hoan nghênh việc Bộ Tài chính đã bao gồm trong Dự thảo sửa đổi Nghị định 134 đề xuất lên Chính phủ việc cho phép miễn thuế nhập khẩu (hoặc hoàn thuế nhập khẩu) đối với các nguyên vật liệu được nhập khẩu để sản xuất/ gia công hàng theo mô hình xuất nhập khẩu tại chỗ. **Chúng tôi đề nghị rằng** Nghị định mới khi được ban hành cần kèm theo một hướng dẫn rõ ràng từ cơ quan quản lý rằng cách hiểu khái niệm “xuất khẩu” bao gồm cả xuất khẩu tại chỗ sẽ được áp dụng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu được thực hiện theo hình thức xuất, nhập khẩu tại chỗ kể từ tháng 9 năm 2016.

VIII. Rượu vang và Rượu mạnh

1. Cải cách Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Một chính sách thuế minh bạch, có thể dự đoán trước là rất quan trọng trong việc lên kế hoạch và phát triển kinh doanh một các bền vững đối với bất kỳ ngành hàng nào trong đó có ngành hàng rượu vang và rượu mạnh. Ngành hàng rượu vang và rượu mạnh Châu Âu đã phải chịu tác động đáng kể từ những đợt cải cách liên tiếp về Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) về tăng thuế suất theo giá trị và thay đổi giá tính thuế theo giá nhà nhập khẩu bán ra bắt đầu từ năm 2016. Chẳng hạn, việc tăng thuế từ 50% trên giá nhập khẩu (CIF) lên 55% đối với rượu mạnh theo giá nhà nhập khẩu bán ra từ tháng 1 năm 2016 đã làm gánh nặng thuế đối với các nhà nhập khẩu tăng hơn gấp đôi trong một số trường hợp.

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh rất quan tâm tới những thay đổi về thuế TTĐB trong tương lai cũng như việc xem xét của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng thuế TTĐB thông qua cơ chế đặc biệt. Mặc dù những đề xuất về thuế TTĐB chưa rõ ràng tại thời điểm này nhưng chúng tôi mong muốn được nêu ý kiến là hiện nay tổng gánh nặng về thuế đối với rượu nhập khẩu vào Việt Nam đang ở mức rất cao trong khu vực, và cao hơn rất nhiều một số thị trường láng giềng như Campuchia và Trung Quốc. Việc tiếp tục xem xét tăng thuế suất dựa trên giá bán ra của nhà nhập khẩu sẽ có thể làm gia tăng các hoạt động buôn lậu và cuối cùng lại làm giảm nguồn thu thuế. Lo ngại thực tế là các sản phẩm bán với giá cao do gánh nặng thuế và sự sẵn có của những sản phẩm giá rẻ, không rõ nguồn gốc xuất xứ trên thị trường sẽ gây tác động tiêu cực tới ngành du lịch dịch vụ cũng như sức khỏe nhân dân.

Kiến nghị: Chúng tôi ghi nhận cam kết của Chính phủ trong việc cân bằng giữa nhu cầu phát triển, tác động cộng đồng doanh nghiệp và mục tiêu hỗ trợ nền kinh tế bền vững. Chúng tôi đánh giá cao việc Chính phủ lưu tâm tới điều này và chúng tôi sẽ đề nghị Chính phủ tận dụng cơ hội này để hỗ trợ việc chính thức hóa thị trường rượu năm ngoài kiểm soát (khoảng 75% tổng thị trường rượu tại Việt Nam). Chúng tôi mong muốn được tham vấn với thời gian hợp lý để mọi đối tượng và các ngành hàng chịu tác động được chia sẻ sự quan tâm và đóng góp ý kiến vào bất kỳ đề xuất cải cách thuế nào. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh sẵn sàng tích cực tham gia với Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan khác để trao đổi và đánh giá các phương án khác nhau về chính sách thuế áp dụng đối với đồ uống có cồn nhằm đạt được các mục tiêu về tài chính và sức khỏe cộng đồng.

2. Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA)

Ngành hàng rượu vang và rượu mạnh Châu Âu rất ủng hộ một Hiệp định thương mại tự do đầy tham vọng ngay từ những ngày đầu và mong đợi Hiệp định sẽ đem lại lợi ích cho việc mở cửa thị trường của các bên. EVFTA dự kiến sẽ loại bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với sản phẩm rượu sau 7 năm. Lộ trình giảm thuế nhập khẩu sẽ được áp dụng tương tự đối với hàng hóa vận chuyển trực tiếp từ EU tới VN hoặc hàng hóa được trung chuyển và bảo quản qua một nước thứ 3 miễn là đáp ứng các nguyên tắc xuất xứ “Không thay đổi”. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn **được tham vấn với các cơ quan hữu quan trong quá trình soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan** để thực hiện hiệp định, chia sẻ mối quan tâm và kinh nghiệm của chúng tôi, để làm rõ các yêu cầu về thủ tục và chứng từ liên quan đến cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và đảm bảo thực thi hiệu quả kể từ ngày EVFTA có hiệu lực.

3. Dự thảo Luật phòng chống tác hại rượu bia

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh ủng hộ Quốc Hội Việt Nam thông qua Dự luật dựa trên quá trình tham vấn kỹ càng và công khai với nhân dân và ngay tại Quốc Hội. Chúng tôi tin rằng một chính sách đảm bảo tính công bằng, cân bằng và không có sự phân biệt sẽ giúp cho việc thực thi hiệu quả, giảm việc lạm dụng đồ uống có cồn tại Việt Nam, trong khi vẫn có thể bảo vệ được nguồn thu của Chính phủ, tự do thương mại và các hoạt động kinh tế. Chúng tôi lưu tâm tới đề xuất cấm bán rượu bia trên internet đã được dỡ bỏ và thay thế bằng các điều kiện để đáp ứng thương mại điện tử tại Bản dự thảo được chia sẻ tại Hội thảo của Ủy ban các vấn đề xã hội được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/4/2019. Điều này phù hợp với xu thế thương mại điện tử quốc tế và các chính sách của Chính phủ để khuyến khích phát triển công nghệ. Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện tốt các quy định khi Dự luật được thông qua. Chúng tôi tin rằng việc thực thi tốt quy định về điều kiện thương mại điện tử sẽ giúp quản lý tốt hơn các hoạt động liên quan như giấy phép, tuân thủ quy định về thuế, không bán rượu bia cho trẻ vị thành niên v.v.

IX. Các chính sách và quy định về Thuế

1. Quy định về giảm Thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”) cho cá nhân làm việc trong Khu kinh tế

Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ³ bãi bỏ quy định về giảm 50% thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân làm việc trong Khu kinh tế. Việc dỡ bỏ quy định giảm thuế như trên dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập thực nhận của cá nhân và/hoặc chi phí nhân công cũng như lợi nhuận thuần của doanh nghiệp; gây ra khó khăn trong việc thu hút nhân tài cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế; tạo ra sự quan ngại cho nhà đầu tư về vấn đề bảo đầu tư của Chính phủ, sự nhất quán và minh bạch trong chính sách; tạo nên tâm lý hoang mang cho nhà đầu tư tiềm năng về định hướng phát triển các địa bàn ưu tiên thu hút đầu tư của Chính phủ.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 82 với nội dung giảm thuế TNCN cho cá nhân làm việc trong Khu kinh tế nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động đã và đang làm việc trong Khu kinh tế cũng như lợi ích của nhà đầu tư đã và đang đầu tư vào Khu kinh tế.

2. Hoàn Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)

Do đặc thù của hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp, phần lớn nguyên liệu mua đầu vào dùng cho mục đích sản xuất chịu mức thuế GTGT 10%, trong khi phần lớn các sản phẩm bán ra lại chịu mức thuế GTGT 0% hoặc 5%. Vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất luôn gặp tình trạng phát sinh số thuế GTGT không được khấu trừ hết qua các tháng trong năm bởi sự chênh lệch thuế GTGT giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm bán ra nêu trên.

Theo các quy định trong Thông tư số 130/2016/TT-BTC⁴ (Thông tư 130) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC⁵ (Thông tư 2”), nếu một công ty không thể thực hiện hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng, còn doanh thu hàng hóa bán ra nội địa lại được khấu trừ thì dòng tiền của công ty sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này dẫn tới hiệu quả sử dụng vốn thấp và gây thiệt hại lớn cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

Thông tư 130 và Thông tư 25 được ban hành nhằm cụ thể hóa các chính sách của Quốc hội và Chính phủ về quản lý công tác hoàn thuế GTGT. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy việc ban hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP, Thông tư 130 và Thông tư 25 chưa bao quát toàn bộ tác động và ảnh hưởng của các quy định mới về thuế lên doanh nghiệp có hoạt động sản xuất đặc thù mà thuế suất thuế GTGT đầu vào cao hơn thuế suất thuế GTGT đầu ra, ví dụ như các doanh nghiệp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

Kiến nghị: Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính (BTC) và Tổng cục Thuế (TCT) bổ sung các quy định, cân nhắc đầy đủ tác động và ảnh hưởng của việc áp dụng các quy định mới về hoàn thuế GTGT theo Thông tư 130 và Thông tư 25 đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh đặc thù (ví dụ, doanh nghiệp có sự chênh lệch giữa thuế suất thuế GTGT đầu vào và thuế suất thuế GTGT đầu ra). Theo đây, chúng tôi kiến nghị cho phép doanh nghiệp tiếp tục thực hiện hoàn thuế theo diện lũy kế sau 12 tháng tính từ tháng đầu tiên thuế GTGT không được khấu trừ hết, kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 và đối với các hoạt động xuất khẩu, bán hàng mà doanh thu chịu

³ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế

⁴ Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế

⁵ Nghị định số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính.

mức thuế GTGT 5%. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp chỉ không được hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng với hoạt động bán hàng mà doanh thu chịu mức thuế GTGT đầu ra 10%.

BÁO CÁO CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
Các Thành viên Liên kết
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Các Thành viên Liên kết của Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“VBF”) gồm có Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore, Hiệp hội Doanh nghiệp Úc, Hiệp hội Doanh nghiệp Thụy Sĩ, Hiệp hội Thương mại Đài Loan tại Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Thái Lan tại Việt Nam, Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội, Hiệp Hội Doanh Nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam, và Hiệp hội Doanh nghiệp Hồng Kông tại Việt Nam. Cảm ơn quý vị đã cho chúng tôi cơ hội trình bày quan điểm của mình tại diễn đàn VBF giữa kỳ. Chúng tôi đã lập danh sách các vấn đề mà chúng tôi tin là rất quan trọng để tạo nên môi trường kinh doanh có chất lượng tốt tại Việt Nam, và chúng tôi mong muốn được làm việc cùng nhau để giải quyết các vấn đề này.

1. Chuẩn bị cho sự phát triển Công nghiệp 4.0 và Thành phố thông minh

Chính phủ nhận thấy vai trò quan trọng của công nghệ, thể hiện qua những nỗ lực của Chính phủ trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 và Thành phố thông minh. Tuy nhiên, để bắt kịp sự thay đổi của công nghệ và chuẩn bị cho Việt Nam trước giai đoạn Công nghiệp 4.0 và Thành phố thông minh, Việt Nam phải có cơ sở hạ tầng trọng yếu, luật pháp và các chính sách có lợi để thúc đẩy tiến bộ công nghệ một cách bền vững. Cụ thể:

- **Phát triển cơ sở hạ tầng/công nghệ:** Việc phát triển cơ sở hạ tầng, bao gồm CNTT và giao thông, rất quan trọng cho sự phát triển của Thành phố thông minh và Công nghiệp 4.0. Hiện tại, đường sá và hệ thống giao thông công cộng tại Việt Nam đang gặp khó khăn để bắt kịp nhu cầu sử dụng và nếu không có những thay đổi đáng kể, thì nhu cầu sử dụng sẽ tiếp tục vượt xa nguồn cung khi nền kinh tế Việt Nam phát triển. Việc phát triển một hệ thống giao thông mạnh mẽ cũng là điều cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế/dân số.
- **Chuyên giao công nghệ:** Luật Chuyên giao công nghệ và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP yêu cầu các thỏa thuận chuyên giao công nghệ trong và ngoài nước phải được đăng ký. Yêu cầu đăng ký này đặt ra gánh nặng hành chính và tài chính cho doanh nghiệp. Yêu cầu đăng ký như trên là một rủi ro tiềm ẩn đối với an ninh và bảo vệ bí mật kinh doanh và/hoặc bất kỳ thông tin bí mật nào khác liên quan đến công nghệ được chuyên giao. Sau cùng, yêu cầu đăng ký có thể gây trở ngại cho việc chuyên giao và đầu tư vào công nghệ cao.
- **Công nghệ mới và sáng tạo:** Công nghệ mang tính mới và sáng tạo là rất quan trọng đối với việc tăng trưởng kinh tế liên tục. Ví dụ, công nghệ tài chính là một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng và dự kiến sẽ góp phần đáng kể vào tăng trưởng GDP toàn cầu. Tuy nhiên, các nhà đầu tư (trong và ngoài nước) khi tìm cách thành lập doanh nghiệp công nghệ tài chính tại Việt Nam lại liên tục gặp phải một số trở ngại vì có rất ít hướng dẫn pháp lý và việc cấp giấy phép dựa trên quyền tự quyết của cơ quan nhà nước. Chúng tôi biết được thông tin cho rằng Chính phủ đang xem xét giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các công ty công nghệ tài chính như dịch vụ thanh toán trung gian. Chúng tôi hoàn toàn không ủng hộ điều này vì chính sách như vậy sẽ gây bất lợi cho sự phát triển công nghệ tài chính tại Việt Nam. Nhiều dịch vụ công nghệ tài chính phụ thuộc rất nhiều vào việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) và dữ liệu lớn - là những công nghệ được phát triển bởi các công ty nước ngoài. Tương tự, sự thiếu rõ ràng về yêu cầu nội địa hóa dữ liệu và yêu cầu có pháp nhân trong nước theo Luật An ninh mạng tạo ra sự không chắc chắn và nhiều biến động hơn cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực kỹ thuật số/công nghệ.

- **Luật An ninh mạng:** Luật An ninh mạng bao gồm cả các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu trong nước và thiết lập sự hiện diện trong nước tại Việt Nam. Chúng tôi lo ngại rằng những yêu cầu này sẽ dẫn đến tác hại nghiêm trọng về mặt kinh tế cho nền kinh tế Việt Nam do việc hạn chế luồng dữ liệu lưu thông tự do, là cơ sở xây dựng nền kinh tế kỹ thuật số toàn cầu. Những yêu cầu này không chỉ khiến khả năng kết nối trở nên kém hơn, mà còn làm suy yếu khả năng tồn tại và độ tin cậy của các dịch vụ dựa trên đám mây trong một số ngành công nghiệp. Cuối cùng, những yêu cầu như thế có thể cản trở sự chuyển đổi của Việt Nam thành một nền kinh tế kỹ thuật số hàng đầu và thực hiện các sáng kiến như Thành phố thông minh và Công nghiệp 4.0.
- **Ưu đãi về thuế cho các doanh nghiệp khởi nghiệp:** Các doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp trẻ là nơi khởi nguồn của nhiều công nghệ mới và sáng tạo. Mặc dù Việt Nam có mức thuế suất ưu đãi (tức là ưu đãi thuế TNDN) dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao, song các doanh nghiệp chỉ có thể được hưởng thuế ưu đãi nếu những họ đáp ứng được một số yêu cầu theo luật định và được cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ Cao. Quá trình để có được Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ Cao khá phức tạp và phải được thẩm định bởi các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp không có đủ nguồn lực để hoàn thành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ Cao để được hưởng mức thuế suất ưu đãi.

Những hạng mục đề cập ở trên mở ra cơ hội hợp tác độc nhất giữa các bên liên quan chính bao gồm khu vực công và khu vực tư nhân, để giải quyết những công việc sau đây (trong số các giải pháp/kế hoạch cải tiến khác):

- **Xây dựng cơ sở hạ tầng.** Xúc tiến các dự án cơ sở hạ tầng nhằm bảo đảm có cơ sở hạ tầng phù hợp để chuẩn bị cho Việt Nam trước thềm Công nghiệp 4.0 và Thành phố thông minh. Điều này bao gồm hệ thống giao thông, trung tâm dữ liệu, phát triển bất động sản, v.v.
- **Đào tạo CNTT.** Thúc đẩy đào tạo CNTT và tìm hiểu công nghệ mới từ góc nhìn kỹ thuật và cả quan điểm xã hội/chính sách trong lĩnh vực giáo dục.
- **Môi trường pháp lý thử nghiệm.** Xây dựng môi trường thử nghiệm cho các công ty công nghệ mới, và môi trường thử nghiệm này không được phân biệt đối xử công ty trong nước với công ty nước ngoài. Việc tiếp xúc với các thông lệ quốc tế và bí quyết kỹ thuật sẽ giúp các doanh nghiệp trong nước đạt được sự tăng trưởng bền vững và phát triển các công nghệ tiên tiến.
- **Khuyến khích các dự án công nghệ cao.** Chính phủ nên chủ trương giảm các thủ tục hành chính phức tạp theo luật định cho các doanh nghiệp công nghệ cao để các công ty này được hưởng ưu đãi về thuế TNDN. Điều này sẽ khuyến khích sự đầu tư vào và thành lập các doanh nghiệp công nghệ cao.

2. Rào cản từ thủ tục cấp phép/đầu tư nước ngoài

Chính phủ Việt Nam hướng đến mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam thông qua việc sửa đổi Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Chúng tôi hiểu rằng một trong những mục tiêu của việc sửa đổi là đơn giản hóa các thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, và chúng tôi nhiệt liệt tán thành việc làm này. Về vấn đề này, chúng tôi có các ý kiến như sau:

- **Tiếp cận thị trường:** Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục quan ngại về vấn đề tiếp cận thị trường. Vấn đề này bao gồm, như chúng tôi đã đề cập ở trên, đề xuất hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các doanh nghiệp công nghệ tài chính. Tương tự, Chính phủ Việt Nam trong những năm gần đây đã ban hành các luật trong đó có Luật An ninh mạng, luật này tạo ra gánh nặng lớn hơn cho việc tiếp cận thị trường đối với một số nhà cung cấp dịch vụ trên không gian mạng (tức là yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước hoặc thiết lập sự hiện diện trong

nước) và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược đã thực sự cấm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ lưu trữ hoặc vận chuyển thuốc trong nước. Một ví dụ khác là Luật An toàn thông tin mạng quy định rằng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được đăng ký cấp giấy phép kinh doanh đối với một số dịch vụ an toàn thông tin mạng, bao gồm dịch vụ kiểm tra và đánh giá an toàn thông tin mạng.

- **Chậm trễ trong cấp phép:** Trong những năm gần đây, đầu tư nước ngoài vào khu vực bán lẻ tại Việt Nam đã có sự gia tăng đột biến. Tuy nhiên, quá trình cấp phép mất nhiều thời gian hơn khung thời gian theo luật định, tạo ra những thách thức không cần thiết cho các nhà đầu tư nước ngoài trong khu vực này. Theo Nghị định 09, Bộ Công Thương ("BCT") được yêu cầu đưa ra ý kiến trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ từ Sở Công Thương tại địa phương, tuy nhiên, trên thực tế, BCT mất từ một đến hai tháng để thực hiện điều này.
- **Dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp:** Dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp nên quy định rõ ràng hơn về các điều kiện đầu tư mà các nhà đầu tư nước ngoài cần có và bảo đảm rằng cải cách hành chính sẽ không tạo ra bất kỳ gánh nặng hành chính quá mức nào cho các nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") trong trường hợp chuyển các hoạt động đầu tư ra nước ngoài sang NHNNVN để giám sát.
- **Đăng ký trực tuyến:** Quá trình cấp phép cần linh hoạt hơn. Hiện tại, Việt Nam chưa có quy trình đăng ký trực tuyến hoàn chỉnh để cấp phép và một số bước nhất định phải được thực hiện trực tiếp. Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể chọn thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp trực tuyến hoặc trực tiếp. Tuy nhiên, nhiều phòng ban chỉ cho phép doanh nghiệp gửi đơn đăng ký trực tuyến để xử lý và các doanh nghiệp gặp khó khăn do sự cố kỹ thuật của hệ thống trực tuyến. Chúng tôi kiến nghị rằng các sửa đổi của Luật Doanh nghiệp cần nhấn mạnh tính linh hoạt và cho phép các doanh nghiệp quyết định liệu họ sẽ đăng ký kinh doanh trực tuyến hay trực tiếp. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực nông thôn có thể không có tài nguyên (tức là máy tính, v.v.) để đăng ký trực tuyến. Chúng tôi đồng thời đề nghị đầu tư vào việc cải thiện hệ thống cấp phép trực tuyến.
- **Các thủ tục hành chính phức tạp theo luật định:** Theo Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới, thời gian trung bình trên thực tế để bắt đầu kinh doanh tại Việt Nam là 17 ngày. Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng thời gian trung bình này thậm chí còn dài hơn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có thể mất đến ba tháng hoặc lâu hơn, đặc biệt là đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Thời gian này lâu hơn đáng kể so với tại các lãnh thổ tài phán như Hồng Kông, Singapore và Thái Lan¹. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ tiếp tục nỗ lực giảm lượng thời gian cần thiết để thành lập doanh nghiệp mới, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nước ngoài để Việt Nam có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài hơn.

Những hạng mục đề cập ở trên mở ra cơ hội hợp tác độc nhất giữa các bên liên quan chính bao gồm khu vực công và khu vực tư nhân, để giải quyết những công việc sau đây (trong số các giải pháp/kế hoạch cải tiến khác):

- **Khung pháp lý rõ ràng:** Gửi tín hiệu đến các nhà đầu tư về tính ổn định và khả năng dự đoán môi trường đầu tư tại Việt Nam để thu hút đầu tư bằng cách tạo ra một chế độ pháp lý

¹ <https://data.worldbank.org/indicator/ic.reg.durs>

ổn định và có thể dự đoán được. Đối với vấn đề này, Chính phủ Việt Nam phải bảo đảm rằng luật mới được soạn thảo rõ ràng và không nặng nề hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu mà Chính phủ Việt Nam đặt ra.

- **Giảm tải các thủ tục hành chính phức tạp theo luật định:** Chúng tôi khuyến khích giảm tải rào cản pháp lý để gia nhập thị trường. Điều này bao gồm loại bỏ các yêu cầu khó khăn và giảm thời gian cần thiết để thành lập doanh nghiệp bằng cách đơn giản hóa các thủ tục. Ví dụ: chúng tôi hiểu rằng Chính phủ dự định loại bỏ yêu cầu thông báo mẫu con dấu theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, và chúng tôi tin rằng đây là một bước tiến thật sự có ích. Tuy nhiên, sẽ cần phải làm nhiều hơn nữa để Việt Nam có khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư dài hạn. Ví dụ, chúng tôi khuyến nghị nên nới lỏng quy định về thời gian 90 ngày để rót vốn đầu tư.
- **Hợp lý hóa việc cấp phép:** Chính phủ cần nỗ lực tháo gỡ những nút thắt trong quy trình cấp phép để đảm bảo rằng việc cấp phép cho các doanh nghiệp không bị trì hoãn và tuân thủ theo khung thời gian do pháp luật quy định. Điều này sẽ cho phép các doanh nghiệp triển khai hoạt động với tốc độ nhanh hơn, và nhờ đó sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.
- **Cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:** Chính phủ nên cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bảo đảm rằng luật mới không tạo ra nhiều hạn chế hơn đối với việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp cận thị trường.

3. Tác động của kinh doanh đến môi trường

Việt Nam hiện đang trải qua thời kỳ tăng trưởng cao, với mức tiêu thụ năng lượng tăng nhanh. Bên cạnh tăng trưởng kinh tế, sự bền vững môi trường có tầm quan trọng ngang với sức khỏe của người dân Việt Nam. Hiện tại, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức trong việc quản lý và tái chế chất thải, và trong những năm tới, Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức trong việc tạo ra đủ năng lượng để cung cấp cho các thành phố, hộ gia đình và doanh nghiệp. Điều quan trọng là tạo ra các ưu đãi đầu tư cho năng lượng sạch và thiết lập một chuẩn mực văn hóa và xã hội cho việc ưu tiên tính bền vững.

Những hạng mục đề cập ở trên mở ra cơ hội hợp tác độc nhất giữa các bên liên quan chính bao gồm khu vực công và khu vực tư nhân, để giải quyết những công việc sau đây (trong số các giải pháp/kế hoạch cải tiến khác):

- **Ưu tiên tính bền vững:** Việt Nam phải cân nhắc các mục tiêu dài hạn và mục đích của tính bền vững song song với phát triển kinh tế.
- **Giáo dục về môi trường:** Giáo dục về môi trường nên được quy định như một môn học để giáo dục học sinh về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường. Tương tự như vậy, Chính phủ nên xây dựng các chiến dịch nhằm giáo dục các cá nhân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của tính bền vững, ví dụ như về cái giá thực sự cho việc sử dụng nhựa.
- **Giảm thiểu chất thải:** Thực hiện các chính sách thúc đẩy hoạt động tái chế và ủ phân hữu cơ ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Tương tự, bắt đầu các chiến dịch khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp giảm tiêu thụ chất thải và nhựa.
- **Thực thi nghiêm ngặt các biện pháp xử phạt trong lĩnh vực môi trường:** Các quy định về bảo vệ môi trường phải được áp dụng một cách công bằng cho cả các công ty trong nước và công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Chính phủ Việt Nam phải thực thi nghiêm túc các biện pháp xử phạt liên quan đến môi trường để giảm ô nhiễm và duy trì môi trường bền vững.

4. Các vấn đề về lao động

Về lao động, chúng tôi nhận thấy các thách thức sau đây trên thực tế:

- **Thiếu linh hoạt:** Các cơ quan lao động có quan điểm rất cứng nhắc đối với nội dung của Nội quy Lao động (“**các NQLĐ**”), gây bất lợi cho cả người sử dụng lao động và người lao động. Mặc dù nhiều nội dung không bị luật cấm hoặc là nội dung phổ biến trên thực tế, đặc biệt là với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, song những doanh nghiệp này phải thỏa hiệp và xóa nội dung đó theo yêu cầu của cơ quan lao động trong mọi trường hợp, dẫn đến việc doanh nghiệp phải đối mặt với tổn thất đáng kể từ hành vi sai trái của nhân viên do không có cơ sở giải quyết. Ví dụ, ngoại trừ các hành vi sai trái phải chịu sa thải ngay lập tức, các cán bộ của cơ quan lao động luôn cho rằng các công ty phải quy định các hành vi sai trái của người lao động trong “mối quan hệ lao động”, cụ thể là người lao động thực hiện hành vi sai trái của mình trong giờ làm việc, tại nơi làm việc và/hoặc một nơi khác do người sử dụng lao động chỉ định thì mới phải chịu các hình thức kỷ luật. Tuy nhiên, quan điểm nói trên rất hạn chế và gần như không thể áp dụng cho nhiều trường hợp, chẳng hạn như khi người lao động tiết lộ thông tin bí mật cho các bên thứ ba.
- **Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:** Nếu một doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở (thường là vào trường hợp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ), thì doanh nghiệp đó phải tham khảo ý kiến của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (tức là công đoàn của quận nơi đặt trụ sở của công ty) đối với các vấn đề liên quan đến người lao động và lợi ích của người lao động. Các công đoàn cấp trên chỉ bao gồm một số ít nhân viên. Do đó, phải mất rất lâu để doanh nghiệp có thể đặt lịch họp với các công đoàn cấp trên và ngay cả khi các doanh nghiệp có được lịch họp, các công đoàn cấp trên thường không thể hoặc không hỗ trợ. Ngoài ra, do luật quy định linh hoạt về quy cách ứng xử và thủ tục của công đoàn cấp trên, điều này dẫn đến quy trình không rõ ràng liên quan đến thời gian và các tài liệu được yêu cầu, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi tuân thủ.

Những hạng mục đề cập ở trên mở ra cơ hội hợp tác độc nhất giữa các bên liên quan chính bao gồm khu vực công và khu vực tư nhân, để giải quyết những công việc sau đây (trong số các giải pháp/kế hoạch cải tiến khác):

- **Linh hoạt và nhất quán.** Tính nhất quán cao hơn giữa quyết định của các cán bộ và mức độ linh hoạt cao hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho cả người sử dụng lao động và người lao động.
- **Phân bổ nguồn lực.** Cải thiện việc phân bổ nguồn lực, và hợp tác và hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở. Liên đoàn Lao động cấp quận, huyện cần hợp tác với các doanh nghiệp trong quá trình tham vấn theo quy định của pháp luật

Thay mặt cho các Thành viên Liên kết của Hội đồng VBF, chúng tôi xin cảm ơn Chính phủ và Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam đã cho chúng tôi cơ hội nêu lên những vấn đề quan trọng đối với chúng tôi. Đó là chìa khóa để chúng tôi bảo đảm tăng trưởng bền vững và có được môi trường kinh doanh đáng tin cậy để các doanh nghiệp nước ngoài có thể tự tin đầu tư và hợp tác phát triển các lĩnh vực quan trọng tại Việt Nam. Chúng tôi mong muốn được làm việc cùng nhau để giải quyết những vấn đề quan trọng đối với sự tăng trưởng liên tục của Việt Nam và các vấn đề nổi cộm trong nền kinh tế toàn cầu của Việt Nam.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÁN ĐỘ TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2019

*Chuẩn bị bởi
Incham*

Đầu tiên, Hiệp hội doanh nghiệp Án Độ tại Việt Nam (INCHAM Hà Nội) xin được bày tỏ sự đánh giá cao những nỗ lực gần đây của Chính phủ Việt Nam nhằm cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam tại Đông Nam Á. Bên cạnh đó, chúng tôi nhân cơ hội này xin được trình bày một số vấn đề chính sách mà chúng tôi cho là đang cản trở sự tăng trưởng của ngành Dược phẩm, Năng lượng mặt trời và Năng lượng gió để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của các ngành này. Chúng tôi tin tưởng rằng bằng cách giải quyết các vấn đề này và xem xét các biện pháp được đề xuất, điều kiện kinh doanh của thị trường FDI Việt Nam sẽ được cải thiện đáng kể.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH

I. Ngành năng lượng và năng lượng mặt trời

Vào cuối năm 2015, Việt Nam đã công bố Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo và tích cực cam kết thực hiện Chương trình nghị sự của Liên hợp quốc về các mục tiêu phát triển bền vững tới năm 2030. Năng lượng tái tạo, đặc biệt là sản xuất năng lượng mặt trời, đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận tới nguồn năng lượng đáng tin cậy, giá cả phải chăng, bền vững và hiện đại cho tất cả các đối tượng, bao gồm các hộ gia đình khó khăn nhất ở các vùng xa xôi của Việt Nam. Nói cách khác, hỗ trợ phát triển năng lượng mặt trời sẽ giúp cải thiện hệ thống giáo dục, tăng năng suất lao động và giảm đói nghèo.

Vào tháng 4 năm 2017, Quyết định số 11 đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ban hành, cụ thể đưa ra cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời tại Việt Nam. Quyết định 11 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 2017 và sẽ hết hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2019. Sau Quyết định 11, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 16 ngày 12 tháng 9 năm 2017, về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện áp dụng cho các dự án năng lượng mặt trời. Vào tháng 6 năm 2019, Bộ Công Thương đã cung cấp bản dự thảo thứ tư về quyết định của Thủ tướng về các cơ chế khuyến khích các dự án phát triển năng lượng mặt trời tại Việt Nam (Bản dự thảo). Bản dự thảo này dự kiến có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 thay thế cho Quyết định 11 hiện tại của Thủ tướng Chính phủ đã được đề cập trên. Bản dự thảo này quy định về FiT dựa trên khu vực như sau:

Số	Công nghệ năng lượng mặt trời	Thuế cho khu vực I		Thuế cho khu vực II		Thuế cho khu vực III		Thuế cho khu vực IV	
		VND/kWh	UScents /kWh	VND/kWh	UScents /kWh	VND/kWh	UScents /kWh	VND/kWh	UScents /kWh
1	Dự án điện mặt trời nổi	2,281	9.98	1,963	8.59	1,758	7.69	1,655	7.24
2	Dự án điện mặt trời gắn trên mặt đất	2,102	9,20	1,809	7.91	1,620	7.09	1,525	6.67
3	Dự án điện mặt trời trên mái nhà (không bao gồm bán và mua điện trực tiếp)	2,156	9.35	2,156	9.35	2,156	9.35	2,156	9.35

Với các khu vực như sau:

Khu vực 1: bao gồm hai mươi tám (28) tỉnh phía bắc Việt Nam, cụ thể là: Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Dương, Hòa Bình, Hà Nội, Hà Nam, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Tĩnh, Nam Định, Quảng Bình, Thanh Hóa, Lai Châu, Nghệ An và Sơn La.

Khu vực 2: gồm sáu (06) tỉnh của Việt Nam, cụ thể là: Quảng Trị, Điện Biên, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

Khu vực 3: gồm hai mươi ba (23) tỉnh phía Nam Việt Nam, cụ thể là: Kon Tum, Cà Mau, Hậu Giang, Bình Định, Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Lâm Đồng, Bến Tre, Tiền Giang, An Giang, Đắk Nông, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bình Dương, Bình Phước và Tây Ninh.

Khu vực 4: gồm sáu (06) tỉnh của Việt Nam, cụ thể là: Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức cần giải quyết từ khía cạnh chính sách trong các quy định quản lý ngành năng lượng mặt trời. Chúng tôi xin trình bày một số phân tích như sau:

Liên quan đến Thông tư số 16 ngày 12 tháng 9 năm 2017

- Phạm vi của các kế hoạch tổng thể quốc gia/ tỉnh về phát triển điện mặt trời chưa được nêu ra một cách cụ thể.
- Không có quy định các mốc thời gian cụ thể để ban hành kế hoạch tổng thể quốc gia/ tỉnh cho phát triển năng lượng mặt trời.

Liên quan đến Thông tư số 05/2019/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2019 cung cấp Hợp đồng mua bán điện (PPA) dành riêng cho dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Thông tư 05 và Mẫu PPA chưa xác định được một số nội dung cơ bản của mẫu PPA dành riêng cho dự án điện mặt trời trên mái nhà để một số bên có thể sử dụng cho mục đích sửa đổi.

- Mẫu PPA này vẫn thiếu các điều khoản để có thể đề cập triệt để tất cả các khía cạnh cần thiết của giao dịch (ví dụ: chấm dứt hợp đồng và/hoặc các sự kiện bất khả kháng; giải quyết tranh chấp quốc tế; luật điều chỉnh, v.v.). Hơn nữa, vì mẫu PPA này được áp dụng một cách bất buộc mà không thay đổi các nội dung cơ bản, nên các nhà đầu tư có thể sẽ gặp khó khăn trong việc phải đàm phán về việc bổ sung các điều khoản trong mẫu PPA để giải quyết các vấn đề đang chờ xử lý của mẫu PPA này.

Mẫu PPA

- *Mẫu PPA không nêu rõ chỉ số giá leo thang nào và không đề cập đến trong việc điều chỉnh giá điện FIT (feed-in tariffs) dựa vào biến động tỷ giá VNĐ / USD cho các các dự án kết nối với lưới điện.*
- *Không yêu cầu hoặc đền bù cho Bên bán để bảo đảm FiT ở mức 9,35 US cent / KWh cho các dự án đã sẵn sàng để cho hoạt động thương mại trước ngày 30 tháng 6 năm 2019 nhưng không thực hiện được do không có lưới điện của Bên mua, tức là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) hoặc công ty con được ủy quyền.*
- *Gánh nặng của việc phân bổ rủi ro lưới điện bị đặt lên Bên bán mà không tính đến các yếu tố trọng yếu (khoảng cách từ đường truyền, chi phí lắp đặt cao hơn, vị trí, v.v.).*
- *Không tính đến các sự kiện bất khả kháng chính trị và thay đổi luật pháp.*
- *Không có quy định rõ ràng về hậu quả của vi phạm và thiếu sự phân biệt giữa các loại vi phạm.*
- *Luật điều chỉnh nước ngoài không được nhắc tới và không quy định rõ ràng về trọng tài quốc tế.*
- *Không có các điều khoản như ngày vận hành thương mại; Thanh lý thiệt hại.*
- *Thiếu quy định về bảo đảm của chính phủ để tăng cường vị trí của EVN với tư cách là bên mua duy nhất.*
- *Không có quy định nào về các bước về quyền của bên cho vay cũng như các thỏa thuận trực tiếp PPA riêng biệt giữa Bên mua và bên cho vay.*

II. Ngành điện gió

Ngành điện gió được quy định và được đề cập trong một số luật khác nhau, ví dụ: Luật Điện lực, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ Môi trường, v.v ... Nói chung, các dự án điện gió đủ điều kiện nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 và cụ thể hơn là tín dụng đầu tư theo Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017.

Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển dự án điện gió tại Việt Nam (“**Quyết định 39**”), có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2018.

Quyết định 39

- a. Các dự án điện gió được chia thành hai dạng bao gồm các dự án trong đất liền và trên biển. Yếu tố chính để xác định các hình thức dự án là khu vực xây dựng dự án điện gió, cụ thể:
 - Dự án điện gió trong đất liền là các dự án điện gió nổi lưới có tuabin điện gió được xây dựng và vận hành trên đất liền và vùng đất ven biển có ranh giới ngoài là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm).
 - Dự án điện gió trên biển là các dự án điện gió nổi lưới có tuabin điện gió được xây dựng và vận hành nằm ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) ra ngoài khơi.
- b. Ngày vận hành thương mại là ngày một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nổi lưới sẵn sàng bán điện cho Bên mua điện (EVN) và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhà máy điện hoàn thành các thử nghiệm ban đầu đối với một phần hoặc toàn bộ của nhà máy điện gió nổi lưới và các trang thiết bị đấu nối;
 - Nhà máy điện đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện;
 - Bên bán điện và Bên mua điện (EVN) chốt chỉ số công tơ để bắt đầu thanh toán.
- c. Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình điện gió khi đáp ứng các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng, có hợp đồng mua bán điện đã ký với Bên mua điện, có Thỏa thuận đấu nối với Đơn vị phân phối hoặc Đơn vị truyền tải điện và có báo cáo số liệu đo gió trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 12 tháng.

FiT

EVN sẽ chịu trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện gió với tỷ lệ FiT mới.

Tỷ lệ FiT cho các dự án điện gió đã được nâng lên đáng kể:

- Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 1.928 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 8,5 Uscents/kWh);
- Giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.223 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 9,8 UScent/kWh).

FiT mới này áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nổi lưới có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.

Các dự án điện gió đã vận hành phát điện trước thời điểm ban hành Quyết định 39 được áp dụng mức giá mua điện nêu trên kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho thời gian còn lại của Hợp đồng mua bán điện đã ký.

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 02, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 28 tháng 2 năm 2019. Thông tư 02 đã bãi bỏ Thông tư 32/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định việc thực hiện phát triển dự án điện gió và hình thức hợp đồng mua bán điện cho dự án điện gió; và, Thông tư 06/2013 / TT-BCT ngày 8 tháng 3 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, quy trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió.

Bên mua độc quyền

EVN là bên mua độc quyền trong các dự án truyền tải và phân phối điện, gây ra những lo ngại khác cho các nhà đầu tư, vd. thời gian đàm phán cần thiết với EVN về PPA, vì việc ký kết một số hợp đồng với bên mua độc quyền là doanh nghiệp nhà nước có thể sẽ tốn thời gian.

Hợp đồng mua bán điện mẫu (MPPA)

MPPA thiếu sự rõ ràng và toàn diện trong các điều khoản sau:

- Thiếu chỉ số giá phù hợp hoặc không có bất kỳ điều khoản liên quan đến giá nào để bù đắp rủi ro lạm phát.
- Bên bán hoàn toàn chịu gánh nặng xây dựng mạng lưới điện, ví dụ như đầu tư, xây dựng, vận hành và bảo trì thiết bị kết nối để kết nối nhà máy với lưới truyền tải, lưới phân phối, v.v. đường truyền, chi phí lắp đặt, vị trí, v.v.)
- Mặc dù điều khoản Bất khả kháng (FM) được liệt kê, nhưng FM không được phân loại cụ thể cũng như không có các điều khoản bất khả kháng liên quan tới chính trị. Để ứng dụng FM, bên vi phạm phải chứng minh sự kiện bất khả kháng và nêu ra tác động của nó đến khả năng thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng. MPPA quy định rằng Bên bán có thể được miễn trách

nhệm trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng nhưng không quy định thêm về các biện pháp khắc phục (thu hồi chi phí bổ sung, thanh toán chi phí năng lượng, v.v.)

- MPPA không phân biệt hậu quả của các vi phạm dựa trên sự khác biệt về thời gian vi phạm theo lịch trình dự án, mặc dù rằng vi phạm sớm khác về bản chất với vi phạm muộn.
- Không có quy định cho việc lựa chọn luật điều chỉnh nước ngoài cũng như quy định rõ ràng về trọng tài quốc tế. Hai phương thức giải quyết tranh chấp duy nhất được ghi nhận trong MPPA là hòa giải và đàm phán, nếu không, việc sử dụng trọng tài được sẽ tuân theo Thông tư 40/2010 / TT-BCT (Thông tư 40) ngày 13/12/2010 về Lệnh và thủ tục giải quyết tranh chấp trong thị trường điện.
- MPPA không nêu ra các cơ chế quan trọng về các biện pháp khắc phục, ví dụ: Vận hành thử; mất điện đột xuất; và tính toán thiệt hại. Nó chỉ cung cấp định nghĩa về ngày đưa vào hoạt động thương mại (COD) liệt kê các trường hợp khác nhau trong đó COD được coi là đạt được.
- Trên thực tế, EVN là bên mua duy nhất cần huy động vốn và hỗ trợ bổ sung; tuy nhiên, MPPA không cung cấp bất kỳ sự đảm bảo nào để đảm bảo và nâng cao uy tín tín dụng của EVN.
- MPPA không bao gồm điều khoản liên quan đến việc cho phép thế chấp tài sản của dự án để đảm bảo cho khoản vay của bên cho vay cũng như có PPA riêng biệt giữa EVN và các bên cho vay.
- MPPA thiếu điều khoản về đàm phán khi xảy ra bất kỳ những thay đổi cơ bản nào, chẳng hạn như thay đổi căn bản về luật hoặc thuế.
- Do đó, Bên bán (nhà thầu và nhà đầu tư) thường nghi ngờ về khả năng thanh khoản của khoản đầu tư, vì hình thức tiêu chuẩn hợp đồng tạo nhiều khó khăn cho việc thương lượng do cấu trúc cố định của nó và nội dung mơ hồ về các điều khoản bảo mật quan trọng cho người cho vay.

III. Về ngành Dược phẩm

Việt Nam được coi là thị trường thuốc lớn thứ hai trong số các nước Đông Nam Á, với doanh thu ước tính của tiếp thị dược phẩm nước này đã đạt 5,9 tỷ USD vào năm 2018, tăng 11,7% so với năm trước. Trên thực tế, trung bình có khoảng 60.000 tấn dược phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam mỗi năm, trong đó 80-90% được nhập khẩu chủ yếu từ Ấn Độ và Trung Quốc. Hơn nữa, Việt Nam chiếm 1/5 tổng kim ngạch xuất khẩu dược phẩm của Ấn Độ, tạo tiền đề cho mức tăng trưởng đáng kể trong thương mại đối với các sản phẩm dược phẩm và chăm sóc sức khỏe giữa hai nước.

Ngành công nghiệp dược phẩm Ấn Độ có nhiều tiềm năng đóng góp đáng kể cho thị trường dược phẩm và chăm sóc sức khỏe của Việt Nam, cụ thể là:

- Mang đến những sản phẩm cao cấp với chất lượng hàng đầu thế giới cho Việt Nam với giá cả phải chăng do sự phát triển mạnh mẽ của dây chuyền sản xuất và quyền sở hữu trí tuệ.
- Thu hút vốn FDI từ các công ty dược phẩm Ấn Độ trong việc lắp đặt dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu điều trị ung thư và tương đương sinh học.
- Hỗ trợ kỹ thuật trong việc sản xuất vắc-xin tại Việt Nam.
- Hỗ trợ các công ty dược phẩm Việt Nam nâng cấp dây chuyền sản xuất.
- Thành lập đơn vị sản xuất cho thành phần hoạt chất dược phẩm (API) để giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu API.

Công tác đấu thầu thuốc luôn là một nhiệm vụ có tầm quan trọng cao đối với Bộ Y tế Việt Nam nhằm đảm bảo việc lựa chọn thuốc chất lượng cao với giá cả hợp lý. Thông tư quy định đấu thầu

thuốc do Bộ Y tế ban hành cũng cho thấy sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ qua việc đề cập đầy đủ các nội dung xung quanh công tác đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Tuy nhiên, chúng tôi phải thừa nhận rằng không chỉ Ấn Độ mà nhiều công ty dược phẩm nước ngoài đang gặp khó khăn đối với một số điều trong dự thảo Thông tư này. Với mục đích hỗ trợ Bộ Y tế sửa đổi Thông tư quy định về quy trình đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công cộng và cũng để hỗ trợ các công ty dược phẩm khắc phục những khó khăn đang gặp phải, INCHAM Hà Nội xin đề xuất một số giải pháp như sau:

1. Đối với dự thảo Thông tư về Đấu thầu:

Các công ty Ấn Độ luôn tôn trọng và sẵn sàng áp dụng quy định mới, nhưng dự thảo Thông tư về quy trình đấu thầu đang tạo ra những rào cản đối với việc cung cấp các sản phẩm tiên tiến chất lượng cao với giá phải chăng cho Chính phủ Việt Nam và người dân do dự thảo Thông tư phân loại thuốc có cùng tiêu chuẩn chất lượng dựa trên yếu tố địa lý, đây là một điểm mâu thuẫn với quy định của các cơ quan quản lý dược trên thế giới. Do đó, chúng tôi muốn đề xuất một vài sửa đổi như sau:

Nhóm 1: Tiêu chí phân loại thuốc phải dựa trên chất lượng sản phẩm và đặc điểm kỹ thuật chứ không dựa trên quốc gia sản xuất và do đó, bất kỳ đơn vị sản xuất nào đáp ứng tiêu chí này phải thuộc nhóm 1A. Do đó, nhóm 1A và 1C nên được kết hợp lại với nhau.

Chúng tôi đề xuất rằng tiêu chí phân loại thuốc chỉ nên dựa trên Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) ở nước tham chiếu (yêu cầu giải thích phương pháp liệt kê các sản phẩm này), vì điều này sẽ giúp Việt Nam có được công nghệ từ bất kỳ nhà sản xuất nào có MA ở nước tham chiếu.

Nhóm 2: Chứng nhận EU-GMP / chứng nhận PICS phải được chấp nhận cho đến thời điểm kiểm toán của Cục quản lý dược phẩm Việt Nam (DAV) và sản phẩm chuyển giao công nghệ từ nhà máy đạt tiêu chuẩn EU-GMP từ bất kỳ quốc gia nào sang nhà sản xuất địa phương cũng được phân loại trong cùng một nhóm.

Nhóm 3: Các nghiên cứu tương tự sinh học từ các trung tâm được phê duyệt (UKMHRA, FDA) nên được chấp nhận để có các sản phẩm tương tự sinh học chất lượng hơn.

Nhóm 5: Nhóm này nên được giữ như một nhóm độc lập do số lượng sản phẩm thuộc nhóm này cũng thuộc tất cả các nhóm khác nhưng lại đóng một vai trò rất quan trọng trong việc giảm giá thành sản phẩm.

2. Đối với dự thảo Thông tư về đăng ký thuốc

Quy định về Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm (CPP)

- a. Thời hạn hiệu lực được nêu trong CPP: CPP sẽ không được công nhận nếu khoảng thời gian dưới một năm.
 - Cần xem xét đến ngày hết hạn của CPP vì DAV sẽ mất hơn một năm để đánh giá hồ sơ.
- b. Hiệu lực còn lại của CPP tại thời điểm nộp đơn:
 - Đối với CPP có hiệu lực một năm: CPP có giá trị ít nhất 6 tháng;
 - Đối với CPP có hiệu lực trên một năm: Chỉ CPP có hiệu lực trong ít nhất mười hai (12) tháng;
 - Trong trường hợp CPP không ghi thời hạn hiệu lực: CPP được chấp nhận trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
 - Theo nhận xét trước đó, cần xem xét đến hết hạn CPP.

- c. CPP phải có chữ ký, tên và chức danh của người ký, ngày cấp và đóng dấu của tổ chức phát hành CPP;
- Chúng tôi đồng ý với điểm này.
- d. CPP phải được ban hành bởi Cơ quan quản lý dược phẩm quốc gia trừ khi có cơ chế kiểm soát hoặc xác minh tính xác thực của CPP do cơ quan dược phẩm quốc gia của hai nước quản lý.

Tổ chức Tiêu chuẩn kiểm soát thuốc Trung ương Ấn Độ (CDSCO) đã trao quyền và kiểm soát việc phát hành CPP của một số sản phẩm cho Cơ quan quản lý Thực phẩm, Dược phẩm Hoa kỳ (FDA). Theo đó, Chính phủ Việt Nam cần hợp pháp hóa các sản phẩm trong danh mục nói trên.

- Phê duyệt việc sửa đổi nhãn thuốc theo yêu cầu nhà phát hành CPP ở Ấn Độ và các quốc gia khác: Cơ quan kiểm soát thuốc không chứng nhận việc sửa đổi nhãn thuốc và bao bì vật liệu đóng gói. Nhà phát hành CPP đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới, vì vậy chúng tôi yêu cầu các cơ quan kiểm soát chấp thuận yêu cầu sửa đổi nhãn thuốc và bao bì nói trên.
- Yêu cầu cung cấp CPP bổ sung từ các quốc gia tham chiếu cho các sản phẩm sinh học: Chúng tôi yêu cầu DAV không thi hành điều khoản này, vì điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong công tác tiếp nhận các loại thuốc mới. Các bằng sáng chế mở rộng và thời gian đăng ký dài ở các nước tham chiếu chắc chắn sẽ làm giảm khả năng tiếp cận các loại thuốc này và nâng cao chi phí y tế cho chính phủ.
- Yêu cầu cung cấp CPP bổ sung từ các quốc gia tham chiếu cho các sản phẩm tương đương sinh học: Chúng tôi yêu cầu DAV chấp nhận tương đương sinh học từ bất kỳ trung tâm tương đương sinh học được công nhận nào vì tương đương sinh học được công nhận ngay cả ở các quốc gia tham chiếu.
- Các công ty ở Ấn Độ đã áp dụng in mã vạch đồng bộ nên sẽ không thể cung cấp mã QR trên số lượng thuốc xuất khẩu sang Việt Nam. Do đó, chúng tôi muốn yêu cầu DAV chấp nhận mã vạch.

InCham muốn nhân cơ hội này để cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã lắng nghe những ý kiến của chúng tôi và cảm ơn VBF đã tạo cơ hội để chúng tôi chia sẻ các vấn đề và khuyến nghị nhằm giúp cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam. Chúng tôi hy vọng sẽ đóng vai trò tích cực hơn trong việc hỗ trợ đầu tư và thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ bằng cách sử dụng kinh nghiệm và chuyên môn của chúng tôi trong các lĩnh vực khác nhau, cụ thể là ngành Dược phẩm và Năng lượng tái tạo trong bài viết này. Chúng tôi mong muốn quan điểm của chúng tôi sẽ được Chính phủ Việt Nam xem xét và cố gắng cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

II. PHIÊN 1

TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG NHANH - LỘ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT ĐỐI TÁC CÔNG TƯ MỚI

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Phát triển Cơ sở Hạ tầng Bền vững - Đề xuất

Việt Nam đang trên đà phát triển và đô thị hóa nhanh chóng. Để duy trì quỹ đạo phát triển này, Việt Nam cần thêm nhiều công trình cơ sở hạ tầng mới. Nguồn tài chính công của Việt Nam không có khả năng đáp ứng vốn để phát triển thêm nhiều công trình cơ sở hạ tầng mới đó. Để phát triển cơ sở hạ tầng trên cơ sở bền vững trong những năm tới và những thập kỷ tiếp theo, sẽ cần phải có nguồn vốn tư nhân. Vốn tư nhân sẽ chỉ huy động được nếu có các điều kiện phù hợp. Trong báo cáo này, Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng của VBF sẽ đề xuất một số giải pháp cần thực hiện để xây dựng một cơ chế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bền vững hơn cho Việt Nam trong những năm tới.

Phát triển cơ sở hạ tầng và tài trợ vốn tại Việt Nam cho đến nay

Cho đến nay, hầu hết các dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam được xây dựng, sở hữu và vận hành bởi các cơ quan Nhà nước hoặc các đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước. Hầu hết các dự án được tài trợ từ nguồn tiền thuế hoặc bằng các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính quốc tế:

- **Vốn nhà nước:** Chính phủ Việt Nam đã sử dụng ngân sách nhà nước, viện trợ phát triển chính thức (*ODA*) và các khoản vay ưu đãi nước ngoài. Nguồn tài trợ này được tính vào nợ công, hiện đang chạm đến mức trần theo quy định là 65% GDP, do đó mức tăng hơn nữa bị khống chế.
- **Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước (DNNN):** Các doanh nghiệp nhà nước Việt Nam đã đầu tư và phát triển các dự án cơ sở hạ tầng trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quan trọng. Các doanh nghiệp nhà nước Việt Nam đã vay các khoản vay thương mại nước ngoài dưới sự bảo lãnh nợ của Bộ Tài chính. Những khoản vay này cũng được tính vào nợ công và do quy định về mức trần nợ công nên nguồn tài trợ thêm bị khống chế.

Trong khi đó, vai trò của khu vực tư nhân là tương đối hạn chế. Mặc dù khu vực tư nhân được hưởng lợi từ các hợp đồng thầu xây dựng ký kết với các chủ đầu tư dự án Nhà nước, các dự án thực sự do khu vực tư nhân phát triển bị giới hạn như sau đây. Mức đầu tư của các nhà đầu tư tư nhân ước tính chỉ chiếm tối đa 12% lượng đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2015.

- **Đầu tư trong nước vào các dự án giao thông BOT:** các nhà đầu tư trong nước đã nhận được phê duyệt của Chính phủ về nhượng quyền khai thác và chính sách thu phí sử dụng đường bộ và đã vay các khoản vay thương mại (chủ yếu từ các ngân hàng trong nước) để phát triển và khai thác các tuyến đường bộ và đường cao tốc theo hình thức BOT hoặc BT. Chính sách hỗ trợ của chính phủ, quy trình đấu thầu và tính toán phí đường bộ không minh bạch, gây bất bình trong xã hội. Đồng thời, các ngân hàng trong nước hạn chế cho vay thương mại cho mục đích phát triển và khai thác của các dự án cơ sở hạ tầng.
- **Đầu tư nước ngoài vào các dự án điện BOT:** các nhà đầu tư nước ngoài đã nhận được nhượng quyền khai thác và sự hỗ trợ của chính phủ trong việc vay vốn quốc tế nhằm phát triển và vận hành các dự án điện theo hình thức BOT. Hỗ trợ của chính phủ được thực hiện dưới hình thức bảo lãnh và cam kết của chính phủ (*Bảo lãnh và Cam kết Chính phủ*) (*GGU*), bao gồm bảo lãnh (i) trong trường hợp các doanh nghiệp nhà nước bán nhiên liệu và các bên bao tiêu điện không thực hiện nghĩa vụ, (ii) các khoản thanh toán chậm dứt, và (iii) nhu cầu chuyển đổi ngoại tệ và nguồn cung ngoại tệ. Bảo lãnh và Cam kết Chính phủ

là các khoản nợ tiềm tàng và không được tính trực tiếp vào trần nợ công. Ngành điện là lĩnh vực đầu tư nước ngoài thành công nhất. Tuy nhiên, kể từ năm 2001, mới chỉ có 7 dự án điện BOT đạt được hoàn tất tài chính. Kể từ năm 2011, Chính phủ đã thu hẹp phạm vi Bảo lãnh và Cam kết Chính phủ và giảm tỷ lệ bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ xuống còn 30% doanh thu bằng VNĐ (sau khi trừ đi số chi tiêu) do những quan ngại và hạn chế liên quan đến dự trữ ngoại tệ quốc gia. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mong muốn bãi bỏ cơ chế bảo lãnh ngoại tệ.

Cơ sở hạ tầng Việt Nam - hiện trạng

Theo Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2018, bảng xếp hạng cơ sở hạ tầng của Việt Nam (trong số 140 nền kinh tế được nghiên cứu) đã cải thiện một chút từ vị trí thứ 93 năm 2008 lên thứ 75 năm 2018. Lĩnh vực cơ sở hạ tầng đường bộ Việt Nam đạt được rất ít thành công. Lĩnh vực nước và điện được xếp hạng tốt tương đương với các nước phát triển hơn như Thái Lan.

Việt Nam chi rất nhiều cho cơ sở hạ tầng so với GDP (khoảng 5% trong năm 2015), cao thứ hai trong khối ASEAN sau Indonesia. Tuy nhiên, mức chi tiêu cho cơ sở hạ tầng trên đầu người chỉ khoảng 107 USD, chỉ cao hơn Campuchia và Philippines. Quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng trong những năm gần đây và đô thị hóa ngày càng tăng (khoảng 36% vào năm 2018) đòi hỏi cơ sở hạ tầng phải phát triển hơn nữa.

Cơ sở hạ tầng Việt Nam - nhu cầu

Nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng đã tăng lên đáng kể nhằm đáp ứng quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam.

- Bộ Giao thông Vận tải (**Bộ Giao thông Vận tải**) ước tính tổng nhu cầu vốn cho cơ sở hạ tầng giao thông vận tải Việt Nam tương đương khoảng 48 tỷ USD trong giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, nhu cầu vốn này bao gồm cả các dự án như Đường cao tốc Bắc - Nam, Sân bay quốc tế Long Thành và Đường sắt cao tốc Bắc - Nam, các dự án này đã bị trì hoãn từ lâu và sẽ không xảy ra trong giai đoạn này.
- Theo Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia VII, tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực năng lượng trong giai đoạn 2016 - 2030 ước tính đạt xấp xỉ (148 tỷ USD). Con số này có khả năng tăng lên trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia VIII.
- Ngân hàng Phát triển Châu Á (**ADB**) ước tính rằng Việt Nam sẽ cần trung bình ít nhất 16,7 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn 2015 - 2025 để tài trợ cho nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng. Ngân hàng Thế giới dự báo con số lên tới 25 tỷ USD mỗi năm, số vốn đầu tư cao hơn nhiều so với mức trung bình trong giai đoạn 2011-2015.

Nhưng nợ công đã và đang chạm đến mức trần do Việt Nam đặt ra. Điều này có nghĩa là để phát triển bền vững cơ sở hạ tầng, sẽ cần thêm nguồn vốn đầu tư tư nhân để tài trợ cho các dự án.

Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững – những thách thức chính

- Thông lệ lựa chọn nhà đầu tư dựa vào giá được chào: Việc lựa chọn các nhà đầu tư tư nhân hiện nay chủ yếu vẫn dựa trên sự cạnh tranh về mức giá thấp nhất thay vì tính đến năng lực kỹ thuật và tài chính thực sự của nhà đầu tư. Trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng như giao thông, xử lý chất thải và sản xuất điện, các nhà đầu tư đưa ra chào giá tốt nhất sẽ được lựa chọn, trong khi những nhà đầu tư chú trọng vào năng lực kỹ thuật và tài chính để thực hiện dự án lại không được coi trọng. Thực tiễn này dẫn đến hệ quả là các nhà đầu tư “giá rẻ” sau được lựa chọn thường yêu cầu tăng chi phí đầu tư lên nhiều lần ở các giai đoạn sau của dự án vì giá chào ban đầu thường không đủ. Chính phủ khi đó rất khó từ chối yêu cầu này vì vào thời điểm đó các dự án đều đã trong quá trình xây dựng dở dang.

- Chất lượng thấp và không đạt tiêu chuẩn môi trường: Giá rẻ thường đi đôi với công nghệ chất lượng thấp hơn và thiếu các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.
- Thiếu tính minh bạch khi giao dự án: Việc thiếu minh bạch khi giao dự án và lựa chọn nhà đầu tư cũng khiến các nhà đầu tư có uy tín e ngại khi tham gia đấu thầu. Một ví dụ điển hình là các dự án đường bộ BT đổi đất lấy hạ tầng. Do việc kiểm soát chi phí đầu tư các dự án đường bộ BT không được minh bạch, nhà đầu tư thường được hưởng lợi từ việc được cấp phép các dự án thương mại có giá trị cao hơn chi phí đầu tư thực tế của dự án BT.
- Không có cơ chế hỗ trợ rõ ràng của Chính phủ: Việt Nam không có một quỹ dành riêng để hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng. Vốn nhà nước hỗ trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng (cả hỗ trợ về chi phí vốn đầu tư xây dựng và ngân sách để thanh toán cho các nghĩa vụ bao tiêu sản phẩm, dịch vụ (ví dụ, xử lý chất thải, cung cấp nước, vv.)) vẫn bị coi là vốn đầu tư công theo luật đầu tư công, và được đưa vào ngân sách 6 tháng hoặc hàng năm của Chính phủ. Do đó, không có sự độc lập và rõ ràng về ngân sách cụ thể để hỗ trợ các dự án phát triển cơ sở hạ tầng.

Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững – Đề xuất một số hành động cần thực hiện

- Tránh việc lựa chọn nhà đầu tư chỉ dựa vào mức giá: Với các thành tựu kinh tế ấn tượng của Việt Nam trong thời gian qua, đã đến lúc Chính phủ cần xem xét chấm dứt việc lấy mức giá là tiêu chí quan trọng trong lựa chọn nhà đầu tư. Thay vào đó Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi cho những nhà đầu tư có uy tín cam kết xây dựng được các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng cao với tác động tối thiểu đến môi trường. Về lâu dài, cách làm này sẽ tiết kiệm được chi phí hơn so với việc chọn các nhà đầu tư giá rẻ vì các công trình chất lượng cao sẽ không tốn nhiều chi phí để sửa chữa hoặc khắc phục các hệ lụy về môi trường.
- Tạo ra các điều kiện phù hợp để thu hút các nhà đầu tư uy tín: Tính minh bạch trong việc lựa chọn nhà đầu tư cần được cải thiện để các nhà đầu tư có sự yên tâm và niềm tin khi tham gia đấu thầu dự án.
- Cần xây dựng cơ chế hỗ trợ của Nhà nước cho các dự án cơ sở hạ tầng với nguồn vốn được dành riêng để hỗ trợ các dự án quan trọng trong các lĩnh vực rủi ro cao.
- Cải thiện khung pháp lý: Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là khung pháp lý cho phát triển cơ sở hạ tầng phải được cải thiện để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án.

Nỗ lực giới thiệu và triển khai khung pháp lý đối tác công tư (PPP)

Trong vòng chưa đầy 10 năm, Việt Nam đã ba lần nỗ lực giới thiệu, sửa đổi và cải thiện khung pháp lý đối tác công tư:

- Ngày 09 tháng 11 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 71/2010 ban hành quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại Việt Nam, song song với cơ chế BOT theo Nghị định 108/2009.
- Ngày 10 tháng 4 năm 2015, Nghị định 15/2015 được ban hành thay thế cho cả Quyết định 71/2010 và Nghị định 108/2009. BOT trở thành một hình thức đối tác công tư.
- Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Nghị định 63/2018 được ban hành thay thế cho Nghị định 15/2015 cũ.

Các quy định về đối tác công tư kết hợp và điều chỉnh tất cả các hình thức dự án nhượng quyền khai thác, nhưng không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào giữa các cấu trúc dự án khác nhau hoặc các nguồn tài chính cần thiết cho các lĩnh vực khác nhau.

Các nhà đầu tư dự án không có cơ hội hoặc không được hướng dẫn đàm phán các cơ chế phân bổ rủi ro phù hợp trong từng lĩnh vực nhằm hài hòa giữa sự hỗ trợ của chính phủ với các cơ cấu tài trợ có khả năng huy động vốn.

Các hình thức hỗ trợ mới của chính phủ được đề xuất nhằm giải quyết nguồn vốn bù đắp thiếu hụt tài chính, nhưng các hình thức hỗ trợ này chưa được hiện thực hóa do các quy trình kiểm soát chặt chẽ và quy định hiện hành về việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo Luật Đầu tư công. Cũng không có hướng dẫn về hỗ trợ kinh phí chuẩn bị các đề xuất dự án đối tác công tư, điều này khiến cho việc chuẩn bị đề xuất đó không còn hấp dẫn.

Chỉ các dự án nhiệt điện mới có thể được áp dụng cơ chế BOT thí điểm theo Thông tư 23 ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Bộ Công Thương. Theo Thông tư 23, cả dự án BOT thuộc Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia và dự án không thuộc Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia nhưng được Thủ tướng phê duyệt đều được phép chỉ định trực tiếp nhà đầu tư. Do đó, có thể dự đoán được việc phân bổ rủi ro và cấu trúc dự án BOT ổn định trong ngành điện.

Luật đối tác công tư mới - các điểm cần xem xét thêm

Ngoài các ý kiến chi tiết của Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng về dự thảo Luật đối tác công tư như được trình bày trong Hội nghị Thường niên VBF năm 2018, sau đây là một số điểm quan trọng cần xem xét để các dự án đối tác công tư có khả năng huy động vốn và có khả năng được cấp vốn theo Luật đối tác công tư mới.

Các nhà đầu tư khu vực tư nhân và vốn nhà nước

Luật đối tác công tư mới không nên có tính ưu tiên áp dụng thấp hơn so với Luật Đầu tư công. Các dự án đối tác công tư là các dự án được triển khai và tài trợ bởi khu vực tư nhân. Vốn nhà nước cho bất kỳ nguồn vốn bù đắp thiếu hụt tài chính nào trong dự án đối tác công tư phải là một khoản tài trợ cho lợi ích của các dự án đối tác công tư và các nhà đầu tư. Luật đối tác công tư mới cần có một chương hoặc phần nêu các nguyên tắc tài trợ và sử dụng vốn nhà nước, nhưng điều đó không có nghĩa là các thủ tục theo Luật Đầu tư công phải được áp dụng cho các nhà đầu tư khu vực tư nhân.

Bất kỳ sự tham gia nào của nhà nước trong phần vốn chủ sở hữu của một dự án đối tác công tư phải được thực hiện thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Điều này sẽ tránh được bất kỳ quy định chồng chéo nào về ngân sách nhà nước và vốn nhà nước.

Dự thảo mới nhất của Luật đối tác công tư đề xuất một “Quỹ Phát triển Dự án PPP”, trong đó kết hợp vốn nhà nước và các nguồn tài trợ ưu đãi khác để hỗ trợ phát triển, cấp vốn và vận hành các dự án đối tác công tư.

Phân biệt các hình thức hỗ trợ của chính phủ

Như đã thảo luận trên đây, hỗ trợ của chính phủ có thể được cấp cho các dự án đối tác công tư dưới hình thức ưu đãi đầu tư, Bảo lãnh và Cam kết Chính phủ hoặc nguồn vốn bù đắp thiếu hụt tài chính, phù hợp với yêu cầu cho các lĩnh vực cụ thể. Ví dụ, bảo lãnh doanh thu tối thiểu có ý nghĩa quan trọng giúp cho một dự án vận tải trở nên khả thi trong khi bảo lãnh nghĩa vụ bao tiêu, khoản thanh toán chậm dứt và nguồn cung ngoại tệ có ý nghĩa quan trọng để một dự án điện có khả năng huy động vốn.

Luật đối tác công tư mới cần quy định các nguyên tắc hoặc đưa ra các hướng dẫn để phân biệt và hài hòa các hình thức hỗ trợ của chính phủ trong từng lĩnh vực.

Bảo lãnh nghĩa vụ của doanh nghiệp nhà nước trong vai trò là nhà cung cấp hoặc bên bao tiêu sản phẩm

Các quy định hiện hành về đối tác công tư chỉ quy định bảo lãnh đối với việc không thực hiện nghĩa vụ của các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhà nước lớn như PVGas, EVN/EPTC và Vinacomin đã hoặc sẽ sớm được cổ phần hóa trong khi vẫn giữ được cả quyền kiểm soát đa số của nhà nước và vị thế độc quyền/thống lĩnh thị trường. Do đó, Luật Đối tác công tư mới cần quy định về bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ không chỉ đối với các doanh nghiệp nhà nước mà cả các doanh nghiệp do Nhà nước kiểm soát, đó là các doanh nghiệp giữ vị trí độc quyền/thống lĩnh thị trường trong việc cung ứng nguyên liệu hoặc thị trường bao tiêu sản phẩm.

Tránh sự chậm trễ trong quá trình đấu thầu và đàm phán các dự án đối tác công tư Có hai lộ trình đã được đặt ra cho việc chuẩn bị dự án và lựa chọn nhà đầu tư:

- Quy trình đấu thầu: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (**Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền**) tiến hành hai bước: (i) chuẩn bị báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án để xin quyết định chủ trương đầu tư; và (ii) lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để tổ chức đấu thầu và lựa chọn các nhà đầu tư. Trong lĩnh vực giao thông, một dự án đường cao tốc đã được chuẩn bị và đề xuất để tổ chức đấu thầu nhưng đã bị tạm dừng. Trong lĩnh vực điện, dự án đấu thầu gần nhất phải mất 2 năm để chuẩn bị và phát hành Hồ sơ Mời thầu (một báo cáo nghiên cứu khả thi nửa chừng), 5 năm để tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư và 5 năm để hoàn thiện hồ sơ dự án và đạt được hoàn tất tài chính.

Nguyên nhân gây chậm trễ là do (a) Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền không thể lường trước và giải quyết được tất cả các yếu tố về thiết kế cơ sở, đánh giá môi trường, công nghệ và phân bổ rủi ro tại thời điểm lập Hồ sơ Mời thầu, và (b) pháp luật Việt Nam và quy định về thuế liên tục thay đổi, điều này dẫn đến việc tăng chi phí ban đầu và giá thầu. Luật đối tác công tư mới cần quy định về quy trình lập dự án và Hồ sơ Mời thầu phù hợp với các yếu tố thương mại và thị trường của dự án đối tác công tư (thay vì chỉ dựa trên các yêu cầu mua sắm công truyền thống) và cho phép các bên dự thầu linh hoạt trong việc cấu trúc dự án đối tác công tư và đạt được kết quả mong muốn.

- Đề xuất dự án của các nhà đầu tư: các nhà đầu tư cũng được phép tiến hành quy trình hai bước tương tự: (i) chuẩn bị báo cáo tiền khả thi dự án xin quyết định chủ trương đầu tư; và (ii) lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Dự án này sau đó lại được công khai đấu thầu cho các bên dự thầu khác. Hiện nhiên quy trình này không khuyến khích hay kích lệ các nhà đầu tư lập và đề xuất các dự án cơ sở hạ tầng phức tạp. Vì điều này đi liền với sự chậm trễ kéo dài trong quá trình đấu thầu, chúng tôi chưa thấy nhiều dự án đối tác công tư mới được đề xuất bởi các nhà đầu tư tiềm năng.

Luật đối tác công tư mới cần quy định các nguyên tắc yêu cầu các Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền (hoặc ban thẩm định dự án đối tác công tư) đặt ra các tiêu chí thẩm định, đánh giá và lựa chọn nhà đầu tư đã lập và trình đề xuất dự án.

Thay đổi về bảo vệ pháp luật

Các nhà đầu tư thuộc khu vực tư nhân hoạt động trên cơ sở quyền nhượng quyền dự án theo phê duyệt của Chính phủ và đề xuất giá gói thầu tốt nhất cho dự án đối tác công tư. Họ nên duy trì sự trung lập về mặt kinh tế đối với bất kỳ sự tăng hoặc giảm chi phí nào do các hành động của Chính phủ, bao gồm cả các sự kiện thay đổi về luật. Do vậy, việc tăng chi phí do sự thay đổi bất lợi về luật cần phải được tính vào biểu giá hoặc giá sản phẩm hoặc dịch vụ của dự án đối tác công tư; và các nhà đầu tư sẽ chia sẻ với các Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền bất kỳ quyền lợi hoặc lợi ích nào từ việc giảm chi phí do thay đổi bất lợi về luật.

Một sự thay đổi hợp lý về cơ chế bảo vệ pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết các yếu tố thương mại và thị trường và bảo đảm hiệu quả chi phí và khả năng dự báo về sản phẩm hoặc dịch vụ của các dự án đối tác công tư.

Lựa chọn luật điều chỉnh

Luật điều chỉnh phụ thuộc vào sự lựa chọn của các bên trong các thỏa thuận dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế. Pháp luật Việt Nam cho phép việc áp dụng luật nước ngoài, tùy thuộc vào một số bảo lưu pháp lý.

Như đã thảo luận trên đây, sự thành công của các dự án đối tác công tư phụ thuộc vào các nguồn tài chính khả thi. Các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA) và tài trợ vốn vay quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với một số lĩnh vực cơ sở hạ tầng, vì hiện tại các khoản vay ngân hàng trong nước hoặc trái phiếu đang bị khống chế hoặc giới hạn. Do đó, việc lựa chọn luật áp dụng cần để ngỏ cho các bên đàm phán và lựa chọn trong các thỏa thuận dự án có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bất kỳ yêu cầu bắt buộc nào của pháp luật Việt Nam sẽ khiến cho việc tài trợ dự án của bên nước ngoài hầu như không thể đạt được, vì các tài liệu dự án được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam không được xem là có khả năng được tài trợ vốn trên cơ sở không truy đòi bởi hầu hết các bên cho vay quốc tế lớn.

Xác lập và xử lý biện pháp bảo đảm dự án

Quyền sử dụng đất là tài sản quan trọng mà một dự án đối tác công tư cần sử dụng để bảo đảm cho việc tài trợ vốn của các bên cho vay quốc tế và trong nước. Theo quy định của pháp luật, quyền sử dụng đất được phép thế chấp cho các tổ chức tín dụng được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Cơ chế BOT cũ đã công nhận điều này đối với các dự án BOT đang hoạt động tại Việt Nam. Kể từ năm 2015, Nghị định 15 đã giới hạn việc áp dụng biện pháp bảo đảm quyền sử dụng đất cho những dự án được phép theo quy định của Luật Đất đai. Điều này đã dẫn đến những cách hiểu khác nhau và những thay đổi không cần thiết về cơ cấu bảo đảm.

Cụ thể, nếu một dự án được miễn nghĩa vụ trả tiền thuê đất, điều này không có nghĩa là công ty dự án không có quyền thế chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đây chính là cách mà các cơ quan có thẩm quyền diễn giải luật khi áp dụng vì pháp luật cho phép thế chấp quyền sử dụng đất nếu tiền thuê đất đã được thanh toán trước. Đây không phải là mục đích quy định trong trường hợp tiền thuê đất bằng không. Việc miễn tiền thuê đất là một hình thức khuyến khích đầu tư có lợi cho công ty dự án, điều này không làm giảm giá trị quyền sử dụng đất của công ty dự án. Để tránh việc diễn giải không cần thiết này, các nhà đầu tư trong một số dự án đã lựa chọn xin giảm tiền thuê đất (thay vì miễn tiền thuê đất). Các nhà đầu tư trong các dự án khác đã đàm phán với các Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền về việc sử dụng phương pháp tương đương thế chấp và nhận được cam kết của chính phủ giao quyền sử dụng đất cho bất kỳ bên được chuyển nhượng nào của dự án. Điều này đã làm lãng phí rất nhiều thời gian và gây hoang mang cho rất nhiều bên cho vay, do đó làm tổn hại đến lợi ích của Việt Nam.

Gần đây nhất, biện pháp bảo đảm đối với diện tích mặt nước biển, là một phần của địa điểm dự án, cũng được các cơ quan nhà nước khác nhau diễn giải khác nhau. Biện pháp bảo đảm bằng diện tích mặt nước biển nên được đề xuất áp dụng giống như biện pháp bảo đảm bằng đất đai, để đảm bảo tính toàn vẹn của địa điểm dự án và tránh việc phân chia không cần thiết các nhóm biện pháp bảo đảm liên quan đến tài trợ vốn cho dự án. Tất nhiên, quyền chủ quyền đối với diện tích mặt nước biển có thể và cần được duy trì, nhưng điều này có thể được quy định riêng.

Hạn chế chuyển nhượng

Nghị định 63/2018 và bản dự thảo mới nhất của Luật đối tác công tư không cho phép các nhà đầu tư được chuyển nhượng một phần hay tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các thỏa thuận dự án đã ký kết cho bất kỳ bên cho vay nào hoặc các nhà đầu tư khác cho đến khi hoàn thành việc xây dựng hoặc ngày vận hành thương mại (***Ngày Vận hành Thương mại***).

Mốc thời gian quan trọng của dự án đối tác công tư không phải là việc hoàn thành xây dựng hoặc Ngày Vận hành Thương mại, mà là ngày hoàn tất tài chính (để bảo đảm tài trợ vốn cho khởi công xây dựng). Để đạt được hoàn tất tài chính, các nhà đầu tư có nghĩa vụ phải thống nhất theo các thỏa thuận tài trợ vốn để chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo dự án cho các bên cho vay vào bất kỳ thời điểm nào nếu có vi phạm hoặc không tuân thủ các thỏa thuận tài trợ vốn.

Sau khi hoàn tất tài chính, các nhà đầu tư có thể tự xem xét việc chuyển nhượng hoặc được các bên cho vay yêu cầu chuyển nhượng một phần vốn chủ sở hữu trong công ty dự án cho một nhà đầu tư bên thứ ba để có một nhà đầu tư chiến lược hoặc tái cơ cấu vốn chủ sở hữu và chi phí phát triển. Vì vậy việc chuyển nhượng đó phải có sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền, trong bất kỳ trường hợp nào Cơ quan Nhà nước Có thẩm quyền sẽ có thể xem xét và kiểm soát quá trình chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Theo quy định hiện hành, việc chuyển nhượng như vậy được phép thực hiện phụ thuộc vào nhiều điều kiện, chẳng hạn như không có thay đổi về mục tiêu, quy mô, quy cách kỹ thuật, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG

*Chuẩn bị bởi
NCT Điện & Năng lượng VBF*

Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF mong muốn nhận được góp ý của các cơ quan liên quan về Dự thảo Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam (phiên bản 2.0). Chúng tôi sẽ trình nộp bản Dự thảo vào tháng 7/2019.

I. Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam (Made in Vietnam Energy Plan, viết tắt là MVEP) phiên bản 2.0 đưa ra khuyến nghị phát triển hệ thống năng lượng đa dạng, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng trong nước của Việt Nam

Dựa trên kết quả tham vấn với các lãnh đạo doanh nghiệp và đánh giá cân trọng các xu hướng trong nước và quốc tế, MVEP 2.0 đưa ra (06) sáu khuyến nghị định hướng hoạt động kinh doanh, nhằm cải thiện độ tin cậy và đảm bảo mức chi phí phải chăng cho hệ thống năng lượng của Việt Nam:

1. Ưu tiên năng lượng tái tạo trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Văn bản này cũng đưa ra các kịch bản thay thế, trong đó điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo (không bao gồm thủy điện) có thể chiếm tới 30% tổng công suất vào năm 2030.¹ Các kịch bản thay thế này phù hợp với các Cam kết đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam và đòi hỏi Chính phủ phải xây dựng các văn bản pháp luật hỗ trợ và khuyến khích để thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân ở Việt Nam. Việc khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đóng góp các kinh nghiệm phân tích thị trường, nguồn lực tài chính và kinh nghiệm về đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng vào quá trình xây dựng TSD VIII sẽ cải thiện hiệu quả quy trình lập quy hoạch.

2. Tăng cường sử dụng khí thiên nhiên như “phụ tải nền phù hợp nhất” cho năng lượng tái tạo

MVEP khuyến nghị phân cấp thuế đối với việc phát triển khí thiên nhiên ngoài khơi và nhập khẩu LNG do đây là phụ tải nền phù hợp nhất cho năng lượng tái tạo. Điện khí có thể dễ dàng mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu sử dụng cao của Việt Nam và ứng phó với các biến động về phụ tải gián đoạn cũng như sự cố mất điện nhanh chóng hơn so với nhiệt điện than. Hơn nữa, trong khi pin lưu trữ có tiềm năng mang lại cho Việt Nam nhiều giải pháp khắc phục tình trạng phụ tải gián đoạn trong tương lai, các dự án điện khí (LNG) hiện đang nhận được sự đầu tư từ đơn vị phát triển dự án, nhà đầu tư cũng như có nguồn tài trợ, đảm bảo khả năng được ngân hàng cấp vốn. Việc đưa điện khí vào tổ hợp các nguồn năng lượng giúp Việt Nam củng cố an ninh năng lượng trong khi thiết lập các hợp đồng cung cấp khí ga ngoài khơi dài hạn. Khí thiên nhiên hoá lỏng sạch hơn than đá do chỉ phát thải lượng khí CO₂ bằng một nửa so với than đá. Nếu xem xét cả các tác động về bệnh tật, tử vong và làm sạch tro than thì khí ga là phương án có giá thành ở mức hợp lý hơn hẳn so với than đá.

Dưới cơ chế thuế quan hiện tại, hoạt động khai thác các giếng khí ga ngoài khơi có thể mang lại cho Chính phủ nguồn thu đáng kể từ thuế, hoặc nếu mức thuế giảm thì nhiều đối tượng tiêu thụ sẽ có khả năng chi trả cho nguồn năng lượng này. TSD VIII cần nâng cao đáng kể mục tiêu tỷ trọng điện năng sản xuất từ khí trong tổng cung năng lượng vào năm 2030.

¹ Green ID 2018 và McKinsey 2019.

3. Xây dựng môi trường pháp lý và thuận lợi để thu hút đầu tư tư nhân vào hoạt động sản xuất năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả

Hợp đồng mua bán điện (PPA): MVEP 2.0 khuyến nghị xây dựng Hợp đồng mua bán điện cho các dự án sản xuất điện gió và điện mặt trời có khả năng được cấp vốn bằng cách thiết lập trước Cơ chế biểu giá FiTs và tháo gỡ các quy định chưa hợp lý. Chúng tôi kêu gọi minh bạch hoá các thay đổi về biểu giá FiTs và khuyến khích thảo luận về cách điều chỉnh quá trình duyệt quy hoạch tổng thể. Cuối cùng, những nỗ lực này sẽ giúp giảm bớt rủi ro cho nhà đầu tư và hạn chế khả năng giảm giá FiTs khi các dự án năng lượng tái tạo trở nên đơn giản và mang lại nhiều lợi nhuận hơn. Ngoài ra, việc xây dựng khung quy định pháp lý cụ thể cho hoạt động sản xuất điện mặt trời nổi, điện gió ngoài khơi, tích trữ hai loại năng lượng và tiếp cận đến năng lượng sạch bằng cách ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp có tác dụng cởi trói, thúc đẩy tiềm năng phát triển mạnh mẽ các dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA): MVEP 2.0 kiến nghị tăng cường khả năng tiếp cận năng lượng sạch của đối tượng sử dụng cuối cùng bằng cách sản xuất và lưu trữ điện năng ở địa phương. Báo cáo này khuyến khích chính phủ Việt Nam nắm bắt lợi ích của việc hỗ trợ hoạt động đầu tư của đối tượng sử dụng và đơn vị cung cấp điện vào các nhà máy sản xuất điện (behind the meter) từ năng lượng mặt trời, sinh khối, rác và pin. Quy định này sẽ giúp phát triển một mô hình thị trường năng động mới trong khi vẫn đảm bảo hoạt động cung ứng điện an toàn và đáng tin cậy.

Giá bán điện: Hậu quả của việc áp dụng giá điện thấp có thể thấy được qua việc sử dụng năng lượng không hiệu quả và nhu cầu điện tăng quá cao. MVEP 2.0 khuyến nghị công bố Lộ trình áp dụng biểu giá bán lẻ điện ở Việt Nam đến năm 2025, tập trung vào các đối tượng thương mại và công nghiệp. Lộ trình này phải cho thấy động thái dịch chuyển theo hướng định giá theo thị trường, giải quyết được tình trạng phụ tải đỉnh xảy ra trên hệ thống truyền tải trong giờ làm việc (từ 9h30 sáng đến 12h30 trưa và từ 13h30 chiều đến 15h30 chiều) và bao gồm mức giá bán lẻ khác nhau áp dụng cho các khu vực khác nhau. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần tiến hành một chiến dịch tuyên truyền nhằm cung cấp thông tin cho các bên có liên quan về nhu cầu và lợi ích của việc sử dụng năng lượng hiệu quả. Nâng cao nhận thức về việc sử dụng điện hiệu quả hơn nữa, các cơ chế khuyến khích hiện có và lý do cần phát triển điện có mức phát thải các-bon thấp sẽ giúp cộng đồng tham gia và hiểu cho ngành điện khi giá bán điện tăng.

4. Xây dựng môi trường pháp lý và thuận lợi để thu hút đầu tư vào các dự án nhỏ-không hòa lưới và tăng cường hiệu quả điện năng nhằm khuyến khích hoạt động sản xuất năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả

Điện mặt trời mái nhà: VBF đã khuyến nghị trong dự thảo các quy định liên quan đến điện mặt trời mái nhà vào năm 2017 rằng nên nâng ngưỡng miễn Giấy phép điện lực từ 1MW lên 3MW. VBF tiếp tục khuyến nghị rằng Bộ Công thương nên cân nhắc nâng ngưỡng miễn giấy phép lên 3MW để tận dụng được tối đa lợi ích từ việc đầu tư vào điện mặt trời mái nhà.

Mô hình Behind-the-meter: VBF khuyến nghị các nhà máy năng lượng sạch (behind the meter) và không đấu nối điện vào lưới điện EVN:

- Được miễn yêu cầu phải có giấy phép hoạt động điện lực nếu công suất chưa vượt quá 30MW;
- Không bắt buộc phải xin phê duyệt trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia;
- Cần thông báo kịp thời cho EVN về thời điểm đưa nhà máy điện vào vận hành.

Hiệu quả năng lượng: Cường độ năng lượng bình quân đầu người của Việt Nam thuộc vào hàng cao nhất khu vực - trong giai đoạn 2009-2013, nhất là những nước có cùng mức GDP bình quân đầu người. Bên cạnh các chiến dịch tuyên truyền, báo cáo cũng khuyến nghị xây dựng và áp dụng

những quy định trong xây dựng, sử dụng thiết bị, máy móc công nghiệp nặng, giúp giảm cường độ sử dụng điện trong sản xuất, khu thương mại và dân cư.

5. Đầu tư phát triển hạ tầng lưới điện để cải thiện tính ổn định và nâng cao công suất

Tỷ trọng điện năng lượng tái tạo và điện khí trong lưới điện tăng gây ra một số thách thức liên quan đến việc hoà lưới các nhà máy điện phân tán vốn cấp điện gián đoạn. Do lượng điện gió và điện mặt trời tăng mạnh, đặc biệt tại khu vực phía nam, Việt Nam cần nhanh chóng thực hiện đầu tư để tăng cường và mở rộng mạng lưới truyền tải và phân phối. Hơn nữa, Việt Nam có nhiều cơ hội tiềm năng để thúc đẩy sự tham gia và tận dụng kinh nghiệm chuyên môn của khu vực tư nhân và của các nhà tài trợ quốc tế trong lĩnh vực hoà lưới điện năng sản xuất từ năng lượng tái tạo, pin lưu trữ và tính linh hoạt của hệ thống.

6. Dừng phê duyệt mới các dự án nhiệt điện than

Trong bối cảnh có nhiều quan ngại về việc tăng cường phát triển nhiệt điện than theo định hướng của TSD VII, chúng tôi kiến nghị Việt Nam dừng phê duyệt các nhà máy nhiệt điện than mới và rà soát các nhà máy đã được duyệt nhưng chưa có nguồn tài trợ hoặc chưa ký hợp đồng mua bán điện.

Cần thực hiện (06) sáu hành động chính sách và quy định pháp luật chính để đảm bảo tương lai năng lượng bền vững hơn về mặt môi trường, xã hội và tài chính:

Các khuyến nghị nêu trên của MVEP 2.0 sẽ hỗ trợ Việt Nam xây dựng hệ thống năng lượng bền vững hơn về mặt môi trường, xã hội và tài chính trong tương lai. Việt Nam cần tiến hành năm hành động chính sau đây để thực hiện các khuyến nghị nói trên.

- a. Tăng cường sự tham gia của các chuyên gia năng lượng trong khu vực tư nhân trong xây dựng TSD VIII, trong đó đặc biệt ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, khí, pin lưu trữ và sử dụng hiệu quả năng lượng. Trừ lĩnh vực pin lưu trữ mới trở thành giải pháp có chi phí phải chăng trong thời gian gần đây, biện pháp này phản ánh các mục tiêu đã nêu trong MVEP 1.0.
- b. Thực hiện các quy định pháp luật và ưu đãi để khuyến khích đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo (behind the meter), chẳng hạn như điện mặt trời mái nhà, pin lưu trữ, điện mặt trời nổi và điện gió ngoài khơi; đơn giản hoá quy trình phê duyệt dự án trong khi vẫn duy trì các hệ thống điện an toàn.
- c. Chuẩn hoá hợp đồng mua bán điện năng lượng tái tạo thành hợp đồng có khả năng được cấp vốn quốc tế và bắt đầu thí điểm mô hình Sleeved DPPA trong năm 2019.
- d. Công bố lộ trình giá bán lẻ điện đến năm 2025 trong đó cần phản ánh sự dịch chuyển theo hướng định giá theo thị trường, điều chỉnh số giờ áp giá điện đỉnh và cân nhắc áp dụng biểu giá bán lẻ khác nhau cho các khu vực khác nhau và cho các hộ gia đình khó khăn.
- e. Đánh giá nhu cầu cấp thiết về phát triển hệ thống lưới truyền tải và cách thức phát triển hạ tầng lưới điện có chi phí thấp nhất với sự hỗ trợ của khu vực tư nhân, từ đó giúp tăng sản lượng điện năng lượng tái tạo và nguồn điện truyền tải.
- f. Đánh giá các nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề cường độ tiêu thụ năng lượng cao và ngày một tăng tại Việt Nam so với các quốc gia khác có mức GDP/người tương tự hoặc cao hơn trong khu vực. Thực hiện chiến dịch cộng đồng về chống lãng phí năng lượng.

Các biện pháp đề xuất nói trên sẽ đảm bảo an ninh năng lượng, hệ thống năng lượng đáng tin cậy và có chi phí hợp lý

Các kiến nghị nêu trên của MVEP 2.0 sẽ giúp Việt Nam đạt được năm kết quả đầu ra chính như sau:

- a. An ninh năng lượng được tăng cường nhờ điện khí, sử dụng năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo trong hệ thống năng lượng. Nguồn năng lượng dồi dào và đa dạng là chìa khóa cho an ninh cũng như khôi phục hệ thống năng lượng.
- b. Chi phí hệ thống điện giảm so với kế hoạch năng lượng dựa vào điện than nhờ tránh được việc phải nhập khẩu than đá và các chi phí liên quan đến hạ tầng lưới điện, giảm các chi phí về sức khỏe và tác động môi trường.
- c. Tăng thu hút đầu tư tư nhân hơn vào các dự án năng lượng tái tạo, nhờ đó giảm bớt áp lực về công suất điện cho EVN và chia sẻ trách nhiệm này với nhiều đối tượng sử dụng điện cũng như đơn vị sản xuất điện trong mô hình sản xuất phân tán.
- d. “Xã hội hoá” thị trường điện để bảo vệ người nghèo có khả năng chi trả thấp nhất, đảm bảo EVN hoạt động bền vững về tài chính và phản ánh bước dịch chuyển hướng tới định giá theo thị trường trong khuôn khổ TSD VIII.
- e. Giảm mức phát thải khí nhà kính so với kế hoạch năng lượng dựa vào than đá, phù hợp với các cam kết NDC của Việt Nam.
- f. Thực hiện các chính sách, kế hoạch tuyên truyền về giảm cường độ tiêu thụ năng lượng và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng.

II. Thực hiện “Khảo sát Quan điểm của khối doanh nghiệp FDI sử dụng năng lượng tại Việt Nam”

Khảo sát làm rõ những yếu tố gây ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào Việt Nam, sự nhạy cảm về giá, mong muốn sử dụng năng lượng tái tạo, những rào cản và giải pháp để đáp ứng nhu cầu điện, các tác động đến quyết định đầu tư tại Việt Nam.

Việc thực hiện khảo sát trực tuyến là cách nhanh và đơn giản nhất với khối lượng lớn thông tin liên lạc được quản lý hiệu quả thông qua các Hiệp hội doanh nghiệp.

Mục tiêu:

- Đưa ra kết quả khảo sát ngắn gọn, có sức thuyết phục mạnh mẽ;
- Cung cấp cho Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ các thông tin/mẫu về các ưu tiên cho đối tượng sử dụng, đặc biệt là các dữ liệu liên quan đến sự nhạy cảm về giá;
- Thu thập khoảng 1000 mẫu để tạo tác động tối đa;
- Tổ chức các cuộc họp với Ủy ban Nhân dân Thành phố và các công ty truyền tải điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), đặc biệt tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và điện lực phía Nam.

III. Tóm tắt một số vấn đề cụ thể: (Vui lòng xem Phụ lục).

PHỤ LỤC**TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ**

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Điện & Năng lượng
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

I. CÁC VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Khuyến nghị</i>
1.	Điện gió ngoài khơi	Điện gió ngoài khơi đang phát triển nhanh chóng trên toàn cầu do đây là một trong những giải pháp năng lượng tái tạo có chi phí thấp nhất. Các nhà đầu tư nhìn thấy tiềm năng lớn trong việc phát triển điện gió ngoài khơi ở Việt Nam trong khuôn khổ thị trường năng lượng bền vững. Với đường bờ biển dài, nguồn tài nguyên gió ngoài khơi có thể giúp Việt Nam xây dựng nhà máy điện gần các địa điểm có nhu cầu cao thay vì tập trung quá nhiều nhà máy tại các tỉnh có nhu cầu thấp như Ninh Thuận và Bình Thuận.	VBF đề xuất Bộ Công Thương xem xét việc phát triển điện gió ngoài khơi với quy mô lớn theo hướng: <ul style="list-style-type: none"> Thiết lập các hợp đồng mua bán điện có khả năng vay vốn của các tổ chức tài chính quốc tế Đồng bộ quy trình cấp phép và quy hoạch tổng thể trong cơ chế một cửa duy nhất. Huy động sự tham gia của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia - EVN và tất cả các bên liên quan trong việc xây dựng Kế hoạch Truyền tải Lưới điện Chiến lược và xem xét cho phép các chủ đầu tư xây dựng đường truyền 220kv và 500kv của riêng mình. Xác định hệ thống giá bán điện (FIT) áp dụng cho đến năm 2025.
2.	Nhà máy điện (Behind the meter) có công suất lên tới 50MW	Sản xuất điện gần khu vực tiêu thụ, theo mô hình behind the meter, để tự phục vụ nhu cầu tiêu thụ, sử dụng công nghệ điện mặt trời hoặc sinh khối là một giải pháp hiệu quả về chi phí để đáp ứng nhu cầu năng lượng địa phương. Phương án này giúp loại bỏ áp lực đối với lưới phân phối điện địa phương và giảm bớt gánh nặng đầu tư vốn của EVN vào mạng lưới phân phối và truyền tải điện. Mặt khác, do điện không đấu nối vào lưới điện nên EVN cũng không phải lo ngại về vấn đề an toàn.	VBF khuyến nghị các nhà máy điện (behind the meter) và không đấu nối điện vào lưới điện EVN: <ul style="list-style-type: none"> Được miễn yêu cầu phải có giấy phép hoạt động điện lực nếu công suất chưa vượt quá 30MW Không bắt buộc phải xin phê duyệt trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Khuyến nghị</i>
			<ul style="list-style-type: none"> Cần thông báo kịp thời cho EVN về thời điểm đưa nhà máy điện vào vận hành.
3.	Kết hợp điện mặt trời và pin	<p>Các quy định về điện mặt trời/pin đã được đưa ra khỏi dự thảo mới nhất Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.</p> <p>Kết hợp điện mặt trời và lưu trữ năng lượng bằng pin là cách cực kỳ hiệu quả để sản xuất và cung cấp điện cũng như đảm bảo tính ổn định của lượng điện đầu nối vào lưới điện.</p>	VBF đề xuất đưa nội dung về kết hợp lưu trữ điện mặt trời và pin vào trong dự thảo cuối cùng của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.
4.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.	Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF hy vọng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam sẽ được hoàn thiện và ban hành trong tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, giá điện FiT mới đã bị cắt giảm tới 30% và có thể là quá thấp để thu hút các nhà đầu tư tham gia các dự án điện mặt trời. Tỷ suất lợi nhuận ròng cho các nhà đầu tư hiện vẫn đang thấp hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn một năm tại ngân hàng Việt Nam. Vì tỷ suất lợi nhuận thấp, chi phí phát triển cao, những biến động trong đầu nối lưới điện và các hợp đồng PPA không có khả năng vay vốn từ tổ chức tài chính quốc tế, hầu hết các dự án điện mặt trời còn lại (363 dự án) có nguy cơ không bao giờ được đưa vào vận hành.	<p>VBF khuyến nghị: trong Phụ lục 2.</p> <ol style="list-style-type: none"> Cần tăng mức giá bán điện đề xuất hoặc ban hành dự thảo hợp đồng PPA mới để đảm bảo khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế. Xem mục bên dưới “Tạo cơ chế phân bổ rủi ro công bằng hơn trong” danh mục vấn đề năm 2018 Theo bản đồ bức xạ mặt trời của Việt Nam, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai và Phú Yên có lượng nắng tương đương với hầu hết các tỉnh thuộc khu vực 3. Những tỉnh này nên ở khu vực 3 chứ không phải khu vực 4.
5.	Mô hình điện mặt trời nổi nên được ưu tiên và phát huy rộng rãi	Điện mặt trời nổi sẽ không có vấn đề gì về công suất lưới điện quá tải (nhờ vị trí gần các nhà máy thủy điện hiện có lưới điện) đồng thời tạo ra rất ít, hoặc không có, tác động tiêu cực đối với việc sử dụng đất.	<p>VBF khuyến nghị như sau đối với các nhà máy điện mặt trời nổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> FiT được tăng lên thành 9 cent/kWh đến năm 2022, để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia dự án điện mặt trời nổi và tạo điều kiện cho nhà đầu tư thu hồi chi phí thiết bị cao hơn. Được ưu tiên hơn trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia so với các dự án điện khác.

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Khuyến nghị</i>
6.	Chuyển đổi và tự do hóa thị trường	Việt Nam cam kết cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các chủ đầu tư dự án điện tư nhân và cho phép thành lập các thị trường điện cạnh tranh. Quá trình cổ phần hóa các tổng công ty phát điện (EVN GENCO) cũng chưa có nhiều tiến triển Thị trường bán buôn điện cạnh tranh là bước quan trọng tiếp theo trong tự do hóa thị trường năng lượng của Việt Nam, tuy việc quá trình thực hiện đã bị chậm trễ đáng kể so với mốc thực hiện đặt ra ban đầu là vào năm 2016.	VBF đề xuất Bộ Công Thương <ul style="list-style-type: none"> Tiến hành cổ phần hóa các GENCO trong năm 2019 Triển khai thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong năm 2020.
7.	Luật Quy hoạch 2018	Tác động của Luật Quy hoạch đang khiến các nhà đầu tư ngành điện lo ngại.	VBF đề nghị làm rõ quy trình phê duyệt dự án các nhà máy phát điện mới có đầu nối vào lưới điện ở Việt Nam, mà chúng tôi hy vọng sẽ theo hướng tinh giản các quy trình phê duyệt và cấp phép.

II. CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP THƯỜNG NIÊN THÁNG 12/2018

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)</i>	<i>Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019</i>
8.	Tạo cơ chế phân bổ rủi ro công bằng hơn giữa các nhà đầu tư khu vực tư nhân và đối tác nhà nước bằng cách: Sửa đổi mẫu hợp đồng mua bán điện theo các tiêu chuẩn quốc tế	<i>Chưa giải quyết</i> Các khuyến nghị chính trong tài liệu tham vấn giữa kỳ 2017 của VBF về dự thảo hợp đồng mua bán điện mặt trời chưa được thể hiện trong bản PPA chính thức ban hành theo Thông tư số 16/2017/TT-BCT vào tháng 9 năm 2017. Vào tháng 3 năm 2018, mẫu PPA cho điện gió đã được điều chỉnh để cải thiện quyền bồi thường cho nhà đầu tư tư nhân nếu EVN	VBF đề xuất: Nếu hợp đồng mua bán điện được điều chỉnh để đáp ứng tiêu chuẩn vay vốn của các tổ chức tài chính quốc tế, chi phí vốn của các nhà máy điện mặt trời có thể giảm ngay lập tức và biểu giá 7.5 cent vẫn có thể tiếp tục thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực điện mặt trời đến năm 2021.

Stt	Tham chiếu	Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)	Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019
	<i>Lưu ý: Vấn đề phân bổ rủi ro cũng liên quan trực tiếp đến các dự án PPP.</i>	<p>chấm dứt hợp đồng mua bán điện theo Thông tư 02/2019/TT-BCT.</p> <p>Các dự án điện mặt trời trong giai đoạn I của thị trường (2018 - 2019) đã được tài trợ bằng vốn cổ phần của nhà đầu tư và tài chính doanh nghiệp dựa trên tài sản hiện có của các nhà đầu tư. Tuy vậy, tài sản của công ty vẫn không đủ để đảm bảo kinh phí cho thị trường điện mặt trời và gió giai đoạn II.</p>	<p>Nếu biểu giá giảm theo Dự thảo Quyết định số 4 (Dự thảo # 4/2019/QĐ-TTg) mà không có bất kỳ cải thiện nào trong cơ chế phân bổ rủi ro trong hợp đồng mua bán điện, nhiều nhà đầu tư nước ngoài cho biết ý định ngừng đầu tư vào thị trường điện mặt trời Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bộ Công Thương thực hiện ba cải tiến và sửa đổi quan trọng nhất đối với hợp đồng mua bán điện điện mặt trời kể từ 1/7/2019 (bao gồm: (i) Các khoản thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, (ii) các điều khoản sử-dụng-hoặc-thanh-toán của EVN, (iii) Giải quyết tranh chấp/Điều khoản trọng tài). • Những cải tiến và sửa đổi này cũng nên được đưa vào các hợp đồng mua bán điện gió, điện sinh khối và điện từ rác thải. • Chính phủ cho phép các tổ chức tài chính quốc tế tự do tiếp cận thị trường năng lượng sạch và đảm bảo rằng thị trường điện mặt trời và gió giai đoạn II có đủ nguồn tài chính dự án để đạt được các mục tiêu của Chính phủ là 12.000MW điện mặt trời và 6.000MW điện gió.
9.	Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA)	<p><i>Chưa giải quyết - Đang thực hiện</i></p> <p>Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF, Tiểu ban Tăng trưởng Xanh (GGSC) thuộc EuroCham và Nhóm Điện & Năng lượng của AMCHAM đã gặp ERAV trong năm 2018 để tìm hiểu về cách thức và thời điểm triển khai Đề án thí điểm. VBF đã có công văn gửi ERAV vào ngày 18/4/2019 trình bày quan ngại về việc ưu tiên mô hình Sleeved DPPA.</p>	<p>VBF đề xuất ERAV:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu phản hồi công văn của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF ngày 18/4/2019 • Xác định ngày bắt đầu Đề án thí điểm sử dụng Sleeved DPPA trong năm 2019

Stt	Tham chiếu	Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)	Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019
		<p>Các nhà sản xuất điện xem DPPA là cách đơn giản để tăng khả năng tiếp cận thị trường tự do. Người tiêu dùng điện cũng muốn tiếp cận nhiều hơn với nguồn năng lượng sạch thông qua DPPA. Người tiêu dùng không sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho năng lượng sạch và sợ rằng mô hình Synthetic có thể đẩy giá điện cao hơn mức hiện hành.</p>	<p>Nhân đây VBF cũng xin cảm ơn Bộ Công Thương vì bản mô tả chi tiết quy trình trong thư đề ngày 31/1/2019.</p> <p>VBF mong được hợp tác chặt chẽ hơn với ERAV và cảm ơn ERAV vì đã quan tâm đến ý kiến của các thành viên VBF.</p>
10.	<p>Khuyến khích đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả và phân phối nguồn điện do người sử dụng điện sản xuất.</p> <p>“Phát điện” phân phối bao gồm điện mặt trời trên mái nhà, điện sinh khối và điện từ rác thải do người tiêu dùng sản xuất gần điểm tiêu thụ</p>	<p><i>Chưa giải quyết</i></p> <p>Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam 2016 nhấn mạnh rằng 11% tổng sản lượng điện mới dự kiến xây dựng vào năm 2030 sẽ không cần thiết nếu có thể kích thích đầu tư vào hiệu quả sử dụng năng lượng</p> <p>Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ban hành ngày 25/7/2017 về khung giá bán điện trung bình trong giai đoạn 2016 - 2010 và "Khung giá" được công bố vào tháng 12 năm 2017, không gắn với hệ thống định giá dựa trên thị trường và cho thấy rằng giá điện sẽ tăng với tốc độ thấp hơn CPI hiện tại. Tín hiệu về giá này sẽ cản trở, thay vì khuyến khích đầu tư vào hiệu quả sử dụng năng lượng.</p> <p>Quyết định 280/2019/QĐ-TTg về Hiệu quả sử dụng năng lượng đặt ra các mục tiêu về quy mô hiệu quả và cơ chế khuyến khích đầu tư trong giai đoạn 2019 - 2030.</p> <p>Tuy nhiên, biểu giá hiện tại không đảm bảo thu hồi chi phí sản xuất và cung cấp điện cho người tiêu dùng, đồng thời gia tăng nhu cầu trợ giá từ ngân sách do chi phí sản xuất và phân phối điện từ năm 2020 đến năm 2025 chắc chắn sẽ tăng.</p>	<p>VBF đề xuất: Chính phủ công bố lộ trình/Khung giá cho giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm chuyển đổi dần sang cơ chế giá điện dựa trên thị trường và:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cung cấp thông tin minh bạch cho người tiêu dùng về lộ trình tăng giá trong tương lai Tiếp tục duy trì hệ thống giá điện xã hội hóa để hỗ trợ người dân có thu nhập thấp Ngăn chặn các hành vi lãng phí điện Khuyến khích người tiêu dùng điện đầu tư vào Sản xuất năng lượng sạch và Sử dụng năng lượng hiệu quả Đưa ra biểu giá công bằng và minh bạch cho những người tiêu dùng có khả năng chi trả toàn bộ tiền điện và xóa bỏ cơ chế bù chéo cho người tiêu dùng điện công nghiệp Bảo vệ các ngành công nghiệp có tầm quan trọng quốc gia, như sản xuất phân bón, sắt thép và xi măng Đổi mới giá điện - hai hoạt động chính: <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi biểu giá điện hàng ngày dành cho khách hàng Thương mại và Công nghiệp giúp giảm nhu cầu và tải cao điểm trên hệ thống truyền tải cũng như giảm thất thoát truyền tải.

Stt	Tham chiếu	Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)	Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019
		(Tham khảo Nghiên cứu về giá điện của USAID năm 2017, Báo cáo của Ngân hàng Thế giới về Kế hoạch Hoàn Vốn của EVN năm 2016).	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng biểu giá bán lẻ trong từng khu vực để phản ánh giá bán buôn khác nhau và sự khác biệt về chi phí sản xuất cũng như cung cấp điện ở mỗi khu vực.
11.	Vai trò của Chính phủ và vai trò của khu vực tư nhân trong hợp tác truyền tải điện	<p><i>Đang thực hiện</i></p> <p>Sự tăng trưởng nhanh chóng của năng lượng sạch trong thời gian gần đây và mở rộng năng lượng sử dụng khí đốt trong tương lai đang đặt ra những thách thức mới cho sự phát triển và an toàn truyền tải lưới điện.</p>	<p>VBF đánh giá cao sự quan tâm đặc biệt của EVN và Bộ Công Thương về việc nâng cấp mạng lưới truyền tải và đường dây phân phối để hỗ trợ phát triển năng lượng sạch và khí đốt. Mạng lưới truyền tải ổn định sẽ giúp giảm thiểu việc cắt giảm và vận hành an toàn và hiệu quả với năng lượng tái tạo có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn đối với các chủ đầu tư và người tiêu dùng điện.</p> <p>VBF đề xuất Bộ Công Thương:</p> <ol style="list-style-type: none"> cho phép các chủ đầu tư tư nhân phân phối hoặc sản xuất điện (behind the meter) từ sinh khối, mặt trời, gió và nguồn tái tạo khác tại các tòa nhà dân dụng, thương mại và sản xuất. Điều này sẽ góp phần làm giảm áp lực cho hệ thống phân phối và truyền tải điện, giúp bù đắp cho nhu cầu phụ tải cao điểm và giảm nguy cơ mất điện đột xuất. đẩy nhanh quy trình ra quyết định và thiết lập quy định để khuyến khích phát triển các cơ sở sử dụng khí đốt và LNG.
12.	Xóa bỏ mọi rào cản pháp lý còn lại đối với việc lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà dân và doanh nghiệp a. Làm rõ các quy định đối với điện mặt trời trên mái nhà để xác định tính hợp pháp về các	<p><i>Đã giải quyết một phần (Theo Dự thảo Quyết định số 4 Du thảo # 4/2019/QĐ-TTg đang được hoàn thiện và ban hành)</i></p> <p><i>a. Đã giải quyết</i></p> <p>Theo Công văn số 1210/BCT-DTDL ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Công Thương gửi VBF, đã làm rõ rằng theo Điều 3.2, Thông tư số 12/2017/TT-BCT, Yêu cầu miễn <u>Giấy phép hoạt động điện lực</u> nếu công suất lắp đặt dưới 1MWp trong trường</p>	<p>Về khuyến nghị của VBF trong bản góp ý cho dự thảo các quy định về điện mặt trời trên mái nhà năm 2017 đề xuất tăng ngưỡng miễn Giấy phép hoạt động điện lực từ 1MW lên 3MW. VBF đề xuất Bộ Công Thương xem xét tăng ngưỡng miễn giấy phép lên 3MW để hiện thực hóa tối đa lợi ích của việc đầu tư vào hệ thống điện mặt trời trên mái nhà.</p>

Stt	Tham chiếu	Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)	Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019
	<p>thỏa thuận cung cấp điện của bên thứ ba.</p> <p>b. Thanh toán tiền bán điện net đối với lượng điện được chuyển giao cho EVN</p> <p>c. Tăng giới hạn miễn trừ Giấy phép hoạt động từ 1MW lên 3MW</p>	<p>hợp điện sản xuất ra được bán cho các đơn vị khác, và theo đó, các dự án điện mặt trời trên mái nhà có công suất dưới 1Mwp sẽ được miễn Giấy phép hoạt động.</p> <p><i>b. Đã giải quyết</i> Thông tư 5/2019/TT-BCT đã làm rõ quy trình thanh toán để EVN sử dụng khi thanh toán tiền điện mặt trời bán ngược vào lưới điện.</p> <p><i>c. Chưa giải quyết</i></p>	<p>VBF đề nghị EVN xem xét:</p> <p>a. Yêu cầu chủ dự án hệ thống điện mặt trời cung cấp cho EVN thông báo hợp lý về việc vận hành bất kỳ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà nào có công suất vượt quá 1MW.</p> <p>b. EVN có thể đặt ra các giới hạn hợp lý về lượng điện có thể được xuất ngược từ các dự án điện mặt trời trên mái nhà vượt quá 1MW.</p> <p>c. để xác định ngày và thời gian mà điện có thể không được xuất ngược vào lưới điện từ các hệ thống điện mặt trời trên mái nhà có công suất vượt quá 3MW.</p>
13.	<p>Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dự án điện trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia.</p> <p>VBF đã đề xuất các Tiêu chí lựa chọn để xác định dự án điện mặt trời và năng lượng gió nào sẽ được đưa vào Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia trong bản đề trình cho cuộc họp giữa kỳ tháng 12 năm 2017.</p>	<p><i>Chưa giải quyết</i></p> <p>Các tiêu chí đặc biệt có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải phóng mặt bằng và bồi thường. Không có các vấn đề quan trọng như tác động đến Rừng Quốc gia, các loài Động vật hoang dã đang bị đe dọa, nhóm người Dân tộc thiểu số, hoặc ảnh hưởng đến nơi ở và sinh kế của một số lượng lớn hộ gia đình. • Trong trường hợp khi tất cả các dự án điện theo kế hoạch trong khu vực đó cũng được triển khai thực hiện thì việc kết nối mạng lưới phải được đảm bảo và duy trì . • Nhà đầu tư cho các dự án phải cung cấp bằng chứng hữu hình về khả năng đầu tư vốn và huy động tài chính để thực hiện toàn bộ dự án bao gồm các đảm bảo cho mức độ phát điện • Nhà đầu tư dự án có hồ sơ năng lực về thành công trong việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, bao gồm các dự án sản xuất năng lượng tại Việt Nam hoặc tại các thị trường Đông Nam Á. 	<p>VBF hoan nghênh các ý kiến phản hồi và khuyến nghị của Bộ Công Thương về tính hữu ích của các tiêu chí lựa chọn.</p> <p>VBF cũng đề xuất hợp tác giữa EVN, Bộ Công Thương và VBF để cùng phân tích các dự án năng lượng sạch:</p> <p>a. trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia và</p> <p>b. cấp độ sâu hơn là trong Kế hoạch tổng thể năng lượng quốc gia</p> <p>Phản biện các tiêu chí lựa chọn để đánh giá chi phí và lợi ích của việc thực hiện các dự án này.</p>

Stt	Tham chiếu	Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)	Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019
14.	Hợp tác với VBF trong Chiến lược tài chính và phát triển chính sách năng lượng cho ngành năng lượng	<p>Chưa giải quyết</p> <p>Vai trò của các đại diện cho khu vực tư nhân chưa được xác định rõ ràng trong kế hoạch phát triển TSD # 8</p> <p>Với 70% đầu tư sản xuất năng lượng đến từ khu vực tư nhân, hiện tại là thời điểm hợp lý để khu vực tư nhân đầu tư vào mạng lưới truyền tải, sự cần thiết của nhu cầu liên lạc và hợp tác trực tiếp chặt chẽ hơn giữa các bên là rất rõ ràng.</p> <p>NCT Điện & Năng lượng VBF đang xây dựng bản dự thảo cập nhật Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam, bản 2.0 - 2019, mô tả phương pháp mà Việt Nam có thể đáp ứng được nhu cầu năng lượng trong tương lai bằng các nguồn tài nguyên trong nước mà không cần phải nhập khẩu nhiên liệu hoặc điện. MVEP 2 khuyến nghị nên sử dụng và ưu tiên cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Năng lượng tái tạo • Sản xuất điện năng của đối tượng sử dụng điện • Sử dụng khí đốt như một giải pháp linh hoạt để thay thế cho than nhập khẩu. 	<p>VBF hoan nghênh đề nghị của Bộ Công Thương (Thu từ Bộ Công Thương ngày 31 tháng 1 năm 2019) về hợp tác trực tiếp với khu vực tư nhân trong TSD # 8. VBF mong muốn có cuộc gặp gỡ với Bộ Công Thương và cùng thảo luận và xác định cách thức hợp tác đó.</p> <p>NCT Điện & Năng lượng VBF với các nguồn lực từ Chương trình năng lượng sạch đề nghị hỗ trợ cho TSD # 8 trong các nội dung được phát triển hợp tác với NCT Điện & Năng lượng VBF trên các lĩnh vực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích thị trường: tình trạng hiện tại của các nhà đầu tư, tài chính, các nhà cung cấp công nghệ và dịch vụ. • Nguồn và điều kiện tài chính: những nguồn có thể sử dụng để tài trợ cho quá trình phát triển thị trường trong TSD # 8 cũng như các điều kiện cần thay đổi để thực hiện các phương án tài chính với chi phí thấp nhất có thể • Khảo sát quan điểm của khối doanh nghiệp FDI sử dụng năng lượng tại Việt Nam: Người tiêu dùng mong muốn điều gì từ nguồn cung cấp điện và mức độ nhạy cảm của giá cả thị trường?
15.	<p>Vấn đề của Bộ KH & ĐT, (với vai trò đại diện cho Bộ Công Thương, và Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Tài chính)</p> <p>Mức độ sẵn sàng của Việt Nam về các Cơ chế Hỗ trợ Tài chính Khí hậu cho khu vực tư nhân</p>	<p>Chưa giải quyết</p> <p>Không có cơ chế tài chính khí hậu quan trọng nào mới được triển khai hỗ trợ hiệu quả năng lượng sạch cho khu vực tư nhân tại Việt Nam.</p> <p>Các Quỹ Hỗ trợ Tài chính Khí hậu như GCF, ICF mong muốn cho phép các doanh nghiệp khu vực tư nhân có hàm lượng carbon</p>	<p>VBF đề xuất Bộ KH & ĐT thông báo cho các quỹ tài chính khí hậu về việc hỗ trợ các chương trình năng lượng sạch hoặc tiết kiệm năng lượng bằng cách sử dụng Quỹ Khí hậu sẽ được xem như “hỗ trợ quốc gia” và Chính phủ Việt Nam sẽ không phản đối chương trình được đề xuất nếu kết quả của hoạt động góp phần đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu của chương trình PDP đang có hiệu lực

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Tình trạng hiện tại (Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết)</i>	<i>Khuyến nghị cập nhật vào tháng 6/2019</i>
		<p>thấp ở Việt Nam phát triển và giúp đáp ứng Cam kết Quốc Gia về Giảm phát thải Khí nhà kính</p> <p>Cơ chế thu thập bằng chứng về “Hỗ trợ quốc gia” cho năng lượng sạch và quy trình Thụ không phản đối, dường như rất phức tạp, chậm và khó được cho là thành công.</p>	<p>hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu của Kế hoạch hành động INDC <p>NCT Điện & Năng lượng đề nghị được hỗ trợ Bộ KH & ĐT trong quá trình phát triển các đề xuất cho các quỹ tài chính khí hậu toàn cầu và song phương, giúp mở cửa thị trường cho đầu tư khu vực tư nhân cũng như tạo điều kiện thu hút đầu tư cho các nỗ lực thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam.</p>

CUỘC HỌP GIỮA BỘ CÔNG THƯƠNG, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ VBF VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH MỚI CỦA THỦ TƯỚNG VỀ CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI Ở VIỆT NAM

Thời gian: 14:00, Thứ Ba, ngày 16/4/2019

Địa điểm: Trụ sở Bộ Kế hoạch & Đầu tư, 6B Hoàng Diệu, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG THẢO LUẬN

Thành phần tham dự

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

- Ông Nguyễn Nội – Phó Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài
- Ông Sơn, Vụ Kinh tế công nghiệp
- Ông Vũ Xuân Hương, Phòng Chính sách, Cục Đầu tư nước ngoài

Bộ Công thương

- Ông Nguyễn Ninh Hải – Trưởng phòng Năng lượng mới & năng lượng tái tạo, Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo
- Ông Lê Anh Đức - Giám đốc Trung tâm phát triển thị trường điện & Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

VBF

- Ông John Rockhold – Trưởng NCT Điện & Năng lượng VBF
- Ông Tetsu Funayama – Thành viên Ban Lãnh đạo VBF
- Ông Lương Bá Hùng – Giám đốc Dự án Năng lượng bền vững, NCT Điện & Năng lượng VBF
- Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên Ban Quản trị NCT Điện & Năng lượng VBF

Và hơn 25 đại diện từ các doanh nghiệp.

PHẢN HỒI VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG THẢO LUẬN CHÍNH VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Ông Nguyễn Ninh Hải – Trưởng phòng Năng lượng mới & Năng lượng tái tạo, Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo

- Bộ Công thương (“BCT”) đã ban hành Dự thảo mới, trong đó đã tiếp thu một số góp ý của VBF, cụ thể như sau:
 - Định nghĩa về điện mặt trời mái nhà đã được viết đơn giản, dễ hiểu hơn.
 - Mô hình mua bán điện trực tiếp (DPPA) đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà: bên phát điện và bên mua điện sẽ tự thỏa thuận về các điều khoản thương mại theo quy định hiện hành. BCT không quy định về nội dung này.
 - Giới hạn công suất cho hệ thống điện mặt trời mái nhà phải nhỏ hơn hoặc bằng 1 MWp. Quy định như vậy là do:
 - ✓ Hệ thống điện mặt trời mái nhà thường có dải công suất lớn, có thể lên tới 20MW. Giới hạn ngưỡng 1MWp là để khuyến khích những dự án nhỏ (công suất 1 – 5kW) vì do chi phí lắp đặt lớn. Giá bán điện ban hành trong Dự thảo cũng là để khuyến khích dự án có quy mô nhỏ.
 - ✓ Với dự án quy mô lớn thì chi phí sản xuất, lắp đặt sẽ nhỏ hơn. Do đó, dự thảo không đề xuất áp dụng cơ chế giá riêng cho điện mặt trời mái nhà với quy mô lớn.
 - ✓ Về mặt kỹ thuật:

- Dự án điện mặt trời có công suất lớn hơn 1 MWp có thể ảnh hưởng nhiều đến hệ thống lưới điện cả về dao động điện áp và dao động tần số.
- Một số quốc gia trên thế giới quy định giới hạn công suất chặt chẽ hơn nhiều. Ví dụ: Pháp quy định từ 16kV – 50kV.
- Ngưỡng 1MWp là quy định rất “cởi mở” của BCT.
- ✓ Về mặt pháp lý: Theo Luật Quy hoạch, tất cả các dự án đều phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ không chắc chắn liệu đề xuất 1MWp có được phê duyệt hay không.
- Về kiến nghị nâng ngưỡng miễn Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện từ 1 MWp lên thành 3 MWp, BCT ghi nhận và sẽ xem xét trong quá trình dự thảo Thông tư và dự thảo Hợp đồng mua bán điện mẫu.
- Dự thảo Quyết định mới chưa đề cập rõ các dự án điện mặt trời thuộc nhóm quy hoạch nào (quy hoạch tỉnh, vùng, hay quy hoạch phát triển điện lực). Trong thời gian tới sẽ có quy định cụ thể hơn.

Tóm tắt một số nội dung lớn của Dự thảo mới:

- Bên mua điện đã được mở rộng cho 2 đối tượng chính:
 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) – theo đó cần tuân thủ hợp đồng mua bán điện mẫu và các quy định khác
 - Các đối tượng khác – dựa trên thỏa thuận thương mại giữa bên bán và bên mua điện.
- Về điện mặt trời mái nhà, đã xây dựng 4 mô hình rõ ràng, tách bạch:
 - **Mô hình sử dụng điện:** là mô hình tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mái nhà sử dụng một phần điện năng sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà và bán phần điện dư lên lưới điện quốc gia.
 - **Mô hình kinh doanh bán điện dư:** là mô hình tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mái nhà bán một phần điện năng cho tổ chức, cá nhân khác và bán phần điện dư lên lưới điện quốc gia.
 ⇨ Thông tư sau này sẽ tiếp tục quy định tách bạch theo hướng hợp đồng mua bán điện sẽ tách riêng, chứ không là phụ lục của hợp đồng sử dụng điện.
 - **Mô hình kinh doanh bán hết:** là mô hình tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mái nhà bán toàn bộ điện năng sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà lên lưới điện quốc gia.
 - **Mô hình mua bán điện trực tiếp:** là mô hình cá nhân, tổ chức đầu tư, lắp đặt và bán điện từ dự án điện mặt trời mái nhà cho cá nhân, tổ chức khác và không sử dụng trực tiếp hệ thống lưới điện quốc gia.
- Khoản 3 Điều 12: đã ghi rõ trường hợp bên mua điện không phải EVN hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền, giá mua điện và hợp đồng mua bán điện được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.
- Dự thảo đã bỏ quy định về giá bán điện khuyến khích trong trường hợp dự án điện mặt trời nối lưới có hệ thống lưu trữ do đây chưa phải thời điểm phù hợp.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Ông Trần Minh Thành – Luật sư cao cấp, Duane Morris Việt Nam

- Để thực thi Quyết định này cần hợp đồng mua bán điện mẫu. Vậy, BCT đã có kế hoạch soạn thảo và ban hành Dự thảo Hợp đồng mua bán điện mẫu chưa? Hợp đồng mua bán điện mẫu

giữa các mô hình, như mua bán điện mặt trời nổi, mua bán điện mặt trời trên mặt đất, có sự khác biệt gì hay không và có thay đổi gì so với hợp đồng mua bán điện mẫu hiện nay không?

- Dự thảo mới định nghĩa bên mua điện bao gồm EVN và bên mua bán điện khác. Tuy nhiên, các điều khoản như hợp đồng kết nối, hệ thống đường truyền, ...chưa được điều chỉnh kỹ trong các điều khoản của hợp đồng mua bán điện thông thường, mà hiện vẫn được cơ cấu cho EVN và các đơn vị thành viên của EVN. Điều này dẫn đến các hiểu lầm.
- Tiêu chuẩn xác định "các bên mua bán điện khác" là như thế nào? Nếu vấn đề này không đề cập trong dự thảo thì sẽ được quy định trong thông tư hay không? Hiện nay, chỉ có các bên mua điện công nghiệp được quyền mua điện trực tiếp từ bên phát điện. Liệu sắp tới có định nghĩa mở rộng hơn không?
- BCT giải trình rằng giá mua điện mới mà áp dụng cho bên mua điện khác sẽ chỉ áp dụng cho trường hợp điện mái nhà. Vậy, trường hợp mua bán điện giữa bên mua bán điện khác và nhà đầu tư không phải điện mái nhà, thì 2 bên có thể tự thỏa thuận giá hay phải theo giá FiT và hợp đồng mua bán điện mẫu?
- Đối với tỉnh Ninh Thuận, chỉ áp dụng cho các dự án điện mặt trời nổi lưới với tổng công suất không quá 2.000 MW. Vậy, đến thời điểm Quyết định chính thức có hiệu lực, có thể ban hành được danh sách các dự án đạt chuẩn / đáp ứng hay không? Có khả năng nào để các nhà đầu tư tham gia vào các dự án mới ở Ninh Thuận không?
- Kế hoạch đấu giá các nguồn điện mặt trời mới sẽ được triển khai vào năm 2020. BCT có kế hoạch dự thảo về vấn đề này chưa?

Phản hồi của Ông Nguyễn Ninh Hải – Trưởng phòng Năng lượng mới & năng lượng tái tạo, Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo

- Về Hợp đồng mua bán điện mẫu, Cục ĐL&NLTT được giao là đơn vị soạn thảo. Khi nào Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định này, Cục ĐL&NLTT sẽ ban hành dự thảo thông tư kèm theo Dự thảo Hợp đồng mua bán điện mẫu.
- Về người mua bán điện khác: Chương III về điện mặt trời mái nhà có điều khoản mua bán riêng áp dụng cho đối tượng khác EVN; tuy nhiên, Chương II về điện mặt trời nổi lưới lại không đề cập. Dự án điện mặt trời nổi lưới mặt đất phải hoàn toàn tuân thủ bán điện cho EVN và áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu. Đối với các điều khoản thuộc Chương I – *Những Quy định chung* mà chưa phân biệt rõ người mua là EVN hay không phải EVN, BCT sẽ tiếp thu và rà soát, tránh gây nhầm lẫn 2 đối tượng này. Về kỹ thuật đấu nối trong trường hợp bên mua điện không phải là EVN, thì các dự án vẫn phải đảm bảo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đấu nối trực tiếp và gián tiếp vào lưới.
- Thông tư số 05 mới chỉ quy định về hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà, chưa quy định về mẫu hợp đồng mua bán điện mặt trời mặt đất.
- Về kế hoạch điều chỉnh công suất tại tỉnh Ninh Thuận, theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 115 về cơ chế giá cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, thì áp dụng theo cơ chế tại Quyết định 11 kéo dài đến hết 2020. Hiện nay, dự thảo đang bám sát theo Nghị quyết 115. Theo tổng kết nội bộ của BCT, tính đến 31/12/2018, Ninh Thuận đã được phê duyệt khoảng 1930 MW. Tuy nhiên, việc bổ sung quy hoạch ở thời điểm này là không thể do các vướng mắc về Luật Quy hoạch.

- Về kế hoạch đấu giá điện mặt trời, BCT đang nghiên cứu và đã có báo cáo, khuyến nghị nhất định, tuy nhiên vẫn còn khó khăn trong quá trình thực hiện. BCT đang có kế hoạch phối hợp với Ngân hàng Thế giới xây dựng cơ chế đấu thầu sau năm 2021.
- BCT dự kiến áp dụng cơ chế FiT 2 trong 2,5 năm, từ ngày 01/7/2019 đến hết tháng 12/2021 nếu được phê duyệt đúng hạn.

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên Ban Quản trị NCT Điện & Năng lượng VBF, Luật sư/ Baker & McKenzie Việt Nam

- Mô hình mua bán điện trực tiếp tại chỗ (Behind the Meter) áp dụng cho dự án điện mặt trời mái nhà hoặc mặt đất có công suất trên 1MWp có khả thi hay không thì chưa được nêu rõ trong Dự thảo Quyết định? Nếu được cho phép triển khai thì có phải đáp ứng những yêu cầu gì (về quy hoạch điện, yêu cầu pháp lý, kỹ thuật, cấp phép,...), thì cũng chưa được nêu rõ trong nội dung Dự thảo Quyết định?
- Liên quan đến tỉnh Ninh Thuận, về các dự án điện mặt trời nối lưới có tổng công suất không quá 2,000MW, Dự thảo Quyết định đưa ra 2 tiêu chí: (1) đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp, (2) có ngày vận hành thương mại trước 01/01/2021. Trong đó, về tiêu chí (1) thì Dự thảo Quyết định không nêu rõ thời điểm áp dụng điều kiện (1) để xác định dự án nào đáp ứng điều kiện nằm trong quy hoạch (tức là lấy thời điểm đã có trong quy hoạch là trước ngày ban hành Nghị quyết 115 là 31/8/2018, hay ngày hiệu lực dự kiến của Quyết định này, tức là ngày 01/07/2019, hay một ngày nào đó khác trong tương lai trước ngày 01/01/2021). Nội dung Dự thảo Quyết định quy định về thời điểm để xác định tiêu chí (1) này nên được làm rõ vì nếu không rõ ràng có thể sẽ tạo ra những cách hiểu khác nhau khi áp dụng và đánh giá dự án nào thỏa mãn điều kiện nằm trong gói 2.000MW. BCT có thể cân nhắc làm rõ thêm nội dung này trong Dự thảo Quyết định để có cách hiểu thống nhất khi áp dụng.
- Gần đây có một số dự án nằm trong quy hoạch ở Ninh Thuận bị thu hồi do chậm tiến độ. Vậy điều này tác động đến việc đánh giá và xác định danh sách các dự án nằm trong gói 2.000MW như thế nào? Điều này cũng chưa hoàn toàn rõ hiện nay.

Phản hồi của Ông Nguyễn Ninh Hải – Trưởng phòng Năng lượng mới & năng lượng tái tạo, Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo

- Quy định nào được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành trước thì sẽ tiếp tục thực hiện. Các quy định được ban hành sau sẽ đảm bảo không chòng chéo với các quy định trước.
- Hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất bắt buộc phải nhỏ hơn hoặc bằng 1 MWp. Với trường hợp mua bán điện trong khu công nghiệp, do không dùng lưới điện của EVN nên sẽ áp dụng hợp đồng mua bán điện trực tiếp, không phải áp dụng hợp đồng mua bán điện mẫu.
- Về trường hợp của tỉnh Ninh Thuận, hiện nay khi tổng hợp báo cáo, BCT sẽ chỉ chú trọng đến 2 điều kiện: (1) tổng công suất không vượt quá 2000 MW, (2) ngày vận hành thương mại trước 01/01/2021.
- Trường hợp dự án bị Tỉnh thu hồi, theo Luật Đầu tư, dự án đó sẽ vẫn thuộc quy hoạch. Nếu Tỉnh lựa chọn chủ đầu tư khác theo đúng quy định hiện hành, thì dự án vẫn trong quy hoạch và được áp dụng cơ chế này.

Ông Vũ Toàn Thắng – Giám đốc Thị trường điện, AES Việt Nam

- BCT có tiếp tục lấy ý kiến cho Dự thảo mới không hay sẽ trình Thủ tướng phê duyệt luôn?
- Quyết định 11 sắp hết hiệu lực dẫn đến việc bổ sung quy hoạch cho các dự án điện có sự gián đoạn nhất định. Nếu hiện tại chủ đầu tư muốn trình BCT phê duyệt bổ sung quy hoạch xây dựng nhà máy điện mặt trời thì có cần đợi Quyết định thay thế Quyết định 11 chính thức được ban hành, hoặc Nghị định hướng dẫn Luật Quy hoạch hay ngay thời điểm này có thể trình luôn?
- Hiện tại, điều kiện của Việt Nam chưa phù hợp để ban hành cơ chế giá hỗ trợ cho dự án điện mặt trời nổi lưới có hệ thống tích năng/lưu trữ. BCT có thể xem xét đưa ra thí điểm cho loại hình này không, vì hệ thống tích năng/lưu trữ có rất nhiều ưu điểm trong việc giải tỏa nghẽn mạch lưới, điều hòa điện áp và nhiều hỗ trợ khác.

Phản hồi của Ông Nguyễn Ninh Hải – Trưởng phòng Năng lượng mới & năng lượng tái tạo, Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo

- Theo quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, BCT sẽ không lấy thêm ý kiến nữa. Những nội dung chưa tiếp thu được, Bộ sẽ đưa vào bảng câu hỏi giải trình để báo cáo Thủ tướng.
- Theo Luật Quy hoạch, chủ đầu tư có thể trình BCT các dự án mới ngay tại thời điểm này mà không cần chờ Quyết định thay thế Quyết định 11 chính thức ban hành. Tuy nhiên, Luật Quy hoạch hiện đang có nhiều vướng mắc, khiến cho nhiều dự án bị tắc nghẽn.
- Theo tư vấn, việc xây dựng hệ thống lưu trữ kèm theo từng dự án điện mặt trời về tổng thể không tốt cho lợi ích xã hội và không nên thực hiện. Tuy nhiên, việc xây dựng hệ thống lưu trữ trong hệ thống điện là hiển nhiên nhất là khi hệ thống điện ngày càng có sự thâm nhập của nhiều nguồn năng lượng tái tạo. Hiện tại, BCT đang hướng tới hệ thống lưu trữ tập trung có thể do EVN hoặc nhà đầu tư khác thực hiện tại một địa điểm phù hợp trong việc điều động hệ thống điện của EVN. BCT sẽ tiếp tục nghiên cứu vấn đề này.

Về tiến độ của DPPA:

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm phát triển thị trường điện & Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

Phạm vi nghiên cứu của DPPA của ERAV là cho các dự án năng lượng tái tạo đấu nối trực tiếp vào lưới điện quốc gia và bán điện cho bên thứ 3 không phải EVN (off-grid DPPA). Hiện tại, đã thống nhất được mô hình DPPA dự kiến đề xuất áp dụng cho Việt Nam. Cục ĐTĐL đang tiếp tục trao đổi để xây dựng các nguyên tắc cơ bản cho chương trình thí điểm DPPA, dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 4 và lấy ý kiến vào cuối tháng 5/ đầu tháng 6, 2019. Dự kiến cuối 2019/ đầu 2020, sẽ thông báo chính thức việc thực hiện hay không mô hình thí điểm DPPA.

KẾT THÚC CUỘC HỌP

Ông Nguyễn Nội – Phó Cục trưởng, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Trong trường hợp VBF có thêm góp ý về Dự thảo mới này, đề nghị tổng hợp và trình nộp BCT để xem xét thêm.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VỐN

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Thị trường Vốn
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

I. CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1. Sở hữu nước ngoài/Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR)

Sở hữu nước ngoài

Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ đang sửa Luật Chứng khoán và Luật Đầu tư. Để giải quyết dứt điểm việc điều chỉnh chồng chéo về sở hữu nước ngoài tại hai luật này, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 23 Luật Đầu tư hiện hành như sau:

*Công ty phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi công ty này đáp ứng **cả 3 (ba) điều kiện** sau đây:*

- a. *một cổ đông/thành viên là nhà đầu tư nước ngoài và những người liên quan của cổ đông/thành viên này sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 35% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành hoặc vốn điều lệ tại công ty; và*
- b. *các cổ đông/thành viên là nhà đầu tư nước ngoài cùng nhau sở hữu ít nhất 51% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành hoặc vốn điều lệ tại công ty (sau đây gọi tắt là “**Tổng Sở Hữu Nước Ngoài**”); và*
- c. *Tổng Sở Hữu Nước Ngoài tại công ty được liên tục duy trì trong vòng 1 năm.*

Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR)

Sau khi nghiên cứu, cân nhắc nhiều mô hình các quốc gia khác nhau, chúng tôi thấy rằng giải pháp tối ưu cho sở hữu nước ngoài tại công ty niêm yết tại Việt Nam là Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (Non-Voting Depository Receipt/NVDR). NVDR cho phép:

- a. Chính phủ Việt Nam (i) duy trì được tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện hành, và (ii) đồng thời kiểm soát được công ty thông qua cơ chế bỏ phiếu của Tổ chức phát hành NVDR; và
- b. Nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư vào các công ty niêm yết bị hạn chế sở hữu nước ngoài thông qua NVDR.

Nghiên cứu chi tiết về NVDR và tác động của NVDR đối với thị trường chứng khoán Việt Nam được đính kèm tài liệu này. (Vui lòng xem Phụ lục).

2. Nhà đầu tư tổ chức trong nước

Việc hình thành quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện là nhân tố quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhà đầu tư tổ chức trên TTCK Việt Nam.

Trong tháng 5 năm 2019, Bộ tài chính đã cấp giấy phép để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện. Tuy nhiên việc đưa ra công chúng các gói sản phẩm hưu trí bổ sung tự nguyện chưa thực hiện được do thiếu các hướng dẫn chi tiết về thuế đối với các sản phẩm này.

Cụ thể, chưa có các hướng dẫn về việc miễn thuế hoặc thuế suất ưu đãi áp dụng cho kết quả đầu tư của quỹ, cho các khoản chi trả từ quỹ tới người đầu tư trong các trường hợp khác nhau (rút trước khi đến tuổi nghỉ hưu, rút một hoặc nhiều lần khi tới tuổi nghỉ hưu, dùng tham gia chương trình, thay đổi nơi làm việc...). Bên cạnh đó mức ưu đãi thuế đối với khoản đóng góp vào quỹ, được xem là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo sự phát triển của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, đang được đánh giá là chưa phù hợp để khuyến khích các đối tượng tham gia.

Chúng tôi mong muốn Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chính sách thuế đối với quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện để.

3. Quy định về giao dịch

Yêu cầu phải có sẵn tiền và chứng khoán trước giao dịch (pre-funding)

Theo quy định hiện hành áp dụng giao dịch chứng khoán khớp lệnh, nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán trước khi đặt lệnh giao dịch chứng khoán.

Quy định này có một số bất cập như sau:

- a. yêu cầu quá mức cần thiết: Mục đích của quy định này nhằm quản lý, ngăn chặn rủi ro phát sinh từ giao dịch. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng hiện tại bao gồm cả nhà đầu tư và công ty chứng khoán;
- b. trái thông lệ quốc tế: Theo thông lệ quốc tế và khu vực, yêu cầu này chỉ áp dụng đối với công ty chứng khoán. Việc áp dụng quy định này đối với nhà đầu tư đã can thiệp quá sâu và vi mô tới thỏa thuận thương mại giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư;
- c. giảm thanh khoản thị trường, giảm chức năng của thành viên lưu ký: Quy định hiện hành làm giảm thanh khoản thị trường, đồng thời giảm chức năng, sự linh hoạt của công ty chứng khoán;
- d. tăng chi phí giao dịch: nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư nước ngoài chịu chi phí lớn trong việc chuyển đổi ngoại tệ để giao dịch.

Chúng tôi đề xuất Chính phủ có giải pháp và lộ trình cho việc xóa bỏ yêu cầu nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán trước khi đặt lệnh giao dịch, đồng thời vẫn duy trì an toàn giao dịch cho thị trường.

Thành lập ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán, phái sinh

Theo mô hình thanh toán hiện tại:

- a. ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán là BIDV;
- b. ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán phái sinh là Vietinbank; và
- c. ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch trái phiếu chính phủ là Ngân hàng Nhà nước.

Mô hình thanh toán trên đây chưa đảm bảo được an toàn trong hoạt động thanh toán; và Nhà nước không thu được ngân sách từ hoạt động này.

Chúng tôi đề xuất Chính phủ có lộ trình thành lập Ngân hàng thanh toán tiền trung tâm đối với giao dịch chứng khoán, phát sinh trực thuộc Chính phủ đề:

- a. Giảm thiểu rủi ro cho thị trường chứng khoán;
- b. tăng thu cho Ngân sách Nhà nước (qua việc thu phí giao dịch); và
- c. tăng tính minh bạch và bình đẳng cho thị trường.

4. Thị trường nợ

Công bố thông tin trước khi phát hành

- a. Nghị định 163/2018/NĐ-CP yêu cầu công bố thông tin chi tiết các điều kiện & điều khoản trái phiếu ít nhất 10 ngày làm việc trước khi phát hành là không hợp lý và rất khó khả thi trong thực tế.
- b. Tổ chức phát hành và các nhà đầu tư thường hoàn tất điều kiện & điều khoản trái phiếu một thời gian ngắn trước khi phát hành. Đặc biệt đối với trái phiếu có bảo đảm, vì các tài liệu pháp lý phức tạp, các bên thường chỉ kết thúc đàm phán chi tiết các Hợp đồng bảo đảm 1 hoặc 2 ngày trước khi phát hành.
- c. Việc yêu cầu phải công bố thông tin chi tiết cản trở việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, và đồng thời dẫn đến việc doanh nghiệp rơi vào tình trạng “bất tuân thủ” vì không thể thực hiện nội yêu cầu này.
- d. Chúng tôi đề xuất sửa đổi Nghị định cho phép tổ chức phát hành chỉ cần công bố điều khoản và điều kiện cơ bản của trái phiếu (kỳ hạn, mệnh giá, lãi suất, thanh toán gốc, lãi) trên chuyên trang về trái phiếu doanh nghiệp (hiện tại chưa có, nên vẫn công bố trên HNX hoặc HOSE). Các điều khoản và điều kiện khác của trái phiếu sẽ tuân theo thỏa thuận riêng được ký kết giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư mà không cần công bố đến SGDCK trước khi phát hành trái phiếu.

Công bố thông tin kết quả đợt phát hành

Nghị định 163 nên quy định bắt buộc công bố thông tin về người sở hữu trái phiếu đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ là đi ngược với bản chất của phát hành trái phiếu, và ảnh hưởng tiêu cực, trực tiếp đến việc bảo mật thông tin các nhà đầu tư trái phiếu và danh mục đầu tư của họ.

Chúng tôi đề xuất bãi bỏ quy định này tại Nghị định 163.

Giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ

- a. Theo Nghị định 163, trái phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư (không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp), tuy nhiên hạn chế này chỉ áp dụng trong vòng 1 năm kể từ khi hoàn thành đợt phát hành.
- b. Điều này dễ dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp lợi dụng để bán lại trái phiếu cho các nhà đầu tư cá nhân mà không phải đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu ra công chúng (khắt khe hơn nhiều so với điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ). Mặt khác, sau thời hạn 1 năm kể từ khi phát hành, tình trạng tài chính của tổ chức phát hành có thể có biến động và các nhà đầu

tư cá nhân sẽ không đủ thời gian và hiểu biết để lường trước hết các rủi ro có thể xảy ra. Do đó, chúng tôi đề xuất:

- c. trái phiếu phát hành riêng lẻ phải bị hạn chế giao dịch trong suốt thời hạn của trái phiếu; và
- d. trái phiếu phát hành riêng lẻ chỉ được phép chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

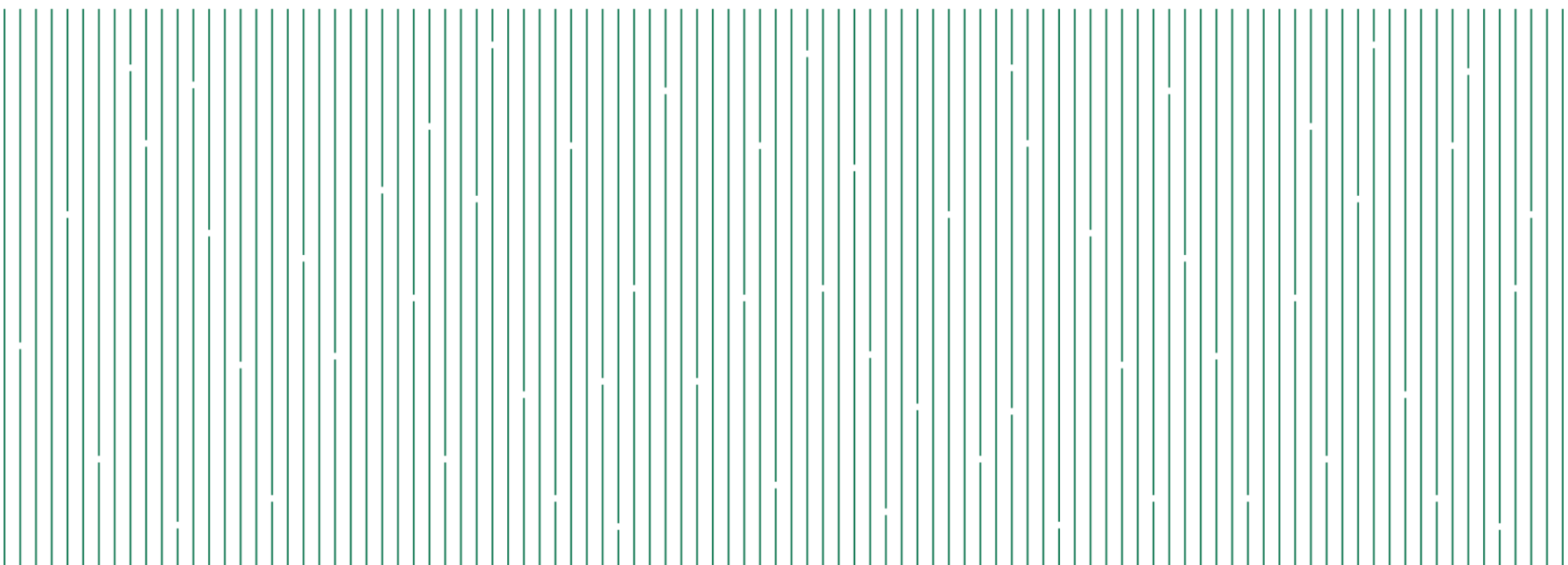
II. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỤ THỂ ĐỐI VỚI LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN DƯỚI LUẬT

STT	Nội dung	Giải pháp đề xuất
ĐỀ XUẤT PHỐI HỢP QUẢN LÝ GIỮA CÁC BỘ NGÀNH		
1	<p>Phạm vi cung cấp dịch vụ theo giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán của NHLK</p> <p>Theo pháp luật về chứng khoán, ngân hàng lưu ký ngoài việc được phép cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát được phép cung cấp các dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý chuyên nhượng mà không cần xin cấp phép từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo pháp luật ngân hàng, các ngân hàng không được cung cấp các dịch vụ chưa được nêu trong Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng Tuy nhiên, các Thông tư hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước (NHNN) về cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam tại Thông tư 40/2011/TT-NHNN, Thông tư 17/2017/TT-NHNN và Thông tư 28/2018/TT-NHNN chưa có các nội dung hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ quỹ nói trên.</p>	<p>Chúng tôi đề xuất UBCK trao đổi, làm việc với NHNN nhằm đưa ra hướng dẫn thống nhất theo pháp luật chứng khoán và ngân hàng, theo đó cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đã được NHNN cấp phép hoạt động lưu ký chứng khoán được quyền cung cấp các dịch vụ ngân hàng giám sát, đại lý chuyên nhượng và quản trị quỹ đầu tư tương tự theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>
2	<p>NĐTNN đặt cọc bằng ngoại tệ tham gia đấu giá cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước</p> <p>Mới đây, NHNN cũng đã ban hành Thông tư 03/2019/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ ngày 13/5/2019, cho phép NĐTNN được phép nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ trong các đợt đấu giá này. Tuy nhiên, nếu NĐTNN tham gia mua cổ phần của DNNN cổ phần hóa thông qua phương pháp dựng sổ, việc nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ sẽ không được áp dụng.</p> <p>Bên cạnh đó, Nghị định 126/2017/NĐ-CP và các quy định tại các quy chế mẫu do UBCK ban hành yêu cầu NĐT (bao gồm NĐTNN) phải nộp tiền đặt cọc cũng như thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần, phần vốn góp bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Đại lý đấu giá trong thời hạn quy định.</p>	<p>Chúng tôi đề xuất UBCKNN làm việc với NHNN về các trường hợp NĐTNN được phép nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 03/2019/TT-NHNN của NHNN và hướng dẫn cụ thể về quy trình nộp tiền đặt cọc bằng ngoại tệ nói trên. Trường hợp NĐTNN đặt cọc bằng ngoại tệ và sau đó trúng đấu giá, theo quy định về quản lý ngoại hối, NĐTNN phải thực hiện thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần từ tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của mình. Khi đó, khoản tiền đặt cọc bằng ngoại tệ này sẽ phải chuyển về tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của NĐTNN trước khi chuyển đổi thành đồng Việt Nam và thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần. Các quy định hiện tại của Bộ Tài chính, UBCK về đấu giá cổ phần hóa không cho phép NĐT trúng thầu nói chung được rút tiền đặt cọc rồi thanh toán 100% tiền mua cổ phần sau đó.</p>

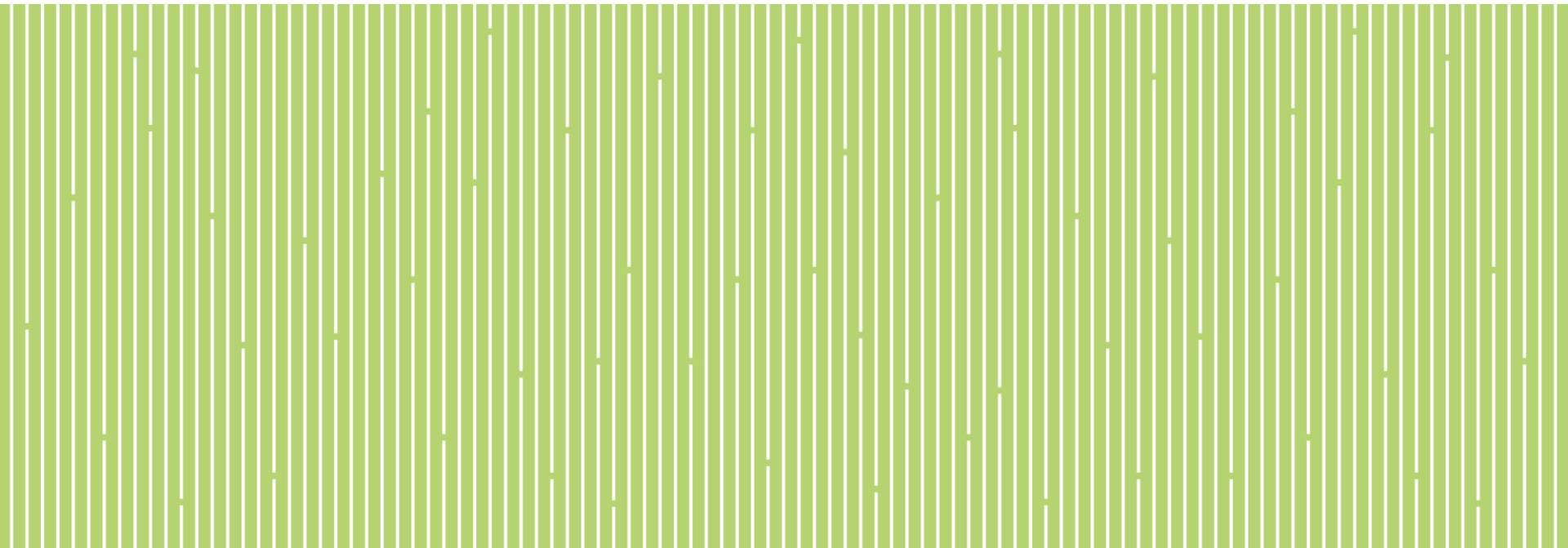
	TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP	
3	<p>Các vấn đề liên quan đến yết giá, định giá trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Theo nguyên tắc kế toán cho Quỹ, trái phiếu phải được hạch toán theo giá sạch (không bao gồm lãi coupon tích gộp) và phần lãi trái phiếu ghi nhận trong báo cáo lãi lỗ.</p> <p>Tại thị trường Việt Nam, hiện nay quy chế giao dịch TPDN niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) chỉ quy định giá giao dịch thỏa thuận trái phiếu trên hệ thống giao dịch là do các công ty chứng khoán tự nhập theo hợp đồng mua bán thực tế mà không yêu cầu thống nhất phải sử dụng giá sạch hay giá giá gộp lãi. Quyết định 66/QĐ-SGDHCM về việc ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại HOSE chỉ quy định giá giao dịch thỏa thuận trái phiếu là do các thành viên bên mua và bên bán nhập lệnh vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (“HOSE”) và giá giao dịch thỏa thuận trái phiếu là giá gộp lãi, chưa có quy định cụ thể công thức tính giá sạch hoặc tính lãi coupon tích gộp.</p> <p>Mặt khác, theo thông lệ giao dịch trái phiếu trên thị trường, trong giai đoạn giao dịch không hưởng quyền (từ ngày đăng ký cuối cùng đến ngày chốt để thanh toán lãi trái phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành), người mua sẽ không được quyền nhận lãi trái phiếu. Tuy nhiên, các quy chế của hai SGDCK hiện không có hướng dẫn cụ thể về công thức tính lãi coupon tích gộp và giá sạch của TPDN trong giai đoạn không hưởng quyền.</p>	<p>Chúng tôi đề xuất UBCK hướng dẫn các SGDCK xem xét, bổ sung quy định yêu cầu thành viên giao dịch của SGDCK chỉ sử dụng giá sạch khi nhập giao dịch thỏa thuận cho TPDN vào hệ thống và áp dụng thống nhất cách yết giá này cho tất cả các giao dịch thỏa thuận TPDN niêm yết trên cả hai SGDCK</p> <p>Kính đề nghị UBCK có hướng dẫn cụ thể về công thức tính lãi coupon tích gộp (lãi trái phiếu cộng dồn) và giá sạch (giá trái phiếu không bao gồm lãi tích lũy) cho các TPDN niêm yết trên các SGDCK, bao gồm cả giai đoạn giao dịch không hưởng quyền.</p>

Phụ lục: Nghiên cứu chi tiết về NVDR và tác động của NVDR đối với thị trường chứng khoán Việt Nam

TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CHO NĐT NN Ở THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM

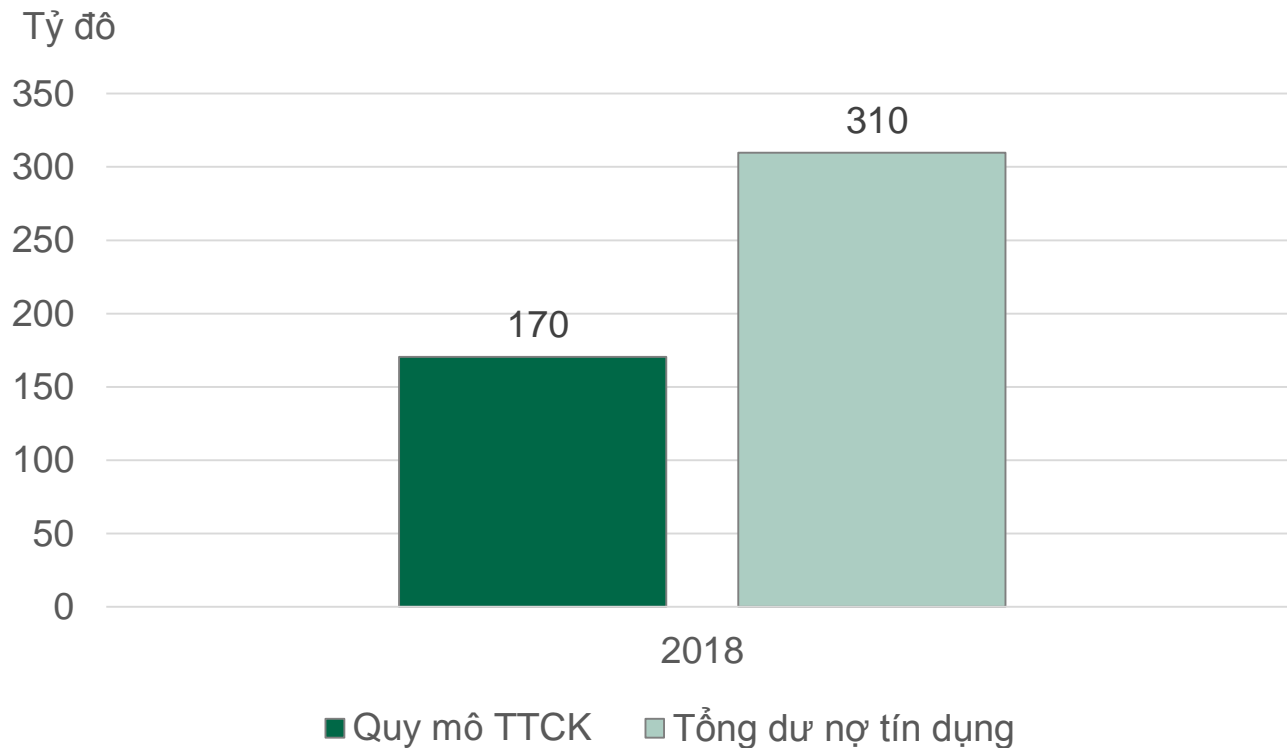


| TẦM QUAN TRỌNG CỦA TTCK VÀ THỰC TRẠNG



VỊ THẾ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

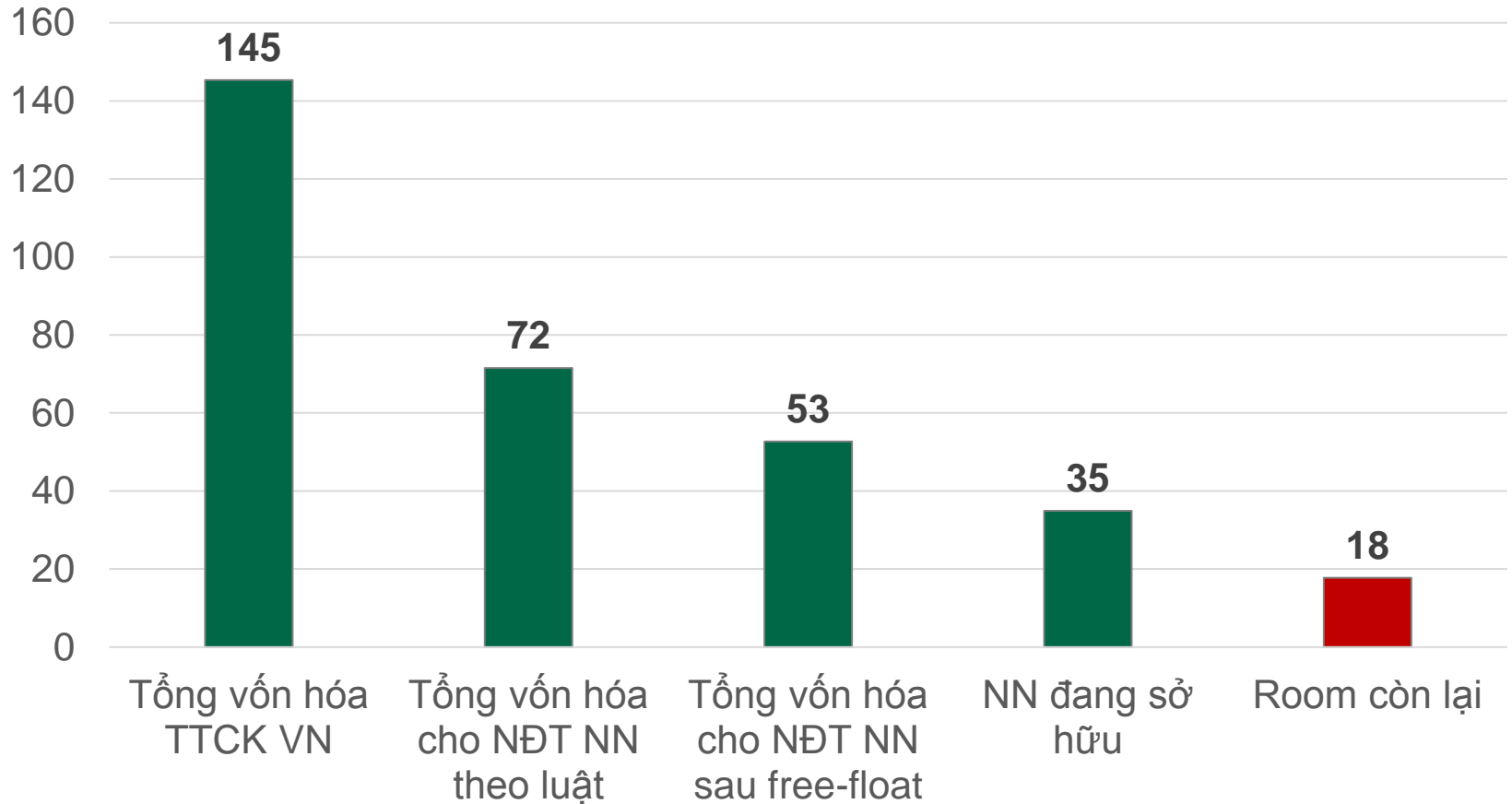
Quy mô thị trường vốn và thị trường nợ của Việt Nam



Dữ liệu ngày 31/12/2018, bao gồm sàn giao dịch Upcom

THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Tỷ đô



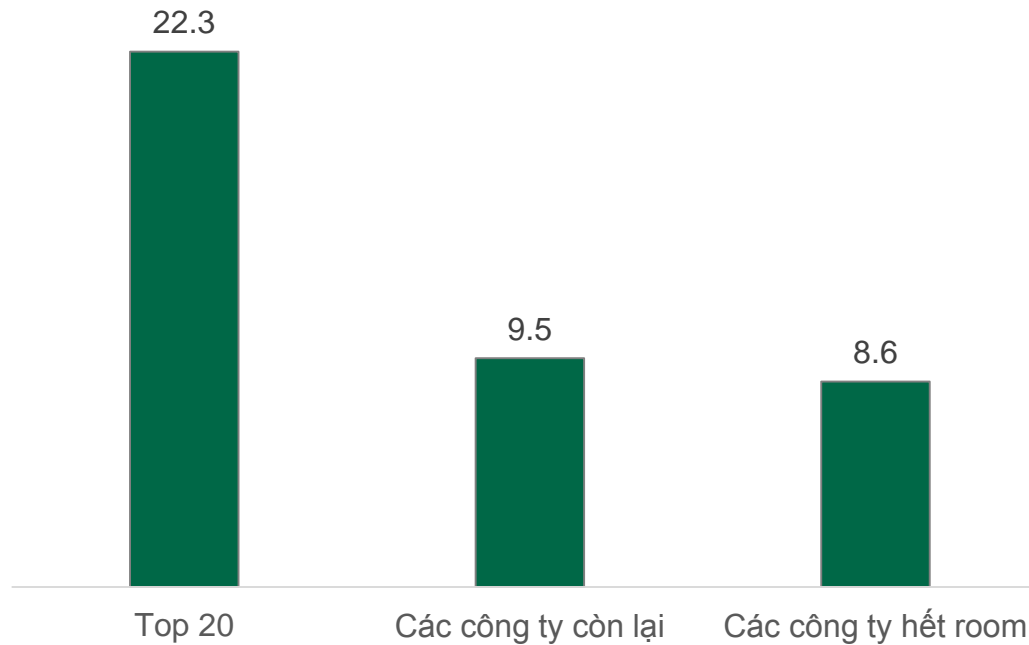
Dữ liệu ngày 23/4/2019, không bao gồm sàn giao dịch Upcom

ROOM CÒN LẠI CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



SỰ BẤT CÂN ĐỐI TRONG ĐỊNH GIÁ

Định giá P/E các công ty niêm yết



- Nghịch lý: các doanh nghiệp đầu ngành – hết room – lại có định giá thấp nhất thị trường
- Ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí huy động vốn của công ty

CÁC TRỤ CỘT ĐỂ XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG



Độ rộng của thị trường



Độ sâu của thị trường

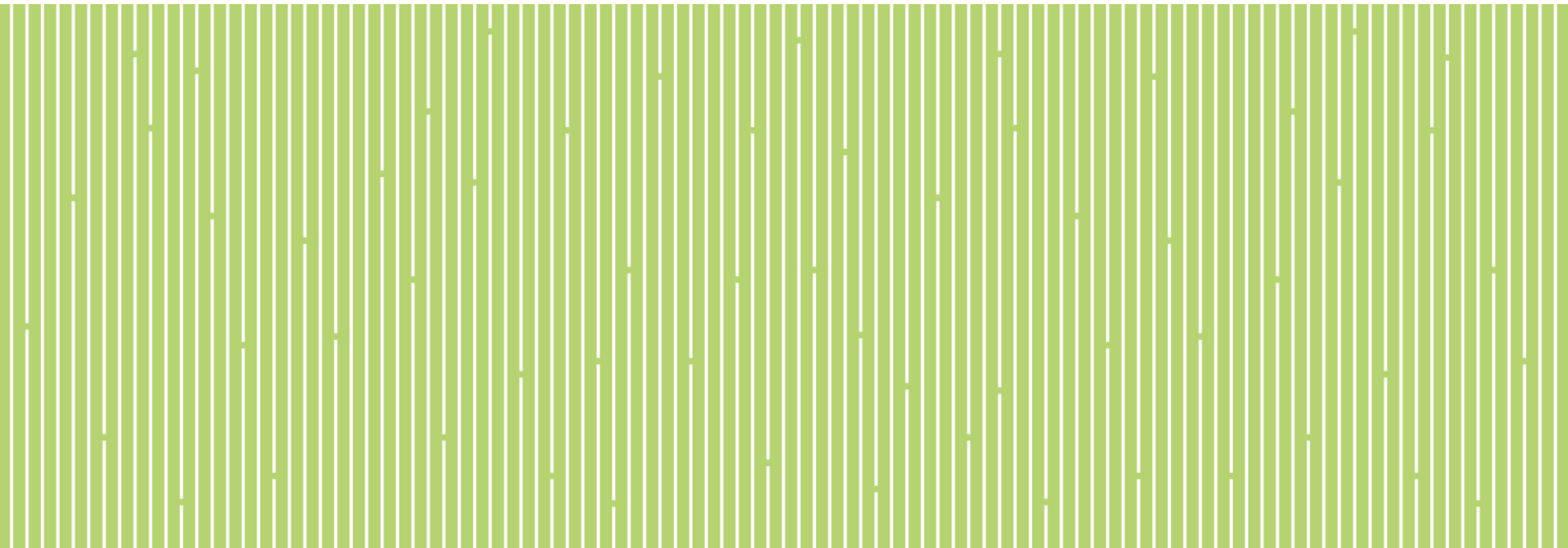


Công bằng về thông tin



Khung pháp lý hoàn thiện,
không có sự chòng chéo

| CÁC BIỆN PHÁP CẢI THIỆN



ĐỘ MỞ CỬA 1 SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

	Tỷ lệ sở hữu NN tối đa	Loại trừ	Các phương án thay thế
Hàn Quốc	100%		
Đài Loan	100%		
Nhật Bản	100%	Truyền hình (20%), Hàng không (33.3%), - chỉ chiếm 2% tổng vốn hóa	Cổ phiếu không có quyền biểu quyết
Ấn Độ	100%	Bảo hiểm (49%), hàng không (74%), một số công ty bán lẻ	
Indonesia	100%	Truyền thông (20%)	
Malaysia	100%	Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Viễn thông, Giao thông – chiếm 8% tổng vốn hóa	Cổ phiếu không có quyền biểu quyết
Thailand	49%		NVDR - Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết

MÔ HÌNH CHỨNG CHỈ LƯU KÝ

1. Mô hình NVDR của Thái Lan

- NVDR không phải là cổ phiếu
- Đây là Chứng Chỉ Lưu Ký (Depository Receipt) được phát hành dựa trên cổ phiếu đang lưu hành

CHỨNG CHỈ
LƯU KÝ

CÁC QUYỀN LỢI
TÀI CHÍNH

~~QUYỀN BIỂU
QUYẾT~~

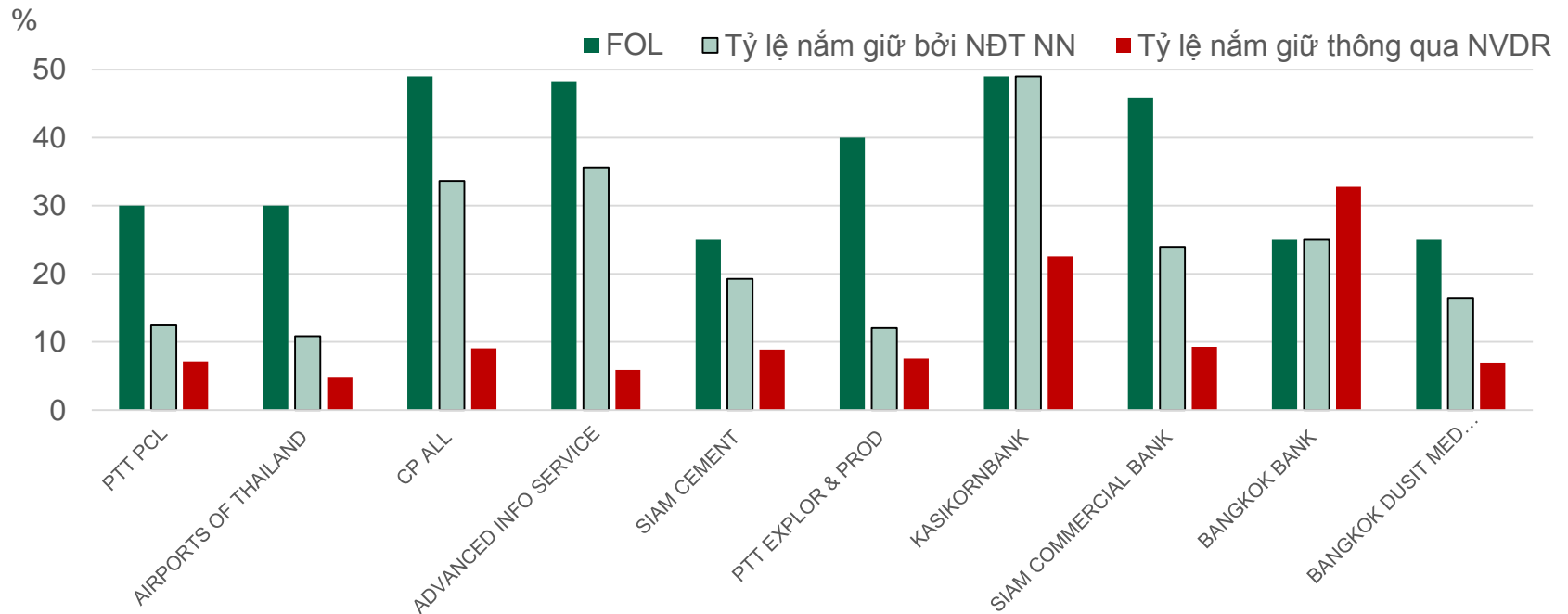
Ưu Điểm	Nhược điểm
- Không có mâu thuẫn với các quy định về Luật doanh nghiệp hay Luật Chứng Khoán của Việt Nam	- Có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ biểu quyết của công ty niêm yết
- Tính minh bạch cao	
- Thuận tiện trong giao dịch	

MÔ HÌNH NVDR CỦA THÁI LAN

Một vài quan sát với mô hình NVDR tại Thái Lan:

- Từ khi NVDR được đưa vào vận hành năm 2000 chưa có tranh chấp nào với NĐT NN
- Không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quyền kiểm soát của công ty
- Nhiều NĐT NN không mua cổ phiếu có quyền biểu quyết khi chưa hết room mà mua NVDR

Tỷ lệ nắm giữ của NĐT NN tại Thái Lan (Top 10 công ty)



MÔ HÌNH CỔ PHIẾU KHÔNG CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

2. Mô hình của Malaysia

- Malaysia đã mở gần như toàn bộ thị trường chứng khoán
- Nhà đầu tư nước ngoài tự do giao dịch cổ phiếu, ngay cả khi tỷ lệ FOL đã vượt
- Tuy nhiên, khi mua cổ phiếu, nhà đầu tư sẽ không biết họ có quyền gì với cổ phiếu này
- Tại ngày chốt danh sách nhận cổ tức hay tham dự ĐHCĐ, Công ty niêm yết sẽ tự quyết định quyền của những cổ phiếu vượt quá FOL dựa trên thời gian trên lệnh mua chứng khoán
- Những cổ phiếu vượt quá tỷ lệ FOL:
 - Chắc chắn không được quyền biểu quyết
 - Có nhận cổ tức hay không phụ thuộc vào quyết định của mỗi công ty.

MÔ HÌNH CỔ PHIẾU KHÔNG CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

3. Mô hình của Nhật Bản

- Nhật Bản không có giới hạn FOL, ngoại trừ ngành truyền hình (20%) và ngành hàng không (33%).
- Nhà đầu tư nước ngoài tự do giao dịch cổ phiếu, ngay cả khi tỷ lệ FOL đã vượt
- Trong trường hợp vượt quá FOL, cổ phiếu của NĐT nước ngoài sẽ được hiệu chỉnh giảm theo công thức để tỷ lệ biểu quyết không vượt quá quy định
- Nhà đầu tư sẽ không biết có được vote hay không và lượng cổ phiếu vote tham gia AGM rất thấp
- Nhật Bản có tổng cộng 15 công ty thuộc 2 ngành này, tương ứng với <2% tổng vốn hóa thị trường
- Chỉ 3 công ty niêm yết có tỉ lệ sở hữu nước ngoài cao hơn FOL.

SO SÁNH CÁC MÔ HÌNH

	Thái Lan	Malaysia	Nhật Bản
Loại hình	- Chứng chỉ lưu ký	- Vẫn là cổ phiếu, tuy nhiên quyền lợi của NĐT có thể khác nhau	
Công bằng với NĐT	NĐT biết rõ về quyền lợi của mình khi mua Chứng chỉ lưu ký	- NĐT NN không biết quyền lợi của mình khi mua cổ phiếu	
Tỷ lệ biểu quyết	- Nước ngoài có thể nắm chi phối do TCPH CCLK không biểu quyết	- Nước ngoài vẫn có quyền nắm chi phối sau khi loại trừ cổ phiếu không có quyền biểu quyết	- Tỷ lệ biểu quyết của NĐT NN luôn bị giới hạn ở FOL
Quy định về pháp luật	- Không gặp khó khăn gì đối với môi trường Luật Pháp Việt Nam	Có nhiều mâu thuẫn với luật doanh nghiệp Việt Nam về quyền của cổ phiếu	
Giao dịch	- Một số tổ chức không được phép mua chứng chỉ lưu ký	Thuận tiện trong giao dịch	

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TỐI ƯU CHO VIỆT NAM

- **Nhận xét chung:**

- ❖ Không có Phương án nào là hoàn hảo
- ❖ Phương án tối ưu phải thiết lập để phù hợp với luật định hiện tại và không phải thay đổi quá nhiều về khung pháp lý
- ❖ Do đó, mô hình của Malay và Nhật là dễ dàng về giao dịch nhưng vướng rất nhiều luật định của Việt Nam và gây khó hiểu/ rắc rối cho nhà đầu tư nước ngoài về quyền lợi

- **Đề xuất:**

- ❖ Dùng NVDR Thái Lan làm cơ sở để hiệu chỉnh cho phù hợp với các điều kiện tại Việt Nam và tạo ra sản phẩm NVDR Việt Nam
- ❖ Thí điểm ở 1 vài công ty đã hết room và có Quản trị doanh nghiệp tốt
- ❖ Trong đó giai đoạn 1: phát hành tối đa 15% NVDR

- **Mục tiêu:**

- ❖ Tăng tỷ lệ huy động vốn qua thị trường
- ❖ Market cap/ GDP năm 2020 đạt 100% và 2025 đạt 125%
- ❖ Nâng hạng thị trường
- ❖ Phù hợp đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán đến năm 2020 và định hướng tới 2025

III. PHIÊN 2

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

*Chuẩn bị bởi
Nhóm công tác Giáo dục và đào tạo
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng để thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng và bền vững của xã hội. Điều này phụ thuộc vào việc các tổ chức giáo dục hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp có được một nền kinh tế tuần hoàn thông qua việc phát triển các ý tưởng kinh doanh sáng tạo để phát triển các sản phẩm bền vững nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe con người. Đổi mới cũng là một yếu tố quan trọng để phát triển sản phẩm mang lại nhiều năng lượng và tận dụng hiệu quả tài nguyên hơn cũng như mang lại cho người tiêu dùng nhiều sản phẩm tốt hơn.

Giáo dục chất lượng, ở tất cả các cấp, là nền tảng cho sự phát triển của một nền kinh tế tuần hoàn hỗ trợ và nuôi dưỡng sự đổi mới trong kinh doanh. Nhóm công tác giáo dục và đào tạo (E & TWG) tiếp tục hỗ trợ Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH trong việc cải thiện tiêu chuẩn giáo dục. Tiến độ này đang được thực hiện trên rất nhiều lĩnh vực và chúng tôi luôn tiếp tục xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Bài viết này tập trung vào các lĩnh vực sau:

- **Về Bộ luật lao động mới được dự thảo:** Chúng tôi có cùng quan điểm với các khuyến nghị được đưa ra bởi Nhóm công tác tổ chức cán bộ và đồng ý rằng Bộ luật lao động mới chính là một bước tiến lớn. Chúng tôi ủng hộ việc áp dụng Bộ luật lao động sửa đổi càng sớm càng tốt và tốt nhất là trước năm 2021.
- **Về Luật Giáo dục Đại học:** Bộ GD&ĐT đã ban hành một dự thảo nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi, theo đó, doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ của các trường đại học không được thấp hơn 25% trong tổng số doanh thu. Nếu được phê duyệt, điều kiện này sẽ tạo áp lực lên các trường đại học và buộc họ phải đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- **Về Nghị định 86:** Chúng tôi đề nghị Bộ GD & ĐT tiến hành soạn thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86. Điều này sẽ giúp các tổ chức giáo dục hiểu rõ hơn về các quy định và việc thực hiện các quy định của Nghị định 86. Hiện nay, có rất nhiều tổ chức giáo dục đang loay hoay trong việc thực hiện các thủ tục sửa đổi giấy phép do thiếu thông tư hướng dẫn
- **Về Nghị định 143:** Luật Bảo hiểm xã hội có ảnh hưởng lớn đến các tổ chức sử dụng lao động nước ngoài tại Việt Nam. Các khuyến nghị, liên quan đến các vấn đề của Nghị định 143, đã được đưa ra thông qua các Phòng thương mại và Nhóc công tác khác. Chúng tôi khuyến nghị rằng các vấn đề này nên được kiểm tra và giải quyết thỏa đáng cho tất cả các bên liên quan.
- **Về Giáo dục và đào tạo kỹ thuật và dạy nghề:** Chúng tôi đề nghị Bộ LĐTB&XH và Chính phủ phê duyệt Nghị định sửa đổi để thay thế Nghị định số 48 liên quan đến hoạt động của các trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài sớm nhất có thể.

Tóm lại, nền kinh tế Việt Nam cần tiếp tục phát triển nhưng sự tăng trưởng này cần được thực hiện trong một môi trường phát triển bền vững. Nhóm công tác Giáo dục và đào tạo, thông qua Diễn đàn Kinh tế Việt Nam, cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam đạt được được các tiềm năng kinh tế.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

BỘ LUẬT LAO ĐỘNG SỬA ĐỔI VÀ CƠ HỘI THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

*Trình bày bởi
Ông Colin Blackwell
Trưởng nhóm*

Trước tiên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) vì sự phối hợp tích cực với Nhóm Công tác Nguồn nhân lực và cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt, chúng tôi đánh giá cao những phối hợp liên quan đến hiệp định song phương tránh đánh thuế hai lần đối với người lao động nước ngoài.

Chúng tôi rất ấn tượng với nội dung dự thảo Bộ Luật lao động mới về tổng thể đã được cân nhắc và soạn thảo rất kỹ lưỡng, lồng ghép thông lệ quốc tế tốt nhất và tư duy hướng tới tương lai. Các điều khoản nhìn chung đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và đồng thời bảo vệ tất cả các bên một cách công bằng, bền vững. Điều này đã góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời cũng mang lại những cải tiến lớn về công bằng và trách nhiệm xã hội.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh một số điều khoản nổi bật trong dự luật để làm điển hình tốt và đưa ra khuyến nghị trong một số trường hợp. Tất cả đề xuất chúng tôi đưa ra nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Chúng tôi đánh giá cao những cải thiện tích cực trong quy định về giới, thương lượng tập thể, quản lý các đơn vị tuyển dụng và quy trình lương tối thiểu.

Việc làm trong tương lai sẽ đòi hỏi cơ chế linh hoạt và tinh gọn hơn cho những người lao động trí thức. Dự thảo Bộ luật Lao động giúp giải quyết những vấn đề này và chúng tôi hy vọng các văn bản hướng dẫn cũng sẽ phản ánh cách tiếp cận tiến bộ tương tự.

Các công ty hiện đại và tinh gọn sẽ có cơ chế ngày càng linh hoạt để xử lý các nhiệm vụ phức tạp hơn theo nhu cầu thị trường. Các quy định mới về cho thuê lại lao động là một khởi đầu tốt để triển khai linh hoạt đội ngũ chuyên gia trong lực lượng lao động. Chúng tôi đề xuất nhanh chóng triển khai hoạt động này trên tinh thần đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính để các công ty nhỏ cần thuê lại lao động có thể tự tin tuyển dụng đội ngũ nhân lực này.

Tương tự, việc làm trong tương lai sẽ ngày càng chuyển dần sang các công việc tự do và theo dự án. Các quy định mới về giao kết nhiều hợp đồng lao động đề cập vấn đề này, nhưng một lần nữa, việc triển khai bền vững trên thực tế đòi hỏi quy trình thủ tục quản trị đơn giản, hấp dẫn đối với các công ty khởi nghiệp cũng như các tập đoàn lớn.

Nền kinh tế chuyển đổi và công nghệ mới mang lại cả cơ hội và rủi ro cho nhân viên. Bộ Luật Lao động mới giải quyết vấn đề này với các quy định về phân công nhân viên thực hiện các nhiệm vụ mới và một khuôn khổ cho các công ty để đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động. Thách thức đặt ra ở đây là làm sao chủ động thực hiện đào tạo nâng cao kỹ năng trước khi các kỹ năng trở nên lỗi thời, điều mà từng công ty có thể không nhận ra cho đến khi quá muộn. Một giải pháp bền vững tiềm năng là quan hệ đối tác chặt chẽ hơn giữa khu vực công và tư để xác định các xu hướng ở cấp độ vĩ mô và chủ động hướng dẫn cho các công ty nhỏ và siêu nhỏ, VBF luôn sẵn sàng cung cấp thêm tư vấn về vấn đề này.

Số lượng người làm việc tại nhà sẽ tăng lên, ví dụ như lập trình viên máy tính. Hiện tại, Bộ Luật Lao động được đề xuất chưa điều chỉnh đối tượng này trong nhiều điều khoản. Chúng tôi đề nghị bổ sung đối tượng này trong các biện pháp bảo vệ người lao động để sinh kế của họ ổn định hơn. Điều này khuyến khích làm việc tại nhà nhiều hơn, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế linh hoạt, hiện đại, bền vững.

Nhìn chung, Bộ luật Lao động mới đánh dấu những bước tiến vượt bậc mà chúng tôi cho là mang lại lợi ích cho cả người lao động, doanh nghiệp sử dụng lao động và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Với một vài điều chỉnh nhỏ, chúng tôi tin và khuyến nghị rằng Bộ luật có thể chính thức triển khai trước năm 2021. VBF vinh dự được hỗ trợ tối đa thông qua các đề xuất, khuyến nghị và hỗ trợ xem xét các điều khoản hướng dẫn thực hiện. Chúng tôi xin đề xuất các cuộc họp với Bộ LĐTBXH trong thời gian tới để thảo luận cụ thể hơn.

TỔNG QUAN VỀ TIẾN ĐỘ CỦA NHÓM CÔNG TÁC

BỘ LUẬT LAO ĐỘNG SỬA ĐỔI VÀ CƠ HỘI THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Chuẩn bị bởi

Colin Blackwell

Nhóm Công tác Nguồn nhân lực

- Chúng tôi xin chân thành cảm ơn chính phủ đã tin tưởng giao phó cho VBF vai trò quan trọng trong việc tổng hợp ý kiến liên quan đến hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các quốc gia khác về an sinh xã hội.
- Nhìn chung, dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi có những tiến triển rất tích cực và chúng tôi mong chờ Bộ luật sẽ phát huy hiệu quả trên thực tế.
- Bộ luật sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn, đồng thời vẫn đảm bảo sự công bằng bền vững cho người lao động.
- Những điểm sáng nổi bật của Bộ luật mới là các vấn đề về giới và quy trình chi tiết về giải quyết tranh chấp công nghiệp.
- Chúng tôi khuyến nghị quy định độ tuổi nghỉ hưu của phụ nữ và nam giới bằng nhau.
- Chúng tôi khuyến nghị quy định về nơi làm việc an toàn cho trẻ vị thành niên.
- Bên cạnh đó, thời hạn của giấy phép lao động không quá bốn năm cũng là một vấn đề đáng quan ngại.
- Phần nội dung về quyết định đình công cần được xem xét để tránh gián đoạn lao động ngoài ý muốn.
- Chúng tôi mong muốn Bộ luật sớm được thực thi và hy vọng có cơ hội chia sẻ ý kiến giữa VBF và Bộ LĐTBXH.

Trước tiên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) vì sự phối hợp tích cực với Nhóm Công tác Nguồn nhân lực và cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt, chúng tôi đánh giá cao những phối hợp liên quan đến hiệp định song phương tránh đánh thuế hai lần đối với người lao động nước ngoài.

Chúng tôi rất ấn tượng với nội dung dự thảo Bộ Luật lao động mới về tổng thể đã được cân nhắc và soạn thảo rất kỹ lưỡng, lồng ghép thông lệ quốc tế tốt nhất và tư duy hướng tới tương lai. Các điều khoản nhìn chung đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và đồng thời bảo vệ tất cả các bên một cách công bằng, bền vững. Điều này đã góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời cũng mang lại những cải tiến lớn về công bằng và trách nhiệm xã hội.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh một số điều khoản nổi bật trong dự luật để làm điển hình tốt và đưa ra khuyến nghị trong một số trường hợp. Tất cả đề xuất chúng tôi đưa ra nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm

- Hành vi “phân biệt đối xử về giới tính” đã được bổ sung vào danh sách
- Quy định ngăn chặn quấy rối tình dục là một điểm rất đáng hoan nghênh.

Điều 11: Quyền tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động.

- Quy định rằng đơn vị tuyển dụng không được thu phí tuyển dụng từ ứng viên là rất tích cực. Chúng tôi mong chờ điều này được thực thi trên thực tế.

Điều 17: Hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động

- Tương tự như trên, việc bảo vệ người lao động thông qua việc không yêu cầu họ thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động là rất tích cực; điều này nên được triển khai nghiêm túc và rằng nhân viên công ty phải chịu các chế tài tố tụng hình sự nếu thực hiện trái với các hướng dẫn của công ty.

Điều 19: Giao kết nhiều hợp đồng lao động

- Các điều khoản thi hành cần quy định kỹ lưỡng tính chất phức tạp hơn của một số loại hình công việc trong nền kinh tế tương lai với công việc tư vấn, tự do và tạm thời.

Điều 29: Chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động

- Trong một nền kinh tế chuyển đổi, nhiều loại hình công việc thay đổi nhanh chóng với sự xuất hiện của các công nghệ mới hoặc thực hành công việc hiện đại. Các điều khoản hướng dẫn thi hành cần thận trọng trong cách diễn đạt để không quy định bằng câu chữ mang tính hạn chế nhằm khuyến khích hiện đại hóa việc làm, doanh nghiệp và nền kinh tế của Việt Nam.

Điều 36: Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

- Hình thức xử lý kỷ luật sa thải nên được bổ sung vào danh sách các lý do phù hợp với Điều 126

Điều 42: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế

- Điều này sẽ ngày càng trở nên quan trọng khi thay đổi công nghệ tác động đến sự gia tăng việc làm; do đó việc đưa điều khoản bảo vệ người lao động vào Bộ luật là rất có ý nghĩa.

Điều 52: Cho thuê lại lao động

- Những tiến bộ trong việc định nghĩa chính thức cho thuê lại lao động là rất đáng hoan nghênh vì hoạt động này sẽ ngày càng phổ biến.

Điều 55: Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động nên có nghĩa vụ bảo vệ nhân viên khỏi các hành vi đối xử không tốt tại bên thuê lại lao động, chẳng hạn như điều kiện làm việc không an toàn hoặc quấy rối. Mặc dù không thể giám sát các điều kiện làm việc hàng ngày, nhưng doanh nghiệp không nên tiếp tục gửi thêm nhân viên đến một bên thuê lại đã có lịch sử lâu dài về ngược đãi người lao động, đặc biệt là ở nước ngoài khi người lao động không thể được bảo vệ bởi Bộ luật này. Các điều khoản hướng dẫn thi hành cần đưa ra các quy định ràng buộc trách nhiệm đối với hành vi cố tình đưa người lao động vào tình huống rủi ro cao, ví dụ như buôn người.

Điều 59: Trách nhiệm của người sử dụng lao động về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề

- Một lần nữa đây là điều chúng tôi rất hoan nghênh và mong đợi, cũng như ý thức được sự cần thiết phải đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động trong nền kinh tế đang chuyển đổi. Các văn bản triển khai thực hiện nên cung cấp các hướng dẫn thiết thực cho người sử dụng lao động để đạt được điều này một cách tốt nhất.

Điều 65-89: Thương lượng tập thể

- Chúng tôi hoan nghênh những quy định rõ ràng và chi tiết về vấn đề này trong dự thảo.

Điều 92: Căn cứ xác định, điều chỉnh mức lương tối thiểu

- Chúng tôi đề xuất bổ sung thêm hai tiêu chí:
 - o đối sánh với mức tăng lương tối thiểu ở các quốc gia khác và làm thế nào để tăng khả năng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam.
 - o xem xét các khoản tăng khác của chi phí tuyển dụng như phúc lợi bắt buộc hoặc thuế.

Điều 93: Hội đồng tiền lương quốc gia

- Chúng tôi hoan nghênh sự chỉ đạo sát sao của Thủ tướng trong quá trình quan trọng này mà theo như chúng tôi được biết, đã phát huy hiệu quả rất tích cực trong việc đạt được thỏa thuận những năm trước đây.

Điều 94: Thang, bảng lương và định mức lao động

- Chúng tôi hiểu nội hàm về tính minh bạch và công bằng ở đây, nhưng xin được đề xuất rằng trong các văn bản hướng dẫn thực hiện, cần công nhận các thông lệ làm việc linh hoạt hiện đại, chẳng hạn như nhân viên công nghệ được trả lương theo năng suất hay khối lượng công việc hoàn thành.

Điều 102: Tạm ứng tiền lương

- Quy định “Khi nghỉ hàng năm, người lao động được tạm ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương của những ngày nghỉ” sẽ là không thực tế đối với việc quản lý của các công ty. Do đó, chúng tôi đề xuất bỏ Khoản 3 thuộc Điều này.

Điều 103: Khấu trừ tiền lương

- Nên sửa đổi thành: “Người lao động phải bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị, tiết lộ thông tin mật hoặc cố tình gây thiệt hại về kinh tế cho người sử dụng lao động do không tuân thủ các chính sách của công ty”. Ngoài ra, việc tham chiếu tới Điều 106 có vẻ không chính xác.

Điều 105: Thương

- Sẽ có một số trường hợp mà tiền thưởng cho cán bộ quản lý có thể được giữ bí mật, vì vậy quy định rằng “Quy chế thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc” là không hợp lý.

Điều 108: Làm thêm giờ

- Chúng tôi hoan nghênh việc nói lỏng mức trần của số giờ làm thêm, nhưng vẫn cần lưu ý rằng giới hạn này vẫn còn thấp hơn mức trung bình của khu vực. Chúng tôi đề xuất các văn bản hướng dẫn thực hiện không cấm nhân viên làm việc thêm giờ vượt quá mức trần này nếu họ có nguyện vọng như vậy để tăng thêm thu nhập.

Điều 123: Nguyên tắc, trình tự xử lý kỷ luật lao động

- Cần sửa đổi và bổ sung điều kiện “trong trường hợp nhà tuyển dụng đã gửi thư mời nhân viên có mặt tại cuộc họp kỷ luật của công ty 3 lần và nhân viên không tới thì chủ lao động có quyền chấm dứt hợp đồng lao động”.

Điều 126: Áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải

- Chúng tôi hoan nghênh phạm vi và định nghĩa mở rộng của hình thức xử lý kỷ luật sa thải.

Điều 135: Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc

- Chúng tôi khuyến nghị các điều khoản hướng dẫn thực hiện của phần 1c (Xây dựng và thực hiện nội quy, quy trình, các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động) nên bao gồm cả sức khỏe tâm lý - rằng người sử dụng lao động không nên để nhân viên làm việc quá căng thẳng gây hại cho sức khỏe tinh thần của họ.
- Chúng tôi khuyến nghị bổ sung điều khoản tại mục b (cung cấp thiết bị an toàn lao động cần thiết cho người lao động)
- Tập huấn về an toàn lao động nên là quy định bắt buộc đối với trẻ vị thành niên.

Điều 136: Chính sách của Nhà nước về lao động nữ

- Chúng tôi hoan nghênh những quy định chi tiết mới và ưu tiên đối với vấn đề bình đẳng giới.

Điều 137: Trách nhiệm của người sử dụng lao động

- Các điều khoản hướng dẫn thực hiện trong phần 2 (người sử dụng lao động sẽ tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ) nên giao trách nhiệm cho công đoàn, lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động và các tổ chức thương lượng tập thể để đảm bảo rằng tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các cơ quan này cũng tương ứng với tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động của công ty.
- Khoản 4 (người sử dụng lao động cần giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động) là quy định rất đáng hoan nghênh, nhưng các văn bản hướng dẫn thực hiện cần đảm bảo tính thiết thực và không phải chỉ đơn thuần là khoản hỗ trợ mang tính hình thức.
- Phòng cho con bú nên được thiết lập tại tất cả các nơi làm việc có nhân viên nữ và quy định thời gian cho con bú 60 phút áp dụng cho các bà mẹ có con từ 12 đến 24 tháng tuổi. Phụ nữ sau sinh trở lại làm việc trước khi kết thúc 6 tháng nghỉ thai sản theo quy định tại Điều 140 cần được đặc biệt khuyến khích và hỗ trợ để tiếp tục cho con bú trong 6 tháng.

Điều 138: Bảo vệ thai sản

- Khoản 4 về việc lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút và được lựa chọn thời gian nghỉ phù hợp trong ngày nhưng phải thông báo trước cho người sử dụng lao động nên được hướng dẫn thực hiện cẩn thận và hợp lý để không gây bối rối hoặc vi phạm quyền riêng tư hoặc nhân phẩm của người lao động.

Điều 146: Sử dụng lao động chưa đủ 15 tuổi

- Không có định nghĩa về lao động trẻ em. Bộ luật Lao động sửa đổi cần đưa ra định nghĩa về 'lao động trẻ em', nghiêm cấm các hình thức sử dụng lao động trẻ em tồi tệ nhất và bao gồm các biện pháp trừng phạt dân sự mạnh mẽ hơn đối với các bên vi phạm, để bảo vệ tất cả trẻ em dưới 18 tuổi không bị bóc lột và lạm dụng theo các quy chuẩn về quyền trẻ em quốc tế.
- Mặc dù ngành công nghiệp giải trí đôi khi cần nhân lực dưới 13 tuổi, chúng tôi đề xuất các điều khoản hướng dẫn thực hiện cần quy định cụ thể về việc bảo vệ an toàn cho các em.
- Nhiều trẻ em không có hợp đồng lao động bằng văn bản. Bộ luật Lao động cần đưa ra quy định bảo vệ người chưa thành niên mà không có hợp đồng chính thức đảm bảo mức lương tối thiểu, bảo hiểm y tế và xã hội.

Điều 153: Điều kiện tuyển, sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Sở LĐ, TB&XH tỉnh nên quy định rõ ràng hơn về việc công ty cần chứng minh rằng không thể tuyển dụng nhân viên Việt Nam hoặc không phù hợp với công việc mà công ty cần, do đó phải tuyển và sử dụng người lao động là công dân nước ngoài.
- Phê duyệt chức vụ công việc không nên áp dụng trong điều chuyên nội bộ trong công

ty.

Điều 154: Người lao động nước ngoài phải xuất trình giấy phép lao động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Vui lòng quy định rõ bên nào được yêu cầu giữ bản gốc giấy phép lao động.
- Xin giải thích rõ liệu các cơ quan có thẩm quyền ở đây có bao gồm nhân viên nhập cảnh tại sân bay? Người nước ngoài thường không mang theo giấy phép lao động vì thường lưu trữ tại bộ phận nhân sự hoặc cất giữ an toàn tại nhà.

Điều 156: Thời hạn của giấy phép lao động

- Thời hạn tối đa bốn năm sẽ khiến các công ty nói riêng và Việt Nam nói chung mất đi nhiều nhân sự quan trọng. Chúng tôi đề nghị điều chỉnh lại như sau:

“Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 02 năm; trường hợp gia hạn thì chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm. Sau khi hết thời hạn 2 + 2 năm, nếu người có giấy phép lao động tiếp tục công việc tại Việt Nam có thể nộp hồ sơ xin giấy phép lao động mới.

Điều 159: Chính sách của Nhà nước đối với lao động là người khuyết tật

- Chính sách ưu đãi thuế đã có cũng nên được đề cập ở đây.

Điều 162-166: Lao động là người giúp việc gia đình

- Chúng tôi hoan nghênh Bộ luật mở rộng phạm vi để bảo vệ đối tượng lao động này.

Điều 168: Người lao động nhận công việc về làm tại nhà

- Chúng tôi đề nghị quy định rõ hơn về các khái niệm và cơ chế bảo vệ người lao động trong trường hợp nhận công việc về làm tại nhà. Nên kinh tế hiện đại ngày càng có nhiều cơ chế làm việc linh hoạt này và trong nhiều trường hợp, mọi người đều nhận được lợi ích nếu cơ chế này cũng được đưa vào phạm vi áp dụng của Bộ luật Lao động.

Điều 170: Tuổi nghỉ hưu

- Chúng tôi đề nghị quy định độ tuổi nghỉ hưu của phụ nữ và nam giới bằng nhau để thúc đẩy bình đẳng giới. Điều này cho phép phụ nữ có cơ hội bình đẳng để đạt đến vị trí quản lý và có tổng thu nhập như nhau trong suốt quãng thời gian lao động.

Điều 179-197: Giải quyết tranh chấp lao động

- Chúng tôi đánh giá cao nhiều quy định chi tiết mới về hòa giải, trọng tài và thương lượng một cách quy củ.

Điều 202: Quyết định đình công và thông báo thời điểm bắt đầu đình công

- Điều khoản này nên được ưu tiên sửa đổi để tránh những hậu quả tiêu cực ngoài mong muốn. Trong tất cả các phần khác về tổ chức đình công tương tự, cần có ý kiến biểu quyết đồng ý của trên 50% tổng số lao động bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, trong trường hợp luật quy định chỉ có trên 50% “số người được lấy ý kiến”, điều đó có thể chỉ hàm

ý là một bộ phận thiểu số nhân viên hoặc chỉ lãnh đạo được bầu của tổ chức đại diện. Điều này có thể dẫn đến tình trạng chỉ một số lượng nhỏ kêu gọi đình công trái với mong muốn của phần lớn những người lao động bị ảnh hưởng. Đây không phải là một vấn đề nhỏ - một số quốc gia đã phải trải qua nhiều thập kỷ gián đoạn công nghiệp nghiêm trọng trên toàn quốc do một bộ phận nhỏ các nhà lãnh đạo cực đoan của các tổ chức đại diện người lao động. Giải pháp công bằng hơn là yêu cầu đa số người lao động bị ảnh hưởng biểu quyết đồng ý với việc đình công.

Điều 204: Những trường hợp đình công bất hợp pháp

- Chúng tôi đề xuất quy định rõ trong các văn bản hướng dẫn thực hiện về điều này để có quy trình pháp lý cụ thể, được chính quyền địa phương hỗ trợ đầy đủ cho các cuộc đình công bất hợp pháp. Các thành viên trước đây phản ánh quan ngại rằng việc thiếu các quy trình pháp lý rõ ràng dẫn đến các cuộc đình công bất hợp pháp. Đây cũng sẽ là cơ chế để đảm bảo thực thi và tuân thủ các điều khoản rất hợp lý về đối thoại lao động và phân xử trọng tài trong bộ luật này.

Điều 219: Hiệu lực của Bộ luật lao động

- Nhìn chung, Bộ luật Lao động mới đánh dấu những bước tiến vượt bậc mà chúng tôi cho là mang lại lợi ích cho cả người lao động, doanh nghiệp sử dụng lao động và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Với một vài điều chỉnh nhỏ, chúng tôi tin và khuyến nghị rằng Bộ luật có thể chính thức triển khai trước năm 2021. VBF vinh dự được hỗ trợ tối đa thông qua các đề xuất, khuyến nghị và hỗ trợ xem xét các điều khoản hướng dẫn thực hiện.

NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC LÀM VIỆC VỚI BLĐTBXH VỀ CÁC NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH 143

9:00 – 11:00, Thứ Ba, 3/4/2019
BLĐTBXH, 12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Nhân xét chung

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

Xuất phát điểm của chính sách này từ xu hướng dịch chuyển lao động quốc tế vào Việt Nam ngày càng đông đồng thời số lượng lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài ngày một tăng đòi hỏi việc Việt Nam phải tuân thủ các công ước, hiệp ước quốc tế.

Trong Luật bảo hiểm xã hội hiện hành điều 2.2 Quốc hội quy định chung và rộng đối với công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thì sẽ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ. Luật không đề cập gì đến hợp đồng lao động cũng như các đối tượng khác thuộc diện loại trừ như Nghị định 113/2018/NĐ-CP đề cập bao gồm di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp và lao động đến độ tuổi lao động theo Luật Việt Nam. Do đó chúng tôi đã xem xét và đề xuất thu hẹp lại phạm vi và thêm yêu cầu phải có hợp đồng lao động.

Phản hồi các ý kiến đóng góp của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam VBF

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

1. Điều 2.1

Theo ý kiến của VBF là nên trao cho người lao động quyền được lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội thay vì là nghĩa vụ phải tham gia. Trước khi có Nghị định 143, Chính phủ đã có trao đổi bằng văn bản với Quốc hội về vấn đề này và Ủy Ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) trong văn bản trả lời đã chỉ ra đây là vấn đề có tính chất bắt buộc. Trong nghĩa vụ tham gia bao gồm quyền và nghĩa vụ của 2 phía người lao động và quỹ bảo hiểm. Quy định này cũng gắn liền với quy định theo chính sách áp dụng với lao động Việt Nam là khi phát sinh quan hệ lao động theo hợp đồng thì nghĩa vụ của người sử dụng lao động cũng như người lao động là tham gia bảo hiểm xã hội.

Theo đó để đảm bảo tính thống nhất giữa lao động Việt Nam và lao động nước ngoài, chúng tôi đề nghị nên tham gia với tính chất là nghĩa vụ để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

2. Điều 2.2a

Ý kiến của VBF theo chúng tôi là hoàn toàn chính đáng cho người lao động và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chính sách này được thuận lợi, tránh trường hợp phải dẫn chiếu sang nhiều văn bản khác nhau. Chúng tôi xin được trả lời là sẽ không có Thông tư hướng dẫn vì trong Nghị định 143 không giao quyền cho Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư.

Tuy nhiên, thời gian qua chúng tôi đã ban hành văn bản hướng dẫn làm rõ hơn quy định về đối tượng áp dụng. Chúng tôi sẽ chia sẻ văn bản này với VBF. Văn bản này đã được gửi tới Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, các tỉnh, thành phố làm rõ đối tượng áp dụng đồng thời trích dẫn các văn bản có liên quan.

Ông Colin Blackwell – Trưởng nhóm Công tác Nguồn nhân lực, VBF

Vấn đề di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp: Nếu doanh nghiệp có cơ sở ở nhiều nước thì lao động di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có thể không phải từ trụ sở mà là từ công ty con. Xin lưu ý rằng cùng một khái niệm như trên đang được sử dụng trong tuyên truyền, phổ biến về bảo hiểm xã hội. Cần thận trọng và công nhận những người di chuyển từ một công ty con này sang công ty con khác trong tập đoàn đa quốc gia là người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

Về vấn đề này, Nghị định 143 có đề cập đến vấn đề di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp cho các nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 điều 3 Nghị định 11 tuy nhiên phạm vi điều chỉnh hẹp hơn so với khái niệm di chuyển nội bộ nói chung hay như ví dụ mà ông Colin vừa đưa ra.

Chúng tôi cũng nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài về vấn đề này. Sắp tới đây đề nghị VBF cùng Bộ LĐTBXH sẽ tiến hành rà soát các đối tượng thuộc diện này xem tỷ trọng chiếm bao nhiêu phần trăm trong số đối tượng di chuyển nội bộ chung hiện nay để có đánh giá và khuyến nghị Chính phủ sửa đổi Nghị định 11.

3. Điều 13

Việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội không làm phát sinh chi phí của doanh nghiệp ở nghĩa vụ đóng góp. Trong trường hợp người lao động không nằm trong diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, doanh nghiệp phải chi phí đóng góp bảo hiểm vào trong tiền lương để người lao động tự lo liệu.

Đối với ý kiến cho rằng khi ký hợp đồng lao động với lao động Việt Nam hay nước ngoài, mức lương nêu ra trong hợp đồng là mức lương gộp bao gồm cả nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội mà người sử dụng lao động trích ra để nộp thay cho người lao động. Việc hàng tháng người sử dụng lao động phải đóng 3.5% phí bảo hiểm xã hội sẽ ảnh hưởng tới mức lương của người lao động được đưa ra trong hợp đồng. Chúng tôi xin trả lời rằng trong pháp Luật lao động không quy định tổng lương bao gồm cả bảo hiểm. Đối với ý kiến từ phía VBF, tới đây chúng tôi cũng cần rà soát lại các hợp đồng lao động khi các doanh nghiệp ký hợp đồng lao động với người nước ngoài đã tuân thủ quy định này chưa. Đối với lao động người Việt Nam, trong quá trình thanh tra kiểm tra chúng tôi thấy các doanh nghiệp đều tuân thủ điểm này.

Với khuyến nghị giảm chi phí: Khi đưa ra chính sách này, chúng tôi dựa trên nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa lao động Việt Nam và nước ngoài. Do đó không thể giảm mức đóng bảo hiểm xã hội cho người nước ngoài trong khi lao động người Việt Nam vẫn đóng mức như vậy. Quỹ bảo hiểm Việt Nam là đơn vị hạch toán độc lập. Khi quỹ có kết dư, Chính phủ sẽ xem xét giảm mức phí. Trước thực tại mức hưởng bảo hiểm ở Việt Nam là khá cao, các tổ chức quốc tế cũng có đề xuất giảm mức hưởng xuống. Tiếp thu ý kiến này, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu vấn đề liên quan đến mức đóng góp cao và chi phí cho doanh nghiệp. Nếu có điều chỉnh sẽ áp dụng cho cả lao động Việt Nam và nước ngoài.

Điều 18.1

Thỏa thuận song phương về miễn trừ: Để loại bỏ việc đóng bảo hiểm song trùng đối với lao động người nước ngoài sang Việt Nam làm việc cũng như lao động Việt Nam sang nước ngoài làm việc, Bộ LĐTBXH đã và đang tiến hành đàm phán với một số nước như Đức, Nhật Bản, Philippine, Đài Loan, Trung Quốc, v.v. Hiện chúng tôi đang đề mốc 2022 cho các thỏa thuận song phương được ký kết và đưa vào áp dụng. Ngoài mục tiêu loại bỏ việc đóng bảo hiểm song trùng, chúng tôi còn hướng đến các mục tiêu khác như tính cộng dồn thời gian đóng. Chúng tôi hi vọng VBF có thể chia sẻ kinh nghiệm trên phương diện triển khai các hiệp ước song/đa

phương cũng như việc thực hiện chính sách bảo hiểm ở các quốc gia đặc biệt đối với nhóm đối tượng lao động nước ngoài. Thông qua đó chúng tôi hi vọng có nhiều hơn nữa các hiệp định được triển khai trong thời gian tới.

Chúng tôi hi vọng VBF có thể đảm nhận vai trò cầu nối giữa Việt Nam và các quốc gia khác bắt thông qua các Hiệp hội thương mại nước ngoài. Sau bước trao đổi thông tin và thiện chí ban đầu, các Hiệp định song phương sẽ được thực hiện theo đúng thủ tục ký kết giữa chính phủ hai nước. VBF nên tiếp cận các hiệp hội thành viên để:

- Xem nước chủ quản có quan tâm và thiện chí hướng tới cam kết song hoặc đa phương không
- Cho biết các quốc gia nào khác mà họ đã ký kết các thỏa thuận tương tự hoặc đang trong quá trình đàm phán
- Cho biết kỳ vọng và mong muốn của họ về phạm vi thỏa thuận với Việt Nam

Chúng nhận của cơ sở có thẩm quyền: Trong chính sách bảo hiểm hiện nay, chúng ta đang thực hiện bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Nghị định 143 chỉ đang bàn về bảo hiểm xã hội. Các khoản chi trả ốm đau từ bảo hiểm xã hội trong Nghị định 143 là các khoản chi trả từ quỹ thay cho tiền lương của người lao động bị mất hoặc giảm, còn bảo hiểm y tế chi trả các khoản tại cơ sở khám chữa bệnh.

Chúng tôi xin ghi nhận điểm này tuy nhiên cũng xin chia sẻ chính sách bảo hiểm y tế hiện nay do Bộ Y tế ban hành. Các cơ sở khám chữa bệnh y tế hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa đủ khả năng khám chữa bệnh cho lao động người nước ngoài. Chúng tôi không bắt buộc giấy chứng nhận phải từ cơ sở nhất định nào, miễn là cơ sở có thẩm quyền (được Bộ Y tế cấp phép). Giấy chứng nhận hoàn toàn có thể bằng tiếng Việt, không nhất thiết phải bằng tiếng nước ngoài trừ trường hợp khám chữa bệnh ở nước ngoài mới cần chứng thực.

Bà Nguyễn Kim Dung – Giám đốc Pháp chế, Tuân thủ và Đối ngoại – Apollo

Đối tượng áp dụng của Nghị định 143: đề nghị giới hạn lại đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội và bổ sung thêm các đối tượng miễn trừ. VBF sẽ có công văn giải trình cụ thể nếu cần trình bày lý do tại sao phải giới hạn lại đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội và mở rộng thêm đối tượng được miễn trừ.

Mức đóng bảo hiểm xã hội: Hiện mức đóng đang bằng với mức của lao động Việt Nam và VBF có kiến nghị Bộ LĐTBXH điều chỉnh mức đóng sao cho phù hợp. Trên thực tế, ở các công ty nước ngoài, ngoài việc đóng bảo hiểm xã hội thì còn đóng bảo hiểm sức khỏe riêng cho nhân viên. Trong trường hợp các công ty nước ngoài mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên để đảm bảo chế độ ưu đãi cho nhân viên ở mức cao nhất vì bảo hiểm xã hội hay bảo hiểm y tế chỉ chi trả một mức nhất định theo quy định của nhà nước. Đề nghị Bộ LĐTBXH cân nhắc với những trường hợp nhân viên có bảo hiểm tự nguyện của công ty mà được chi trả 100% thì được miễn trừ như thế nào để tránh tình trạng lãng phí.

Điều 15 & 16 về Thủ tục hành chính: Để hưởng chế độ theo bảo hiểm xã hội, người lao động và người sử dụng lao động phải hoàn thành bộ hồ sơ đầy đủ bao gồm nhiều chứng từ như chứng nhận về việc nghỉ việc tại cơ quan đơn vị có thẩm quyền. Như vậy trong trường hợp người lao động vào cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền và yêu cầu cung cấp dịch vụ bằng tiếng Anh sẽ phải trả mức phí cao hơn trong khi bảo hiểm xã hội chỉ chi trả một phần. Khi cấp chứng từ y tế, nếu ở bệnh viện công sẽ chỉ có giấy chứng nhận bằng tiếng Việt. Với trường hợp người lao động đến các cơ sở có giấy chứng nhận bằng tiếng Anh thì việc dịch sang tiếng Việt sẽ tốn thêm chi phí bởi các cơ quan bảo hiểm không chấp nhận giấy tờ bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, với chế độ tử tuất phải có giấy ủy quyền của người nhà của người đã mất tại Việt Nam, việc công chứng hợp pháp hóa lãnh sự và gửi sang Việt Nam giấy ủy quyền của thân nhân người lao động mất nhiều thời gian và chi phí cao. Chúng tôi kiến nghị Bộ LĐTBXH cân nhắc xem xét liệu chế độ này có phù hợp không?

VBF xin đề xuất Bộ LĐTBXH cân nhắc ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định 143 và trong thông tư hướng dẫn cần bao gồm một chương về thủ tục hành chính cho lao động nước ngoài dựa vào thực hiện.

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

Quan điểm chung của Bộ LĐTBXH là không có sự phân biệt nào giữa lao động người nước ngoài và Việt Nam. Trong Nghị định 143 có những nội dung nhất định đặc thù riêng cho lao động người nước ngoài. Ví dụ như quy định về quy trình thủ tục phải đảm bảo rút gọn hơn so với lao động Việt Nam để đảm bảo cho lao động người nước ngoài khi hết thời hạn hợp đồng có thể về nước ngay. Việc thực hiện chính sách này về phía Chính phủ đã rà soát để đảm bảo quyền và cơ hội tiếp cận cho lao động người nước ngoài.

Trong những trường hợp cần thiết Bộ có thể ban hành thông tư nhưng hiện nay theo quy định về việc ban hành các văn bản quy phạm thì thông tư không được hướng dẫn các thủ tục hành chính. Tuy nhiên thay vì thông tư, Bộ LĐTBXH có thể đề nghị Chính phủ ban hành nghị định sửa đổi bổ sung. Chúng tôi sẽ xem xét các kiến nghị của VBF và cân nhắc sửa đổi trong tương lai nếu thấy vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Bà Nguyễn Kim Dung – Giám đốc Pháp chế, Tuân thủ và Đối ngoại – Apollo

VBF xin đề xuất khi xét đến đối tượng áp dụng chế độ áp dụng bảo hiểm xã hội và mức đóng cần xem xét đến các yếu tố mà các thành viên VBF đã đề cập. Nghĩa là các lao động nước ngoài đã được công ty mua bảo hiểm thì đề nghị Bộ xem xét cân nhắc chế độ áp dụng sao cho phù hợp tránh trường hợp chồng chéo.

Ngoài ra, xin có ý kiến với Bộ về việc sử dụng bảo hiểm y tế của lao động nước ngoài trên thực tế là hầu như không xảy ra trong khi doanh nghiệp vẫn phải đóng bảo hiểm này cho người lao động. Việc này không đảm bảo mục tiêu ban đầu khi ban hành bảo hiểm y tế áp dụng nước ngoài. Vì đến 70% những bệnh viện, cơ sở y tế được quyền khám chữa bệnh ban đầu không thể cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh bằng tiếng anh.

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

Chúng tôi xin ghi nhận các vướng mắc như VBF đã nêu ra. Như đã nói ở trên, chúng tôi rất hoan nghênh VBF tham gia hỗ trợ thúc đẩy quá trình ký kết các hiệp định song/đa phương.

Ông Kenji Hachiya – Giám đốc, IMTC

Xin nêu một vấn đề về nhà đầu tư cá nhân đầu tư vào Việt Nam. Nếu nhà đầu tư này tự thuê mình coi như người lao động thì cần làm rõ người lao động này có phải đóng bảo hiểm xã hội không.

Ông Brian O'Reilly – Trưởng nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo, VBF

Các doanh nghiệp mua bảo hiểm y tế tự nguyện cho người lao động nên được xem xét giảm hoặc miễn trừ đóng bảo hiểm y tế bắt buộc. Điều này nên được áp dụng cho người lao động cả trong nước và nước ngoài. Trách nhiệm thuộc về doanh nghiệp, họ sẽ phải đưa ra chứng từ thể hiện việc đã mua bảo hiểm y tế tự nguyện cho người lao động.

Ông Trần Hải Nam – Vụ phó Vụ Bảo hiểm Xã hội, Bộ LĐTBXH

Chúng tôi xin ghi nhận vấn đề này vì hiện nay bảo hiểm xã hội được đóng dựa trên quan hệ lao động. Do đó thời gian qua chúng tôi hướng đến nhóm người lao động chứ chưa chú trọng tới chủ doanh nghiệp. Chúng tôi xin ghi nhận vấn đề này trong quá trình hoàn thiện chính sách trong thời gian tới để tạo bình đẳng trong tiếp cận chính sách không chỉ cho người nước ngoài mà cả các chủ hộ kinh doanh cá thể người Việt Nam.

Hiện Chính phủ đang giao Bộ LĐTBXH chủ động trong việc thúc đẩy đàm phán các hiệp định. Nếu quốc gia nào chủ động đặt vấn đề hoặc mong muốn cùng Việt Nam đàm phán đi đến thống nhất một hiệp định về bảo hiểm, Bộ đã có một tổ công tác đảm nhiệm vai trò đầu mối trao đổi thông tin. Quá trình đàm phán sẽ có liên quan đến các Bộ khác như Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và một số bộ ngành khác.

DANH SÁCH THAM DỰ

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị
BLĐTBXH			
1.	Trần Hải Nam	Phó Vụ trưởng	Vụ Bảo hiểm Xã hội
2.	Nguyễn Thị Hà	Cán bộ	Vụ Bảo hiểm Xã hội
3.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Cán bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
VBF			
4.	Colin Blackwell	Trưởng nhóm Công tác Nguồn nhân lực, VBF	Tổng Giám đốc Công ty Enablecode
5.	Brian O'Reilly	Trưởng nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Việt - Đức
6.	Phạm Trí Trung	Cố vấn đặc biệt	Baker & McKenzie
7.	Kenji Hachiya	Giám đốc	Tập huấn Tư vấn Quản lý Quốc tế
8.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc Thuế vụ Cố vấn Nhân sự (HN)	Ernst & Young
9.	William P. Badger, Jr.	Giám đốc Quan hệ Cộng đồng	Trường Quốc tế Concordia Hà Nội
10.	Nguyễn Kim Dung	Giám đốc Pháp chế, Tuân thủ, Đối ngoại	Apollo
11.	An Thùy Dương	Giám đốc VP Hà Nội	AusCham
12.	Đặng Vũ Hoàng Giang	Trợ lý	Lexcomm Việt Nam
13.	Lê Thị Hoàng Anh	Điều phối viên	Ban Thư ký VBF
14.	Nguyễn Ngọc Anh	Cán bộ	Ban Thư ký VBF

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

TAO RA MÔ HÌNH CÂY TRỒNG DÀI NGÀY - CHĂN NUÔI - THỦY SẢN ÍT TÁC ĐỘNG NHẤT TỚI MÔI TRƯỜNG & GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Nông nghiệp
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Tôi là David Whitehead, Giám đốc của Hiệp hội Doanh nghiệp Úc, và Trưởng Nhóm Công tác Nông nghiệp VBF.

Tính bền vững được dựa trên nguyên tắc đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. Nạn đói ở các nước nghèo, béo phì ở các quốc gia phát triển, tăng giá lương thực, biến đổi khí hậu không ngừng gia tăng, tăng chi phí nhiên liệu và vận tải, khiếm khuyết thị trường toàn cầu, ô nhiễm thuốc trừ sâu trên toàn thế giới, sâu bệnh thích nghi kháng thuốc, quản lý dịch bệnh trên vật nuôi, đất bạc màu và carbon hữu cơ, xói mòn đất, giảm đa dạng sinh học, sa mạc hóa, v.v.

Bất chấp những tiến bộ chưa từng có trong khoa học, những vấn đề nghiêm trọng cho thấy rõ rằng nông nghiệp truyền thống không còn phù hợp để sản xuất thực phẩm nuôi sống con người và bảo tồn hệ sinh thái.

Nông nghiệp bền vững là giải pháp thay thế để giải quyết các vấn đề cơ bản và ứng dụng liên quan đến sản xuất lương thực thân thiện với hệ sinh thái. Trong khi nông nghiệp truyền thống chủ yếu dựa vào năng suất và lợi nhuận, nông nghiệp bền vững tích hợp khoa học sinh học, hóa học, vật lý, sinh thái, kinh tế và xã hội để phát triển các phương thức canh tác mới an toàn và không làm suy thoái môi trường.

Nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản bền vững có thể được định nghĩa theo nhiều cách; đó là một hệ thống có thể tự duy trì vô thời hạn mà không làm suy thoái đất đai, môi trường hay con người, với mục tiêu cuối cùng là giúp đảm bảo phát triển bền vững cho nông dân, tài nguyên và cộng đồng bằng cách phát huy các phương pháp và thực hành canh tác mang lại lợi nhuận, thân thiện với môi trường và tốt cho cộng đồng.

Nông nghiệp bền vững có thể hỗ trợ hài hòa cho nông nghiệp hiện đại, mang lại những giá trị thực sự của nhà sản xuất và sản phẩm họ làm ra, là kết quả và bài học từ canh tác hữu cơ, phát huy hiệu quả trên các trang trại lớn và nhỏ, khai thác công nghệ mới và hoàn thiện các thực hành tốt đã có.

Nói tóm lại, đặc trưng của Nông nghiệp bền vững là:

- Hiệu quả về kinh tế: Nếu không mang lại lợi nhuận có nghĩa là thông lệ đó không bền vững.
- Hỗ trợ xã hội: Coi trọng chất lượng cuộc sống của người nông dân, gia đình và cộng đồng của họ; và
- Bền vững về sinh thái, bảo tồn nguồn tài nguyên duy trì sự sống của tất cả chúng ta.

Để nông nghiệp bền vững đạt hiệu quả kinh tế, phát huy trách nhiệm xã hội và sinh thái, cần đảm bảo liên kết các vấn đề kinh tế, xã hội và sinh thái, những điều kiện thiết yếu cho sự bền vững.

Một hệ thống nông nghiệp khai thác cạn kiệt hoặc suy thoái tài nguyên thiên nhiên hoặc gây ô nhiễm môi trường tự nhiên cuối cùng sẽ mất khả năng sản xuất. Như vậy không được coi là bền vững.

Một hệ thống nông nghiệp không mang lại lợi nhuận, ít nhất là sau một thời gian, sẽ khiến người nông dân không thể tiếp tục làm ăn kinh doanh. Như vậy không được coi là bền vững.

Một hệ thống nông nghiệp không đáp ứng nhu cầu của xã hội, trong vai trò là nhà sản xuất, công dân cũng như người tiêu dùng, sẽ không được xã hội chấp nhận và duy trì. Như vậy không được coi là bền vững.

Một hệ thống nông nghiệp bền vững phải hội tụ cả ba yếu tố - bền vững về sinh thái, hiệu quả về kinh tế và có trách nhiệm với xã hội. Ba yếu tố này cần cộng hưởng hài hòa với nhau.

Như vậy, có thể tóm tắt ba lĩnh vực quan tâm chính làm nền tảng cho khái niệm nông nghiệp bền vững như sau:

- Mọi quan tâm về kinh tế liên quan đến công bằng kinh tế, khả năng tồn tại và duy trì của các chủ trang trại và lợi nhuận lâu dài từ nông nghiệp;
- Mọi quan tâm về môi trường liên quan đến các tác động bất lợi của nông nghiệp tới tài nguyên đất, nước và động vật hoang dã; và
- Mọi quan tâm phúc lợi công cộng liên quan đến chất lượng thực phẩm và hóa chất độc hại mà con người phải tiếp xúc.

Do đó, một chương trình hoặc chính sách nông nghiệp được coi là góp phần thúc đẩy nông nghiệp bền vững nếu nó:

- Cải thiện hoặc duy trì số lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế lâu dài của nông nghiệp cũng như các cơ hội kinh doanh nông nghiệp khác trong một cộng đồng hoặc khu vực.
- Tăng cường, thay vì làm giảm, tính toàn vẹn, đa dạng và năng suất dài hạn của toàn bộ hệ sinh thái nông nghiệp được quản lý và hệ sinh thái môi trường tự nhiên xung quanh; và
- Tăng cường, thay vì đe dọa, sức khỏe, an toàn và lối sống của các nhà sản xuất nông nghiệp và người tiêu dùng.

Sở hữu một trong những ngành công nghiệp lúa gạo lớn nhất thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã cho thấy sự cải thiện không ngừng trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên, mặt khuất phía sau thành công lớn này là những vấn đề đe dọa nền nông nghiệp bền vững của Việt Nam.

Đơn cử như sâu hại, dịch bệnh, khai thác đánh bắt quá mức và, cũng giống như nhiều quốc gia ven biển, mối hiểm họa từ thiên tai.

Ngành nông nghiệp của Việt Nam tạo công ăn việc làm cho khoảng 50% dân số và đóng góp 20% GDP của cả nước. Với nhu cầu xuất khẩu gạo cao như hiện nay, người nông dân không có động lực đa dạng hóa cây trồng, hạn chế cơ hội thu được lợi nhuận cao hơn. Do đó, lúa gạo chiếm gần một nửa tổng sản lượng của ngành, tiếp theo là các loại cây trồng xuất khẩu khác như cà phê, hạt điều, đậu nành, chè và cao su.

Yếu tố lớn nhất làm nên thành tựu kinh tế của Việt Nam là các chính sách Đổi mới được thông qua vào năm 1986. Chính sách này mở ra cơ chế giao đất cho nông dân và khuyến khích tăng trưởng nông nghiệp bằng cách nới lỏng quy định về thương mại.

Với tỷ trọng lớn của lúa gạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và cơ cấu thu nhập của nông dân, việc phát triển nền nông nghiệp bền vững ở Việt Nam là điều cần thiết. Hiện nay, một trong những vấn đề nan giải mà nông dân trồng lúa phải đối mặt là sâu bệnh. Không được hướng dẫn về các phương pháp kiểm soát dịch hại, nông dân bị thiệt hại khoảng 37% sản lượng.

Ngành chăn nuôi thường chịu ảnh hưởng xấu của tình hình dịch bệnh, đôi khi bắt nguồn từ động vật được vận chuyển trái phép qua biên giới. Các dịch bệnh hoành hành như Bệnh tai xanh, Bệnh lở mồm long móng và dịch tả lợn châu Phi gần đây đã tàn phá ngành chăn nuôi, đặc biệt là phân ngành thịt lợn chiếm phần lớn sản lượng protein sản xuất cho người Việt Nam.

Một vấn đề khác cản trở nền nông nghiệp bền vững ở Việt Nam là tình trạng khai thác đánh bắt quá mức. Việt Nam đã từng sở hữu nguồn lợi đánh bắt trù phú. Tuy nhiên, do tình trạng khai thác quá mức, ngành này đang dần rơi vào tình trạng suy kiệt, các quần thể cá ở sông Mê Kông đã bắt đầu biến mất vì bị đánh bắt quá mức và sử dụng phương pháp bất hợp pháp như các chất gây ngộ độc và sốc xung điện làm chết cá.

Do tình trạng cạn kiệt nguồn lợi thủy hải sản nghiêm trọng, ngư dân Việt Nam phải đánh bắt ở các vùng biển nước ngoài và sử dụng những phương pháp bất hợp pháp để duy trì lợi nhuận. Các tàu cá Việt Nam đã từng bị bắt giữ bởi các nước lân cận như Úc và Campuchia vì đánh bắt bất hợp pháp. Hiện cũng chưa có chính sách hạn chế đánh bắt cá trong mùa sinh sản, từ đó càng góp phần làm giảm dân số các quần thể này.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản thương mại bền vững đang gia tăng và sẽ giúp đáp ứng nhu cầu protein của người Việt Nam trong tương lai, đặc biệt là áp lực đối với ngành thịt lợn do dịch bệnh tái phát.

Bên cạnh những câu chuyện thành công về kinh tế, triển khai các kế hoạch thúc đẩy nông nghiệp bền vững ở Việt Nam là yêu cầu bắt buộc để đất nước có một nền kinh tế lành mạnh, lâu dài.

IV. PHIÊN 3

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

Trình bày bởi
Ông Frederick Burke
Trưởng nhóm

Nói lỏng các quy định...

Những trở ngại pháp lý đối với đầu tư

Việt Nam đã có những nỗ lực để nói lỏng một số quy định về đầu tư. Tuy nhiên, một số thay đổi pháp lý được đề xuất và thực hiện gần đây vẫn cho thấy những kết quả đáng lo ngại đối với môi trường đầu tư kinh doanh và một số quy định có khả năng cản trở tăng trưởng bền vững.

Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và Nghị định 76/2018/NĐ-CP

Chúng tôi đánh giá cao những cố gắng của BKHCN để phản hồi gần đây trước Diễn đàn này về Luật Chuyển giao Công nghệ từ cách nhìn của chính phủ, bao gồm các nội dung về những quan ngại về sự cần thiết của việc quy định đăng ký chuyển giao công nghệ, vấn đề bảo mật thông tin trong hồ sơ đăng ký và định nghĩa về "công nghệ".

Mặc dù vậy, trên thực tế, Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và Nghị định 76/2018 /NĐ-CP đặt ra cách tiếp cận nặng nề đối với các quy định chuyển giao công nghệ. Cụ thể, phạm vi yêu cầu đăng ký quá rộng cản trở hoạt động đầu tư bằng cách trì hoãn các quy trình chuyển giao công nghệ và cản trở việc thực hiện các thỏa thuận chuyển giao công nghệ. Một số nhà đầu tư sẽ nản chí trầm trọng trước các rủi ro bảo mật từ việc đăng ký, đến mức họ có thể từ bỏ toàn bộ hoạt động đầu tư của mình tại Việt Nam. Định nghĩa về 'công nghệ' quá rộng cho mục đích đăng ký được đưa vào Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 làm các vấn đề này thêm trầm trọng, vì định nghĩa này dường như được áp dụng cho không chỉ "giải pháp, quy trình và bí quyết" trong lĩnh vực sản xuất, mà cả trong lĩnh vực dịch vụ.

Để giải quyết vấn đề này, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể thu hẹp các trường hợp phải đăng ký để chỉ áp dụng trong những trường hợp thật sự cần thiết. Tương tự như vậy, định nghĩa 'công nghệ' cho mục đích đăng ký cần được làm rõ để có thể biết chắc chắn những hoạt động và quy trình nào thuộc hoặc không thuộc phạm vi phải đăng ký.

Dự thảo Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư

Chúng tôi đã lập và gửi hai bảng tổng hợp ý kiến cho dự thảo Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư trong nửa đầu năm 2019. Chúng tôi mong muốn được xem các ý kiến của chúng tôi sẽ được giải quyết như thế nào trong bản dự thảo mới của bản sửa đổi các Luật quan trọng này.

Dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định số 06/2016/ND-CP về Quản lý, Cung cấp và Sử dụng Dịch vụ Phát thanh, Truyền hình

Các nhà đầu tư đã thể hiện sự lo ngại về các quy định điều chỉnh các dịch vụ video theo yêu cầu (VOD) cung cấp trên Internet tương tự như các quy định điều chỉnh phát sóng truyền thống. Việc áp dụng các quy định về phát sóng sẽ yêu cầu cả đơn vị cung cấp dịch vụ VOD trong và ngoài nước phải xin cấp giấy phép, tuân thủ các định mức về nội dung chương trình trong nước, biên dịch nội dung sang tiếng Việt, và hạn chế cài đặt quảng cáo. Các yêu cầu cấp phép sẽ buộc các nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ qua biên giới quốc tế thành lập tổ chức pháp nhân tại Việt Nam, và có thể phải tuân thủ theo các quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Theo thông lệ tốt nhất toàn cầu, Chính phủ không cần phải áp dụng các quy tắc sở tại của dịch vụ phát thanh, truyền hình truyền thống cho các dịch vụ VOD nước ngoài; mà thay vào đó cân nhắc các cơ hội để giảm quy định của lĩnh vực phát sóng hiện có. Đây cũng là điều được người tiêu dùng và các nhà hoạch định chính sách toàn cầu ủng hộ.

Luật Đấu thầu

Điểm c khoản 1 Điều 1 của Luật Đấu thầu (**LĐT**) yêu cầu các dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước hoặc vốn của các doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án phải chịu sự điều chỉnh của LĐT, tức là các hoạt động mua sắm trong dự án đó sẽ phải tuân thủ các thủ tục được quy định trong LĐT.

Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, rất khó xác định lượng vốn của các DNNN trong một dự án đầu tư phát triển (**Dự án**) và do đó không rõ liệu LĐT có áp dụng trong các trường hợp đó hay không. Nghị định của Chính phủ hoặc Thông tư của BKHĐT nên làm rõ việc áp dụng LĐT trong những trường hợp này.

Đồng thời, các nhà đầu tư tiếp tục cảm thấy thất vọng về

- Những hạn chế không rõ ràng đối với người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam, bởi lẽ người mua nước ngoài không thể phân biệt những [dự án] xây dựng nào mà người nước ngoài không được sở hữu vì lý do an ninh quốc phòng. Điều này có thể được giải quyết bằng cách công bố danh sách các dự án mà người nước ngoài không được quyền sở hữu nhà ở.

Từ phản hồi gần đây của Bộ Xây dựng, chúng tôi hiểu rằng trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ có văn bản đôn đốc các địa phương trong việc công khai các nội dung liên quan đến sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có việc đôn đốc trách nhiệm của Sở Xây dựng các địa phương thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 76 và khoản 1 Điều 79 của Nghị định số 99/2015/ND-CP. Tuy nhiên, những vấn đề này nên được giải quyết một cách chủ động và nhanh chóng hơn nữa và cần phải có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Điều này sẽ giúp cho thị trường nhà ở Việt Nam phát triển một cách minh bạch và lành mạnh hơn.

- Các nhà đầu tư phụ thuộc vào việc công nhận và cho thi hành một cách kịp thời và có thể dự báo được đối với các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Từ phản hồi gần đây của Tòa án Nhân dân tối cao, chúng tôi hiểu rằng Tòa án nhân dân tối cao đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Chúng tôi mong nhận được dự thảo Nghị quyết của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề này để góp ý thêm. Như đã đề cập trước đây, khu vực tư nhân hy vọng Tòa án Việt Nam áp dụng Công ước New York 1958 một cách nghiêm túc, tuân thủ Công ước New York 1958 và Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, và tòa án Việt Nam không được xem xét lại tình tiết vụ việc mà đã được giải quyết bởi trọng tài nước ngoài. Dự thảo Nghị quyết dự kiến nên bảo đảm thực thi nguyên tắc này để có thể áp dụng hiệu quả trên thực tế.

Đẩy mạnh phát triển nhanh...

Ưu tiên các Hiệp định Thương mại

Chúng tôi khen ngợi Việt Nam đã nỗ lực thúc đẩy hội nhập kinh tế toàn cầu trong những năm qua. Việt Nam không chỉ là bên tham gia các hiệp định thương mại hàng đầu thế giới, mà Việt Nam còn đàm phán được phương thức tiếp cận ưu đãi đến một số nền kinh tế lớn nhất thế giới. Việt Nam đã tự tạo chỗ đứng cho chính mình như một quốc gia ưa chuộng thương mại tự do thông qua việc tham gia rộng rãi vào các hiệp định thương mại và sớm phê chuẩn các thỏa thuận sau khi ký kết.

Hiện tại, việc tiếp theo đang thực hiện đó là triển khai nội luật để thực thi các điều khoản hiệp định thương mại khác nhau. Chúng tôi khuyến khích Việt Nam ưu tiên thực hiện kịp thời các lợi ích của hiệp định thương mại dành cho các doanh nghiệp, đặc biệt là biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi.

Cuối cùng, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh các bước tiếp theo đối với Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU và Hiệp định Đối tác Kinh Tế Toàn diện Khu vực cùng các hiệp định quan trọng khác. Bây giờ là thời khắc tận dụng lợi ích kinh tế của thương mại tự do toàn cầu.

Tập trung phát triển bền vững...

Cộng đồng doanh nghiệp mong muốn hợp tác với chính phủ Việt Nam về phát triển bền vững. Các chủ đề cụ thể liên quan đến nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng và cơ chế khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo là một vài ví dụ có liên quan tại thời điểm này.

- Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc điều chỉnh các quy định nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng thông qua việc ban hành Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg. Quyết định 18, ở một mức độ nhất định, đã đưa ra một phần nhỏ sự linh hoạt trong việc nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng. Tuy nhiên, Quyết định 18 vẫn còn có những quy định thiếu tính thực tiễn, cụ thể là quy định về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế.

Mục đích rốt cuộc của quy định về nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng là nhằm đảm bảo các yếu tố an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, và tránh công nghệ lạc hậu. Quy định về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế không có vai trò gì trong vấn đề an toàn, tiết kiệm năng lượng, và bảo vệ môi trường do các điều kiện về đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn của các nước G7, Hàn Quốc đã làm tốt vai trò này.

Về vấn đề công nghệ lạc hậu, với xu thế phát triển của thế giới hiện nay, công nghệ mới được phát triển rất nhanh. Do vậy, tiêu chí về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế không những không đảm bảo loại bỏ được công nghệ lạc hậu, mà còn tạo rào cản bất bình đẳng do hoàn toàn có khả năng một dây chuyền công nghệ có công suất còn lại thấp hơn, nhưng lại có công nghệ tiên tiến hơn so với các dây chuyền công nghệ có công suất còn lại cao hơn. Bên cạnh đó, việc giám định các tiêu chí này trên thực tế là một quy trình phức tạp và tốn kém.

Như vậy, việc đặt ra các tiêu chí không đảm bảo được mục tiêu đặt ra, trong khi lại gây phức tạp và tốn kém cho doanh nghiệp là một cách tiếp cận thiếu thực tế.

Chính phủ có thể cân nhắc loại bỏ các tiêu chí về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế.

Chúng tôi khen ngợi Chính phủ Việt Nam cam kết giải quyết các rủi ro môi trường do máy móc hết hạn sử dụng hoặc lỗi thời, và chúng tôi đề nghị được có cơ hội làm việc cùng nhau để tìm ra các giải pháp hiệu quả để thực hiện Quyết định này.

- Nhóm công tác Cơ sở hạ tầng và Nhóm công tác Điện & Năng lượng thảo luận về việc phát triển dự án năng lượng và cơ sở hạ tầng bền vững. Ngoài việc tạo ra thị trường năng lượng và cơ sở hạ tầng minh bạch và hiệu quả, ưu tiên năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng, Việt Nam cũng có thể làm tốt hơn và hiệu quả hơn về chuỗi cung ứng bền vững và hỗ trợ ngành sản xuất về các sản phẩm thân thiện với môi trường, ngoài các lĩnh vực khác để phát triển bền vững, đạt được các mục tiêu xã hội, kinh tế và môi trường.
- “Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế”: Chúng tôi đã bày tỏ những quan ngại về việc áp dụng quy định kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) đối với các cơ sở bán lẻ có vốn đầu tư nước ngoài, và chúng tôi lưu ý rằng Chính phủ Việt Nam đã thỏa thuận về lộ trình gỡ bỏ rào cản này đối với thị trường bán lẻ trong nước trong vòng năm năm tới theo CPTPP và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU. Nhưng liên quan đến sự thiếu cân đối thương mại cụ thể, Việt Nam có thể lựa chọn để nói lỏng và đẩy nhanh việc tiếp cận thị trường để đổi lại việc duy trì tiếp cận thị trường của mình với một số thị trường xuất khẩu chính.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

1. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương, và các Hiệp Định Thương Mại quan trọng khác

Như được đề cập trong diễn đàn trước, Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại ghi nhận thực tế là Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU sẽ sớm được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu và chúng tôi trông chờ Quốc hội Việt Nam cũng sẽ có tiến độ cụ thể để phê chuẩn tương tự.

Ngoài Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại đánh giá cao Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương ("CPTPP") vào ngày 12/11/2018. Cụ thể là đối với CPTPP, chúng tôi tin rằng hiệp định quan trọng này giữa 11 trong số 12 quốc gia thành viên "TPP" sẽ tạo ra sự tăng trưởng, việc làm và sự phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững khắp khu vực. Năm ngoái, chúng tôi đã kiến nghị Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh một số hiệp ước thương mại quan trọng khác, bao gồm Hiệp định Đối tác Kinh Tế Toàn diện Khu vực cùng các hiệp định quan trọng khác. Quan điểm của chúng tôi về những hiệp định này vẫn không thay đổi. Mỗi hiệp định đều mở ra các cơ hội, và cùng nhau, các hiệp định đó sẽ tạo ra nhiều cơ hội lớn hơn nữa.

2. Các vấn đề và giải pháp cụ thể**2.1 Dự thảo Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư**

Chúng tôi đã lập và gửi hai phần / bảng tổng hợp / bảng ý kiến cho dự thảo Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư trong nửa đầu năm 2019. Chúng tôi mong muốn được xem các ý kiến của chúng tôi sẽ được giải quyết như thế nào trong bản dự thảo mới của các Luật quan trọng này.

2.2 Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và Nghị định 76/2018/NĐ-CP

Chúng tôi đã nhận được bản sao Công văn số 954 đề ngày 05 tháng 04 năm 2019 về ý kiến trả lời của Bộ Khoa học và Công nghệ gửi cho Bộ KHĐT.

Sau khi cân nhắc ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, chúng tôi xin có thêm ý kiến như sau:

a. Sự cần thiết của việc quy định đăng ký chuyển giao công nghệÝ kiến trả lời của Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Việc đăng ký chuyển giao công nghệ được coi là một trong những giải pháp để cơ quan quản lý nhà nước nắm được các luồng công nghệ chuyển giao, tạo cơ sở để hoạch định chính sách phát triển công nghệ trong từng giai đoạn. Mặt khác, đăng ký chuyển giao công nghệ cũng là một trong những giải pháp góp phần hạn chế tình trạng chuyển giá, trốn thuế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ.
- Xuất phát từ cơ sở thực tiễn và nhu cầu quản lý nêu trên, Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chuyển giao Công nghệ đã quy định cụ thể *đối tượng, quy trình, thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ*. Các quy định về đăng ký chuyển

giao công nghệ nêu trong Luật và Nghị định, ngoài việc giúp đạt được các mục tiêu quản lý nhà nước, cũng được xây dựng trên tinh thần tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ thuận lợi, không mất nhiều thời gian, giảm thiểu thủ tục hành chính (thời gian giải quyết đăng ký chuyển giao công nghệ được giảm chỉ còn bằng 1/3 thời gian so với trước đây).

Ý kiến bổ sung của VBF

Chúng tôi giữ nguyên quan điểm cho rằng việc đăng ký chuyển giao công nghệ ở quy mô rộng lớn từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài là không hợp lý và không khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, đã quy định danh mục các công nghệ bị hạn chế và/hoặc bị cấm chuyển giao, cùng với trình tự và thủ tục xin cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, cũng như các thủ tục kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm về chuyển giao công nghệ. Do đó, việc yêu cầu phải đăng ký bổ sung này sẽ đặt ra nhiều gánh nặng về hành chính và tài chính trên mức cần thiết đối với các bên liên quan.
- Bên cạnh đó, việc đăng ký chuyển giao công nghệ không giúp loại bỏ những rủi ro liên quan đến chuyển giá, trốn thuế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ. Hiện nay pháp luật đã có một số quy định về chống chuyển giá như Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Chúng tôi cho rằng các cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ - các đơn vị phụ trách việc đăng ký chuyển giao công nghệ - không có đủ chuyên môn và kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyển giá. Cũng cần lưu ý rằng các quy định của pháp luật Việt Nam về chống chuyển giá, cụ thể là Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, không áp dụng cho các trường hợp chuyển giao công nghệ giữa các bên không có quan hệ liên kết.

Yêu cầu về đăng ký chuyển giao công nghệ có khả năng sẽ làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ cũng như việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Theo các quy định hiện hành, hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp phải đăng ký có hiệu lực từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ. Mặc dù hiện nay, trên lý thuyết, thời gian và thủ tục hành chính trong quá trình đăng ký chuyển giao công nghệ đã được giảm thiểu, tuy nhiên, yêu cầu đăng ký này vẫn có thể ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Các bên trong hợp đồng sẽ không thể thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ cho đến khi nó được đăng ký với cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ. Chúng tôi cho rằng yêu cầu đăng ký này có thể đem đến những sự trì hoãn không đáng có cho hoạt động chuyển giao công nghệ, cũng như các hoạt động kinh doanh có liên quan, và do đó sẽ làm gia tăng chi phí kinh doanh một cách đáng kể.
- Chúng tôi giữ nguyên quan điểm cho rằng yêu cầu đăng ký này đang đi ngược lại với các nỗ lực cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, cũng như những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam mà Chính phủ đã và đang cố gắng thực hiện trong những năm qua. Thay vì áp đặt những kiểm soát chặt chẽ không cần thiết đối với hoạt động chuyển giao công nghệ, Chính phủ nên tạo ra những điều kiện có lợi để thúc đẩy quá trình này. Việc giám sát và quản lý đối với chuyển giao công nghệ nên chỉ áp dụng đối với các công nghệ nhạy cảm theo các thỏa thuận quốc tế như Thỏa thuận Wassenaar về công nghệ hạt nhân.

b. Vấn đề bảo mật thông tin trong hồ sơ đăng kýÝ kiến trả lời của Bộ Khoa học và Công nghệ

Về vấn đề bảo mật thông tin, văn bản giao kết chuyển giao công nghệ chỉ quy định những thông tin chung nhất như quyền chuyển giao công nghệ, đối tượng chuyển giao, quyền và nghĩa vụ của các bên, thời hạn chuyển giao công nghệ, chế độ bảo hành,... Hồ sơ cung cấp không bao gồm các quy trình, bí quyết và thông tin chi tiết về công nghệ nên việc thực hiện đăng ký chuyển giao công nghệ không ảnh hưởng đến nhu cầu bảo mật của các bên về công nghệ chuyển giao. Ngoài ra, việc quản lý hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan quản lý nhà nước cũng đã được quy định tại Điều 34 về nghĩa vụ bảo mật trong việc cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

Ý kiến bổ sung của VBF

Mặc dù hồ sơ đăng ký chỉ bao gồm những thông tin chung nhất như quyền chuyển giao công nghệ, đối tượng chuyển giao, quyền và nghĩa vụ của các bên, thời hạn chuyển giao công nghệ, chế độ bảo hành, v.v., song, những thông tin này là tương đối nhạy cảm và có thể ảnh hưởng đến tiến trình đàm phán giữa các bên, cũng như ảnh hưởng tới giá trị của hợp đồng. Ngoài ra, các bên sẽ phải nộp cho cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ bản sao của hợp đồng chuyển giao công nghệ, trong đó có thể có chứa một số thông tin bảo mật. Do đó, cả bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao đều lo ngại về vấn đề bảo mật thông tin và bảo vệ thông tin bí mật có liên quan đến công nghệ được chuyển giao và các giao dịch liên quan, nếu các thông tin này bị tiết lộ trong quá trình đăng ký chuyển giao công nghệ.

Tóm lại, yêu cầu đăng ký này có thể tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, đến việc thu hút nhà đầu tư/chủ sở hữu công nghệ nước ngoài đến và hợp tác kinh doanh với các công ty trong nước cũng như cản trở việc cải thiện và phát triển công nghệ mới tại Việt Nam, vì nhà đầu tư/chủ sở hữu công nghệ nước ngoài sẽ e ngại trước việc phải tiết lộ bí mật kinh doanh và/hoặc các thông tin thương mại khác. Bởi lẽ đó, yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ có thể không khuyến khích được việc chuyển giao và đầu tư vào công nghệ cao ở Việt Nam, điều đã từng rất thành công ở nước ta trong những năm gần đây.

c. Định nghĩa "Công nghệ"Ý kiến trả lời của Bộ Khoa học và Công nghệ

Định nghĩa về "Công nghệ" trong Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017 được xây dựng trên cơ sở của định nghĩa này trong Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2006 và thống nhất với định nghĩa "Công nghệ" nêu trong Luật Khoa học và Công nghệ hiện hành. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng Luật, Bộ KH&CN đã nghiên cứu định nghĩa về công nghệ của các tổ chức quốc tế như UNIDO, ESCAPE và từ căn cứ trên thực tiễn hơn mười năm triển khai thực hiện Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2006 không có kiến nghị nào về vướng mắc do quy định về thuật ngữ này.

Mặt khác, tại các Điều 4, 5 và 6 Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017 cũng đã quy định cụ thể về đối tượng chuyển giao, phương thức chuyển giao và hình thức chuyển giao công nghệ,... Do vậy, có thể khẳng định rằng thuật ngữ, định nghĩa về "Công nghệ" nêu trong Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017 đã rõ ràng, tương thích với các quy định của quốc tế và phù hợp với thực tiễn quản lý.

Ý kiến bổ sung của VBF

Chúng tôi giữ nguyên quan điểm cho rằng định nghĩa "Công nghệ" hiện nay quá rộng, do nó có thể bao gồm tất cả các giải pháp, quy trình và bí quyết, chỉ cần chúng có thể giúp biến đổi nguồn lực thành sản phẩm. Như vậy, mọi hoạt động chuyển giao công nghệ đều sẽ phải đăng ký nêu rõ vào trường hợp bắt buộc đăng ký theo quy định tại Điều 31.1 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017. Nói cách khác, yêu cầu đăng ký này có thể áp dụng cho rất nhiều hoạt động có liên quan đến chuyển giao công nghệ, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc mua bán/nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ, các hoạt động kỹ thuật, mua sắm và xây dựng, chuyển giao quyền sử dụng quy trình kỹ thuật và bí quyết, các hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất, v.v.

Điều này sẽ tạo ra những gánh nặng rất lớn và không cần thiết cho cả bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao công nghệ, và do đó, sẽ làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ và không khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài, cũng như từ nước ngoài vào Việt Nam.

Bên cạnh đó, nếu theo như định nghĩa này thì "Công nghệ" có thể bao gồm các giải pháp, quy trình và bí quyết không chỉ trong lĩnh vực sản xuất, mà còn có thể trong lĩnh vực dịch vụ. Bởi lẽ các giải pháp trong lĩnh vực dịch vụ cũng có thể biến đổi nguồn lực thành sản phẩm (sản phẩm dịch vụ). Như vậy, dường như việc chuyển giao bất kỳ giải pháp hoặc quy trình nào cũng sẽ phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

2.3 Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng - Quy định mới hạn chế nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng từ ngày 15 tháng 6 năm 2019

Vấn đề

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc điều chỉnh các quy định nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng thông qua việc ban hành Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ("**Quyết định 18**"). Quyết định 18, ở một mức độ nhất định, đã tạo được sự linh hoạt trong việc nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng. Tuy nhiên, Quyết định 18 vẫn còn có những quy định thiếu tính thực tiễn, cụ thể là quy định về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế là thiếu thực tế.

Mục đích tối hậu của quy định về nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng là nhằm đảm bảo các yếu tố an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, và hạn chế công nghệ lạc hậu. Quy định về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế không có vai trò gì trong vấn đề an toàn, tiết kiệm năng lượng, và bảo vệ môi trường do các điều kiện về đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn của các nước G7, Hàn Quốc đã làm tốt vai trò này.

Về vấn đề công nghệ lạc hậu, với xu thế phát triển của thế giới hiện nay, công nghệ mới được phát triển rất nhanh. Do vậy, tiêu chí về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế không những không đảm bảo loại bỏ được công nghệ lạc hậu, mà còn tạo rào cản bất bình đẳng do hoàn toàn có khả năng một dây chuyền công nghệ có công suất còn lại thấp hơn, nhưng lại có công nghệ cao hơn so với các dây chuyền công nghệ khác. Bên cạnh đó, việc giám định các tiêu chí này trên thực tế là một quy trình phức tạp và tốn kém.

Như vậy, việc đặt ra các tiêu chí không đảm bảo được mục tiêu đặt ra, trong khi lại gây phức tạp và tốn kém cho doanh nghiệp là một cách tiếp cận thiếu thực tế.

Đề xuất

Loại bỏ các tiêu chí về công suất còn lại và mức tiêu hao nhiên liệu so với thiết kế.

2.4 Dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định số 06/2016/ND-CP về Quản lý, Cung cấp và Sử dụng Dịch vụ Phát thanh, Truyền hình

Vấn đề

Những sửa đổi ở dự thảo gần nhất đề xuất quản lý các dịch vụ video theo yêu cầu (VOD) cung cấp trên Internet theo các quy định hiện hành áp dụng với dịch vụ phát thanh, truyền hình truyền thống. Những sửa đổi này sẽ yêu cầu cả đơn vị cung cấp dịch vụ VOD trong và ngoài nước phải xin cấp giấy phép, tuân thủ các định mức về nội dung chương trình trong nước, biên dịch nội dung sang tiếng Việt, và hạn chế cài đặt quảng cáo.

Cụ thể, tỷ lệ số lượng chương trình trong nước trong tổng số lượng chương trình cung cấp trên dịch vụ theo yêu cầu trên mạng Internet không thấp hơn 30%. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam và phải được biên tập bởi cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, đơn vị cung cấp dịch vụ VOD nước ngoài cần phải thành lập một pháp nhân ở Việt Nam để xin cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Tuy nhiên, dự thảo nghị định chưa làm rõ tỷ lệ sở hữu cao nhất mà một nhà đầu tư nước ngoài có thể nắm giữ trong một công ty cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu là bao nhiêu.

Những sửa đổi này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng ngoài ý muốn, khiến cho các dịch vụ VOD bị điều chỉnh bởi các quy định và quy tắc dành cho các dịch vụ truyền hình tuyến tính (ví dụ như các kênh truyền hình quảng bá phát sóng miễn phí). Những quy định hiện đang được áp dụng cho các chương trình phát thanh, truyền hình truyền thống tại địa phương có thể gây ra khó khăn trong việc tuân thủ đối với hầu như tất cả dịch vụ VOD nước ngoài, do đó tạo ra rào cản thương mại cho các dịch vụ nước ngoài này.

Kiến nghị

Theo thông lệ tốt nhất toàn cầu, chúng tôi khuyến nghị không nên áp dụng các quy tắc sở tại của dịch vụ phát thanh, truyền hình truyền thống cho các dịch vụ VOD nước ngoài; cần nhắc các cơ hội để giảm quy định của lĩnh vực phát sóng hiện có. Đây cũng là điều được các nhà hoạch định chính sách toàn cầu ủng hộ.

2.5 Luật Quy hoạch

Các thành viên của chúng tôi lo ngại về việc thực thi Luật Quy hoạch và các tác động của Luật này trong việc trì hoãn quá trình phê duyệt cho các dự án điện, năng lượng và cơ sở hạ tầng.

Ví dụ, đối với các dự án mới được đề xuất đưa vào quy hoạch phát triển năng lượng và điện lực để phát triển dự án, quy trình cấp phép cho các đơn đăng ký dự án năng lượng và điện lực mới được đề xuất để đưa vào quy hoạch phát triển năng lượng và điện lực vẫn còn phức tạp và tốn thời gian.

Việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo đòi hỏi một quy trình cấp phép đơn giản hơn có quy định thời hạn phát triển và đưa vào hoạt động để đủ điều kiện hưởng biểu giá điện hỗ trợ áp dụng cho điện sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (Feed-in-Tariff) cho các dự án đó (ví dụ: hạn chót cho ngày hoạt động thương mại là trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 cho các dự án điện gió).

2.6 Yêu cầu thủ tục đăng ký chồng chéo đối với Bảo hiểm nhân thọ

"Bảo hiểm nhân thọ" cần được loại bỏ khỏi danh sách các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu có mẫu hợp đồng và các điều khoản giao dịch chung phải được đăng ký với Bộ Công thương theo Quyết định số 35/2015. Các công ty bảo hiểm nhân thọ chỉ nên được yêu cầu tiến hành thủ tục để phê duyệt sản phẩm bảo hiểm nhân thọ với Bộ Tài chính theo Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Chúng tôi hiểu rằng Bộ Công thương gần đây đã soạn thảo một dự thảo Quyết định về vấn đề này. Dự thảo Quyết định này cần được Thủ tướng ban hành càng sớm càng tốt để giảm các thủ tục chông chéo đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và giảm chi phí tuân thủ cho các công ty bảo hiểm nhân thọ.

2.7 Luật Đấu thầu

Các vấn đề

- Điểm c khoản 1 Điều 1 của Luật Đấu thầu (**LĐT**) yêu cầu các dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước hoặc vốn của các doanh nghiệp nhà nước (**các DNNN**) từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án phải chịu sự điều chỉnh của LĐT, tức là các hoạt động mua sắm trong dự án đó sẽ phải tuân thủ các thủ tục được quy định trong LĐT.
- Nhằm làm rõ vấn đề, trong các ví dụ dưới đây, chúng tôi muốn tập trung vào khái niệm vốn của các DNNN. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, rất khó xác định lượng vốn của các DNNN trong một dự án đầu tư phát triển (**Dự án**) và do đó không rõ liệu LĐT có áp dụng trong các trường hợp đó hay không.
- Trong các trường hợp được nêu dưới đây, Công ty A là một công ty mà DNNN nắm giữ 50% quyền sở hữu. Trong từng trường hợp, giả định rằng trong từng Dự án được đề cập dưới đây, vốn từ DNNN dưới 500 triệu đồng.

Trường hợp 1: 30% tổng vốn đầu tư của Dự án được cấp bằng vốn chủ sở hữu của Công ty A. 70% tổng vốn đầu tư của Dự án được cấp bằng khoản vay từ ngân hàng thương mại ngoài quốc doanh. Tổng số vốn từ DNNN trong Dự án có phải sẽ là 15% tổng vốn đầu tư của Dự án ($50\% \times 30\%$) và trong trường hợp đó LĐT sẽ không áp dụng? Nếu đó không phải là tổng số vốn từ DNNN thì số vốn từ DNNN sẽ là bao nhiêu?

Trường hợp 2: Trong Trường hợp 1, nếu khoản vay được cấp bởi một ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước như Vietcombank hoặc BIDV, thì khoản vay đó có được tính là vốn từ một DNNN không? Nếu có và nếu ngân hàng có 50% thuộc sở hữu Nhà nước và 50% thuộc sở hữu của một công ty thuộc khu vực tư nhân, thì 50% số tiền của khoản vay có phải là vốn từ một DNNN không?

Trường hợp 3: Nếu Công ty A nắm giữ 30% quyền sở hữu trong một công ty liên kết và công ty liên kết đó cấp vốn cho toàn bộ Dự án từ vốn điều lệ của mình. Có phải tổng vốn đầu tư của Dự án bao gồm 15% (tức là $30\% \times 50\%$) vốn từ DNNN?

Trường hợp 4: Công ty A sử dụng lợi nhuận được giữ lại của mình để cấp vốn cho tổng vốn đầu tư của Dự án. Khi đó 50% tổng vốn đầu tư của Dự án có được coi là vốn từ DNNN hay lợi nhuận được giữ lại của Công ty A sẽ không được ghi nhận là vốn từ DNNN?

Trường hợp 5: Không liên quan đến tất cả các trường hợp nêu trên, trong trường hợp này, Công ty B từng là một DNNN. Dự án đã được triển khai trước khi Công ty B được cổ phần hóa và khi LĐT vẫn còn được áp dụng. Sau khi được cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 25% quyền sở hữu trong Công ty B. Nếu các giao dịch mua sắm về sau với giá trị hơn 500 triệu đồng của Dự án cần được thực hiện sau khi cổ phần hóa, chúng tôi cho rằng LĐT sẽ không còn áp dụng.

- Chúng tôi lưu ý rằng hiện tại một DNNN là một doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ. Luật Doanh nghiệp hiện hành đang được sửa đổi để DNNN sẽ được xác định là một doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc Nhà nước nắm quyền sở hữu chi phối. Việc LĐT có áp dụng hay không trong các trường hợp trên sẽ trở nên khó xác định hơn trong trường hợp DNNN là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm quyền sở hữu chi phối. Cần phải có một công thức rõ ràng để tính toán số vốn từ DNNN để trong từng trường hợp việc LĐT có áp dụng hay không trở nên rõ ràng hơn.

Kiến nghị

Do thiếu sự rõ ràng, chúng tôi kiến nghị nên sửa đổi LĐT để làm rõ:

- Làm thế nào để xác định tỷ lệ vốn Nhà nước hoặc vốn từ các DNNN trong tổng vốn đầu tư của dự án. Nếu không, có thể ban hành một Nghị định hướng dẫn thực hiện LĐT để làm rõ những vấn đề này hoặc định nghĩa 'vốn Nhà nước trong doanh nghiệp' trong Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có thể được làm rõ thêm để thể hiện rõ ràng khi nào thì áp dụng LĐT.
- Ví dụ, LĐT có thể quy định cụ thể rằng việc tính toán Vốn Nhà nước sẽ chỉ dựa trên Vốn Nhà nước đóng góp trực tiếp vào Dự án, mà không dựa trên vốn được góp gián tiếp thông qua đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp.
- Làm thế nào để xác định "vốn đầu tư phát triển của DNNN" với tư cách là một loại Vốn Nhà nước theo định nghĩa tại khoản 4 Điều 4. Thứ nhất, cần có một định nghĩa rõ ràng cho khái niệm này. Thứ hai, trên thực tế, khi một nhà đầu tư thực hiện một dự án đầu tư thì khó có thể xác định nguồn vốn được nhà đầu tư đó huy động và các bên thứ ba không thể biết được. Do đó, vui lòng cân nhắc việc yêu cầu rõ ràng là các nhà đầu tư phải thông báo trong quyết định đầu tư về việc nguồn vốn họ sử dụng có đến từ "vốn đầu tư phát triển của DNNN" hay không và số vốn đó là bao nhiêu (trong trường hợp họ huy động các loại vốn khác nhau bao gồm cả các khoản vay tài chính).
- Khái niệm "giá trị quyền sử dụng đất" trong định nghĩa Vốn Nhà nước theo khoản 4 Điều 4 chỉ nên giới hạn ở quyền sử dụng đất của các DNNN. Đối với các doanh nghiệp tư nhân đã có quyền sử dụng đất theo luật đất đai, họ có thể tự do đóng góp quyền sử dụng đất của mình vào các dự án theo luật đất đai và không cần phải áp dụng LĐT đối với các doanh nghiệp này.

2.8 Các vấn đề liên quan đến ngành Tài chính công nghệ (Fintech): Cho vay ngang hàng (P2P)

Vấn đề

Trong khi fintech đang phát triển nhanh chóng ở Đông Nam Á, việc thiếu quy định hướng dẫn đã khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm hướng phát triển cho ngành công nghiệp này tại Việt Nam:

- Không có ngành nghề kinh doanh cụ thể cho dịch vụ cho vay ngang hàng và doanh nghiệp không rõ họ nên đăng ký ngành nghề kinh doanh nào để cung cấp dịch vụ cho vay ngang hàng tại Việt Nam. Chúng tôi đã thấy các doanh nghiệp đăng ký các ngành nghề kinh doanh khác để cung cấp dịch vụ cho vay ngang hàng và chấp nhận nguy cơ không tuân thủ với các giấy phép kinh doanh của họ (e.g., Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) khi vận hành một dịch vụ có thể không được đăng ký trong các giấy phép kinh doanh của họ.

- Chúng tôi hiểu rằng chính phủ đang xem xét hạn chế quyền sở hữu nước ngoài trong các công ty fintech. Đáng lưu ý, trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 (Nghị định số 101), NHNN có đề xuất trần 30% sở hữu nước ngoài trong các công ty cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng điều này có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của fintech tại Việt Nam. Nhiều dịch vụ fintech phụ thuộc rất lớn vào việc sử dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn, và các công ty nước ngoài đã đi trước trong việc phát triển các công nghệ này.

Kiến nghị

- Ban hành thêm quy định hướng dẫn cho các dịch vụ fintech mới, đặc biệt là các dịch vụ fintech như dịch vụ cho vay ngang hàng đã và đang hoạt động tại Việt Nam.
- Bảo đảm rằng không có hạn chế về sở hữu nước ngoài đối với các công ty fintech để không cản trở sự phát triển của ngành tại Việt Nam.

2.9 Các vấn đề liên quan đến cho vay tiêu dùng: Siết chặt các phương thức giải ngân cho vay tiêu dùng

Vấn đề

Việc siết chặt các phương thức giải ngân cho vay tiêu dùng theo Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 43/2016/TT-NHNN:

- Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 43 cấm các công ty tài chính cho vay tiêu dùng được ban hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2019. Mỗi quan tâm chính theo dự thảo Thông tư này là siết chặt phương thức giải ngân. Theo dự thảo, các công ty tài chính có thể giải ngân các khoản vay cho bên vay/khách hàng của mình theo hai phương thức: cho người thụ hưởng (tức là nhà cung cấp hàng hóa/dịch vụ) hoặc trực tiếp cho khách hàng. Tuy nhiên, các công ty tài chính chỉ có thể giải ngân khoản vay trực tiếp cho khách hàng nếu đó là khách hàng hiện hữu của họ và khách hàng đó có lịch sử trả nợ tốt và không có khoản nợ xấu nào. Hơn nữa, tổng dư nợ cho vay tiêu dùng được giải ngân trực tiếp cho khách hàng của một công ty tài chính không được vượt quá 30% tổng dư nợ cho vay tiêu dùng mà công ty đó đã gia hạn.
- Việc siết chặt việc giải ngân trực tiếp cho khách hàng có thể gây ra vấn đề cho các công ty tài chính mới trong việc thâm nhập thị trường Việt Nam vì họ sẽ không có khách hàng hiện hữu. Yêu cầu giải ngân trực tiếp cho người thụ hưởng như trên có thể không phải là điều khách hàng thích và có thể dẫn đến việc họ tìm kiếm các kênh truyền thống, không được kiểm soát khác (tức là thông qua cho vay nặng lãi).

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị giới hạn các hạn chế về khả năng giải ngân trực tiếp các khoản vay để chỉ áp dụng cho các công ty tài chính hiện hữu tại thời điểm Thông tư có hiệu lực. Bằng cách này, nó sẽ không tạo ra rào cản thâm nhập cho các công ty tài chính mới muốn bước vào thị trường.

2.10 Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế trong quá trình soạn thảo quy định về hóa đơn điện tử. Do hóa đơn điện tử là một vấn đề mới, Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế cần thực hiện các bước cần trọng trong quá trình thực hiện để quy định này không trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp hay tạo ra việc áp dụng thực tiễn mà không phù hợp với thực tiễn ngành ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế. Cho đến nay, qua các phiên làm việc giữa VBF và Bộ

Tài chính/Tổng cục thuế, đã xuất hiện một số quan ngại về mặt kỹ thuật, và chúng tôi hy vọng rằng Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế sẽ giải quyết các vấn đề đó để điều chỉnh và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

2.11 Hạn chế đối với người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam

Chúng tôi đã nhận được trả lời của Bộ Xây dựng (theo Công văn số 876 ngày 23 tháng 4 năm 2019 gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Theo đó, chúng tôi hiểu rằng trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ có văn bản đôn đốc các địa phương trong việc công khai các nội dung liên quan đến sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có việc đôn đốc trách nhiệm của Sở Xây dựng các địa phương thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 76 và khoản 1 Điều 79 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

Ở thời điểm hiện tại, vấn đề này vẫn chưa được giải quyết xong.

Vấn đề

Mọi người ở đây đều nhận thấy rằng Việt Nam đã có bước tiến lớn trong việc tạo ra môi trường đầu tư thân thiện, nơi mà những nhà kinh doanh trong nước và nước ngoài cùng gia đình của họ có thể làm việc trong một bầu không khí an toàn và thoải mái. Dịch vụ trường học và bệnh viện đã cải thiện đáng kể. Có nhiều sự lựa chọn hơn đối với các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa. Tuy nhiên, một yếu tố được chứng minh khó đạt được chính là lĩnh vực sở hữu nhà ở. Dù đã ban hành các quy định cho phép bán có giới hạn một số loại căn hộ chung cư và biệt thự nhất định cho người nước ngoài nhưng vẫn chưa có những quy định thi hành được ban hành một cách kịp thời, dẫn đến xảy ra nhiều nhầm lẫn và rủi ro trong thị trường.

Vấn đề còn tồn đọng lớn nhất hiện nay là việc thực hiện các hạn chế đối với việc sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam, việc này có thể ảnh hưởng đến quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam hơn hai năm. Luật Nhà ở năm 2014 cho phép người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015; và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ("**Nghị định 99**"), quy định chi tiết các cơ chế thực hiện quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Nghị định 99 yêu cầu Bộ Công an ("**BCA**") và Bộ Quốc phòng ("**BQP**") xác định cụ thể các khu vực cần bảo đảm an ninh, quốc phòng và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo Văn bản số 786/BCA-TCAN ngày 19 tháng 04 năm 2017 của BCA và Văn bản số 10328/BQP-TM ngày 19 tháng 10 năm 2016 của BQP, chúng tôi hiểu rằng việc này đã được thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải dựa trên các văn bản hướng dẫn nêu trên của BCA và BQP để chỉ đạo các Sở Xây dựng cấp tỉnh xác định các dự án nhà ở thương mại mà cá nhân và tổ chức nước ngoài không được phép sở hữu nhà ở. Đối với trường hợp cụ thể của Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên các thông tin được công bố, chúng tôi hiểu rằng việc này đã được thực hiện vào tháng 07 năm 2017.

Những điều trên cho thấy Chính phủ đang mong muốn mọi việc tiến triển tốt hơn. Nay, công việc cuối cùng là xác định các dự án nhà ở thương mại mà cá nhân và tổ chức nước ngoài không được phép sở hữu nhà ở và công bố các thông tin đó lên mạng nay sẽ do các Sở Xây dựng cấp tỉnh thực hiện.

Tuy nhiên, các Sở Xây dựng cấp tỉnh chưa cho thấy bất kỳ tiến triển nào từ phía mình. Vì thế, việc trì hoãn kéo dài này thực sự làm cho các cá nhân và tổ chức nước ngoài mong muốn mua nhà ở tại Việt Nam lo ngại. Chúng tôi mong rằng các Sở Xây dựng cấp tỉnh sẽ làm việc một cách chủ động và sát sao hơn với các cơ quan chức năng hữu quan để giải quyết những vấn đề này theo chỉ đạo

của các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đây là bước cuối cùng để hiệu lực hóa quyền được mua nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam mà đáng lẽ ra đã phải có hiệu lực từ hơn hai năm trước.

Một vấn đề đáng chú ý khác là hạn chế về mặt kỹ thuật đối với việc đăng ký quyền sở hữu nhà. Số căn hộ mà người nước ngoài được quyền sở hữu trong một tòa nhà chung cư bị giới hạn ở mức 30%, nhưng Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng ở địa phương chưa áp dụng một hệ thống cần thiết để đăng ký và theo dõi số lượng căn hộ thuộc sở hữu của người nước ngoài trong một dự án nhất định. Vì vậy, thị trường thứ cấp đã bị đóng băng hoàn toàn. Tại hầu hết các tỉnh thành, dường như không có một hệ thống nào cho việc thay đổi loại quyền sở hữu từ của người Việt sang người nước ngoài một khi tài sản đã được bán cho người trong nước. Rủi ro này chỉ làm tăng chi phí về vốn cần có để xây dựng quỹ nhà ở của Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng những vấn đề này có thể được giải quyết sớm để thị trường có thể bắt đầu hoạt động bình thường.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị rằng các Sở Xây dựng cấp tỉnh nên làm việc chủ động hơn với các Ủy ban Nhân dân để giải quyết sớm các vấn đề bằng cách công bố danh sách các dự án mà người nước ngoài không được quyền sở hữu nhà ở. Điều này sẽ giúp cho thị trường nhà ở Việt Nam phát triển một cách minh bạch và lành mạnh hơn.

2.12 Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Chúng tôi đã nhận được trả lời của Tòa án Nhân dân Tối cao (theo Công văn số 101 ngày 04 tháng 5 năm 2019 gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Từ văn bản này, chúng tôi hiểu rằng Tòa án nhân dân tối cao đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Chúng tôi mong nhận được dự thảo Nghị quyết của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề này để góp ý thêm.

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo thường niên của VBF

Tòa án Việt Nam thường ban hành các quyết định từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam vì các lý do không phù hợp với Công ước New York.

Chúng tôi kiến nghị có cơ chế để đảm bảo Tòa án Việt Nam áp dụng và tuân thủ Công ước New York 1958 nghiêm túc áp dụng việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, tuân thủ Công ước New York 1958 và phù hợp với Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và tòa án Việt Nam không được xem xét lại tình tiết vụ việc mà đã được giải quyết bởi trọng tài nước ngoài.

2.13 Luật An ninh mạng và Nghị định hướng dẫn

VBF cảm ơn những phản hồi từ phía Bộ Công an tại văn bản đề ngày 24 tháng 03 cũng như việc Bộ Công an đã xem xét những đề xuất tại buổi làm việc với thành viên của VBF vào tháng 01 năm 2019. Chúng tôi cũng ghi nhận việc Bộ Công an đã lắng nghe những đóng góp và đề xuất từ cộng đồng doanh nghiệp quốc tế và nỗ lực giới hạn phạm vi của quy định địa phương hóa dữ liệu tại Luật An ninh mạng.

Chúng tôi cảm ơn phản hồi chính thức và xác nhận của Bộ Công an rằng các công ty sẽ không phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam nếu các công ty đồng ý phối hợp với yêu cầu của cơ quan chức

năng để xử lý vi phạm. Tuy nhiên, một số nội dung về mật từ ngữ cần được làm rõ để việc thực hiện những yêu cầu này mang tính thực tiễn hơn. Như Quý Bộ đã biết, không phải tất cả các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế số đều giống nhau. Một số công ty công nghệ không có quyền kiểm soát hoặc không biết được nội dung của dữ liệu, thì sẽ không có năng lực công nghệ để xử lý các vi phạm. Ví dụ, nếu một công ty (bên kiểm soát dữ liệu) mã hóa (encrypts) dữ liệu và quản lý chìa khóa thì chỉ duy nhất công ty đó mới có khả năng giải mã và đọc dữ liệu. Nếu cơ quan chức năng muốn truy cập và đọc được dữ liệu, thì cơ quan cần phải làm việc với công ty giữ chìa khóa giải mã.

Do mối quan tâm chính của Bộ Công an là thu thập dữ liệu cho công tác điều tra, chúng tôi đề xuất Bộ Công an nên cân nhắc kỹ lưỡng về mật từ ngữ, trong đó quy định rằng các yêu cầu thực thi pháp lý sẽ được gửi đến tổ chức/cá nhân có quyền sở hữu hoặc kiểm soát những dữ liệu đã bị sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. Công ty được yêu cầu cần phản hồi trong vòng 96 tiếng kể từ khi nhận được thông báo gỡ bỏ thông tin. Hơn nữa, để đảm bảo công ty có thể phản hồi kịp thời, nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng nên nêu rõ bất kỳ yêu cầu gỡ bỏ nội dung nào cũng phải bao gồm thông tin chính xác và chi tiết liên quan đến nội dung cụ thể được đề cập.

Chúng tôi cũng khuyến nghị rằng mọi yêu cầu thực thi pháp luật đối với các công ty đa quốc gia cần tuân theo các kênh ngoại giao hoặc pháp lý quốc tế hiện hành bao gồm các hiệp định tương trợ tư pháp giữa các bên (nếu có thể), để đảm bảo các yêu cầu này phù hợp với quy trình phù hợp với các công ty đa quốc gia bị ảnh hưởng và chính phủ Việt Nam, tránh sự gián đoạn trong hoạt động của các công ty đa quốc gia.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ VÀ HẢI QUAN

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Thuế và Hải quan
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Trong xu thế hội nhập kinh tế hiện nay, Chính phủ Việt Nam cũng như các doanh nghiệp đang đứng trước các thách thức lớn cần phải hoạt động có hiệu quả, cạnh tranh được với các nước trong khu vực. Trong thời gian qua, Chính Phủ Việt Nam và các bộ ngành liên quan đã ban hành mới hay bổ sung, sửa đổi rất nhiều quy định liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn cũng như cải thiện môi trường đầu tư, tăng chỉ số cạnh tranh của Việt Nam, qua đó, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc vận dụng các quy định, chính sách ở các địa phương vẫn còn tồn tại một số khó khăn, bất cập, chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chúng tôi xin được nêu ra một số vấn đề tại buổi đối thoại này.

1. Tái cơ cấu doanh nghiệp

Vấn đề

Việt Nam đã và đang là điểm đến của nhiều tập đoàn đa quốc gia. Trong quá trình hoạt động tại Việt Nam, để tăng cường hiệu quả của hoạt động kinh doanh, nhiều công ty thực hiện tái cơ cấu tổ chức của mình. Việc tái cơ cấu này xét về bản chất không phải là hoạt động chuyển nhượng vốn mà chỉ là hoạt động cơ cấu lại tổ chức trong nội bộ tập đoàn. Với việc tái cơ cấu này, quyền sở hữu tối hậu không có gì thay đổi, giá trị doanh nghiệp cũng không có gì thay đổi, không có dòng tiền thanh toán. Việc tái tổ chức nội bộ nhằm giúp các tập đoàn hợp lý hóa hoạt động kinh doanh của họ, nâng cao hiệu quả, tạo ra sức mạnh tổng hợp. Hiện tại, nhiều cơ quan thuế địa phương đang áp dụng nguyên tắc giá trị trường theo quy định của pháp luật về thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết với các giao dịch tái cơ cấu tổ chức nội bộ này. Theo đó, cơ quan thuế có xu hướng coi đây là hoạt động chuyển nhượng vốn và áp lại giá chuyển nhượng, từ đó đánh thuế trên giao dịch này.

Việc áp dụng nguyên tắc giá thị trường của cơ quan thuế trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ của doanh nghiệp là không hợp lý, không khuyến khích doanh nghiệp tổ chức lại để kinh doanh hiệu quả hơn, vì thế gây trở ngại và làm tăng chi phí cho hoạt động đó. Không chỉ diễn ra trong các tập đoàn đa quốc gia, việc tái tổ chức nội bộ hiện cũng đang rất phổ biến trong các công ty trong nước khi các công ty này đang phát triển nhanh chóng và đang cố gắng trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường. Chính vì vậy, cần phải có chính sách, cơ chế phù hợp để khuyến khích các hoạt động này.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính/Tổng cục thuế xem xét đưa ra chính sách xử lý cho trường hợp tái cấu trúc nội bộ doanh nghiệp khi việc tái cấu trúc đó không nhằm mục đích hưởng lợi thuế. Với hoạt động tái cơ cấu như trên, thực chất không có hoạt động mua bán, chuyển nhượng, không có thu nhập phát sinh vì vậy không nên áp giá thị trường và đánh thuế đối với hoạt động này.

Hiện tại, theo Thông tư số 36/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 2 năm 2016 về thuế đối với ngành dầu khí, việc chuyển nhượng quyền tham gia hợp đồng dầu khí do tái cấu trúc và sắp xếp tài chính nội bộ của người chuyển nhượng hoặc hợp nhất công ty mẹ của người chuyển nhượng không bị đánh thuế. Để đảm bảo tính nhất quán, việc chuyển nhượng vốn do tái cấu trúc trong các lĩnh vực khác cũng không nên bị đánh thuế.

2. Giới hạn chi phí lãi vay cho mục đích tính thuế

Vấn đề

Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 (“Nghị định 20”) và Thông tư 41/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 có hiệu lực từ 1/5/2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, với đối tượng áp dụng là tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20, “*tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế*”.

Quy định này hiện nay được nhiều cơ quan thuế địa phương áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam, tổng công ty, công ty mẹ - công ty con, bất kể các công ty này có mức thuế thu nhập doanh nghiệp giống hay khác nhau, ở giai đoạn mới đi vào hoạt động hay đã đi vào hoạt động được một thời gian dài.

Việc áp dụng quy định này với các dự án đầu tư mới đi vào hoạt động là không hợp lý vì doanh nghiệp trong thời kỳ mới thành lập có thể doanh thu còn thấp dẫn đến EBITDA nhỏ thậm chí âm. Nếu áp dụng quy định giới hạn chi phí lãi vay như trên cho thời gian mới đi vào hoạt động này thì doanh nghiệp có khả năng bị loại phần lớn hay toàn bộ chi phí lãi vay khỏi chi phí được trừ, làm tăng thuế phải nộp của doanh nghiệp một cách bất hợp lý.

Với mô hình công ty mẹ - công ty con có mức thuế thu nhập giống nhau cũng không nên áp dụng quy định này do các giao dịch cho vay/vay liên quan không nhằm mục đích tránh thuế và nên được khuyến khích thực hiện để tăng hiệu quả hoạt động của mô hình này.

Ngoài ra, nhiều cục thuế cũng không cho phép doanh nghiệp trừ thu nhập cho vay, lãi tiền gửi vào chi phí lãi vay phát sinh cho mục đích tính chi phí lãi vay được trừ theo quy định trên. Việc xử lý thuế như trên là không hợp lý vì như vậy trong nhiều trường hợp sẽ dẫn đến đánh thuế hai lần. Đặc biệt, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp hoạt động theo mô hình mẹ - công ty con thường phát sinh các giao dịch cho vay theo mô hình công ty mẹ đi vay và cho công ty con vay lại. Các doanh nghiệp này, đặc biệt là các tập đoàn quy mô lớn, chịu ảnh hưởng rất lớn bởi cách xử lý thuế này.

Kiến nghị

Để giải quyết bất cập trên, chúng tôi xin kiến nghị Bộ Tài chính/Tổng Cục thuế xem xét sửa đổi khoản 3 Điều 8 của Nghị định 20 theo hướng sau:

- Tổng chi phí lãi vay bị khống chế không vượt quá 20% EBITDA trong kỳ là chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và thu nhập từ hoạt động cho vay của người nộp thuế;
- Không áp dụng quy định trên đối với các dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong thời gian từ 3 đến 5 năm tính từ khi bắt đầu có doanh thu;
- Đối với người nộp thuế là tổng công ty, công ty mẹ - công ty con ở cùng lãnh thổ Việt Nam, cùng mức thuế thu nhập doanh nghiệp, thì áp dụng trên báo cáo tài chính hợp nhất của người nộp thuế

3. Hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài luật thuế (nếu có) của người nộp thuế không thể là tiêu chí đánh giá chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN

Vấn đề

Một số cơ quan thuế có xu hướng khi xử lý các tình huống về thuế thường dựa trên kết luận doanh nghiệp vi phạm pháp luật chuyên ngành, theo đó loại trừ chi phí tính thuế TNDN mà không xem xét đến việc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, liên quan trực tiếp tạo ra doanh thu tính thuế TNDN hay không.

Theo quan điểm của nhà đầu tư, hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài luật thuế (nếu có) của người nộp thuế cũng không thể là tiêu chí đánh giá chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN. Việc loại trừ chi phí tính thuế TNDN mà không xem xét đến chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, trực tiếp liên quan đến việc tạo ra doanh thu tính thuế TNDN là hoàn toàn bất hợp lý, làm méo mó bản chất giao dịch kinh tế.

- Một doanh nghiệp khi hoạt động trong môi trường kinh doanh cần phải đáp ứng nhiều yêu cầu về tuân thủ khác nhau, không chỉ là các quy định về thuế mà còn cả các quy định trong các lĩnh vực khác như đầu tư, thương mại, y tế, môi trường... Đứng trên góc độ quản lý chuyên ngành, các văn bản pháp quy đều có những quy định về xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt các hành vi vi phạm mang tính dân sự. Những chế tài xử phạt được đưa ra nhằm mục đích răn đe, trừng phạt với mục tiêu hạn chế những hành vi không tuân thủ. Trong một môi trường kinh doanh phức tạp và đa dạng, có thể có tình trạng doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định và theo đó bị xử phạt vì hành vi không tuân thủ. Khi đó, theo pháp luật về thuế, bản thân các khoản phạt mà doanh nghiệp phải nộp không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.
- Trong khi Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn quy định rõ các điều kiện về chi phí được trừ, và các trường hợp không được khấu trừ chi phí, việc cơ quan thuế cho rằng ngoài các quy định về thuế, doanh nghiệp nếu vi phạm các quy định quản lý chuyên ngành khác thì cũng không được khấu trừ chi phí tính thuế TNDN là hoàn toàn không phù hợp.

Về đạo lý và căn cứ vào các quy định về thuế, chi phí hợp lý hợp lệ phải là chi phí thực tế phát sinh, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp với việc tạo ra doanh thu và doanh nghiệp có hóa đơn, chứng từ hợp lệ đối với các chi phí phát sinh. Theo đó, thuế TNDN được tính trên thu nhập chịu thuế, cơ bản dựa trên doanh thu sau khi được trừ đi các chi phí hợp lý.

Khi doanh nghiệp có những vi phạm trong hoạt động kinh doanh, chưa tuân thủ các quy định chuyên ngành và phải nộp phạt, toàn bộ khoản nộp phạt vốn đã không được xem xét là chi phí được trừ theo quy định. Tuy nhiên, trong trường hợp này, cơ quan thuế còn tiến thêm một bước là không chấp nhận toàn bộ phần chi phí phát sinh thực tế trực tiếp liên quan đến các hoạt động tạo ra doanh thu, cho dù có thực tế phát sinh và có chứng từ đầy đủ là hoàn toàn không hợp lý. Khi các chế tài đã được tạo ra để mang tính răn đe, trừng phạt và theo đó doanh nghiệp phải loại ra khỏi chi phí khi tính thuế TNDN, việc gạt tiếp các chi phí phát sinh trực tiếp tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, trong khi vẫn thu thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh sẽ làm tăng gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, làm **méo mó bản chất của giao dịch kinh tế**, không phù hợp với đạo lý thuế TNDN, tạo ra sự không công bằng cho doanh nghiệp.

Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy trong một số trường hợp, cơ quan thuế có thể đồng ý với chi phí được trừ cho thuế TNDN đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác. Tại Công văn số 4705/TCT-CS ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Tổng cục thuế, chi phí khuyến mại được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm

về trình tự, thủ tục thông báo chương trình khuyến mại theo pháp luật về thương mại (không thông báo).

Kiến nghị

Đề nghị cơ quan thuế không xem hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài luật thuế, nếu có, của người nộp thuế không là tiêu chí đánh giá chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN.

4. Hoàn thuế GTGT

Vấn đề

Theo quy định về hoàn thuế GTGT đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp đang hoạt động tại Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài Chính, quy định hướng dẫn cho hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư nói chung, được hiểu là bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, miễn là các dự án này đáp ứng các điều kiện cụ thể theo quy định. Việc này là đúng đạo lý do việc hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ mua trong giai đoạn trước hoạt động là cần thiết, để doanh nghiệp có nguồn tiền phục vụ việc triển khai đưa dự án vào hoạt động hiệu quả, cho dù là dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng. Tuy nhiên, thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp đã bị cục thuế địa phương từ chối đề nghị hoàn thuế GTGT cho các dự án đầu tư mở rộng.

Đối với doanh nghiệp, dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng cũng cần phải có vốn, có những dự án đầu tư mở rộng còn có giá trị đầu tư lớn hơn cả các dự án đầu tư mới khác. Do vậy, việc không được hoàn thuế GTGT đầu vào với dự án đầu tư mở rộng làm cho các doanh nghiệp bị thiếu vốn để tiếp tục phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, gây bất bình đẳng giữa người nộp thuế.

Kiến nghị

Đề thống nhất áp dụng, đề nghị Bộ Tài chính/Tổng cục thuế làm rõ cơ sở pháp lý và hướng dẫn các cục thuế địa phương/doanh nghiệp cụ thể về vấn đề hoàn thuế GTGT với dự án đầu tư như đã nêu trên, theo hướng dự án đầu tư, bất luận là dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng nếu đáp ứng các điều kiện được hoàn thuế GTGT theo quy định, thì đều được hoàn thuế GTGT.

5. Thủ tục xuất nhập khẩu

Vấn đề

Theo khoản 1d, Điều 11, Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, hàng hóa thuê nước ngoài gia công khi nhập khẩu trở lại Việt Nam sẽ được miễn thuế nhập khẩu cho phần nguyên liệu/vật tư giao gia công cấu thành nên hàng hóa, và chỉ phải chịu thuế nhập khẩu đối với phần trị giá còn lại của sản phẩm theo mức thuế suất thuế nhập khẩu của sản phẩm gia công nhập khẩu. Tuy nhiên, quy định hiện hành lại chưa có hướng dẫn rõ ràng về quy trình và thủ tục cụ thể cho việc hoàn thuế đối với trường hợp sản phẩm gia công nhập khẩu lại được tái xuất hoặc sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động gia công/sản xuất xuất khẩu khác, vì vậy dẫn tới khó khăn và vướng mắc cho cộng đồng doanh nghiệp.

Kiến nghị

Với xu hướng ngày càng có nhiều doanh nghiệp coi việc thuê gia công ngoài là một trong những phương án tối ưu hóa năng lực sản xuất để tập trung vào phân khúc chuyên môn và nâng cao năng lực cạnh tranh, Tổng cục Hải quan nên có hướng dẫn cụ thể về quy trình và thủ tục cụ thể cho việc hoàn thuế nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

6. Quyền của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện xuất/nhập tại chỗ cho mục đích thương mại

Vấn đề

Trong cuộc họp VBF 2018, vấn đề Xuất/Nhập tại chỗ (OTS) đã được nêu ra để giải quyết thực trạng rằng Xuất/Nhập tại chỗ không được công nhận là hoạt động xuất khẩu trong khía cạnh xử lý thuế. Đây là vấn đề đã được Bộ Công thương công nhận.

Chúng tôi đã nêu lại cả vấn đề này và khía cạnh khác của vấn đề này. Cụ thể, Bộ Công thương hiện nay đang hạn chế quyền hợp pháp của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài trong hoạt động thương mại. Theo đó, một công ty có vốn đầu tư nước ngoài đã được đăng ký quyền giao dịch và quyền phân phối không được phép tiến hành xuất khẩu tại chỗ cho mục đích thương mại.

Trong Công văn số 130/XNK-CN ngày 31 tháng 1 năm 2018 của Bộ Công thương, những lý do được nêu bao gồm:

- Quyền xuất khẩu theo quy định tại Nghị định 09/2018/ND-CP chỉ bao gồm hoạt động xuất khẩu;
- Xuất khẩu tại chỗ không phải là hoạt động xuất khẩu;
- Chưa có quy định về quyền xuất khẩu OTS của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Với những luận điểm tương tự như được trình bày trong cuộc họp VBF trước đây, chúng tôi cho rằng việc không công nhận xuất khẩu tại chỗ OTS là hoạt động xuất khẩu là không hợp lý, bởi những lý do sau:

i. Nếu xuất khẩu tại chỗ OTS không được công nhận là hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ OTS cũng không được công nhận là hoạt động nhập khẩu hoặc ngược lại

Theo quy định hiện hành, xuất khẩu tại chỗ OTS là hoạt động bắt buộc kèm theo nhập khẩu tại chỗ để có thể hình thành cấu trúc xuất/nhập khẩu tại chỗ. Nếu không có xuất khẩu tại chỗ thì nhập khẩu tại chỗ sẽ không tồn tại.

Ở đây tồn tại nghịch lý khi các công ty tiến hành nhập khẩu tại chỗ OTS song song với xuất khẩu OTS (một vấn đề còn đang được thảo luận). Cụ thể, một mặt, cơ quan hải quan từ chối coi xuất khẩu tại chỗ OTS là hoạt động xuất khẩu để thu hồi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu. Mặt khác, cơ quan hải quan vẫn áp thuế nhập khẩu đối với nhập khẩu tại chỗ OTS. Điều này chỉ nên áp dụng nếu nhập khẩu tại chỗ OTS đã được công nhận là hoạt động nhập khẩu.

Nói cách khác, áp dụng lý do tương tự của GDC, một khi cơ quan hải quan từ chối công nhận xuất khẩu tại chỗ OTS là hoạt động xuất khẩu, cơ quan hải quan cũng nên ngừng áp thuế nhập khẩu đối với nhập khẩu tại chỗ OTS.

Nếu không, nếu cơ quan hải quan công nhận nhập khẩu tại chỗ OTS là hoạt động nhập khẩu để áp thuế nhập khẩu, không có lý do hoặc cơ sở pháp lý nào để cơ quan hải quan từ chối tình trạng xuất khẩu của xuất khẩu tại chỗ OTS.

ii. Sự không nhất quán giữa các cơ quan lập pháp

Điều 8 Luật thuế Giá trị gia tăng chỉ cho phép áp dụng thuế suất thuế VAT 0% đối với hàng hóa xuất khẩu và Nghị định 209/2013/ND-CP (Điều 6.1) và Thông tư 219/2013/TT-BTC (Điều 9.1) công nhận rõ ràng xuất khẩu tại chỗ OTS là một hình thức xuất khẩu.

Hơn nữa, theo Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC, xuất khẩu tại chỗ OTS vẫn phải tuân theo quy trình xuất khẩu tương tự như áp dụng cho các hoạt động xuất khẩu khác.

Kiến nghị

Bộ Công thương nên thu hồi Công văn số 130/XNK-CN ngày 31 tháng 1 năm 2018 và bất kỳ Công văn nào có nội dung tương tự và công nhận xuất khẩu tại chỗ OTS là các hoạt động xuất khẩu khác và cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có quyền kinh doanh xuất/nhập khẩu tại chỗ OTS.

7. Vấn đề hội tố các quyết định hành chính của cơ quan hải quan

Vấn đề

Trong quá trình hoạt động xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp đã gặp phải tình huống doanh nghiệp tiến hành khai báo hải quan trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan hải quan địa phương. Tuy nhiên, sau một thời gian, khi kiểm toán cơ quan hải quan địa phương, cơ quan hải quan cấp trên kết luận rằng hướng dẫn của cơ quan hải quan địa phương là không đúng về mặt pháp lý.

Trong trường hợp như vậy, để khắc phục những sai lầm này, cơ quan hải quan địa phương sẽ áp dụng thu thuế, và trong một số trường hợp nhất định, đưa ra hình phạt với lý do các doanh nghiệp tiến hành khai báo sai.

Đây là một thực tiễn pháp lý cực kỳ tiêu cực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bản thân các doanh nghiệp ban đầu đã thực hiện khai báo theo hướng dẫn của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, khi hướng dẫn như vậy là sai, các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Kiến nghị

Trong trường hợp cơ quan hải quan đưa ra hướng dẫn sai, dẫn đến thiếu thuế, cơ quan hải quan không được phép thu các khoản thiếu thuế và áp dụng hình phạt vì đây không phải là lỗi của doanh nghiệp.

8. Thỏa thuận trước về giá

Vấn đề

Chúng tôi hiểu và hoàn toàn ủng hộ Việt Nam thực hiện quyền thu thuế từ các giao dịch xuyên biên giới liên quan đến các bên bằng cách xác định thuế phải nộp dựa trên giá thực tế. Khó khăn ở đây là cách thức xác định và thống nhất về giá thực tế cũng như chuẩn tham chiếu để so sánh. Mô hình phổ biến nhất để thực hiện điều này là của OECD với nguyên tắc cơ bản là khái niệm “giá thị trường”. OECD đã giải quyết vấn đề không rõ ràng này bằng cách cung cấp các hướng dẫn liên quan đến Thỏa thuận trước về Giá, theo đó các doanh nghiệp có thể cung cấp cơ sở cho việc định giá của bên liên quan cho cơ quan thuế phê duyệt trước khi thực hiện giao dịch. Các thỏa thuận này giúp đảm bảo chắc chắn cho doanh nghiệp đồng thời mang lại hiệu quả cao cho chính phủ. Việt Nam đã áp dụng nguyên tắc của OECD nhưng chưa ký kết bất kỳ Thỏa thuận trước về Giá nào. Việc không có các thỏa thuận như vậy ngày càng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp và hệ thống kiểm toán nói chung. Quá trình kiểm toán mất nhiều thời gian hơn, không đảm bảo tính chính xác và thiên về nhận định chủ quan hơn, dẫn đến nguy cơ phát sinh tranh chấp.

Kiến nghị

Việc áp dụng Thỏa thuận trước về Giá sẽ mang lại nhiều lợi ích. Với các hướng dẫn trong Thông tư 201/2013/TT-BTC và các quy định liên quan, chúng tôi đề xuất chính phủ coi việc nghiên cứu áp dụng các Thỏa thuận trước về Giá là ưu tiên hàng đầu.

9. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường

Có những lo ngại rõ ràng về việc không đạt được mục tiêu doanh thu thuế và tăng cường sức khỏe trong khi những tác động tiêu cực của sản phẩm này đến nền kinh tế có thể thấy rõ qua những con số và do đó làm ảnh hưởng đến mục tiêu của chính phủ về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Bất kỳ đề xuất mới nào về thuế, nếu không có nghiên cứu thích hợp, đánh giá tác động và tham vấn rộng rãi theo quy định, sẽ tác động tiêu cực đến vị thế kinh tế vĩ mô của Việt Nam và khả năng thu hút vốn FDI.

Nghiên cứu tác động kinh tế xã hội của Dự thảo Luật do Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) thực hiện cho thấy dự luật này có thể sẽ có tác động tiêu cực ở cấp vĩ mô (giảm doanh thu, lợi nhuận, việc làm, các loại thuế nhà nước khác) và vi mô (ví dụ: tác động tiêu cực đến hàng ngàn DNNVV & siêu nhỏ cũng như các đơn vị kinh doanh hộ gia đình trong chuỗi giá trị). Những tác động tiêu cực đó lớn hơn nhiều so với tiền thuế mà Chính phủ thu được.

AmCham cũng cung cấp **Nghiên cứu thông lệ quốc tế** liên quan đến thuế đồ uống có đường và kết quả trong nghiên cứu này cũng không hỗ trợ đề xuất của Bộ Tài chính: Không có quốc gia nào trên thế giới đạy được tỷ lệ giảm béo phì đều đặn sau khi áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường. Trong khi đó, tỷ lệ thừa cân và béo phì ở Việt Nam, trên thực tế, vẫn còn thấp so với khu vực ASEAN, và do đó cho thấy đề xuất này chưa mang tính cấp thiết. Trên thực tế, việc áp dụng thuế này *chưa được chứng minh là có hiệu quả* trong việc ngăn ngừa béo phì và tiểu đường ở bất kỳ quốc gia nào.

Viện Dinh dưỡng Quốc gia đang tiến hành **Nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng, tần suất tiêu thụ và thói quen thể chất của học sinh tại 5 thành phố/tỉnh của Việt Nam**. Kết quả ban đầu cho thấy mức tiêu thụ đồ uống có đường của những học sinh này ở mức rất thấp và loại đồ uống này không phải là nguyên nhân chính dẫn đến béo phì. Đáng chú ý, hai tình trạng trái ngược là béo phì và suy dinh dưỡng (thiếu cân, thấp còi, xanh xao) tồn tại cùng một lúc trong cộng đồng học sinh ở mọi cấp lớp.

Khảo sát người tiêu dùng về hành vi trong kịch bản tăng giá do thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường cho thấy mức tiêu thụ đường sẽ không giảm. Thay vào đó, người tiêu dùng sẽ chuyển đổi đồ uống có đường đóng chai công nghiệp sang đồ uống có đường khác được bán trên đường phố hoặc sản xuất tại nhà. Bên cạnh đó, người trả lời cũng cho biết mong muốn có bảng dữ liệu dinh dưỡng đầy đủ đi kèm với các sản phẩm mà họ lựa chọn.

Tuyên truyền giáo dục, thay vì thuế, là giải pháp hiệu quả hơn và đã được chứng minh tác dụng ở nhiều quốc gia. Nhận thức và thay đổi hành vi đối với người tiêu dùng và điều chỉnh công thức/ghi nhãn sẽ là các biện pháp hiệu quả và bền vững hơn. Biện pháp này khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất đồ uống cung cấp các lựa chọn thực phẩm và đồ uống tốt cho sức khỏe hơn, đổi mới và phát triển nhiều loại thành phần tốt cho sức khỏe, bao gồm thực phẩm và đồ uống ít calo và không calo. Các công cụ giáo dục như chiến dịch nâng cao nhận thức và kỹ thuật thay đổi hành vi mang tính giáo dục sẽ thúc đẩy chế độ ăn uống và lối sống lành mạnh hơn.

Kiến nghị

Chính phủ Việt Nam nên xem xét bãi bỏ đề xuất này, khuyến khích các công ty thực phẩm và đồ uống giảm lượng đường và giáo dục người tiêu dùng về chế độ ăn uống và lối sống lành mạnh.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống luôn sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với Chính phủ để đổi mới và phát triển các sản phẩm tốt cho sức khỏe, bao gồm thực phẩm và đồ uống ít đường cũng như bất kỳ giải pháp nào khác phù hợp và khả thi cho thị trường Việt Nam.

10. Doanh thu áp đặt

Cơ quan thuế địa phương đã và đang áp đặt khoản doanh thu của doanh nghiệp dựa trên giá trị của hợp đồng, kể cả khi không có hàng hóa hay dịch vụ liên quan đến khoản doanh thu được cung cấp, không có quyền được nhận bất kỳ khoản tiền tương ứng phát sinh, không có hóa đơn được phát hành và không có tiền thu nhận được.

Kiến nghị

Theo tinh thần của pháp luật Việt Nam và theo thông lệ tiêu chuẩn quốc tế, cơ quan thuế địa phương nên được hướng dẫn rằng doanh thu chỉ nên được ghi nhận khi một số điều kiện cụ thể được đáp ứng, bao gồm: việc cung cấp thực chất một sản phẩm hoặc dịch vụ, giá trị có thể xác định rõ ràng cho điều khoản đó và quyền nhận tiền thu tương ứng với giá trị đó.

11. Không cho phép khấu trừ các khoản nợ xấu

Để khoản nợ xấu được khấu trừ, bên nợ phải đưa ra văn bản rằng khoản nợ đã đến hạn phải trả. Đây là yêu cầu vô lý vì bất kỳ bên nào thừa nhận khoản nợ đều gặp phải vấn đề pháp lý đối với việc thanh toán. Hơn nữa, đây cũng là hành vi rất phổ biến của bên nợ đối với bên chủ nợ nhằm tránh giao tiếp, thậm chí bỏ trốn. Việc đưa ra yêu cầu này gần như tương đương với việc từ chối khấu trừ nợ xấu và là hoàn toàn không cần thiết vì các doanh nghiệp có thể dễ dàng liên kết khoản doanh thu tương ứng với khoản nợ.

Kiến nghị

Việt Nam nên loại bỏ yêu cầu này và cho phép khấu trừ nợ xấu dựa trên các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

Các khoản nợ trước đây phải được bao gồm trong doanh thu.

Chủ nợ phải chứng minh được rằng họ đã thực hiện nhiều biện pháp hợp lý để thu nợ và toàn bộ hoặc một phần khoản nợ là không thể thu được. Thuế GTGT từ khoản tiền không thu được cũng cần được thu hồi.

12. Kiểm toán - Hoạt động kiểm toán thuế là nguồn khiếu nại lớn nhất trong các doanh nghiệp

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị thay đổi Luật Quản lý thuế nhằm đảm bảo quy trình kiểm toán công bằng và hiệu quả cho người nộp thuế và cơ quan kiểm tra như sau:

- Trong quá trình kiểm toán và trong biên bản kiểm toán, thanh tra thuế phải tham chiếu cơ sở pháp lý cụ thể nhất về đề xuất thay đổi trong bản đánh giá thuế của doanh nghiệp, sao cho người nộp thuế có thể tự xác định tính hợp lý của bản đánh giá đó trước khi phải tham vấn với bên pháp lý khác tốn kém hơn. Các báo cáo của thanh tra thuế trên bản đánh giá như “đọc thêm luật” không đáp ứng tiêu chuẩn trong việc giải thích và làm minh bạch thông tin mà thanh tra thuế được yêu cầu cung cấp. Nếu thanh tra thuế có đủ hiểu biết về luật pháp để đánh giá, họ cần phải tham chiếu luật đó. Nếu không, họ không nên đưa ra đánh giá như vậy.
- Gia tăng trách nhiệm của thanh tra thuế đối với:
 - Thông tin sai lệch hoặc gây hiểu nhầm gây ra đối với người nộp thuế liên quan đến luật
 - Việc đánh giá phi lý do bỏ qua hoặc áp dụng sai luật, khiến người nộp thuế mất thời gian và tiền bạc
 - Việc yêu cầu thông tin và tài liệu không cần thiết để xác định nghĩa vụ thuế, nhưng áp đặt gánh nặng tuân thủ cho công ty. Thanh tra thuế không nên yêu cầu thông tin không cần

thiết hoặc/và không yêu cầu bởi luật. Việc đòi hỏi nhiều tài liệu khác không liên quan gây ra sự phiền nhiễu trong một số trường hợp.

- Việc vượt quá thời gian kiểm toán được nêu trong luật
- Lấy “mẫu” tốt hơn trong thời gian kiểm toán
- Hỗ trợ người nộp thuế độc lập trong quá trình kiểm toán để can thiệp hoặc hỗ trợ khi hành vi của thanh tra thuế không phù hợp với luật và chính sách của Cơ quan thuế theo quy định.
- Cần được theo dõi Chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) mới liên quan đến kiểm toán

13. Mức độ nghiêm trọng và trình tự của quy trình Thi hành và Kháng cáo độc lập

Việc thanh toán thuế đối với các đánh giá vô lý phải được thực hiện trước bản kết luận kháng cáo. Nhiều khi quy mô của một số đánh giá còn cao hơn rất nhiều và vượt khả năng chi trả của doanh nghiệp. Nhiều biện pháp thi hành quá nghiêm trọng đã được thực hiện ngay trong giai đoạn đầu tiên, như việc đóng băng tài khoản ngân hàng, hoạt động nhập khẩu và xuất hóa đơn. Sự hỗ trợ duy nhất sau các biện pháp này là thông qua hệ thống tòa án, nhưng việc xét xử của tòa án kéo dài và tốn kém. Hơn nữa, đây cũng không phải là sự lựa chọn thực tế cho nhiều doanh nghiệp.

Chúng tôi đề xuất các biện pháp thi hành được thực hiện theo giai đoạn, theo đó những biện pháp thi hành ban đầu kém nghiêm trọng hơn hiện nay để các doanh nghiệp có phương án giải quyết tạm thời đối với lệnh thi hành thông qua một cơ quan hiệu quả, độc lập với hệ thống tòa án. Đây là thông lệ quốc tế phổ biến, cho phép người nộp thuế có cơ hội kháng cáo công bằng trước khi làm gián đoạn đáng kể hoạt động kinh doanh hoặc danh tiếng của họ.

14. Thông tin và giáo dục

Chúng tôi đề xuất thay đổi nhiều hơn các nguồn lực và nỗ lực cung cấp thêm thông tin và hỗ trợ trước hoặc tại thời điểm nộp đơn, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ hồ sơ khi nộp đơn, và giảm hình phạt không mong muốn thông qua kiểm toán. Điều này bao gồm:

- Danh sách các nguyên nhân phổ biến nhất trong đánh giá sau khi nộp đơn, xếp theo thứ tự giá trị và số lần mắc; bao gồm các ngành và loại hình kinh doanh có khả năng cao bị ảnh hưởng.
- Thông báo về các lỗi phổ biến. Hướng dẫn có thể được gửi dưới dạng điện tử tại thời điểm nộp đơn. Gia tăng tính kết nối thông qua việc nộp đơn điện tử là một kênh giao tiếp hai chiều.
- Danh sách các lỗi phổ biến và cách phòng tránh chúng nên được bổ sung và làm nổi bật trên trang đầu website Tổng Cục Thuế
- Hình thức nộp đơn nên được thiết lập để lọc và ngăn ngừa các lỗi và vi phạm. Hình thức có thể đi kèm các danh sách kiểm tra hoặc tách các đơn riêng biệt cho các giao dịch phức tạp hơn và/hoặc yêu cầu tài liệu hỗ trợ, thay vì chờ đợi trong quá trình kiểm toán.
- Đường dây nóng của người nộp thuế phải được cải thiện để nhân viên thuế có thể dễ dàng liên hệ các vấn đề với luật hay thủ tục liên quan. Nhiều trường hợp câu trả lời dành cho người nộp thuế là “đọc lại luật” mà không có sự hỗ trợ thiết thực với họ.
- Các doanh nghiệp có nguy cơ cần được thông báo về tình trạng rủi ro cùng với lời nhắc nhở của những nguyên nhân vi phạm phổ biến có thể dẫn đến tình trạng rủi ro. Các doanh nghiệp

nên có cơ hội để chấp hành tự nguyện và có quyền được kiểm toán trong một khoản thời gian xác định trong thông báo để tránh bị phạt và tính lãi bắt ngờ.

15. Quản lý thuế trong hoạt động thương mại điện tử của nhà cung cấp nước ngoài

Vấn đề

Theo quy định của Luật quản lý thuế mới được Quốc Hội thông qua ngày 13 tháng 06 năm 2019 và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2020, ngân hàng thương mại, bên Việt Nam và nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam đều có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Điều 27 về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ngân hàng thương mại có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử
“3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.
- Điều 42 về nguyên tắc khai thuế và tính thuế
“4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”
- Điều 35 về sử dụng mã số thuế
“6. Khi bên Việt Nam chi trả tiền cho tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuyên biên giới dựa trên nền tảng trung gian kỹ thuật số không hiện diện tại Việt Nam phải sử dụng mã số thuế đã cấp cho tổ chức, cá nhân này để khấu trừ, nộp thay.”

Điều đó nghĩa là, từ ngày 1 tháng 7 năm 2020, dường như có 3 đối tượng phải chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với các giao dịch thương mại điện tử hoặc giao dịch dựa trên nền tảng số. Tuy nhiên, luật không quy định rõ trường hợp nào một đối tượng cụ thể (ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc khách hàng Việt Nam) phải chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế.

Luật quản lý thuế mới cũng không nêu rõ liệu các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam có phải đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế hay không.

Ngoài ra, theo quy định tại Luật Quản lý thuế mới, không rõ đối tượng nào sẽ thực hiện thủ tục thông báo xin miễn/giảm thuế theo hiệp định nếu cả ba đối tượng (bao gồm ngân hàng, khách hàng trong nước và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) đều có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế.

Kiến nghị

Chính Phủ và Bộ Tài Chính cần phải có những quy định rõ ràng để tránh các vướng mắc, chồng chéo và đánh thuế trùng khi thực thi Luật Quản lý thuế về thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số. Cụ thể là, Nghị định và Thông tư hướng dẫn cần xác định rõ đối tượng nào chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế trong từng trường hợp cụ thể và thủ tục thực hiện xin miễn/giảm thuế theo hiệp định sẽ được thực hiện như thế nào.

TÓM TẮT NỘI DUNG TRAO ĐỔI TẠI CUỘC HỌP GIỮA TỔNG CỤC THUẾ VÀ NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN (Phần 1)**Trao đổi về dự thảo Luật quản lý Thuế**

Hà Nội, ngày 13/5/2019

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Thuế & Hải quan VBF*

<i>Stt</i>	<i>Tham chiếu</i>	<i>Ý kiến</i>	<i>Khuyến nghị</i>	<i>Phản hồi của Tổng cục Thuế</i>
1.	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ 17. <i>Thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế là thoả thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập cho một thời hạn nhất định, trong đó xác định cụ thể các căn cứ tính thuế, phương pháp xác định giá tính thuế hoặc giá tính thuế theo giá thị trường. Thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được xác lập trước khi người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế.”</i></p> <p>Điều 19. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế 9. <i>Cơ quan thuế áp dụng cơ chế thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế với người nộp thuế, với cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định</i></p>	<p>Điểm này không rõ thỏa thuận trước này là xác định giá tính thuế cho mục đích xem xét giá trong giao dịch liên kết hay để tính thuế đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nói chung.</p>	<p>Nếu quy định tại điểm này bao gồm cả vấn đề xác định trị giá hải quan, Đề nghị bỏ cụm từ “mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập” vì thỏa thuận trước về xác định giá tính thuế cho các giao dịch qua biên giới giữa các bên mua bán, không cần thiết phải giới hạn trong các nước có ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần.</p>	<p>Quy định về thỏa thuận trước tại khoản 17 này khác với quy định về xác định trước trị giá hải quan được quy định tại điều 28 Luật Hải quan đã quy định. Theo đó, chúng tôi xin được giữ nguyên nội dung như dự thảo.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<i>tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập.”</i>			
2.	Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế <i>4. Áp dụng nguyên tắc bản chất quyết định hình thức trong việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.</i>	Điều này quy định về áp dụng nguyên tắc bản chất quyết định hình thức trong việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.	Đề nghị quy định cụ thể hơn trong định nghĩa/cơ chế áp dụng nguyên tắc này để tránh những cách diễn giải khác nhau và tranh chấp giữa người nộp thuế và cơ quan thuế.	Tổng cục thuế đã tiếp thu điểm này và có chỉnh lý cho rõ nghĩa hơn như sau: <i>Nguyên tắc bản chất hoạt động giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế là nguyên tắc được áp dụng trong quản lý thuế nhằm phân tích các giao dịch hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch hoặc hình thức kinh doanh đó.</i>
3.	Điều 7. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế <i>2. Trường hợp người nộp thuế hạch toán kế toán bằng ngoại tệ theo quy định của Luật Kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh khi thực hiện khai thuế, nộp thuế</i>	Khoản 4, Điều 2, Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của BTC đã đưa ra hướng dẫn về đồng tiền nộp thuế cũng như tỷ giá xác định giá tính thuế, cụ thể: <i>“4. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau: “Điều 27. Đồng tiền nộp thuế và xác định doanh thu, chi phí, giá tính thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước: 3. Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:</i>	Đề xuất các quy định tại Luật Quản lý thuế cũng nên thống nhất, phù hợp với các quy định hiện hành về tỷ giá theo quy định về thuế và kế toán, cụ thể là Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC. Ngoài ra, các văn bản quy định hiện hành chưa đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá tính thuế NTNN đối với trường hợp nộp thuế thông qua bên Việt Nam – các công văn của cơ quan thuế địa phương bao gồm cả TCT cũng không nhất quán, thống nhất về tỷ giá áp dụng, gây khó khăn cho bên Việt Nam trong việc khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Đề xuất đưa hướng dẫn cụ thể về tỷ giá tính thuế	Chúng tôi đã nghiên cứu kiến nghị này và dự thảo Luật đã chỉnh lý nội dung này theo hướng Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ quy định đồng tiền khai thuế nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tỷ giá giao dịch thực tế. Đối với nội dung tỷ giá tính thuế của nhà thầu nước ngoài sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.</p> <p>- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.</p> <p>- Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014</p>	<p>NTNN tại Luật này – trên cơ sở đây là doanh thu của nhà thầu nước ngoài và bên Việt Nam chỉ là bên đứng ra kê khai, nộp thay nên tỷ giá áp dụng được hiểu là thống nhất với tỷ giá áp dụng khi quy đổi doanh thu tính thuế phát sinh bằng ngoại tệ của các doanh nghiệp (theo quy định hiện nay là tỷ giá mua vào thực tế của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản, khi phát sinh giao dịch) và do nhà thầu nước ngoài không có tài khoản mở tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam nên sẽ áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi bên Việt Nam mở tài khoản;</p>	
4.	<p>Điều 8. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế</p> <p>5. Chứng từ điện tử sử dụng trong giao dịch điện tử phải được ký điện tử phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử</p>	<p>Trên thực tế các doanh nghiệp Việt Nam làm việc rất nhiều với các đối tác nước ngoài, chủ yếu thông qua các phương tiện liên lạc điện tử ví dụ thư điện tử (email), telex, fax, hệ thống điện tử kết nối/liên kết với các nhà cung cấp, hệ thống đặt hàng tự động, v...v... Quy định này chỉ có thể áp dụng với các doanh nghiệp trong nước, còn đối với đối tác nước ngoài thì không phải trường hợp nào cũng sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của quốc gia nơi đối tác nước ngoài tiến hành hoạt động kinh doanh</p>	<p>Đề xuất quy định thêm đối với các giao dịch với nước ngoài để có thể áp dụng được (ví dụ như giao dịch qua email, telex, fax, hệ thống điện tử kết nối/liên kết với các nhà cung cấp, hệ thống đặt hàng tự động, v.v...)</p>	<p>Tổng Cục thuế đã nghiên cứu để hướng dẫn cho phù hợp với quy định của Luật giao dịch điện tử và được quy định cụ thể tại Điều 10 và Điều 21.</p>
5.	<p>Điều 15.3 qui định:</p> <p>Bộ Công Thương có trách nhiệm kết nối, cung cấp thông tin liên quan để phối hợp với Bộ Tài chính trong quản</p>	<p>Chương II, Điều 15.3 qui định chung và chưa cụ thể. Luật chưa qui định rõ Bộ Công thương sẽ phối hợp với Bộ Tài chính như thế nào trong việc quản lý thuế đối với các hoạt động thương mại điện tử</p>	<p>Chúng tôi kiến nghị có qui định rõ phạm vi các hoạt động thương mại điện tử. Việc qui định rõ như vậy sẽ là vô cùng cần thiết để thúc đẩy phát triển</p>	<p>Vấn công tác phối hợp, chúng tôi chỉ nêu ra trong luật quy tắc chung, nguyên tắc cơ bản nhất làm căn cứ pháp lý khi triển khai thực hiện. Những</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử.	và Việt Nam dự định quản lý thuế với các hoạt động này như thế nào	Việt Nam trở thành điểm đầu tư cho các hoạt động thương mại điện tử.	kiến nghị của VBF sẽ được nêu ra ở văn bản dưới luật.
6.	Điều 15.4 qui định: 4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm: a) Phối hợp với cơ quan quản lý thuế để quản lý thuế đối với hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng; b) Kết nối, cung cấp thông tin liên quan với cơ quan quản lý thuế đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng.	Chương II, Điều 15.4 qui định còn chung chung và chưa được cụ thể. Các công ty sẽ rất khó trong việc đưa ra quyết định kinh doanh nếu không có qui định cụ thể. Đối với người tiêu dùng Việt Nam, qui định như vậy có thể ảnh hưởng đến việc các công ty giảm mong muốn cung cấp và mở rộng dịch vụ, sản phẩm tới người dùng ở Việt Nam.	Chúng tôi kiến nghị có qui định rõ chi tiết hơn Việt Nam sẽ quản lý thuế vào thương mại điện tử liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử như thế nào.	
7.	Điều 15.5: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm: a) Xây dựng và phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia, các tiện ích tích hợp thanh toán điện tử để sử dụng rộng rãi cho các mô hình thương mại điện tử; b) Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát các giao dịch thanh toán hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong thương mại điện tử.	Chương II, Điều 15.5 qui định rất chung và chưa cụ thể. Chưa có qui định rõ hệ thống thanh toán điện tử quốc gia và các tiện ích tích hợp sẽ được thiết lập và quản lý như thế nào. Các công ty tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử cần hiểu và nhận thức rõ liệu qui định này có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của họ như thế nào để có thể chắc chắn được về khả năng hoạt động và tin tưởng đầu tư vào Việt Nam.		Về Ngân hàng NN, chúng tôi tiếp thu ý kiến của VBF và chỉnh lý khả năng điều 15 theo hướng: 1. NHNN chỉ đạo hướng dẫn các TCTD trong việc phối hợp với Cơ quan quản lý thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của luật này; 2. Xây dựng và phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử (“TMĐT”) quốc gia, các tiện ích thanh toán điện tử để sử dụng rộng rãi cho các mô hình TMĐT; 3. Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát giao dịch thanh toán hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phi biên giới trong TMĐT.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
8.	<p>Điều 16. Quyền của người nộp thuế 10. Không bị xử lý vi phạm về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.</p>	<p>Điều này đưa ra quy định về việc người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm về hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp trong trường hợp người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn được ban hành bởi các cơ quan thuế hoặc các cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Nghĩa là trong các trường hợp này, người nộp thuế vẫn phải nộp tiền thuế thiếu, nếu có. Điều này là không hợp lý và công bằng. Khi người nộp thuế đã làm theo các hướng dẫn được ban hành bởi cơ quan thuế hoặc các cơ quan có thẩm quyền, họ đã tuân theo tất cả các yêu cầu, và không phải chịu trách nhiệm cho các sai sót của các cơ quan này.</p> <p>Nếu người nộp thuế vẫn phải nộp các khoản thuế thiếu do tính lại thuế mặc cho thực tế là họ đã tuân theo các hướng dẫn của các cơ quan nhà nước, thì các hướng dẫn này không mang lại sự chắc chắn nào như mục đích mà người nộp thuế mong muốn khi họ xin và tuân theo hướng dẫn.</p> <p>Trong những trường hợp này, luật và quy định đã bị áp dụng hồi tố, vốn là việc mà pháp luật không cho phép.</p>	<p>Nên sửa lại điều này bằng việc bao gồm cả việc miễn nộp các khoản thuế thiếu, nếu có, phát sinh từ các hướng dẫn này.</p>	<p>Ý kiến này không hợp lý.</p> <p>Tuy nhiên chúng tôi thấy rằng trách nhiệm khai nộp thuế theo quy định pháp luật là nghĩa vụ độc lập của người nộp thuế và luật quản lý thuế quy định người nộp thuế tự khai tự nộp, tự chịu trách nhiệm về kê khai của mình.</p> <p>Nghĩa vụ này luôn phát sinh tồn tại khi phải đáp ứng các quy định của luật quản lý thuế.</p> <p>Việc cơ quan thuế có hướng dẫn và giải thích không phù hợp với quy định của pháp luật về thuế và làm giảm nghĩa vụ của người nộp thì cơ quan đó phải chịu sự điều chỉnh của nhiều luật khác (ví dụ Luật Kiểm toán, thanh tra, Luật công chức, viên chức, v.v), tùy theo đối tượng.</p> <p>Trong trường hợp này do có trách nhiệm của cơ quan hành pháp nên loại trừ trách nhiệm về xử lý vi phạm pháp luật về thuế không tính tiền chậm nộp, tuy nhiên nghĩa vụ về thuế vẫn phải đảm bảo để đảm bảo tính công bằng minh bạch và gắn với trách nhiệm của cơ quan hành pháp trong hoạt động công vụ.</p>
9.	<p>Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế</p>	<p>Theo quy định tại Điều 35 của dự thảo Luật, bên Việt Nam chi trả tiền cho tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuyên biên giới dựa trên nền tảng trung gian kỹ thuật số không hiện diện tại Việt</p>	<p>Do ngân hàng sẽ phải thực hiện khấu trừ, kê khai nộp thuế thay nên đề xuất quy định trách nhiệm của cơ quan thuế là phải cung cấp danh sách tên và MST của các tổ chức, cá nhân có hoạt động</p>	<p>Dự thảo luật quản lý thuế lần này có bổ sung quy định cho phép tổ chức cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh xuyên biên giới trên nền tảng kỹ thuật số không hiện diện ở Việt Nam</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>Nam phải sử dụng mã số thuế đã cấp cho tổ chức, cá nhân này để khấu trừ, nộp thay</p>	<p>kinh doanh xuyên biên giới dựa trên nền tảng trung gian kỹ thuật số không hiện diện tại Việt Nam do bên Việt Nam có thể thực hiện kê khai, khấu trừ thuế thay cho các tổ chức, cá nhân này</p>	<p>được cấp mã số thuế và kê khai nộp thuế,</p> <p>Cụ thể: đối với hoạt động thương mại điện tử và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà nhà cung cấp nước ngoài có nghĩa vụ đăng ký và kê khai nộp thuế ở Việt Nam hoặc được ủy quyền theo hướng dẫn của Bộ Tài chính,</p> <p>Theo đề xuất tại dự thảo Luật lần này, trước mắt sẽ ưu tiên cho các tổ chức này tự đăng ký kê khai nộp thuế, tiếp theo mới sử dụng biện pháp khấu trừ tại nguồn đối với bên Việt Nam chi trả tiền hoặc đề nghị ngân hàng thương mại khấu trừ nộp thay.</p> <p>Đối với kiến nghị cung cấp danh sách tên và MST của tổ chức cá nhân cho bên khấu trừ nộp thay thuế: Cơ quan thuế sẽ nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền để hướng dẫn cụ thể từng trường hợp và sẽ hướng dẫn bằng văn bản dưới luật.</p>
10.	<p>Điều 18. 3. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; cơ quan thuế có trách nhiệm công khai mức thuế phải nộp của hộ kinh doanh,</p>	<p>Nghĩa vụ của cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.</p>	<p>Trong thực tế thường xảy ra các tình huống sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thuế không cung cấp câu trả lời cụ thể cho người nộp thuế. Thay vào đó, cơ quan thuế chỉ cung cấp và dẫn chiếu quy định thuế một cách chung chung. 	

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<p> cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thuế trì hoãn trả lời cho người nộp thuế - trong một số trường hợp có thể là 1 đến 2 năm hoặc hơn. - Cơ quan thuế đưa ra hướng dẫn theo một cách nhưng khi thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế lại theo một cách khác. <p>Trong những trường hợp trên, việc tính sai thuế và nộp chậm thuế không phải hoàn toàn là lỗi của người nộp thuế. Chúng tôi kiến nghị không áp dụng truy thu thuế, tính tiền phạt và chậm nộp trong những trường hợp này.</p>	
11.	<p>Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ngân hàng thương mại trong việc quản lý thuế 3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Dự thảo Luật không làm rõ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử nào sẽ chịu sự điều chỉnh của khoản 3 Điều 27, và có thể gây mâu thuẫn với quy định hiện hành là Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>Hoạt động kinh doanh thương mại điện tử rất rộng và định nghĩa của nó có thể bao gồm tất cả các hoạt động kinh doanh liên quan hoặc sử dụng nền tảng điện tử. Cụ thể là, theo quy định tại Nghị định 52/2013/ND-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ, hoạt động thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác.</p>	<p>Chúng tôi đề nghị đội ngũ soạn thảo của dự thảo luật này cân nhắc hơn và xem xét giải quyết các ảnh hưởng liên quan đến cơ chế khấu trừ thuế mới được thực hiện bởi các ngân hàng thương mại.</p>	<p>Ở điều quy định về quyền nộp thuế chúng tôi có quy định về đăng ký kê khai tự nộp.</p> <p>Trước mắt theo dự thảo luật ưu tiên cho các tổ chức này tự đăng ký kê khai nộp thuế.</p> <p>Tiếp theo mới sử dụng đến các phương pháp khấu trừ tại nguồn hoặc đề nghị ngân hàng thương mại khấu trừ nộp thuế.</p> <p>Do đó điều 27 dự thảo luật đã chỉnh lý theo hướng chính phủ chi tiết nhiệm vụ quyền hạn trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc quản lý thuế.</p> <p>Về kiến nghị đối với các ngân hàng thương mại chúng tôi sẽ có hướng dẫn</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>Theo Dự thảo Luật, sẽ có hướng dẫn chi tiết từ Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước. Chúng tôi mong rằng những hướng dẫn này sẽ quy định cụ thể về căn cứ tính thuế cho mục đích khấu trừ thuế. Nếu các ngân hàng thương mại chỉ đơn giản là khấu trừ thuế dựa trên số tiền trả từ khách hàng Việt Nam, điều này có thể dẫn đến căn cứ tính thuế bị sai hoặc đánh thuế hai lần.</p> <p>Thuế suất khấu trừ thuế là khác nhau phụ thuộc vào bản chất của việc thanh toán. Do các ngân hàng thương mại không phải là các bên trong giao dịch giữa khách hàng Việt Nam và các tổ chức kinh doanh thương mại điện tử nước ngoài, điều này sẽ gây ra nhiều khó khăn cho các ngân hàng thương mại để đảm bảo việc khấu trừ thuế đúng. Nếu như các ngân hàng thương mại khấu trừ sai số thuế phải nộp, ai sẽ người chịu các trách nhiệm về nghĩa vụ thuế?</p> <p>Cuối cùng, các tổ chức kinh doanh thương mại điện tử nước ngoài sẽ yêu cầu miễn giảm thuế theo hiệp định thuế sẽ như thế nào nếu các ngân hàng thương mại có quyền khấu trừ thuế? Hiện tại, các bên Việt Nam/các khách hàng có nghĩa vụ khấu trừ, khai và nộp thuế cho các nhà thầu nước ngoài sẽ nộp hồ sơ thông báo miễn giảm thuế theo hiệp định cho các nhà thầu nước ngoài. Nếu nghĩa vụ khấu</p>		<p>chi tiết ở văn bản dưới luật. Vấn đề này cũng sẽ không mâu thuẫn với TT103 vì sau khi Luật ban hành thì văn bản Luật sẽ là văn bản cao nhất. Các hướng dẫn ở TT103 có hướng dẫn khác sẽ phải điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		trừ, khai và nộp thuế chuyển sang cho các ngân hàng thương mại, câu hỏi ở đây là ai sẽ là người nộp thông báo miễn giảm thuế theo hiệp định, người mua hàng Việt Nam/khách hàng Việt Nam hay các ngân hàng thương mại?		
12.		Chúng tôi chưa thấy có qui định về việc các hoạt động thương mại điện tử do các tổ chức và cá nhân nước ngoài cung cấp sẽ có chịu thuế ở Việt Nam hay không. Nhóm công tác của OECD về Kinh tế số (TFDE) đang đi tới sự đồng thuận về giải pháp quốc tế chung cho những thách thức về thuế trong nền kinh tế số đến năm 2020.	Chúng tôi kiến nghị Việt Nam tham gia vào việc xây dựng và thực thi các kiến nghị chính sách chung của TFDE, tránh vội vàng đi đến quyết định đơn phương. Vì điều này có thể gây ảnh hưởng đến suy giảm tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam.	
13.		Chúng tôi rất mong Chính phủ Việt Nam tuân theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất khi quyết định áp dụng và thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh điện tử. Tuân thủ các tiêu chuẩn OECD và thông lệ tốt nhất toàn cầu là cách hiệu quả nhất để đảm bảo sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế dịch vụ sôi động của Việt Nam. Bên cạnh đó, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế còn giúp ngăn chặn việc đánh thuế hai lần trên cùng một giao dịch và tăng tỷ lệ áp dụng và tuân thủ của các công ty toàn cầu vì họ đã tuân thủ các loại thuế tương tự ở các quốc gia khác và đã trải qua quá trình điều chỉnh hệ thống để thu thuế.	Thuế gián tiếp Báo cáo Tổng kết Hành động 1 của Dự án BEPS do OECD đề xuất, G20 thông qua vào năm 2015 đưa ra khuyến nghị các quốc gia nên áp dụng các nguyên tắc trung lập, hiệu quả, chắc chắn và đơn giản, hiệu quả, công bằng và linh hoạt khi xem xét cơ chế thu thuế VAT/GST (thuế hàng hóa và dịch vụ) đối với các giao dịch xuyên biên giới. Để thực hiện điều này, nhiều quốc gia đã chọn mô hình thu qua nhà cung cấp không cư trú (nghĩa là các nhà cung cấp không cư trú đăng ký VAT ở các nước sở tại). Bên cạnh đó, báo cáo	

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			<p>OECD ngày 24/10/2017¹ dựa trên nghiên cứu, phân tích và kinh nghiệm về các khu vực tài phán đã thực hiện cơ chế đơn giản hóa cũng nhấn mạnh “việc thực hiện thống nhất các cơ chế đăng ký và thu thuế đơn giản hóa tại các khu vực tài phán dựa trên cách tiếp cận của những thông lệ tốt nhất, có thể giúp tăng cường tuân thủ của các nhà cung cấp nước ngoài và hỗ trợ cơ quan thuế thực thi chức năng thông qua việc tạo thuận lợi hợp tác hành chính quốc tế.</p> <p>Trước thực trạng đó và những thách thức đáng kể trong việc thực hiện mô hình trung gian tài chính, chúng tôi khuyến nghị Việt Nam cũng thực hiện mô hình thu và nộp trên cơ sở yêu cầu các nhà cung cấp không cư trú thu và nộp lại tiền thuế. Yêu cầu đối với các trung gian tài chính có thể được đưa ra như một biện pháp dự phòng để đảm bảo rằng trong trường hợp nhà cung cấp không cư trú không tuân thủ thì trung gian tài chính có thể khấu trừ và nộp lại tiền thuế để đảm bảo sân chơi bình đẳng cho tất cả các nhà cung cấp. Vui lòng tham khảo Phụ lục đính kèm bao gồm các khuyến nghị về thông lệ quốc tế tốt nhất trong việc thu thuế đối</p>	

¹ Báo cáo của OECD ngày 24/10/2017 “Cơ chế thu thuế VAT/GST hiệu quả khi nhà cung cấp không nằm trong khu vực tài phán của cơ quan thuế”

<http://www.oecd.org/tax/consumption/mechanisms-for-the-effective-collection-of-vat-gst.htm>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			với các dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới thông qua mô hình thu thuế từ nhà cung cấp không cư trú. Chúng tôi đề nghị Chính phủ Việt Nam cân nhắc kỹ lưỡng những ưu điểm của mô hình thu qua trung gian tài chính và chọn mô hình thu qua nhà cung cấp không cư trú có uy tín quốc tế về hiệu quả hoạt động.	
14.	Khoản 2a Điều 33	Giấy phép hoạt động hoặc Chứng nhận thành lập thường không được nhận vào đúng ngày ghi trên chứng nhận. Phải mất một thời gian dài doanh nghiệp mới nhận được giấy chứng nhận vì vậy sẽ rất khó để có thể đăng ký thuế với cơ quan thuế trong vòng 10 ngày làm việc.	Thời hạn nên là 10 ngày kể từ ngày doanh nghiệp thực sự nhận được giấy phép hoạt động thay vì ngày ghi trên hồ sơ.	Nếu với kiến nghị trên thì chúng tôi không thể kiểm soát ngày đó là ngày nào, thời gian 10 ngày trên hồ sơ là thời gian đủ dài để kê khai nộp hồ sơ lên cơ quan thuế. Nếu trong trường hợp doanh nghiệp không nhận được đúng thời hạn như quy định thì doanh nghiệp phải có phản ánh với cơ quan cấp giấy phép hoạt động thành lập. Thời gian 10 ngày làm việc xin giữ lại như đề xuất trong dự thảo luật.
15.	Điều 35. Sử dụng mã số thuế 6. Khi bên Việt Nam chi trả tiền cho tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuyên biên giới dựa trên nền tảng trung gian kỹ thuật số không hiện diện tại Việt Nam phải sử dụng mã số thuế đã cấp cho tổ chức, cá nhân này để khấu trừ, nộp thay	Điểm này đã được quy định trong khoản 3, Điều 27 theo đó trách nhiệm khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam thuộc về trách nhiệm của ngân hàng thương mại	Đề xuất bỏ điểm này và bổ sung thêm trường hợp này trong khoản 3, Điều 27	Tuy nhiên ở đây chúng tôi thấy rằng khoản 3 điều 27 quy định trách nhiệm của ngân hàng thương mại (“NHTM”) khấu trừ thay nghĩa vụ thuế. Còn ở khoản 6 Điều 35 là quy định về trách nhiệm của NHTM sử dụng mã số thuế đã cấp cho tổ chức cá nhân có nghĩa vụ thuế để ghi trên chứng từ khấu trừ nộp thuế. Đây là hai nghĩa vụ thuế khác nhau, Chúng tôi xin phép giữ nguyên dự thảo ở điểm này.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
16.	Khoản 2 Điều 41	Lỗi chính tả: Cơ quan thuế thực hiện xử hồ sơ đăng ký thuế:	Đề xuất: Cơ quan thuế thực hiện xử lý hồ sơ đăng ký thuế	
17.	<p>Điều 42.4. Nguyên tắc khai thuế và tính thuế</p> <p>4. Nguyên tắc kê khai xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết:</p> <p>a) Kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất quyết định hình thức để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập.</p> <p>b) Giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế</p> <p>c) Người nộp thuế có quy mô nhỏ, rủi ro thấp được miễn thực hiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này và được áp dụng cơ chế đơn giản hoá trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết”</p>		<p><i>Để nhất quán giữa các luật, đồng thời có tiêu chí rõ ràng cho đối tượng này, tránh sau này có tranh cãi khi xác định đối tượng được miễn thực hiện, chúng tôi đề nghị xác định thay tiêu chí «người nộp thuế có quy mô nhỏ» bằng tiêu chí « Xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa » tham chiếu tới Luật số 04/2017/QH14 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/06/2017, trong đó đã quy định:</i></p> <p><i>“Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa</i></p> <p><i>1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:</i></p> <p><i>a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;</i></p> <p><i>b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.</i></p> <p><i>2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.</i></p> <p><i>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”</i></p>	<p>Chúng tôi đã nghiên cứu thông lệ quốc tế, theo đó để giảm gánh nặng tuân thủ cho nhóm người nộp thuế quy mô nhỏ, rủi ro thấp về chuyển giá trốn tránh thuế, đa số các cơ quan thuế các nước có quy định về giá chuyển nhượng, đều xây dựng cơ chế đơn giản hoá nghĩa vụ kê khai và xác định giá trị giao dịch liên kết cho nhóm đối tượng này.</p> <p>Các tiêu chí cần được xây dựng phù hợp với thực tiễn kinh doanh người nộp thuế và khả năng quản lý của cơ quan thuế vì thế các tiêu chí về người nộp thuế có quy mô nhỏ, rủi ro thấp sẽ được quy định ở các văn bản dưới luật để đảm bảo tính linh hoạt với nhu cầu thực tế. Các văn bản luật chỉ đưa ra nguyên tắc tổng quát để triển khai các văn bản dưới luật.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			<p>Chính phủ cũng đã có Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 quy định chi tiết Điều 4 này.</p> <p>Đề xuất bổ sung quy định về tiêu chí xác định “người nộp thuế có rủi ro thấp” là trường hợp không bị phạt trốn thuế trong vòng 02 năm trở lại.</p>	
18.	<p>Điều 42.5 Nguyên tắc khai thuế và tính thuế</p> <p>5. Nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp giá tính thuế</p> <p>a) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận đơn phương, song phương và đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ có liên quan</p> <p>b) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trước khi thực hiện</p>	<p>Theo Thông tư 201/2013/TT-BTC được ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2013 với quy định cơ chế là Bộ Tài chính có thẩm quyền phê duyệt phương án đàm phán, ký kết, sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA, tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, do nhiều nguyên nhân khách quan khách nhau mà chưa có APA nào được phê duyệt và công bố.</p> <p>Theo thông lệ quốc tế, thẩm quyền phê duyệt, ký kết, sửa đổi, gia hạn hay hủy bỏ APA được phân quyền cho các cơ quan có thẩm quyền (Competent authority). Các cơ quan này thường là các tổng cục thuế và/hoặc các cơ quan thuế địa phương quản lý trực tiếp người nộp thuế. Chúng tôi xin đưa ra một vài ví dụ điển hình tại các quốc gia trong khu vực và trên thế giới dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Indonesia Thẩm quyền được trao cho là Tổng cục trưởng tổng cục thuế (Director General of taxation) • Trung Quốc Thẩm quyền được trao cho Cơ quan thuế tại các Bang (The State 	<p>Việc áp dụng quy định này sẽ hạn chế doanh nghiệp thực hiện vì trường hợp nào cũng phải đi xin phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ sẽ dẫn đến ách tắc, chậm trễ thời gian thực hiện, đặc biệt là khi hiện tại chưa có bất kỳ APA nào được phê duyệt và công bố. Do đó, chúng tôi đề nghị Ban soạn thảo xem xét và tính toán ảnh hưởng liệu quy định này có làm đẩy nhanh tiến độ được phê duyệt các APA mà người nộp thuế đề xuất hay không và tác động của sửa đổi này trong việc thực hiện, xử lý các hồ sơ APA của người nộp thuế?</p>	<p>Chúng tôi tiếp thu ý kiến của VBF và dự thảo đã hoàn thiện lại khoản 6 điều 42.</p> <p>Theo hướng nguyên tắc khai thuế đối với thỏa thuận trước về phương pháp giá tính thuế. Việc áp dụng phương pháp thỏa thuận trước được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận song phương, đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế các nước và vùng lãnh thổ có liên quan.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>Administration of Taxation ('SAT') và cơ quan thuế địa phương (gọi chung là cơ quan thuế)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhật Bản Thẩm quyền được trao cho Cục thuế quốc gia (National Tax Agency ('NTA')) và các cục thuế địa phương. • Ấn Độ Thẩm quyền được trao cho Cơ quan thuế Trung Ương (Central Board of Direct Taxes) • Hong Kong Thẩm quyền được trao Cơ quan quản lý thuế nội địa ('Inland revenue Department') • Úc Thẩm quyền được trao cho Bộ tài chính và các cơ quan thuế địa phương quản lý Người nộp thuế (Ministry of Finance and the Taxpayer's local tax office (gọi chung là các cơ quan thuế). 		
19.		<p>Điều này yêu cầu thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) phải được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trước khi thực hiện.</p> <p>APA hoàn toàn là một vấn đề về thuế mà nằm trong quyền hạn của Tổng Cục Thuế và Bộ Tài Chính. Nó sẽ không khả thi và đi ngược lại thông lệ quốc tế nếu Thủ tướng Chính phủ phải phê duyệt các APA</p>	<p>Quy định này nên bỏ khỏi dự thảo. Thay vào đó, việc chấp thuận APA sẽ thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế như đang được thực hiện hiện nay.</p>	<p>Sửa đổi điểm c) theo hướng: “Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước khi thực hiện. Đối với các thỏa thuận song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.”</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		của hàng trăm hoặc hàng ngàn người nộp thuế ở Việt Nam. Nó cũng tạo nên nhiều thủ tục hành chính không cần thiết cho việc quản lý thuế.		
20.	Điều 42.4.b	<p>Điều này yêu cầu điều chỉnh giá của giao dịch liên kết theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế.</p> <p>Có rất nhiều trường hợp người nộp thuế cần phải điều chỉnh giảm để giảm lợi nhuận mà vẫn nằm trong khung giá thị trường bởi vì việc ước tính từ đầu năm làm tăng lợi nhuận của người nộp thuế và vượt ra ngoài biên lợi nhuận theo giá thị trường. Việc điều chỉnh giảm biên độ lợi nhuận (thông qua phiếu ghi nợ / ghi có) cho công ty tại Việt Nam là đảm bảo giá thị trường phù hợp cho tất cả các doanh nghiệp liên kết trong tập đoàn.</p> <p>Điều khoản này sẽ chỉ cho phép việc điều chỉnh tăng biên độ lợi nhuận nhưng lại không cho phép điều chỉnh giảm biên độ lợi nhuận theo như những lý do nêu trên mặc dù việc điều chỉnh giảm vẫn đảm bảo giá thị trường trong giao dịch liên kết của công ty ở Việt Nam.</p>	Sửa lại Điều này bằng cách bỏ điều kiện việc điều chỉnh không được làm giảm thu nhập chịu thuế. Thay vào đó, Điều này nên quy định rằng giá của giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập theo nguyên tắc về giá thị trường.	
21.	Điều 43: Hồ sơ khai thuế 3. Hồ sơ khai thuế đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm bao gồm:	Việc yêu cầu người nộp thuế phải nộp các tài liệu khác liên quan đến xác định số thuế phải nộp đối với hồ sơ khai thuế	Đề xuất làm rõ hồ sơ khai thuế năm/quyết toán thuế khi kết thúc năm gồm tờ khai thuế và các phụ lục kèm	Tại điều 42 dự thảo Luật đã quy định hồ sơ khai thuế sẽ theo quy định của Bộ Tài chính. Thông tin cụ thể sẽ được

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<p>a) Hồ sơ khai thuế năm gồm tờ khai thuế năm và các tài liệu khác liên quan đến xác định số thuế phải nộp;</p> <p>b) Hồ sơ khai quyết toán thuế khi kết thúc năm gồm tờ khai quyết toán thuế năm, báo cáo tài chính năm, tờ khai giao dịch liên kết và các tài liệu khác liên quan đến quyết toán thuế.</p>	<p>năm/khai quyết toán thuế thì khá rộng, có thể bao gồm các biểu mẫu đi kèm theo quy định, và kể cả các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan.</p>	<p>theo tờ khai thuế năm theo quy định của BTC.</p>	<p>quy định rõ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p>
22.	<p>Điều 44: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế</p> <p>2. Đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm:</p> <p>a) Chậm nhất là ngày thứ ba mươi của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm;</p> <p>b) Chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm.”</p>	<p>Đối với hồ sơ và thời hạn khai quyết toán thuế Thu nhập Doanh nghiệp :</p> <p>Việc quy định Doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán thuế TNDN, và các tài liệu về thông tin giao dịch liên kết, ... có cùng một thời hạn nộp (chậm nhất ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính) đã không còn phù hợp với tình hình thực tế cũng như thông lệ quốc tế, cụ thể như sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Việc nộp báo cáo tài chính và hồ sơ quyết toán thuế cùng một thời điểm gây áp lực rất lớn cho Doanh nghiệp vì quyết toán thuế TNDN phải dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Hệ quả là doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt nghĩa vụ của mình. Và để kịp thời hạn thì nhiều Doanh nghiệp thường phải tạm nộp tờ khai quyết toán thuế dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, rồi sau đó lại lập tờ khai điều chỉnh và nộp bổ sung sau đó, như vậy làm tăng đáng kể thủ tục hành chính đối với 	<p>Đề xuất xem xét, sửa đổi lại quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế, ví dụ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế năm thuế TNDN sẽ là 90 ngày kể từ sau thời hạn nộp Báo cáo tài chính của Doanh nghiệp - Thời hạn nộp thông tin, hồ sơ giao dịch liên kết sẽ là 180 ngày (hoặc 1 năm) kể từ sau thời hạn nộp Báo cáo tài chính của Doanh nghiệp 	<p>Tờ khai giao dịch liên kết là một phần của hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kê khai điều chỉnh giá giao dịch liên kết được tổng hợp lên tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp để tính số thuế phải nộp trong năm tài chính. Do đó tách tờ khai giao dịch liên kết với thời hạn khác với thời hạn kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp thì không phản ánh chính xác nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp liên kết tại thời điểm quyết toán.</p> <p>Nếu quy định doanh nghiệp liên kết nộp hồ sơ quyết toán thuế theo thời hạn khác với doanh nghiệp khác thì thể hiện sự phân biệt đối xử.</p> <p>Nếu trong tờ khai giao dịch liên kết nộp sau tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp thì sẽ khó khăn cho công tác quản lý và ảnh hưởng đến kế hoạch thanh tra kiểm tra đối với các doanh nghiệp liên kết.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>doanh nghiệp, đồng thời tăng khối lượng công việc đối với cơ quan thuế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thông lệ quốc tế : <ul style="list-style-type: none"> ✓ Indonesia : Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN là tháng thứ 4 kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính và có thể gia hạn thêm 02 tháng. ✓ Pháp : Thời hạn nộp thông tin về giao dịch liên kết được nộp sau 06 tháng kể từ thời điểm nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN ✓ Italy : Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN là cuối tháng thứ 9 kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính ✓ Malaysia : Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN trong vòng 7 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính ✓ Canada : Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính ✓ Trung Quốc : Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN, và thông tin giao dịch liên kết là trong vòng 		<p>Mặt khác quy định nộp tờ khai giao dịch liên kết cùng tờ khai quyết toán thuế TNDN được thực hiện ổn định từ khi ban hành Thông tư 117 năm 2015, và hầu hết các doanh nghiệp không phản ứng vướng mắc với thời hạn nộp hồ sơ tính thuế này. Vì vậy chúng tôi vẫn giữ thời hạn nộp như vậy.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>5 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính</p> <p>Như vậy, theo thông lệ quốc tế, các nước thông thường cho phép các doanh nghiệp có thêm thời gian để tính toán, kê khai và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra, tờ khai thuế TNDN đi kèm với kê khai thông tin giao dịch liên kết bao gồm hồ sơ quốc gia, và hồ sơ tập đoàn. Việc thu thập đủ thông tin để điền vào các form mẫu này, đặc biệt là hồ sơ tập đoàn là không khả thi vì rất nhiều trường hợp báo cáo tài chính hợp nhất chưa có. Do vậy, việc quy định phải nộp các hồ sơ này cùng thời điểm với thời điểm nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN (ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp) là rất gấp gáp và không phù hợp với tình hình thực tế của các Doanh nghiệp.</p>		
23.	<p>Điều 44: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế</p> <p>2. Đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm:</p> <p>c) Chậm nhất là ngày thứ một trăm hai mươi (120), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế</p>		<p>Dự thảo chỉ đề cập đến thời hạn của năm dương lịch mà không đề cập đến trường hợp quyết toán văt năm hoặc khi về nước thì chưa có quy định tại dự thảo. Theo đề xuất của chúng tôi thì nên bỏ kỳ tính thuế 12 tháng liên tục của người nước ngoài đối với thuế TNCN để giảm thiểu các thủ tục hành chính cũng như phải theo dõi số thuế trùng do giai đoạn văt năm cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.</p>	<p>Dự thảo luật chỉ quy định nguyên tắc chung về thời hạn khai thuế còn các quy định hướng dẫn cụ thể cho từng đối tượng, từng sắc thuế thì sẽ quy định tại các văn bản dưới luật.</p> <p>Tổng cục thuế sẽ nghiên cứu ý kiến của VBF để nghiên cứu để hoàn thiện các văn bản dưới luật cho phù hợp với thực tế.</p>
24.	<p>Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế</p>	<p>Hai điểm này có phần không nhất quán khi khoản 1 yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung trong thời hạn 10 (năm) nhưng</p>	<p>Đề xuất sửa đổi như sau để thống nhất :</p>	<p>Chúng tôi nghiên cứu và sửa lại theo hướng:</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<p>1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra</p> <p>2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.</p> <p>.. Đối với trường hợp này thì người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi khai sai nhưng phải nộp bổ sung 10% trên số tiền thuế khai thiếu.</p>	<p>phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh kiểm tra, còn khoản 2 lại cho phép người nộp thuế vẫn được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế đã ban hành kết luận, quyết định xử lý thuế sau thanh kiểm tra tại doanh nghiệp</p>	<p>Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế</p> <p><i>1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra</i></p> <p>Ngoài ra, để khuyến khích doanh nghiệp tự giác, chủ động rà soát để kê khai bổ sung thuế thiếu (nếu có), đề xuất không yêu cầu nộp bổ sung 10% trên số tiền thuế khai thuế sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế</p>	<p>- Giữ nguyên khoản 1: “trong thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh kiểm tra”.</p> <p>- Khoản 2 sửa là: khi CQ thuế, CQ có thẩm quyền đã quyết định thanh tra kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế và bị xử lý vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại điều 143, 144 của luật này. Sau khi CQ thuế, CQ có thẩm quyền đã ban hành kết luận xử lý về thuế sau thanh kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với trường hợp làm tăng số tiền thuế phải nộp, giảm số thuế được khấu trừ, hoặc giảm số tiền thuế được miễn giảm/hoàn và bị xử lý vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Điều 143, 144 của luật này. Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ thuế có sai sót làm giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn giảm thì thực hiện theo quy định giải quyết khiếu nại về thuế.</p>
25.	Điều 48	<p>Thể nào được gọi là “hồ sơ đầy đủ” để Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ thuế.</p>	<p>Cần có quy định về khái niệm: “hồ sơ đầy đủ” để cho việc tiếp nhận hồ sơ thuế được diễn ra minh bạch, rõ ràng, tránh trường hợp người nộp thuế đã chuẩn bị đủ hồ sơ theo yêu cầu của quy</p>	<p>Tại điều 43 của dự thảo luật đã quy định hồ sơ khai thuế bao gồm các tài liệu trong hồ sơ khai thuế và hiện nay hầu hết người nộp thuế nộp hồ sơ khai</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			định pháp luật nhưng vẫn bị từ chối với những lý do không có trong Luật.	thuế đầy đủ theo thủ tục quy định của pháp luật. Tiếp thu khuyến nghị của VBF thì chúng tôi sẽ chỉnh lý điều 48 theo hướng: Cơ quan quản lý thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ khai thuế. Trường hợp hồ sơ hợp pháp đúng mẫu quy định, CQ quản lý thuế thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế. Trường hợp hồ sơ không hợp pháp, không đủ thành phần hồ sơ, không đúng mẫu quy định, chậm nhất trong thời hạn 3 ngày làm việc CQ quản lý thuế thông báo người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ khai thuế.
26.	Điều 50. Ân định thuế đối với người nộp thuế nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế	Đề nghị thêm cụm từ “trừ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu” vào sau cụm “Ân định thuế” vì đã có quy định riêng tại Điều 52	Điều 50. Ân định thuế (trừ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) đối với người nộp thuế nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế	Tiếp thu ý kiến của VBF và chúng tôi đã chỉnh lý điều 50: Ân định thuế (trừ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.
27.	Điều 50. 1. Người nộp thuế bị ân định thuế trong các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế sau đây: a) Không đăng ký thuế, không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế		Đề xuất bỏ quy định này do dễ lẫn với trường hợp khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, gây tranh cãi khi thực thi sau này.	Chúng tôi thấy rằng điều 50 quy định về ân định thuế, khác với quy định điều 143, 144 của dự thảo luật quy định về hành vi vi phạm hành chính về thuế. Do đó chúng tôi xin đề xuất giữ lại điều này để thực hiện trong trường hợp ân định thuế.
28.	Điều 50. 1. e) Mua, trao đổi hàng hoá sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn mà hàng hoá là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế	Thông thường, người mua hàng rất khó có thể biết được hoá đơn của người bán có là hoá đơn bất hợp pháp hay không (trừ khi 100% đối tượng nộp thuế đã sử dụng hoá đơn điện tử và có thể tra cứu trên hệ thống website của ngành thuế).	Đề xuất chỉ nên ân định và phạt vi phạm hành chính đối với người bán do có hành vi sử dụng hoá đơn bất hợp pháp. Còn đối với người mua, thì nếu chứng minh được việc mua hàng hóa, dịch vụ là có thật, kèm theo các hồ sơ,	Hiện nay dự thảo luật về quản lý thuế quy định ân định thuế trong trường hợp mua bán trao đổi hàng hóa sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn mà hàng hoá là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền để kê khai doanh thu tính thuế.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>Ngoài ra, trên thực tế, cơ quan thuế xử lý coi trường hợp hóa đơn bất hợp pháp bao gồm cả trường hợp hóa đơn bị cơ quan thuế công bố hết hiệu lực (có thể do doanh nghiệp nợ thuế) hoặc hóa đơn của doanh nghiệp bỏ trốn. Tuy nhiên, rất nhiều trường hợp doanh nghiệp có giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ <u>thực tế</u>, nhận hóa đơn, chuyển khoản qua ngân hàng nhưng tại thời điểm diễn ra hoạt động mua bán, doanh nghiệp bán vẫn tồn tại và chưa bỏ trốn/chưa có công bố từ cơ quan thuế/công an về việc doanh nghiệp bỏ trốn; hoặc việc công bố hóa đơn của người bán hết hiệu lực không nằm trong tầm kiểm soát của người mua (dù người bán đã kê khai/nộp thuế hay chưa) [việc công bố của cơ quan thuế trên website của TCT thông thường không thể kịp thời tại thời điểm người bán phát hành hóa đơn cho người mua]. Trường hợp này ấn định thuế/không cho khấu trừ thuế GTGT, chi phí thuế TNDN đối với người mua là không hợp lý.</p>	<p>chứng từ theo quy định thì vẫn nên được khấu trừ. Ngoài ra, đề xuất luật nêu nguyên tắc và hướng dẫn chi tiết tại Nghị định/Thông tư để xử lý công bằng cho doanh nghiệp theo hướng: không ấn định/kết luận không khấu trừ thuế GTGT/chi phí thuế TNDN nếu thực tế doanh nghiệp chứng minh có hoạt động mua bán hàng hóa, chuyển khoản cho người bán trước thời điểm cơ quan nhà nước công bố về trường hợp người bán bỏ địa chỉ kinh doanh/hóa đơn của người bán hết hiệu lực. Cụ thể, đề xuất sửa đổi như sau: <i>“...e) Bán, trao đổi hàng hoá sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn theo hướng dẫn của Chính phủ mà hàng hoá là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế.”</i></p>	<p>Điều này đã đáp ứng được ý 1 do VBF đề xuất. Về điều thứ 2, chúng tôi đã tiếp thu ý kiến về nội dung này và sẽ giao Chính phủ quy định cụ thể để việc áp dụng rõ ràng hơn ở văn bản dưới luật.</p>
29.	<p>Điều 50. 1. i) Có phát sinh giao dịch liên kết, không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai điều chỉnh và cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.</p>	<p>Dự thảo nêu ra trường hợp người nộp thuế bị ấn định do <i>“i) Có phát sinh giao dịch liên kết, không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai <u>điều chỉnh</u> và cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.”</i>, điều này dẫn tới trường hợp người nộp thuế điều chỉnh thuế chưa phù hợp cũng dẫn tới bị ấn định thuế, do đó nên</p>	<p>Đề nghị sửa thành: “i) Có phát sinh giao dịch liên kết, không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai và cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, chúng tôi đã chỉnh lý lại theo kiến nghị của VBF.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		sửa cụ thể thành không hành vi tuân thủ nghĩa vụ kê khai.		
30.	Điều 52. Ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu 1. Cơ quan hải quan ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây: a) Người khai thuế dựa vào các tài liệu không hợp pháp để khai thuế, tính thuế; không khai thuế hoặc kê khai không chính xác, đầy đủ về các nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; b) Quá thời hạn quy định người khai thuế không cung cấp, từ chối hoặc trì hoãn, kéo dài việc cung cấp các hồ sơ, sổ kế toán, tài liệu, chứng từ, dữ liệu, số liệu liên quan để đến việc xác định chính xác số thuế phải nộp theo quy định		Đề xuất bỏ từ “kéo dài” vì nghĩa giống “trì hoãn”.	Tiếp thu, hoàn chỉnh điều này trong dự thảo luật.
31.	Điều 52.1 c) Không chứng minh, giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật ; không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan hải quan	Nhiều trường hợp cơ quan hải quan khi kiểm tra, chỉ đưa ra yêu cầu chung chung là doanh nghiệp phải nộp hồ sơ, tài liệu liên quan mà không nêu rõ cần loại tài liệu, chứng từ gì khiến doanh nghiệp lúng túng và khó đáp ứng yêu cầu, nên có thể dẫn đến bị quy kết là trì hoãn việc cung cấp các hồ sơ ... phục vụ cho xác định nghĩa vụ thuế	Đề xuất sửa lại thành “Không chứng minh, giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung theo yêu cầu cụ thể của cơ quan hải quan để xác định chính xác hệ quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật...”	Tiếp thu, hoàn chỉnh điều này trong dự thảo luật.
32.	Điều 52.2. Căn cứ ấn định Cơ quan hải quan căn cứ hàng hoá thực tế xuất khẩu, nhập khẩu; căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế; cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế và		Đề xuất sửa lại thành “... tài liệu và các thông tin khác có liên quan hàng hóa đến giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu để ấn định số thuế phải nộp...”	Qua rà soát, chúng tôi thấy rằng theo quy định của luật hải quan, đối tượng quản lý của hải quan là hàng hoá xuất nhập khẩu. Do vậy căn cứ ấn định thuế phải dựa vào tài liệu và các thông tin

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	cơ sở dữ liệu thương mại; hồ sơ khai báo hải quan; tài liệu và các thông tin khác có liên quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để ấn định số thuế phải nộp			khác có liên quan đến hàng hoá xuất nhập khẩu. Bao gồm cả giao dịch xuất nhập khẩu. Điều này được bao hàm trong quy định của luật hải quan. Do đó chúng tôi không bổ sung thêm chi tiết.
33.	<p>Điều 55 Thời hạn nộp thuế</p> <p>4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</p> <p>Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã thông quan phát sinh số thuế phải nộp tăng thêm hoặc cơ quan hải quan ấn định thuế sau thông quan, thì thời hạn nộp tiền thuế khai bổ sung, nộp tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai đó. Ngoài việc nộp đủ tiền thuế khai bổ sung tăng thêm, tiền thuế ấn định, người nộp thuế còn phải nộp tiền chậm nộp tính từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định (nếu có).</p>	Trên thực tế khi khai hồ sơ hải quan, do quy định không rõ ràng dẫn đến cách hiểu và áp dụng của doanh nghiệp có thể khác với cơ quan hải quan. Vì vậy sau khi được hướng dẫn chi tiết để hiểu rõ hơn, doanh nghiệp khai bổ sung và có thể dẫn đến nghĩa vụ thuế tăng lên so với số thuế đã khai ban đầu. Nếu coi đây là hành vi vi phạm pháp luật thì sẽ ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp.	<p>Cách quy định tại khoản 2, Điều 47 hợp lý hơn, theo đó đề xuất sửa tương tự khoản 2, Điều 47 để đảm bảo đối xử công bằng giữa các sắc thuế: “2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền hải quan đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế đã được hoàn, giảm số thuế được miễn, giảm thuế, người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số thuế còn thiếu, tiền chậm nộp.</p> <p>Đối với trường hợp này thì người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi khai sai nhưng phải nộp bổ sung 10% trên số tiền thuế khai thiếu.”</p> <p>Ngoài ra quy định về khai bổ sung hồ sơ hải quan mới chỉ đề cập đến trường hợp phát sinh số thuế phải nộp tăng thêm. Liệu có thể hiểu những trường hợp không dẫn đến phát sinh thêm nghĩa vụ thuế mà chỉ là các yếu tố liên quan đến hàng hóa hay giao dịch (vd: điều chỉnh số lượng/giá cả hàng xuất khẩu; điều chỉnh số lượng hàng nhập</p>	Chúng tôi đã tiếp thu để điều chỉnh điều về khai bổ sung hàng hoá xuất nhập khẩu.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			khẩu được miễn thuế; điều chỉnh khoản giảm giá hàng nhập khẩu nhưng không thay đổi nghĩa vụ thuế, v.v) thì không cần khai bổ sung để giảm thiểu thủ tục hành chính?	
34.	<p>Điều 55. Thời hạn nộp thuế</p> <p>4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</p> <p>...Thời hạn nộp tiền thuế phát sinh thuộc các trường hợp: hàng hóa phải giám định; hàng hóa chưa có giá chính thức; hàng hóa phải nộp tiền thuế phí bản quyền, phí giấy phép; khoản tiền do người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng nhập khẩu không xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai thực hiện như sau:</p> <p>... c) Đối với hàng hóa phải nộp thuế của phí bản quyền, phí giấy phép và khoản tiền do người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng nhập khẩu không xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai (do phụ thuộc vào doanh thu bán hàng sau nhập khẩu hay lý do khác được quy định cụ thể tại hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc văn bản thỏa thuận riêng về việc trả phí bản quyền, phí giấy phép) thời</p>	<p>Các trường hợp “phí bản quyền, phí giấy phép; khoản tiền do người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng nhập khẩu” đều thuộc các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá giao dịch theo quy định về Trị giá hải quan. Việc quy định riêng về thời hạn nộp tiền thuế khai bổ sung cho các khoản này không đảm bảo công bằng vì thực tế các khoản điều chỉnh cộng khác, mặc dù ít xảy ra nhưng vẫn có thể phát sinh sau thời điểm thông quan/giải phóng hàng nên không thể xác định ngay tại thời điểm đăng ký tờ khai</p>	<p>Đề nghị quy định chung cho tất cả các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan nhưng không xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu: thời hạn nộp thuế là ngày đăng ký tờ khai bổ sung sau thông quan và không xử lý vi phạm pháp luật</p>	<p>Chúng tôi đã tiếp thu để điều chỉnh điều về khai bổ sung hàng hoá xuất nhập khẩu.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	hạn nộp thuế là ngày đăng ký tờ khai bổ sung sau thông quan			
35.	Khoản 3 Điều 59	<p>Điều này chỉ đưa ra khung thời gian để tính khoảng thời gian nộp chậm đối với các số tiền thuế do cơ quan hải quan <u>quản lý</u>, mà không đề cập đến việc áp dụng việc quản lý thuế của cơ quan khác ngoài cơ quan hải quan.</p> <p>Đồng thời, khung thời gian này được tính cho tới khi người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng nộp số thuế này vào ngân sách nhà nước. Điều này có thể gây nên mâu thuẫn với quy định tại Khoản 7 Điều 59 trong việc xác định nghĩa vụ phải nộp tiền chậm nộp, trong trường hợp cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng cũng phải chịu trách nhiệm đối với tiền chậm nộp nếu các tổ chức này chậm trễ chuyển tiền vào ngân sách nhà nước.</p>	<p>Điều này nên bỏ cụm từ "được quản lý bởi cơ quan hải quan".</p> <p>Đồng thời, khoản 3 nên được sửa lại nhằm tránh các mâu thuẫn liên quan đến việc nộp chậm như sau:</p> <p><i>"3. Số ngày chậm nộp đối với tiền thuế nợ được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong quyết định ấn định thuế và văn bản xử lý về thuế của cơ quan có thẩm quyền đến ngày liền kề trước ngày người nộp thuế nộp hoặc ủy quyền nộp, hoặc bị buộc nộp."</i></p>	
36.	Điều 60: Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa 3. Không trả lại số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh khoản số tiền nộp thừa trên sổ sách kế toán, trên hệ thống dữ liệu điện tử trong các trường hợp sau: c) Khoản nộp thừa quá thời hạn mười (10) năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp	Trên thực tế, có những doanh nghiệp có thuế GTGT đầu vào không được hoàn rất lớn của giai đoạn Thông t 130 có hiệu lực và chỉ được phép bù trừ và thời hạn bù trừ có thể kéo dài quá 10 năm, do vậy cần làm rõ điều này	Đề xuất: c) Khoản nộp thừa quá thời hạn mười (10) năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế (trừ thuế GTGT)	Chúng tôi thấy rằng luật quản lý thuế hiện hành và dự thảo luật quản lý thuế sửa đổi, dưới nguyên tắc không xử lý truy thu hành vi vi phạm quá thời hạn 10 năm. Tương tự với các khoản nộp thừa khấu trừ thuế quá thời hạn 10 năm, do đó trường hợp của VBF, theo TT130 số thuế này sẽ được bù trừ với số thuế phải nộp của các kỳ tính thuế tiếp theo nên sẽ không thuộc diện quá 10 năm chưa được kê khai thuế.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế.			Chúng tôi đề xuất giữ nguyên dự thảo điều này.
37.	Điều 61. Nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện 2. Trường hợp số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì người nộp thuế được hoàn trả số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp nộp thừa và được trả tiền lãi	Đa phần các trường hợp người nộp thuế có kết quả giải quyết khiếu nại dẫn đến được trả lại số tiền nộp thừa đều không được cơ quan thuế tự nguyện trả tiền lãi tính trên số tiền nộp thừa này.	Đề nghị quy định rõ cách tính tiền lãi hoặc tỷ lệ tính lãi trong trường hợp người nộp thuế được hoàn trả số tiền nộp thừa, tương tự như quy định về tính tiền chậm nộp thuế (0.03%/ngày/số thuế nộp thiếu)	Tiếp thu ý kiến của VBF và đã quy định bổ sung trong dự thảo luật quản lý thuế trong công tác giải quyết khiếu nại, chúng tôi đã có quy định bổ sung là: người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế trả lãi theo mức 0.03%/ngày tính trên số tiền thuế tiền phạt tiền chậm nộp, tiền nộp thừa, nguồn tiền trả lãi được chi trả bằng ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
38.	Điều 66. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế	Trên thực tế, cá nhân nước ngoài không thể tự kê khai nộp thuế tại Việt Nam vì toàn bộ hệ thống tờ khai, biểu mẫu, phần mềm kê khai thuế HTKK hiện nay là tiếng Việt, do đó người nước ngoài thường ủy quyền cho Công ty chi trả thu nhập hoặc đại lý thuế hỗ trợ kê khai thuế. Hơn nữa thời điểm cá nhân về nước có thể chưa xác định được đầy đủ thu nhập tính thuế. Mặt khác đối với cá nhân khác ở Việt Nam có thể có từ 90 ngày đến 120 để hoàn thành quyết toán thuế TNCN cho kỳ kê khai thuế năm. Như vậy, việc yêu cầu cá nhân nước ngoài phải sau khi chấm dứt hợp đồng ở Việt Nam phải ở tại Việt Nam chỉ để chờ thực hiện các thủ tục quyết toán thuế là chưa hợp lý, vì việc này có thể kéo dài từ 45 ngày đến 90 ngày để hoàn thành việc kê khai quyết toán thuế.	Đề nghị quy định rõ hơn trong luật cơ chế cho cá nhân trước khi rời khỏi Việt Nam có thể ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác quyết toán thay nghĩa vụ thuế TNCN tại Việt Nam.	Kiến nghị của VBF sẽ được trình vào trong quá trình xây dựng các văn bản dưới luật.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
39.	<p>Điều 67: Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động: 3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh mà không thông báo với cơ quan thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần thuế nợ còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp chịu trách nhiệm nộp</p>	<p>Căn cứ quy định tại Điều 47, Mục 1, Chương III, Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 hướng dẫn về Nghĩa vụ của thành viên của Công ty TNHH Hai thành viên trở lên: “Điều 47. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó: a) Thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50; b) Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này;” Căn cứ quy định tại Điều 73, Mục 2, Chương III, Luật Doanh nghiệp hướng dẫn về công ty TNHH Một thành viên như sau: “Điều 73. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.” Căn cứ quy định tại Điều 110, Chương V, Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 hướng dẫn về Công ty Cổ phần như sau: “Điều 110. Công ty cổ phần</p>	<p>Đề xuất không thay đổi và giữ nguyên như quy định hiện hành.</p>	<p>Chúng tôi thấy rằng việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp chấp hành đúng theo quy định của luật DN thì phần nghĩa vụ tài chính của chủ doanh nghiệp đối với khoản nợ thuế chịu trách nhiệm hữu hạn theo phần góp vốn. Tuy nhiên đối với doanh nghiệp mà chấm dứt hoạt động, bỏ trốn không theo quy định của pháp luật thì việc quy định nghĩa vụ tài chính của chủ DN đối với nghĩa vụ thuế của DN là cần thiết. Mặt khác tại luật quản lý thuế hiện hành quy định rõ DN chấm dứt hoạt động chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần nợ thuế còn lại do chủ sở hữu DN nộp. Quy định của dự thảo do đó cũng dựa trên cơ sở kế thừa, phù hợp với các quy định pháp luật khác liên quan. Chúng tôi sửa câu chữ như sau: “<i>Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh, chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần thuế nợ còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp chịu trách nhiệm nộp.</i>”</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:</p> <p>...</p> <p>b) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;</p> <p>c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;”</p> <p>Quy định sửa đổi này chỉ phù hợp với những Doanh nghiệp Tư nhân khi công ty/doanh nghiệp chỉ có một chủ sở hữu và cá nhân này sẽ phải chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ của công ty.</p> <p>Đối với những loại hình doanh nghiệp khác như: Công ty TNHH, Công ty Cổ phần ... sẽ có nhiều thành viên/cổ đông tham gia góp vốn và sẽ có chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn thực tế góp vào công ty. Việc quy định như dự thảo là đi ngược lại với nguyên tắc của Luật DN khi yêu cầu một số cá nhân phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ thuế cho DN.</p>		
40.	<p>Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế</p> <p>2. Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau, chậm nhất là bốn mươi (40) ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người</p>	<p>Quy định chỉ đề cập đến thời hạn xử lý hồ sơ hoàn thuế của cơ quan quản lý thuế mà không quy định thời hạn thực hiện hoàn trả tiền thuế nộp thừa; trong khi quy định về việc truy thu hoặc nộp bổ sung thuế đối với doanh nghiệp thì rất chặt chẽ.</p>	<p>Đề nghị bổ sung thêm quy định về thời gian (số ngày) cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả tiền thuế nộp thừa cho doanh nghiệp, vd: trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hoàn thuế. Ngoài ra, đề nghị quy định rõ là ngày làm việc hay ngày theo lịch</p>	<p>Chúng tôi thấy điều này đã được quy định tại điều 60 dự thảo luật: có quy định về xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và bao gồm cả tiền nộp thừa.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	nộp thuế; hoặc thông báo không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế			
41.	Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế, thanh tra thuế		Đề nghị bổ sung nguyên tắc: không kiểm tra, thanh tra chéo, trùng lặp về số lần thực hiện, nội dung, phạm vi và số lượng các đoàn thanh, kiểm tra.	Chúng tôi thấy rằng khoản 2, 3 điều 107 đã bao hàm nội dung này. Do đó chúng tôi xin giữ nguyên khoản 2, 3 điều 107 như dự thảo.
42.	Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế 2. Quyết định kiểm tra thuế phải được gửi cho người nộp thuế trong thời hạn ba (03) ngày làm việc và thực hiện công bố trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký. Trước khi công bố quyết định kiểm tra mà người nộp thuế chứng minh được số thuế đã khai là đúng và nộp đủ số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế bãi bỏ quyết định kiểm tra thuế.	Hiện nay không hề có quy định nào về thời hạn này. Rất nhiều cán bộ thuế chỉ mang quyết định vào ngày kiểm tra thuế. Người nộp thuế không thể chuẩn bị kịp. Cơ quan thuế địa phương thường nói rằng họ công bố thông tin cho người nộp thuế, tuy nhiên người nộp thuế không biết cách tiếp cận nguồn thông tin này do không có quy định.	Chúng tôi vô cùng mong muốn có quy định về thời hạn ít nhất 10 ngày cơ quan thuế cần gửi trước quyết định kiểm tra thuế trước khi bắt đầu tiến hành kiểm tra thuế. Đề xuất bổ sung quy định công bố danh sách đối tượng kiểm tra thuế cho năm tiếp theo vào cuối năm trước đó để người nộp thuế có thời gian chuẩn bị.	Trong dự thảo luật đã có quy định về thời gian để chuẩn bị hồ sơ tài liệu là 10 ngày kể từ ngày quyết định kiểm tra được ban hành. Trường hợp người nộp thuế cần thêm thời gian để chuẩn bị hồ sơ, người nộp thuế có văn bản đề nghị hoãn thời gian kiểm tra để chuẩn bị tài liệu theo quy định. Về đề xuất bổ sung quy định công bố danh sách đối tượng kiểm tra thuế cho năm tiếp theo: chúng tôi xin ghi nhận ý kiến này của VBF để có hướng dẫn tại các văn bản dưới luật.
43.	Điều 126. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế 1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bao gồm: ... d) Ngừng sử dụng hoá đơn ..3. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế được thực hiện như sau:	Việc sử dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn cho thấy nhiều bất cập trên thực tế. Trong trường hợp này, DN gần như không còn đường để tiếp tục hoạt động kinh doanh vì các đối tác sẽ không thanh toán tiền cho DN nếu không có hóa đơn. Trong khi đó, rất nhiều trường hợp DN vẫn đang thực hiện hợp đồng kinh tế với khách hàng. Biện pháp này cũng làm ảnh hưởng tới khách hàng của	Đề xuất xem lại cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn vì đây không phải là biện pháp có tác dụng tích cực cho hoạt động kinh doanh của DN. Nếu áp dụng nên quy định áp dụng đối với đối tượng có thêm tình tiết tăng nặng	Biện pháp cưỡng chế hoá đơn là biện pháp thực hiện sau khi người nộp thuế đã có thời gian 90 ngày để thu xếp nguồn tài chính để trả tiền thuế nợ. Sau khi hết thời gian, cơ quan thuế đã áp dụng biện pháp trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế nhưng không thu đủ tiền thuế nợ. Doanh nghiệp bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoá đơn thường là doanh nghiệp chây lì, không

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<p>a) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan quản lý thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp</p> <p>b) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý thuế thực hiện việc cưỡng chế theo nguyên tắc: trường hợp không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trước thì cơ quan quản lý thuế chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế sau.</p>	<p>DN vì việc tìm nhà thầu/nhà cung cấp khác khi hợp đồng đang thực hiện là rất khó khăn, tốn kém, ảnh hưởng tiến độ công việc. Tóm lại biện pháp này khiến các bên liên quan rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, khiến DN có thể mất cơ hội phục hồi để trả nợ thuế và tiếp tục kinh doanh</p>		<p>nộp tiền thuế đúng hạn. Nếu không ngừng số hoá đơn của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục tăng số thuế phải nộp trong khi khoản thuế cũ chưa nộp ngân sách và chưa có biện pháp để thực hiện thu ngân sách.</p> <p>Do đó chúng tôi giữ biện pháp cưỡng chế và biện pháp ngừng sử dụng hoá đơn.</p>
44.	<p>Điều 130 - Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.</p>	<p>Khoản (2) - Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng có trách nhiệm trích tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành... đồng thời thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.</p> <p>Khoản (4) - Trong thời hạn quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế có hiệu lực, nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế còn số dư mà Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác không thực hiện việc trích tiền...thì bị xử phạt hành chính theo qui định.</p>	<p>Khoản (2) - Để giảm thiểu các thủ tục hành chính cho ngân hàng, đề nghị bỏ việc thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế trong trường hợp ngân hàng trích đủ số tiền cưỡng chế.</p> <p>Khoản (4) - Trong nhiều trường hợp, ngân hàng nhận được quyết định cưỡng chế khi hiệu lực cưỡng chế không còn nhiều ngày. Đề nghị ghi rõ cách tính thời gian hiệu lực của quyết định là kể từ ngày ngân hàng nhận được quyết định, không phải là ngày ký quyết định, hoặc có ngày hạn cụ thể để các ngân hàng thực hiện.</p>	<p>Trong các quy định cưỡng chế tài khoản có hiệu lực trong vòng 30 ngày, trên quyết định cưỡng chế đã ghi rõ thời hạn cụ thể.</p> <p>Người nộp thuế sẽ mở nhiều tài khoản tại nhiều ngân hàng khác nhau, để đảm bảo thu đủ tiền nộp thuế thì cơ quan phải gửi quyết định cưỡng chế tài khoản tới tất cả NH người nộp thuế gửi tài khoản. Do đó để tránh tình trạng trích quá số thuế nợ phải cưỡng chế thì sau khi NH thực hiện trích tiền từ tài khoản NH thì NH phải thông báo lại cho cơ quan thuế biết để CQ thuế thông báo với các NH còn lại dừng cưỡng chế.</p> <p>Do đó chúng tôi xin giữ quy định như điều 130.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
45.	Điều 132: Cường chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	<p>Điều này quy định về việc dừng làm thủ tục xuất khẩu/nhập khẩu như một biện pháp cường chế đối với việc chậm nộp thuế.</p> <p>Tuy nhiên, việc dừng này là không thích hợp vì nó chỉ có thể liên quan đến các trường hợp người nộp thuế chậm nộp thuế xuất/nhập khẩu, thuế GTGT nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt cho việc nhập khẩu. Tuy nhiên, các từ ngữ được sử dụng thì lại cho thấy biện pháp cường chế bằng việc dừng làm các thủ tục này có thể được áp dụng cả cho việc chậm nộp các loại thuế khác ngoài các loại thuế liên quan đến xuất/nhập khẩu.</p>	Điều này nên được chỉnh sửa lại để làm cho rõ ràng hơn là nó chỉ áp dụng đối với việc nộp chậm các loại thuế liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu.	Tiếp thu ý kiến của VBF, và quy định rõ hơn ở nghị định hướng dẫn luật quản lý thuế sửa đổi.
46.	<p>Điều 139: Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>2. Mức phạt tiền</p> <p>a) Phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 143 Luật này</p> <p>b) Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu, số tiền thuế được hoàn cao hơn đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 143 Luật này.”</p>	<p>Thực tế, một số Doanh nghiệp khi tính toán, kê khai thuế sẽ xác định một số thuế phải nộp tạm tính. Nhưng do một số điểm chưa thực sự rõ ràng hoặc do một số yếu tố khách quan, doanh nghiệp thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước nhiều hơn số thuế kê khai trên tờ khai của Doanh nghiệp.</p> <p>Trong quá trình thanh tra thuế, đoàn thanh tra phát hiện doanh nghiệp kê khai chưa đúng, kê khai thiếu. Tuy nhiên, nếu thực hiện bù trừ số thuế kê khai không đúng với số thuế đang nộp thừa, thì không dẫn đến thiếu thuế.</p> <p>Đối với trường hợp này, mỗi đoàn thanh tra có cách xử lý khác nhau đối với doanh nghiệp, tuy nhiên thông thường, các đoàn</p>	<p>Đề xuất xem xét, sửa đổi như sau:</p> <p>“Điều 139: Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>2. Mức phạt tiền</p> <p>a) <u>Phạt 10% số tiền thuế nộp thiếu do khai sai</u> đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 144 Luật này</p> <p>b) <u>Phạt 20% số tiền thuế nộp thiếu do khai sai</u>, số tiền thuế được hoàn cao hơn đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 144 Luật này.”</p>	<p>Chúng tôi thấy rằng tại điểm b khoản 2 điều 139 dự thảo luật đã quy định rõ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 điều 143. Do đó chúng tôi vẫn đề nghị giữ nguyên khoản b, c.</p> <p>Ngoài ra, tiếp thu ý kiến của VBF, chúng tôi bổ sung vào điểm a khoản 2 điều 139 quy định về mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm tại điều 142. Cụ thể bổ sung mức phạt tiền tối đa không qua 200 triệu đồng đối với hành vi quy định tại điều 142 luật này.</p>

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
		<p>thanh tra vẫn áp dụng tiền phạt 20% trên số thuế kê khai thiếu được phát hiện trong quá trình thanh tra mà không cân nhắc thực tế Doanh nghiệp đang có số thuế nộp thừa được bù trừ với số thuế mà đoàn thanh tra tính thêm. Việc này chưa thực sự hợp lý, vì thực tế, doanh nghiệp có thể vẫn nộp đủ (thậm chí nộp thừa) số thuế vào Ngân sách nhà nước.</p>		
47.	<p>Điều 143. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, miễn, giảm, không thu 2. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: người nộp thuế khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 144 của Luật này thì ngoài việc nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp theo quy định, người nộp thuế còn bị xử phạt đối với các trường hợp sau: a) Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung tại các thời điểm sau: Đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan: Sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan; Đối với hàng hóa đã được thông quan: Sau thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thông quan và trước thời</p>	<p>Ngoài ra, liên quan đến việc phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu đối với hành vi quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 143 thì việc người nộp thuế tự phát hiện và kê khai bổ sung trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ngày thông quan và trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra nhưng bị phạt 10% trên số thuế kê khai thiếu là không hợp lý vì bản chất doanh nghiệp đã tự giác rà soát và phát hiện ra lỗi sai của mình để thực hiện điều chỉnh nhằm tăng tính tuân thủ của doanh nghiệp, do đó việc xử phạt này sẽ không làm tăng tính tự giác của các doanh nghiệp khi kê khai sai.</p>	<p>Đề nghị không quy định xử phạt nếu doanh nghiệp tự phát hiện và tự kê khai bổ sung nghĩa vụ thuế còn thiếu, như vậy sẽ khuyến khích Doanh nghiệp tự rà soát để khai bổ sung thuế thiếu (nếu có).</p>	

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra.			
48.	Điểm c Khoản 2 Điều 143	Điểm c Khoản 2 Điều 143 dường như là thừa. Mặc dù điều này quy định đây là một hành vi vi phạm phải bị xử phạt, nhưng Điều 139 quy định về các hình thức xử phạt không đưa ra mức phạt nào áp dụng cho hành vi vi phạm ở điểm c Khoản 2 Điều 143	Xem xét bỏ điểm c, khoản 2, Điều 143 hoặc bổ sung thêm hình thức xử phạt tại Điều 139 cho hành vi vi phạm ở điểm c khoản 2 Điều 143	
49.	Điều 144. Hành vi trốn thuế 1. Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau chín mươi (90) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này	Không nên coi trường hợp nộp hồ sơ sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định cũng là hành vi trốn thuế. Điều này dẫn đến sự không bình đẳng, không khuyến khích tổ chức, cá nhân tự giác kê khai, nộp thuế. Vì có rất nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân chưa thực sự hiểu rõ về quy định nên chưa thực hiện kê khai, nộp thuế	Đề xuất bỏ đoạn “nộp hồ sơ khai thuế sau chín mươi (90) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật này”	Qua nghiên cứu, nghĩa vụ khai thuế nộp thuế đã được quy định cụ thể tại pháp luật về thuế và luật quản lý thuế. Do đó việc quy định chế tài xử phạt nặng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày là cần thiết để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thuế của người nộp thuế. Theo quy định của bộ luật hình sự, đây cũng là hành vi xử lý về tội trốn thuế, do đó chúng tôi đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
50.	Điều 145 - Hành vi vi phạm đối với ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế.	Khoản (1) - Ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản.....thì bị phạt số tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước...	Nội dung vi phạm của ngân hàng thương mại theo Khoản (1), Điều 145 đã được nhắc đến trong khoản (4), Điều 130 nhưng với hình thức xử phạt khác nhau. Đề nghị bỏ khoản (1) Điều 145 để tránh trùng lặp/mâu thuẫn về hình thức xử phạt. Hơn nữa, việc ngân hàng chưa thực hiện trích chuyển tiền cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế có thể vì nhiều lý do khách quan. Do vậy nếu các ngân	Chúng tôi sẽ rà soát lại để có điều chỉnh thích hợp.

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
			<p>hàng bị phạt với số tiền bị cưỡng chế trả thay cho khách hàng vì lý do khách quan, điều đó có nghĩa hành vi vi phạm của ngân hàng là nghiêm trọng, bị coi như hành vi trốn thuế, dẫn đến gây ảnh hưởng không tốt tới hoạt động và hình ảnh của ngân hàng.</p> <p>Việc xử lý vi phạm nên dựa theo qui định về xử phạt hành chính cho mức độ phối hợp giữa ngân hàng và cơ quan thuế trong việc cưỡng chế thuế hơn là xử lý vi phạm của ngân hàng như đối tượng bị cưỡng chế.</p>	
51.	<p>Điều 150. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế</p> <p>3. Cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả số tiền thuế, số tiền chậm nộp, tiền phạt thu không đúng cho người nộp thuế, bên thứ ba trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật</p>	<p>Trường hợp cơ quan thuế thu không đúng mà chỉ phải hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã thu không đúng đó thì không bình đẳng</p>	<p>Đề xuất bổ sung quy định cơ quan thuế phải trả cả tiền lãi phát sinh 0,03%/ngày trong trường hợp này, giống như trường hợp doanh nghiệp khai thiếu và phải nộp lại thuế thiếu cùng tiền lãi cho Ngân sách Nhà nước</p>	

TÓM TẮT NỘI DUNG TRAO ĐỔI TẠI CUỘC HỌP GIỮA TỔNG CỤC THUẾ VÀ NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN (Phần 2)**Trao đổi về các vấn đề về chính sách thuế khác**

Hà Nội, ngày 13/5/2019

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Thuế & Hải quan VBF*

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
1.	<p>Xử lý hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư:</p> <p>a. Theo quy định về hoàn thuế đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp đang hoạt động tại Thông tư 130/2016, chúng tôi nhận thấy quy định hướng dẫn cho hoàn thuế đối với dự án đầu tư nói chung, được hiểu là bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, miễn là các dự án này đáp ứng quy định cụ thể. Tuy nhiên, thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp đã bị cục thuế địa phương từ chối đề nghị hoàn thuế GTGT cho các dự án đầu tư mở rộng.</p> <p>b. Trường hợp doanh nghiệp đã xác định số thuế GTGT xin hoàn phát sinh hoàn toàn trong giai đoạn xây dựng cơ bản của dự án đầu tư trên tờ khai thuế GTGT theo quy định, nhưng sau đó mới nộp mẫu Đề nghị hoàn thuế GTGT tới cơ quan thuế, thời điểm nộp Đề nghị hoàn thuế là vào tháng mà dự án đầu tư của</p>	<p>Đối với Doanh nghiệp thì dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng cũng cần phải có vốn, có những dự án đầu tư mở rộng còn có giá trị đầu tư lớn hơn cả những dự án đầu tư mới khác. Do vậy, việc không được hoàn thuế GTGT đầu vào từ dự án đầu tư mở rộng làm cho các doanh nghiệp bị thiếu vốn để tiếp tục phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, gây bất bình đẳng giữa người nộp thuế.</p>	<p>Đề nghị Bộ tài chính/Tổng cục thuế làm rõ cơ sở pháp lý và hướng dẫn doanh nghiệp cụ thể về vấn đề hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư như đã nêu, theo hướng dự án đầu tư (bất luận là dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng) nếu đáp ứng các điều kiện được hoàn thuế GTGT theo quy định thì được hoàn thuế GTGT.</p>	<p>a. Theo quy định tại Thông Tư 130 và Thông tư 219 năm 2013 về thuế GTGT cũng đã quy định việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Theo đó, các cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, có dự án đầu tư cùng tỉnh thành phố đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở thực hiện kê khai riêng đối với dự án đầu tư và kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Nghĩa là cùng tỉnh thành phố thì sẽ được bù trừ, và sau khi bù trừ mà còn số thuế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu trở lên sẽ được hoàn thuế cho dự án đầu tư.</p> <p>Hiện nay Tổng cục thuế đang trao đổi với cơ quan nhà nước để báo cáo các cấp có thẩm quyền về vấn đề này và sẽ có hướng dẫn cụ thể trong thời gian tới.</p>

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, phát sinh doanh thu, thì liệu doanh nghiệp có bị từ chối hoàn thuế GTGT cho số thuế đó không? Nếu không được hoàn thì cơ sở Pháp lý là gì?			b. Căn cứ theo khoản 2 điều 19 Thông tư 219 có quy định các trường hợp cơ sở kinh doanh đã kê khai đề nghị hoàn thuế trên tờ khai GTGT thì không được kết chuyển số thuế đầu vào đã đề nghị hoàn thuế vào số thuế khấu trừ của tháng tiếp theo. Trường hợp mà phía VBF đưa ra doanh nghiệp vẫn được hoàn thuế nếu đáp ứng được các điều kiện về kê khai khấu trừ và hoàn thuế đối với dự án đầu tư theo quy định. Trường hợp tại thời điểm giải quyết hoàn thuế GTGT nếu doanh nghiệp phát sinh số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sxkd thì doanh nghiệp được bù trừ số thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư với số GTGT phải nộp của hoạt động sxkd trước khi xem xét giải quyết hoàn thuế.
2.	<p>Áp dụng các quy định nằm ngoài lĩnh vực thuế trong việc xử lý thuế liệu có phù hợp?</p> <p>Cơ quan thuế hiện nay đang có xu hướng dựa vào việc doanh nghiệp không tuân thủ các quy định nằm ngoài lĩnh vực thuế để từ chối khấu trừ chi phí khi tính thuế TNDN hoặc từ chối hoàn thuế GTGT trong khi trong các quy định thuế hiện hành, việc tuân thủ hay không tuân thủ các quy định của các bộ ban ngành khác không phải là điều kiện để</p>	Việc xử lý của cơ quan thuế dựa trên các quy định ngoài quy định về thuế để loại trừ những khoản chi phí thực tế cho mục đích tính thuế TNDN, có đủ hóa đơn chứng từ theo quy định là không hợp lý, gây hoang mang cho nhà đầu tư.	Đề nghị Bộ tài chính/Tổng cục thuế cân nhắc làm rõ quy định về vấn đề này, nên cho phép DN trừ các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đáp ứng đầy đủ tài liệu chứng minh theo quy định. Nếu DN vi phạm các lĩnh vực khác thì sẽ bị xử lý theo quy định của lĩnh vực đó (ví dụ Luật lao động), và tiền phạt vi phạm hành chính do các sai phạm vi phạm Pháp luật sẽ không được tính là chi phí được trừ.	Theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, doanh nghiệp được trừ các khoản chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng điều kiện: a. Các khoản chi liên quan đến hoạt động sxkd của DN, b. Các khoản có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật, c. Các khoản chi có hóa đơn dịch vụ từ 20 triệu trở lên thì thanh toán không dùng tiền mặt. Ngoài ra, trong văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết về bộ luật

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	<p>được khấu trừ/hoàn thuế. Ví dụ, đối với các khoản thanh toán lương làm thêm giờ cho nhân viên cho số giờ làm thêm vượt quá 300 giờ / năm, cơ quan thuế đang có quan điểm cho rằng khoản thanh toán này sẽ không được phép khấu trừ chi phí khi tính thuế TNDN mặc dù đây là khoản thực chi cho người lao động do tự nguyện làm thêm giờ.</p>			<p>lao động cũng quy định trường hợp đặc biệt người lao động được làm thêm không vượt quá 300 giờ trong năm nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động.</p> <p>DN có các khoản chi đáp ứng đúng điều kiện quy định của pháp luật về thuế và các quy định pháp luật có liên quan sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.</p>
3.	<p>Nguyên tắc giá trị thị trường trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ Hiện tại, cơ quan thuế đang áp dụng nguyên tắc giá trị trường cho tất cả các giao dịch chuyển nhượng vốn bao gồm cả các giao dịch được thực hiện hoàn toàn cho mục đích tái tổ chức nội bộ và quyền sở hữu tối hậu cuối cùng vẫn không có gì thay đổi. Việc tái tổ chức nội bộ trong nhiều trường hợp giúp các tập đoàn hợp lý hóa hoạt động kinh doanh của họ, nâng cao hiệu quả, tạo ra sức mạnh tổng hợp, vì thế các quy định về thuế không nên là trở ngại/ tăng chi phí cho các hoạt động đó. Cũng cần lưu ý thêm rằng việc tái tổ chức nội bộ hiện đang rất phổ biến trong các công ty trong nước khi các công ty này đang phát triển nhanh chóng và đang cố gắng trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường.</p>	<p>Việc áp dụng nguyên tắc giá trị trường của cơ quan thuế trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ của Doanh nghiệp là không hợp lý, không khuyến khích Doanh nghiệp sắp xếp lại DN nhằm hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn</p>	<p>Đề nghị Bộ Tài Chính/Tổng cục thuế xem xét đưa ra chính sách xử lý đặc biệt cho trường hợp tái cấu trúc nội bộ khi việc tái cấu trúc đó không nhằm mục đích hưởng lợi thuế.</p>	<p>Căn cứ các quy định hiện hành, quy định về thu nhập chuyển nhượng vốn đã được quy định cụ thể trong các văn bản hướng dẫn về thuế TNDN, trường hợp các trường hợp chuyển nhượng không quy định giá thanh toán hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định giá thanh toán không phù hợp theo quy định giá trị trường thì cơ quan thuế có quyền kiểm tra và ấn định giá chuyển nhượng này.</p> <p>Trường hợp DN chuyển nhượng một phần vốn góp trong DN mà giá chuyển nhượng đối với phần vốn góp này không phù hợp theo giá trị trường thì cơ quan thuế cũng có quyền ấn định lại giá trị DN tại thời điểm chuyển nhượng để xác định giá chuyển nhượng tương ứng. Căn cứ ấn định đưa ra trong luật quản lý thuế có thể dựa vào tài liệu cơ quan thuế có sẵn hoặc căn cứ giá chuyển</p>

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
				<p>nhượng vốn tại trường hợp khác ở cùng thời gian hoặc so sánh với các hợp đồng chuyển nhượng tương tự. Trong trường hợp cơ quan thuế không có đủ cơ sở dữ liệu, cơ quan chịu trách nhiệm về thẩm định có thể đưa ra giá cho phù hợp với quy định. Đối với những trường hợp tái cơ cấu nội bộ cần có giấy tờ chứng minh cụ thể.</p>
4.	<p>Theo quy định tại Thông tư 96 về thuế TNDN, khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi khám chữa bệnh, chi bảo hiểm y tế, chi khám chữa bệnh, chi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị, hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa, tai nạn, ốm đau, khen thưởng con của người lao động, hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác nếu không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế thì được tính vào chi phí được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, thông tư 92 về thu nhập miễn thuế TNCN dẫn chiếu đến Thông tư 96 đối với các khoản phúc lợi được so sánh với 01 tháng lương bình quân trong năm, nhưng chỉ giới hạn ở khoản chi khám chữa bệnh, chi bảo hiểm y tế cho bản thân và gia đình người lao động. Như vậy, mức trần 1 tháng lương không có ý nghĩa vì sự kiện miễn thuế chỉ xảy ra một hai lần trong đời chứ không thường xuyên hàng năm.</p>	<p>Sự không nhất quán giữa quy định về thuế TNDN và thuế TNCN đối với các khoản chi có tính chất phúc lợi làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động, ngoài ra cũng làm tăng thủ tục hành chính trong công tác thuế của Doanh nghiệp.</p>	<p>Đề xuất đến Bộ Tài chính/Tổng cục thuế tạo sự nhất quán giữa các luật thuế cũng như thể hiện tính nhân văn trong quy định về thuế TNCN.</p>	<p>Theo quy định của luật thuế TNDN và luật thuế TNCN, hai luật này có hai đối tượng điều chỉnh khác nhau. Luật thuế TNDN chỉ đánh trên phần thu nhập mà DN thu được và có xem xét đến chi phí tạo ra khoản doanh thu đó. Còn thuế TNCN đánh trên thu nhập của cá nhân nhận được từ người sử dụng lao động, về mặt thuế TNDN chỉ đánh trên các khoản thu nhập nhận được có tính chất từ tiền lương, tiền công từ người sử dụng lao động trả cho người lao động và không phân biệt nguồn chi trả.</p> <p>Đối với khoản chi phúc lợi cho người lao động, nếu không quá 1 tháng lương thực tế thực hiện trong năm tính thuế thì được tính vào chi phí cho mục đích tính thuế TNDN. Các khoản chi khám chữa bệnh chi cho bản</p>

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Phản hồi của Tổng cục Thuế
	Thêm vào đó, có một số khoản chi mang tính chất phúc lợi và động viên tinh thần nhiều hơn là lợi ích vật chất như quà sinh nhật, mừng sinh con, 8/3, 1/6, trung thu, ốm đau v.v...			thân gia đình, chi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị, hỗ trợ cho gia đình người lao động, v.v, theo Thông tư 92 sẽ không được tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động để thể hiện tính nhân văn của luật thuế TNCN.
5.	Trong thanh kiểm tra thuế, mặc dù tỷ suất lợi nhuận của toàn doanh nghiệp đang nằm trong biên độ của khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn, nhiều cán bộ thuế yêu cầu thêm rằng các doanh nghiệp phải có lãi trên từng model sản phẩm và trên từng khách hàng hơn là xem xét bối cảnh kinh doanh thực tế của doanh nghiệp. Dưới góc độ kinh doanh của người nộp thuế, việc kinh doanh luôn luôn phát sinh lãi theo từng model / từng khách hàng là không thực tế.	Việc xử lý của cán bộ thuế như vậy có thể dẫn đến việc ấn định doanh thu/loại trừ chi phí dẫn tới số thuế TNDN phải nộp tăng lên, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng mang tính áp đặt, không thực tế.	Đề nghị Bộ tài chính/Tổng cục thuế cho biết yêu cầu như vậy của cán bộ thuế có cơ sở pháp lý không?	<p>Cơ quan thuế khi thực hiện thanh kiểm tra các giao dịch liên kết có quyền kiểm tra và xem xét việc xác định giá thị trường của DN có tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật không.</p> <p>Việc xác định giá thị trường nói riêng và thực hiện công tác thanh kiểm tra được thực hiện theo các quy định tại các văn bản pháp luật. Cơ quan thuế khi kiểm tra các giao dịch liên kết được quyền kiểm tra xem xét đối với từng giao dịch và xác định giá giao dịch liên kết của doanh nghiệp đã tuân thủ đúng các quy định chưa. Về phía DN, cũng có quyền chứng minh với cơ quan thuế về việc tuân thủ quy định nguyên tắc phân tích so sánh để xác định giá thị trường theo quy định pháp luật.</p> <p>Nhận định của VBF thường liên quan đến từng vụ việc cụ thể. Đề nghị VBF có thống kê cụ thể gửi Tổng cục thuế.</p>

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC DU LỊCH

Trình bày bởi
Ông Ken Atkinson
Trưởng Nhóm

1. Giới thiệu

Mặc dù lượng khách quốc tế đã tăng mạnh trong 3 năm qua, chúng tôi tin rằng ngành du lịch vẫn cần giải quyết một số vấn đề và thách thức tồn đọng để không cản trở sự phát triển đầy tiềm năng của ngành. Sự phát triển du lịch ở một số điểm đến quan trọng như Đà Nẵng và Cam Ranh Nha Trang cũng đang chứng kiến sự sụt giảm đáng kể.

Toàn bộ bản báo cáo đã được gửi tới Quý vị. Do hạn chế về mặt thời gian, tôi xin trình bày một số ý kiến ngắn gọn như sau:

2. Thách thức và rào cản đối với sự phát triển nhanh và bền vững

Cần thu hút du khách có thời gian lưu trú dài hơn với mức chi tiêu cao hơn

Nghị quyết 08-NQ/TW đề ra mục tiêu đạt được 20 tỷ USD giá trị xuất khẩu thông qua du lịch với 18,5 triệu lượt khách đến năm 2020. Điều này có nghĩa là Việt Nam cần đạt được doanh thu xuất khẩu du lịch bình quân 1.080 USD/khách và tăng mức chi tiêu du lịch trung bình. Thời gian lưu trú trung bình của du khách đến từ Trung Quốc và Hàn Quốc là dưới 10 ngày, với mức chi tiêu trung bình của mỗi khách nhỏ hơn 1.000 USD. Mặt khác, khách du lịch đến từ châu Âu có thời gian lưu trú trung bình từ 15 ngày trở lên và chi tiêu trung bình mỗi khách dao động từ 1.100 đến 1.600 USD (trung bình khoảng 1.300 USD). Những du khách đường dài đến từ Bắc Mỹ, Australia và New Zealand có những đặc điểm tương đồng với khách du lịch đến từ châu Âu, tức cũng có thời gian lưu trú lâu hơn và mức chi tiêu cao hơn.

Hiện tại, cần phải cải thiện tất cả các khía cạnh của chế độ thị thực, bao gồm miễn thị thực, thị thực điện tử và thị thực nhập cảnh sân bay. Các nội dung này đều được bao gồm trong báo cáo của chúng tôi.

Quảng bá điểm đến

Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp hạng Việt Nam ở vị trí 80 trên toàn cầu về hiệu quả tiếp thị và xây dựng thương hiệu du lịch nhằm thu hút du khách. Ngoài ra, Việt Nam cũng đạt 4 trên 7 điểm trong Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Lữ hành và Du lịch 2017. Tuy vậy, so sánh với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam vẫn còn thua xa các nước ASEAN khác như Thái Lan, Indonesia, và Philippines về tiếp thị và xây dựng thương hiệu điểm đến. Chỉ tiêu cho ngành du lịch của một số nước ASEAN là: Thái Lan: 80 triệu USD, Malaysia: 81,6 triệu USD, Philippines: 32.5 triệu USD, Indonesia: 200 triệu USD, Campuchia: 3,5 triệu USD.

Bền vững về môi trường

Việt Nam đang hướng tới một dấu mốc quan trọng về bền vững môi trường. Nhiều khu vực không có uy tín tốt đối với cả khách quốc tế và địa phương. Khách quốc tế, đặc biệt là du khách tới từ các nước phát triển (mà ngành du lịch Việt Nam cần đặt mục tiêu để thu hút), rất quan tâm đến môi trường. Họ sẽ tránh tới những địa điểm không thân thiện với môi trường, ví dụ: những nơi có nước đục, bãi biển nhiều rác, hay những nơi công cộng có rác thải tràn lan, v.v. Chẳng hạn như Vịnh Hạ

Long và Phú Quốc đã gặp nhiều chỉ trích từ báo chí về những vấn đề nêu trên. Danh sách các địa điểm như vậy sẽ tiếp tục được kéo dài nếu càng có nhiều khách sạn và khu căn hộ được sử dụng tại các khu vực mà cơ sở hạ tầng quan trọng chưa được quy hoạch hợp lý. Việc làm sạch các khu vực công cộng, phạt tiền hành vi xả rác ở nơi công cộng có thể được dễ dàng thực hiện.

Condotel (Căn hộ và biệt thự du lịch)

Theo thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam, tính đến cuối năm 2017, có 25.600 cơ sở lưu trú du lịch trên toàn quốc, trong đó chỉ có 882 cơ sở với 104.315 phòng được xếp loại từ 3 sao trở lên (chiếm tỷ lệ rất nhỏ). Ngành du lịch Việt Nam đã cố gắng cải thiện cơ cấu khách du lịch quốc tế theo hướng ưu tiên thu hút khách du lịch có thu nhập cao với khả năng lưu trú dài để tăng doanh thu trung bình từ khách du lịch quốc tế. Do đó, ngoài việc phát triển các khách sạn truyền thống từ ba sao trở lên, căn hộ và biệt thự condotel (hầu hết được xếp hạng bốn và năm sao) sẽ là nguồn bổ sung cần thiết để cung cấp đủ phòng chất lượng cao cho du khách quốc tế đến Việt Nam.

Đến nay, các cơ quan quản lý đã xác định condotel là bất động sản du lịch, bao gồm căn hộ và biệt thự dành cho du khách theo quy định tại Điều 48 của Luật Du lịch năm 2017. Do đó, condotel cần được chính quyền địa phương quản lý giống như các cơ sở lưu trú du lịch khác (khách sạn, khu nghỉ dưỡng).

Vận tải hàng không và cơ sở hạ tầng

Ngành hàng không của Việt Nam đã có bước phát triển ấn tượng, theo định hướng các nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể nhằm phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 1 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương (cụ thể, ngành được kỳ vọng sẽ thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỉ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỉ USD, với mục tiêu đến năm 2030, du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, hàng không và cơ sở hạ tầng sân bay vẫn được coi là một trong những điểm nghẽn đối với quá trình phát triển du lịch Việt Nam. Để thực hiện thành công Nghị quyết số 08-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, chúng tôi muốn giải quyết tình trạng và các vấn đề đang gặp phải của ngành hàng không Việt Nam cũng như các khuyến nghị đưa ra bởi cộng đồng doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề này.

Nguồn nhân lực

Nghị quyết 08 đặt mục tiêu cho ngành du lịch tạo ra 4 triệu việc làm trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp vào năm 2020. Nghị quyết cũng bao gồm một kế hoạch hành động chi tiết để phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020, đó là: (i) Nhà nước có chính sách thu hút đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực du lịch, (ii) tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo du lịch thông qua đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế, (iii) đa dạng hóa các hình thức đào tạo du lịch, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong đào tạo và (iv) tập trung nâng cao kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và đạo đức cho lực lượng lao động ngành Du lịch. Những sáng kiến này cho thấy du lịch là một trong những lĩnh vực quan trọng đòi hỏi nỗ lực không ngừng từ Chính phủ cũng như khu vực tư nhân.

Mặc dù Việt Nam đang hội nhập sâu hơn vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ngành du lịch và khách sạn vẫn tiếp tục đối mặt với tình trạng thiếu hụt kỹ năng ở tất cả các cấp so với các nước trong khu vực. Với tốc độ phát triển hiện nay của ngành du lịch Việt Nam và vai trò then chốt trong việc đóng góp vào nền kinh tế, yêu cầu phát triển lực lượng lao động có trình độ cao trong ngành này càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

3. Khuyến nghị dành cho sự phát triển nhanh và bền vững

Nhóm Công tác Du lịch xin trình bày với Thủ tướng và các Bộ ngành liên quan một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ sự phát triển nhanh và bền vững của ngành du lịch như sau:

Hỗ trợ thị thực:

- Cấp miễn thị thực cho công dân từ Úc và New Zealand, Canada, Bỉ, Hà Lan và Thụy Sĩ.
- Gia hạn tạm trú miễn thị thực đến 30 ngày tiêu chuẩn.

Quảng bá điểm đến

- Phân bổ hợp lý hơn cho quỹ xúc tiến du lịch quốc gia từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ xúc tiến du lịch.
- Mở các trung tâm xúc tiến và thông tin du lịch trên toàn cầu, có thể sử dụng công nghệ ảo, sau khi các hạn chế về thị thực được cải thiện để giới thiệu Việt Nam ra thế giới. Các tiêu chuẩn trang web du lịch Việt Nam cũng cần được cải thiện hơn nữa.

Bền vững về môi trường

- Các cơ quan quy hoạch đô thị và quản lý du lịch thành phố cần hiểu rõ tầm quan trọng của tài sản di sản với vai trò là nguồn lực kinh tế và quốc gia quan trọng cũng như công nhận giá trị kinh tế và nhu cầu cần được bảo tồn cẩn thận. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần đầu tư vào các công nghệ thuyết minh đẳng cấp thế giới tại các bảo tàng, di tích lịch sử và di sản (Huế, Hội An, Điện Biên Phủ, v.v.).

Quy định về condotel

- Không áp dụng thêm các quy định, điều kiện hoặc giấy phép kinh doanh đối với condotel vì điều này không phù hợp với chính sách đơn giản hóa thủ tục và điều kiện kinh doanh của Chính phủ, gây khó khăn cho các nhà đầu tư dự án và quản lý, vận hành condotel.
- Phê duyệt việc cấp Giấy chứng nhận sở hữu căn hộ du lịch (hoặc biệt thự du lịch) cho người mua condotel, thời hạn sở hữu theo thời hạn dự án.

Quy hoạch dài hạn để phát triển sân bay và chính sách bầu trời mở

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không trong nước và quốc tế cho các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định để khuyến khích các hãng hàng không mới gia nhập thị trường.
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng sân bay tại Việt Nam.

Khuyến nghị về nguồn nhân lực

- Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nên hợp tác để nâng cao nhận thức và cung cấp các quy trình để triển khai hiệu quả Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia dành cho Phục vụ Buồng và Lễ tân.
- Các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cần được xây dựng cho các nghề khác trong ngành du lịch và khách sạn để nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam như một điểm đến du lịch trong khu vực.

Thành viên của Nhóm Công tác Du lịch VBF, Hội đồng Tư vấn du lịch, và Tiểu ban Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn Eurocham sẵn sàng phối hợp với các Bộ ngành và cơ quan liên quan nhằm hỗ trợ Chính phủ đạt được các mục tiêu nêu trong Nghị quyết 08-NQ/TW, đảm bảo rằng ngành Du lịch và Lữ hành đạt được tiềm năng thực sự.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DU LỊCH

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Du lịch
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

I. Giới thiệu

Mặc dù lượng khách quốc tế đã tăng mạnh trong 3 năm qua, chúng tôi tin rằng ngành du lịch vẫn cần giải quyết một số vấn đề và thách thức tồn đọng để không cản trở sự phát triển đầy tiềm năng của ngành.

Năm 2018, 54% lượng khách quốc tế vào Việt Nam đến từ 2 thị trường chủ yếu là Trung Quốc (4,96 triệu) và Hàn Quốc (3,49 triệu), ngoài các thị trường khác như Nhật Bản, Đài Loan và Nga. Trung Quốc vốn được biết đến là thị trường chi tiêu thấp, trong đó phần lớn doanh thu đến từ các tour du lịch nội địa hoặc kết thúc ở Trung Quốc. Hoa Kỳ là thị trường khách quốc tế lớn thứ 6 với 687.000 lượt khách nhưng phần lớn trong số này là Việt kiều trở về Việt Nam thăm gia đình.

Với việc thành lập doanh nghiệp xã hội Hội đồng Tư vấn du lịch, cơ chế quan hệ đối tác công-tư với Tổng cục Du lịch đã được xây dựng thành công để tiếp thị điểm đến, nâng cấp trang web chính thức quảng bá du lịch Việt Nam (Vietnam Travel) và hỗ trợ trong các triển lãm thương mại quy mô lớn như Hội chợ Du lịch quốc tế ITB hay WTM.

Nhờ chính sách nới lỏng quy định và đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực, Việt Nam đã tiếp tục miễn thị thực cho công dân 5 quốc gia châu Âu và tăng số lượng các nước có công dân được cấp thị thực điện tử lên 81.

Tuy nhiên, chúng tôi muốn tập trung vào các nội dung dưới đây, cũng là các vấn đề chúng tôi khuyến nghị cần phải giải quyết để Việt Nam thực hiện được các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết 08 – NQ/TW.

II. Thách thức với các bên liên quan chính

1. Cần thu hút du khách có thời gian lưu trú dài hơn với mức chi tiêu cao hơn

Nghị quyết 08-NQ/TW đề ra mục tiêu đạt được 20 tỷ USD giá trị xuất khẩu thông qua du lịch với 18,5 triệu lượt khách đến năm 2020. Điều này có nghĩa là Việt Nam cần đạt được doanh thu xuất khẩu du lịch bình quân 1.080 USD/khách và tăng mức chi tiêu du lịch trung bình. Thời gian lưu trú trung bình của du khách đến từ Trung Quốc và Hàn Quốc là dưới 10 ngày, với mức chi tiêu trung bình của mỗi khách nhỏ hơn 1.000 USD. Mặt khác, khách du lịch đến từ châu Âu có thời gian lưu trú trung bình từ 15 ngày trở lên và chi tiêu trung bình mỗi khách dao động từ 1.100 đến 1.600 USD (trung bình khoảng 1.300 USD). Những du khách đường dài đến từ Bắc Mỹ, Australia và New Zealand có những đặc điểm tương đồng với khách du lịch đến từ châu Âu, tức cũng có thời gian lưu trú lâu hơn và mức chi tiêu cao hơn.

2. Bền vững về môi trường

Việt Nam có nhiều tiềm năng để trở thành một điểm đến nổi tiếng và thu hút khách du lịch trên khắp thế giới. Với sức hút vốn có, hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên độc đáo của Việt Nam có thể đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng tăng sau khi đã được đầu tư nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng trong thời gian gần đây. Sau thời kỳ phát triển dựa trên thế mạnh tự thân là một điểm đến “mới lạ”, Việt Nam cần tập trung nhiều hơn vào các thuộc tính bảo tồn và bền vững để phát huy những thế mạnh du lịch chính thống.

Mức độ phát triển du lịch bền vững và du lịch văn hóa còn chậm so với tốc độ phát triển hạ tầng du lịch và xu hướng phát triển chung của quốc gia. Trong khi đó, du lịch văn hóa và du lịch di sản mang lại nhiều lợi nhuận nhất trong lĩnh vực du lịch toàn cầu. Các công ty kinh doanh lữ hành đã ghi nhận doanh số tăng nhanh nhờ các dịch vụ du lịch bền vững như các tour du lịch cộng đồng, các cơ sở lưu trú được gắn nhãn du lịch bền vững, các nhà hàng, quán ăn phục vụ các thực phẩm hữu cơ tại địa phương, trải nghiệm cuộc sống hoang dã trong các gói du lịch có trách nhiệm và du lịch tình nguyện có trách nhiệm.^[1] Các điều kiện sẵn có tại Việt Nam hoàn toàn phù hợp với những phân khúc thị trường du lịch này.

Du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa và du lịch môi trường là những phân khúc thị trường lớn trong ngành du lịch. Những phân khúc này bao gồm các dịch vụ như du lịch đi bộ, du lịch spa, du lịch lặn biển, các gói nghỉ dưỡng ven biển, du lịch thể thao và các điểm đến hấp dẫn như Vịnh Hạ Long hay Phong Nha, ngoài các hoạt động văn hóa như thi nhiếp ảnh, lễ hội ẩm thực, thi làm phim và các cuộc thi viết. Việt Nam có đa dạng điểm đến phù hợp với những hoạt động này, bao gồm khu vực đồi núi phía Bắc, Vịnh Hạ Long, Phong Nha-Kẻ Bàng, hệ thống bãi biển, dãy Trường Sơn, đồng bằng Sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên. Các tài nguyên này được sử dụng ở các mức độ khác nhau để phát triển du lịch tại Việt Nam. Trong gần như tất cả các trường hợp, tình trạng suy thoái môi trường (ở mức nhẹ hoặc nghiêm trọng) hay rủi ro do phát triển quá mức đang ảnh hưởng đến những tài nguyên du lịch trong nước.

Vẻ đẹp thiên nhiên, cái nôi của nhiều di sản và văn hóa đa dạng là những tài sản quốc gia đã giúp ngành du lịch Việt Nam phát triển liên tục trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, việc quản lý thiếu hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điểm đến du lịch cũng như hạn chế về số lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch hấp dẫn, đặc biệt là du lịch bền vững, có thể ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và làm giảm tốc độ tăng trưởng du lịch trong những năm tiếp theo. Theo Chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh du lịch của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2017, Việt Nam xếp thứ 34 về “Tài nguyên thiên nhiên” nhưng đứng thứ 113 về “Hạ tầng dịch vụ du lịch” trong 136 nền kinh tế.^[2]

Di sản và kiến trúc

Các di sản của Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức. Rất nhiều di sản trên cả nước đang bị phá hủy hoặc nằm trong kế hoạch tu bổ, nâng cấp quy mô lớn. Sự xuống cấp của những di sản ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của thị trường du lịch hiện tại cũng như tiềm năng phát triển các loại hình du lịch mang lại giá trị trung bình và cao trong tương lai. Hầu hết các bảo tàng Việt Nam gần như không có sự phát triển đột phá kể từ những năm 1990. Ngành du lịch Việt Nam nói chung còn chưa nắm bắt thị hiếu du lịch lịch sử-di sản của du khách. Các bảo tàng ở Việt Nam vẫn phát triển ở mức rất thấp so với các tiêu chuẩn của khu vực và thế giới. Về vấn đề này, nguyên nhân không phải do các bảo tàng chưa phát triển hạ tầng hay thiếu các bộ sưu tập có giá trị để trưng bày; hơn hết, đó chính là

^[1] “Du lịch có trách nhiệm: Xu hướng và thực trạng, *CREST*, 2016, trang 2. Đăng tải tại <http://www.responsibletravel.org/whatWeDo/The_Case_for_Responsible_Travel_2016_Final.pdf> truy cập ngày 15/2/2019.

^[2] Báo Tuổi trẻ, phiên bản điện tử ngày 14/1/2019, trang 6.

chiến lược giới thiệu, quảng bá đến với khách du lịch. Các bảo tàng thường có vai trò rất quan trọng trong các không gian di sản nhưng chưa được khai thác hợp lý.

Phát triển quá mức

Nhiều người quan ngại rằng, Việt Nam đang phát triển quá mức theo hướng làm giảm giá trị các tài nguyên du lịch. Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch là nhiệm vụ cần thiết. Tuy nhiên, hoạt động này cần đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường và tăng cường các tiềm năng kinh tế từ môi trường xung quanh. Tại Việt Nam, định hướng phát triển cân bằng như vậy chưa được hiện thực hóa. Chính vì lý do đó, môi trường tự nhiên có nguy cơ bị suy thoái trầm trọng, ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển kinh tế quốc gia.

Xu hướng phát triển vùng ven biển của Việt Nam khiến nhiều diện tích đất ven biển có giá trị về môi trường có thể trở thành đối tượng giao cho các dự án phát triển hạ tầng quy mô lớn.^[3] Các dự án này khó có thể đảm bảo phát triển bền vững và khiến Việt Nam trở thành điểm đến của du lịch đại chúng nhằm phục vụ các ngành kinh tế quan trọng khác. Trong thập kỷ vừa qua, ngày càng nhiều các doanh nghiệp du thuyền quốc tế đưa Việt Nam vào bản đồ điểm đến trong các gói du lịch của họ. Phân khúc du lịch bằng tàu biển đã tăng trưởng 2 con số trên phạm vi toàn cầu, là cơ hội để các điểm đến ven biển của Việt Nam đón tiếp số lượng lớn khách quốc tế, đặc biệt là du khách ngoài châu Á. Tuy nhiên, hệ thống các quy định, bên dừng đỗ, nguồn nhân lực và hạ tầng cho du lịch tàu biển phải được phát triển đồng bộ để giảm ô nhiễm môi trường và tình trạng quá tải khách du lịch tại các cảng rời và điểm du lịch nổi tiếng như Hồ Chí Minh, Vịnh Hạ Long, Đà Nẵng và Hội An.

Để hỗ trợ phát triển du lịch trong giai đoạn tiếp theo, cần xây dựng phương pháp phát triển du lịch tổng thể, hợp tác và toàn diện hơn dựa trên mô hình phát triển bền vững, định hướng phân khúc rõ ràng, thế mạnh của mỗi điểm đến và mức độ đa dạng trong hoạt động cũng như dịch vụ du lịch.

Du lịch xanh - ý tưởng hấp dẫn về du lịch có trách nhiệm

Các khách sạn luôn ở vị trí tiên phong trong các điểm đến du lịch và đáng tiếc là các resort quy mô nhỏ, không gây hại nhiều mà hài hòa với môi trường địa phương lại không phổ biến ở Việt Nam. Việc phát triển quá mức và sử dụng đất vỡ quy hoạch trong xây dựng khách sạn, đặc biệt tại các khu vực ven biển, đang phá hủy môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên vốn đã hạn chế. Để giảm thiểu tác động này, các điểm nóng du lịch nên được khai thác song song với quá trình phát triển bền vững quy mô nhỏ hơn tại các điểm đến được bảo tồn. Ngoài ra, hoạt động quản lý khách sạn cần đảm bảo hạn chế tác động môi trường của du lịch đại chúng, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc sử dụng hóa chất và các chất nguy hại, quản lý chất thải cũng như tái chế, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Ô nhiễm và suy thoái

Sử dụng đồ nhựa lãng phí, quá sức tải của môi trường là một trong những vấn đề nghiêm trọng và Việt Nam cũng là nguồn phát thải nhựa quy mô lớn trên toàn cầu. Du khách và ngành du lịch là nguyên nhân lớn gây ra chất thải nhựa (mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong quy mô tổng thể của vấn đề). Ngành du lịch đồng thời bị ảnh hưởng bởi tình trạng chất thải nhựa tràn lan tại các bãi biển và trong môi trường tự nhiên.^[4]

^[3] “Phát triển du lịch ồ ạt có nguy cơ gây thiệt hại cho các kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam”, *The Guardian*, 01/08/2015. Truy cập tại: <<https://www.theguardian.com/world/2015/aug/01/vietnam-tourism-rush-development-conservation>> truy cập ngày 15/2/2019.

^[4] “Phụ Quốc và tác động của phát triển bùng nổ”, *VN Express*, 23/10/2016. Truy cập tại: <<http://e.vnexpress.net/news/travel-life/phu-quoc-feels-growing-pains-as-development-booms-3487852.html>> truy cập ngày 15/2/2019.

Một vấn đề khác là chất lượng nước. Các phương án xử lý, quản lý và tái chế nước thải không được áp dụng toàn diện, gây ô nhiễm nguồn nước và các bãi biển. Ngoài tác động về môi trường, việc xả thải ra môi trường biển các hóa chất độc hại qua nhiều vụ việc gần đây không chỉ ảnh hưởng đến ngành đánh bắt hải sản mà còn hạ uy tín của Việt Nam trên bản đồ các điểm đến du lịch. Hơn nữa, trong 6-8 năm qua, các vấn đề ô nhiễm môi trường tự nhiên tại Vịnh Hạ Long đã trở lên cấp thiết hơn. Vịnh Hạ Long là một danh lam thắng cảnh tự nhiên của Việt Nam. Tình trạng ô nhiễm môi trường sẽ khiến Hạ Long gặp nhiều khó khăn trong thu hút khách du lịch quốc tế trong tương lai, ảnh hưởng đến vị thế của một điểm đến du lịch tự nhiên.^[5] Các vấn đề môi trường tương tự cũng xuất hiện tại các khu vực ven biển tại Việt Nam.^[6]

Để đáp ứng nhu cầu của những khách du lịch có ý thức và trách nhiệm với môi trường, xã hội cũng như bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai, các nguyên tắc về “du lịch có trách nhiệm” cần được lồng ghép và đảm bảo thực thi trong từng giai đoạn và mức độ phát triển sản phẩm du lịch để trở thành kim chỉ nam cho chiến lược phát triển du lịch quốc gia. Tổng cục Du lịch cần chủ động hơn để thúc đẩy thực hiện các chương trình chứng nhận quốc tế và quốc gia về du lịch thân thiện môi trường, công nhận công khai các thông lệ tốt nhất và áp dụng chế tài xử phạt các hành vi vi phạm để tăng cường mức độ minh bạch và nâng cao các tiêu chuẩn môi trường-xã hội trong ngành du lịch.

Việc lập quy hoạch và phát triển du lịch của Việt Nam chưa ghi nhận tương xứng các giá trị môi trường và kinh tế của phát triển bền vững. Cụ thể, tiềm năng du lịch, lối sống và giá trị kinh tế của những tài sản di tích, lịch sử đa dạng và giàu văn hóa của Việt Nam vẫn chưa được phát huy đúng mức. Bằng cách lập kế hoạch chi tiết theo định hướng phát triển bền vững, ngành du lịch sẽ có tiềm năng thu hút thêm khách du lịch để kết nối với thị trường quốc tế. Sự phát triển của xã hội dân sự và các doanh nhân xã hội là một bước đệm để phát triển địa phương, ngoài các đóng góp tiềm năng đến từ hoạt động du lịch. Đây là nguồn tài sản của đất nước và cần được khai thác cẩn thận, đặc biệt là để tránh những tác động tiêu cực đến cơ cấu phát triển xã hội của Việt Nam. Khách du lịch cần được phổ biến, nâng cao nhận thức và có cơ hội tìm hiểu thêm về những thách thức xã hội của Việt Nam để phần nào đóng góp cho giải pháp. Các thương hiệu quốc tế và các doanh nghiệp trong nước tham gia thị trường du lịch cao cấp đã thực hiện các nguyên tắc bền vững chủ đạo.^[7]

3. Condotel (Căn hộ & biệt thự du lịch)

Theo thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam, tính đến cuối năm 2017, có 25.600 cơ sở lưu trú du lịch trên toàn quốc, trong đó chỉ có 882 cơ sở với 104.315 phòng được xếp loại từ 3 sao trở lên (chiếm tỷ lệ rất nhỏ). Ngành du lịch Việt Nam đã cố gắng cải thiện cơ cấu khách du lịch quốc tế theo hướng ưu tiên thu hút khách du lịch có thu nhập cao với khả năng lưu trú dài để tăng doanh thu trung bình từ khách du lịch quốc tế. Do đó, ngoài việc phát triển các khách sạn truyền thống từ ba sao trở lên, căn hộ và biệt thự condotel (hầu hết được xếp hạng bốn và năm sao) sẽ là nguồn bổ sung cần thiết để cung cấp đủ phòng chất lượng cao cho du khách quốc tế đến Việt Nam.

Đến nay, các cơ quan quản lý đã xác định condotel là bất động sản du lịch, bao gồm căn hộ và biệt thự dành cho du khách theo quy định tại Điều 48 của Luật Du lịch năm 2017. Do đó, condotel cần

^[5] “Bộ TNMT thông tin về tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước biển”, *Viet Nam News*, 14/10/2016. Truy cập tại: <<http://vietnamnews.vn/society/344438/monre-highlights-severe-seawater-pollution.html#x8r3r8m7DV67v1DR.97>> truy cập ngày 15/2/2019.

^[6] Bài trích dẫn, *VN Express*

^[7] Kết quả một khảo sát gần đây cho thấy 'người tiêu dùng ngày nay mong đợi các công ty du lịch lồng ghép tính bền vững trong các sản phẩm, dịch vụ của họ'. Phần lớn người được hỏi (70%) tin rằng các công ty nên cam kết giữ gìn môi trường tự nhiên và 55% đảm bảo điều kiện làm việc công bằng. Với một câu hỏi khác, 75% người tiêu dùng cho biết muốn có một kỳ nghỉ có trách nhiệm hơn và 66% muốn có phạm vi tìm kiếm rộng hơn cho các kỳ nghỉ 'xanh' thân thiện với môi trường. *Op.cit.*, *CREST* p 2.

được chính quyền địa phương quản lý giống như các cơ sở lưu trú du lịch khác (khách sạn, khu nghỉ dưỡng). Nhóm Công tác Du lịch cho rằng không cần thêm quy định, điều kiện hoặc giấy phép kinh doanh cho condotel vì điều này không phù hợp với chính sách đơn giản hóa thủ tục và điều kiện kinh doanh của Chính phủ, gây khó khăn cho các nhà đầu tư dự án và cơ sở quản lý, vận hành condotel.

Về quyền sở hữu tài sản (căn hộ, biệt thự condotel), chúng tôi ủng hộ đề xuất của Hiệp hội Bất động sản Việt Nam (VNREA) nêu trong Văn bản số 03/2017/BC-VNREA ngày 24 tháng 2 năm 2017 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ du lịch (hoặc biệt thự du lịch) cho người mua condotel, thời hạn sở hữu theo thời hạn dự án. Chúng tôi cũng đề nghị áp dụng các quy định về chuyển nhượng hợp đồng mua bán condotel (căn hộ, biệt thự), tương tự như các quy định áp dụng cho nhà ở được thiết lập trong tương lai. Những đề xuất này nhằm mục đích tăng cường bảo vệ quyền sở hữu và tính thanh khoản của các giao dịch tài sản condotel cho người mua là nhà đầu tư thứ cấp.

Để hỗ trợ các chủ dự án, chúng tôi muốn đề xuất ban hành một bộ tiêu chuẩn xây dựng condotel vì các tiêu chuẩn xây dựng cho các tòa nhà chung cư hoặc khách sạn cao tầng không thể được áp dụng cho các công trình xây dựng condotel.

Về việc bán bất động sản condotel cho các cá nhân nước ngoài, Nhóm Công tác Du lịch mong muốn đề xuất Chính phủ ban hành các chính sách và biện pháp hiệu quả để khuyến khích lĩnh vực này, với mục đích thu hút các nguồn đầu tư thứ cấp vào các dự án condotel và tăng lượng khách quốc tế chi tiêu cao.

4. Vận tải hàng không và cơ sở hạ tầng

Ngành hàng không của Việt Nam đã có bước phát triển ấn tượng, theo định hướng các nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể nhằm phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 1 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương (cụ thể, ngành được kỳ vọng sẽ thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỉ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỉ USD để đến năm 2030 thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, hàng không và cơ sở hạ tầng sân bay vẫn được coi là một trong những điểm nghẽn đối với quá trình phát triển du lịch Việt Nam. Để thực hiện thành công Nghị quyết số 08-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, chúng tôi muốn giải quyết tình trạng và các vấn đề đang gặp phải của ngành hàng không Việt Nam cũng như các khuyến nghị đưa ra bởi cộng đồng doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề này:

Chính sách Bầu trời mở và tự do hóa vận tải hàng không là một chính sách hàng không được áp dụng lần đầu tiên ở Hoa Kỳ vào những năm 1970, sau đó lan sang châu Âu trong thập niên 1980, và mở rộng sang các nước châu Á. Cho đến nay, chính sách này đã trở thành một xu hướng phổ biến trên toàn thế giới. Các nguyên lý cơ bản của chính sách tự do hóa vận tải hàng không nhằm mục đích:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp phép kinh doanh vận tải hàng không
- Nhượng quyền khai thác thương mại dễ dàng cho các chuyến bay trong nước và quốc tế
- Giảm thiểu hoặc thậm chí loại bỏ tất cả các hạn chế theo các hiệp định song phương và đa phương liên quan đến số lượng hãng hàng không, số lượng sân bay, số tuyến đường hàng không, số chuyến bay, số ghế/sức chứa, v.v.
- Nói lỏng quy định về đầu tư nước ngoài vào các hãng hàng không trong nước, và
- Tự do hóa ngành hàng không nói chung, bao gồm tất cả các hoạt động hàng không dân dụng khác bên cạnh vận tải hàng không.

So với 30 năm trước, khi ngành hàng không Việt Nam chính thức trở thành một ngành dân sự (tách khỏi Bộ Quốc phòng), chính sách của Việt Nam liên quan đến các vấn đề nêu trên đã được cải thiện ngày càng cởi mở hơn. Tuy nhiên, so với các chính sách hàng không của nhiều quốc gia khác trên thế giới và ngay cả những nước trong khu vực ASEAN, Việt Nam vẫn còn tụt hậu đáng kể về tự do hóa hàng không.

Số lượng hãng hàng không thành lập tại Việt Nam được cấp phép khai thác thương mại vận chuyển hàng không ít hơn đáng kể so với 6 nước hàng đầu ASEAN, dao động từ 4 đến 15 so với con số 4 hãng hiện nay tại Việt Nam.

Thái Lan nổi tiếng là điểm đến du lịch quốc tế cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam nhưng cũng là quốc gia mà chúng ta có thể học hỏi nhiều kinh nghiệm từ quá trình phát triển đồng bộ ngành du lịch và hàng không. Thái Lan áp dụng chính sách tự do hóa hàng không mang tính cởi mở thứ hai trong số các nước ASEAN (chỉ đứng sau Singapore không có thị trường hàng không nội địa), đặc biệt là trong vấn đề cấp phép thành lập hãng hàng không và giấy phép kinh doanh vận tải hàng không, cũng như đầu tư nước ngoài vào các hãng hàng không. Mặc dù dân số chỉ tương đương 72% dân số Việt Nam, Thái Lan có số lượng hãng hàng không cao gấp bốn lần so với Việt Nam (trong đó có bốn hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm Thai Vietjet Air - một công ty liên kết của Vietjet Air). Ngoài trừ các yêu cầu tiêu chí được quy định rõ ràng, Thái Lan không đặt ra bất kỳ rào cản nào liên quan đến chính sách đối với việc đầu tư và vận hành các doanh nghiệp vận tải hàng không trong nước hoặc quốc tế. Nhờ số lượng hãng hàng không cao hơn, Thái Lan đã trở thành thị trường du lịch quốc tế cạnh tranh nhất về giá tour, dịch vụ du lịch và dịch vụ vận tải hàng không trong khu vực.

Hiện tại, vùng trời cho hàng không chung chưa được thiết lập và công bố. Các doanh nghiệp hàng không nói chung nằm dưới sự kiểm soát của Bộ Quốc phòng, chứ không phải Bộ Giao thông vận tải, trong khi hoạt động của họ hoàn toàn là dân sự.

Nghị định 125/2015/ND-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay giao trách nhiệm xây dựng bản đồ đường bay theo quy tắc bay bằng mắt (gọi chung là chuyến bay VFR) cho các doanh nghiệp khai thác hoạt động hàng không chung, trong khi đó đây phải là trách nhiệm của các cơ quan chức năng. Xây dựng đường bay như một điều kiện cấp giấy phép bay cũng không phù hợp với đặc điểm của hàng không chung: khu vực chuyến bay thường không thể sửa chữa do tính linh hoạt của các hoạt động khẩn cấp, cứu hộ, v.v.

Quy định về việc duy trì Giấy phép bay cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung. Nghị định 92 đưa ra một số yêu cầu liên quan đến việc đảm bảo mức vốn tối thiểu, đảm bảo thời gian cấp Chứng chỉ nhà khai thác bay. Những quy định này không khả thi để đảm bảo cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nguồn nhân lực

Nghị quyết 08 đặt mục tiêu cho ngành du lịch tạo ra 4 triệu việc làm trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp vào năm 2020. Nghị quyết cũng bao gồm một kế hoạch hành động chi tiết để phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020, đó là: (i) Nhà nước có chính sách thu hút đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực du lịch, (ii) tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo du lịch thông qua đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế, (iii) đa dạng hóa các hình thức đào tạo du lịch, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong đào tạo và (iv) tập trung nâng cao kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và đạo đức cho lực lượng lao động ngành Du lịch. Những sáng kiến này cho thấy du lịch là một trong những lĩnh vực quan trọng đòi hỏi nỗ lực không ngừng từ Chính phủ cũng như khu vực tư nhân.

Mặc dù Việt Nam đang hội nhập sâu hơn vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ngành du lịch và khách sạn vẫn tiếp tục đối mặt với tình trạng thiếu hụt kỹ năng ở tất cả các cấp so với các nước trong khu vực. Với tốc độ phát triển hiện nay của ngành du lịch Việt Nam và vai trò then chốt trong việc đóng góp vào nền kinh tế, yêu cầu phát triển lực lượng lao động có trình độ cao trong ngành này càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Một số biện pháp nhằm giải quyết vấn đề đã bắt đầu được triển khai. Các Quyết định này đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch tại Việt Nam hiện nay, cũng như tuân thủ Bộ tiêu chuẩn năng lực chung trong ASEAN về nghề Du lịch (ACCSTP) theo Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN về nghề du lịch (MRA-TP). Tuy nhiên, thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn này đòi hỏi sự hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để xây dựng giải pháp phù hợp.

Tăng số lượng lao động được đào tạo và có trình độ trong ngành du lịch và khách sạn sẽ nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Đổi lại, điều đó sẽ có tác động tích cực đến danh tiếng của Việt Nam. Các dịch vụ tốt hơn cũng dẫn tới khả năng cạnh tranh cao hơn và nhiều du khách hơn, tăng đóng góp GDP tiềm năng và nguồn thu của Chính phủ. Du lịch là một ngành quan trọng đối với đất nước, do đó, cũng có thể có những tác động tích cực đối với các ngành công nghiệp khác, cải thiện trình độ kỹ năng tổng thể trong chuỗi cung ứng. Điều này sẽ giúp tăng việc làm và tiền lương cho người dân địa phương.

Yêu cầu quan trọng đặt ra là đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của ngành du lịch tại Việt Nam. Trong bối cảnh hiện đại, điều này chú trọng nhiều hơn vào các kỹ năng "mềm" như dịch vụ khách hàng, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện. Phần lớn hoạt động đào tạo này được thực hiện dưới hình thức "vừa học vừa làm" hoặc thông qua các khóa học ngắn hạn thay vì chỉ duy nhất các khóa học chính quy dài hạn như trước đây. Cùng với sự hỗ trợ của công nghệ tự động hóa thay cho nhiều công việc mang tính lặp đi lặp lại, vai trò tương tác của con người trở nên quan trọng hơn bao giờ hết đối với Việt Nam trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Quảng bá điểm đến

Ngành kinh doanh du lịch có tính chất phức tạp và phân mảnh. Trong suốt thời gian lưu trú của du khách từ lúc đến cho đến khi rời đi, việc cung cấp trải nghiệm và những giá trị tuyệt vời phụ thuộc vào nhiều cơ quan, tổ chức phối hợp cùng nhau và chia sẻ tài nguyên nếu có thể. Đây là thách thức chủ yếu trong khu vực vẫn còn nhiều hạn chế về quá trình phối hợp và trao đổi thông tin giữa khu vực công và tư nhân cũng như giữa các công ty khu vực tư nhân với nhau.

Hầu hết các vấn đề quản lý điểm đến phát sinh trong khu vực cần được giải quyết ở cấp tỉnh. Đây là nút thắt đòi hỏi cải thiện cơ cấu hiện tại của Chính phủ. Do đó, điều quan trọng là các cấu trúc quản trị hiệu quả cho du lịch được thiết lập tại cấp địa phương, đặc biệt liên quan đến quy trình lập ngân sách và làm rõ mức độ phân quyền. Nhiều dịch vụ quan trọng đối với ngành du lịch được cung cấp ở cấp địa phương, đây cũng là nơi thể hiện rõ nhất các tác động môi trường và kinh tế xã hội tích cực và tiêu cực từ du lịch, đòi hỏi phải có kế hoạch và quản lý bền vững. Do đó, đội ngũ làm du lịch ở cấp địa phương được trao quyền thực hiện nhiệm vụ cần được cấp phát ngân sách kịp thời để triển khai công việc, xây dựng kế hoạch hành động và đảm bảo hoàn thành dự án. Về hoạt động quảng bá điểm đến, quan hệ đối tác công tư đã được triển khai trên toàn thế giới và được chứng minh là mang lại lợi ích chung cho cả hai bên.

Marketing kỹ thuật số và marketing mạng xã hội thông qua Facebook, Google, YouTube và Instagram có hiệu quả chi phí cao hơn so với marketing truyền thống và cho phép tạo các nội dung hướng đến

khách du lịch. Ngày càng có nhiều khách du lịch trên khắp thế giới lên mạng để lập kế hoạch và lựa chọn điểm đến cho kỳ nghỉ sắp tới. Trên thực tế, điện thoại thông minh hiện là một phần thiết yếu của lĩnh vực du lịch, lữ hành, và gia đình và xã hội là những người có ảnh hưởng quan trọng nhất đến quyết định du lịch. Đánh giá trực tuyến và quảng cáo trên Internet cũng là những yếu tố thúc đẩy hàng đầu đối với nhu cầu du lịch. Tại Việt Nam, công nghệ thông tin đã được cải thiện rất nhiều, cả về công suất khai thác và tỷ lệ sử dụng. Sự phát triển như vậy cho thấy sự hiện diện trực tuyến của Việt Nam đang tăng lên.

Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp hạng Việt Nam ở vị trí 80 trên toàn cầu về hiệu quả marketing và xây dựng thương hiệu du lịch nhằm thu hút du khách. Ngoài ra, Việt Nam cũng đạt 4 trên 7 điểm trong Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Lữ hành và Du lịch 2017. Tuy vậy, so sánh với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam vẫn còn thua xa các nước ASEAN khác như Thái Lan, Indonesia và Philippines về marketing và xây dựng thương hiệu điểm đến.

Marketing kỹ thuật số và marketing mạng xã hội thông qua Facebook, Google, YouTube và Instagram có hiệu quả chi phí cao hơn so với marketing truyền thống và cho phép tạo các nội dung hướng đến khách du lịch. Ngày càng có nhiều khách du lịch trên khắp thế giới lên mạng để lập kế hoạch và lựa chọn điểm đến cho kỳ nghỉ sắp tới. Trên thực tế, điện thoại thông minh hiện là một phần thiết yếu của lĩnh vực du lịch, lữ hành, và gia đình và xã hội là những người có ảnh hưởng quan trọng nhất đến quyết định du lịch. Đánh giá trực tuyến và quảng cáo trên Internet cũng là những yếu tố thúc đẩy hàng đầu đối với nhu cầu du lịch. Tại Việt Nam, công nghệ thông tin đã được cải thiện rất nhiều, cả về công suất khai thác và tỷ lệ sử dụng. Sự phát triển như vậy cho thấy sự hiện diện trực tuyến của Việt Nam đang tăng lên.

Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp hạng Việt Nam ở vị trí 80 trên toàn cầu về hiệu quả marketing và xây dựng thương hiệu du lịch nhằm thu hút du khách. Ngoài ra, Việt Nam cũng đạt 4 trên 7 điểm trong Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Lữ hành và Du lịch 2017. Tuy vậy, so sánh với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam vẫn còn thua xa các nước ASEAN khác như Thái Lan, Indonesia và Philippines về marketing và xây dựng thương hiệu điểm đến.

Vài con số so sánh: Bộ Du lịch Thái Lan được nhận ngân sách hàng năm là 80 triệu USD trong năm 2015. Bộ Du lịch và Văn hóa Malaysia chi khoản ngân sách tương tự trị giá 81,6 triệu USD trong năm 2015. Bộ Du lịch Philippines được cấp ngân sách 54,2 triệu USD trong năm 2015. Ấn tượng hơn nữa, Hồng Kông đã chi ngân sách 240 triệu USD để đầu tư cho hoạt động marketing, thu hút du lịch hội nghị, triển lãm (MICE) và nhiều biện pháp phát triển khác cho ngành du lịch trong năm 2016/17.

Tầm quan trọng của ngành lữ hành và du lịch đối với nền kinh tế của Việt Nam là không thể phủ nhận: Ngành này gián tiếp tạo ra giá trị kinh tế gần 10% GDP. Bên cạnh đó, vì mục tiêu đầy tham vọng của Chính phủ là phát triển du lịch thành một ngành mũi nhọn của nền kinh tế, cần ghi nhận sự đóng góp của ngành đối với phúc lợi kinh tế xã hội của Nhà nước và hỗ trợ ngành phát triển thông qua một kế hoạch chiến lược hiệu quả để marketing du lịch quốc tế.

III. Khuyến nghị:

Nhóm Công tác Du lịch xin trình bày với Thủ tướng và các Bộ ngành hữu quan một số khuyến nghị như sau:

- **Hỗ trợ thị thực**

- Cấp miễn thị thực cho công dân từ Úc và New Zealand, Canada, tất cả các quốc gia EU-27 phù hợp với EVFTA và Thụy Sĩ.
- Gia hạn tạm trú miễn thị thực đến 30 ngày tiêu chuẩn.
- Dỡ bỏ quy định hạn chế không được quay trở lại Việt Nam trong vòng 30 ngày đối với du khách được miễn thị thực.
- Trang web chính thức cho việc nộp hồ sơ xin thị thực điện tử nên được nâng cấp để cải thiện bảo mật, tốc độ truy cập, giao diện và tối ưu hóa các tính năng sử dụng trên điện thoại di động.
- Cho phép lựa chọn tải lên hình ảnh bên cạnh việc nhập dữ liệu thủ công.
- Chỉ sử dụng một tên miền chính thức được công bố và nhấn mạnh công khai trên tất cả các trang web của Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài.
- Khuyến khích tất cả nhân viên Đại sứ quán Việt Nam sử dụng địa chỉ email của đại sứ quán chứ không phải gmail và các địa chỉ cá nhân khác.
- Cho phép nộp hồ sơ xin thị thực điện tử cho nhiều lần nhập cảnh và thị thực 90 ngày.
- Thị thực nhập cảnh sân bay (lấy tại sân bay)
- Dỡ bỏ yêu cầu về thư chấp thuận và theo thông lệ của các nước ASEAN khác.
- Xây dựng quy định, hướng dẫn nhất quán và chính thức để chia sẻ trên tất cả các nền tảng trực tuyến chính thức, bao gồm các trang web của Đại sứ quán và Bộ ngành.
- Cho phép tự in thị thực để tránh chậm trễ và xuất trình thị thực tự in tại quầy nhập cảnh như trường hợp của Campuchia.

- **Bền vững về môi trường**

- Các cơ quan quy hoạch đô thị và quản lý du lịch thành phố cần hiểu rõ tầm quan trọng của tài sản di sản với vai trò là nguồn lực kinh tế và quốc gia quan trọng cũng như công nhận giá trị kinh tế và nhu cầu cần được bảo tồn cẩn thận. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần đầu tư vào các công nghệ thuyết minh cao cấp tại các bảo tàng, di tích lịch sử và di sản (Huế, Hội An, Điện Biên Phủ, v.v.).
- Giữ gìn các bãi biển sạch sẽ và ưu tiên phát triển đa dạng, bền vững.
- Áp dụng cách tiếp cận có hệ thống hơn để đảm bảo phát triển bền vững trong du lịch. Có chính sách ưu đãi để khuyến khích cam kết và hành động có trách nhiệm của các bên liên quan.
- Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và hỗ trợ phát triển kinh tế. Thúc đẩy các hoạt động trực tiếp mang lại lợi ích cho người dân địa phương và quảng bá văn hóa đặc trưng địa phương.
- Tăng cường năng lực của các tổ chức phi lợi nhuận địa phương và thiết lập khuôn khổ cho các hoạt động 'tình nguyện'.
- Phổ biến những lời khuyên, tư vấn hữu ích cho khách du lịch bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm, chẳng hạn như ứng xử như thế nào với trẻ em bán đồ lưu niệm trên đường phố hoặc ăn xin, lạm dụng tình dục, thăm trường học hoặc trại trẻ mồ côi, v.v.
- Cung cấp các hướng dẫn, chẳng hạn như “những điều nên và không nên làm cho khách du lịch” tại các địa điểm di sản và tâm linh để tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc tương tác với người dân địa phương và nâng cao nhận thức của khách du lịch nước ngoài về phong tục địa phương.
- Khuyến khích các trải nghiệm cho phép khách du lịch tương tác với người dân địa phương theo những cách có ý nghĩa và tạo điều kiện phát triển các sáng kiến du lịch dựa vào cộng đồng.
- Tăng cường năng lực của các bên liên quan trong vấn đề phát triển du lịch có trách nhiệm và sáng kiến hỗ trợ do người dân địa phương đề xuất hoặc các sáng kiến nhằm mang lại lợi ích

cho họ, để phát triển các hoạt động sinh kế tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của du lịch, và;

- **Quy định về condotel**

- Không áp dụng thêm các quy định, điều kiện hoặc giấy phép kinh doanh đối với condotel vì điều này không phù hợp với chính sách đơn giản hóa thủ tục và điều kiện kinh doanh của Chính phủ, gây khó khăn cho các nhà đầu tư dự án và quản lý, vận hành condotel.
- Phê duyệt việc cấp Giấy chứng nhận sở hữu căn hộ du lịch (hoặc biệt thự du lịch) cho người mua condotel, thời hạn sở hữu theo thời hạn dự án.
- Ban hành một bộ tiêu chuẩn xây dựng condotel vì các tiêu chuẩn xây dựng cho các tòa nhà chung cư hoặc khách sạn cao tầng không thể được áp dụng cho các công trình xây dựng condotel.

- **Quy hoạch dài hạn để phát triển sân bay và chính sách bầu trời mở**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không trong nước và quốc tế cho các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định để có các hãng hàng không mới gia nhập thị trường.
- Trong quá trình thực hiện mục tiêu dài hạn là tiến tới mở cửa hoàn toàn bầu trời ASEAN bằng cách phê chuẩn Gói cam kết thứ 5, tiến tới Gói thứ 7, về Tự do hóa quyền giao thông nội khối ASEAN, về ngắn hạn, cần đánh giá toàn diện tất cả các hiệp định hàng không giữa Việt Nam và các nước khác và đàm phán sửa đổi theo hướng tự do hóa vận tải hàng không quốc tế liên quan đến các quy định liên quan đến chỉ định hãng hàng không, đường bay, tần suất chuyến bay, quyền thương mại trong vận tải hàng không (mở rộng trao đổi quyền thương mại số 5).
- Xem xét và loại bỏ các rào cản kỹ thuật bao gồm đơn giản hóa và hài hòa các tiêu chuẩn xung quanh việc cấp chứng chỉ (phi công, tiếp viên, kỹ sư, nhân viên sân bay, thợ kỹ thuật, v.v.) và chứng nhận của các hãng hàng không/máy bay/tài sản hạ tầng để đạt được thỏa thuận công nhận lẫn nhau về giấy phép và chứng chỉ chuyên môn vì hiệu quả chi phí và an toàn.
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng sân bay tại Việt Nam.
- Tăng tốc độ mở rộng của sân bay Tân Sơn Nhất.
- Tăng tốc và đảm bảo tiến độ đầu tư của sân bay Long Thành.
- Xem xét các công trình quy hoạch để chủ động điều chỉnh và đầu tư vào việc mở rộng sân bay Nội Bài, Phú Bài, Đà Nẵng và các sân bay quốc tế khác nhằm tháo gỡ vướng mắc trong tương lai.
- Khuyến khích và hỗ trợ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng cho ngành hàng không chung.

- **Khuyến nghị về nguồn nhân lực**

- Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nên hợp tác để nâng cao nhận thức và cung cấp các quy trình để triển khai hiệu quả Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia dành cho Phục vụ Buồng và Lễ tân.
- Các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cần được xây dựng cho các nghề khác trong ngành du lịch và khách sạn để nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam như một điểm đến du lịch trong khu vực.
- Vai trò của Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ Du lịch (VTCB) cần được nâng cao trong việc đánh giá, đào tạo và cấp chứng nhận cho những người lao động đã có kinh nghiệm thực tế nhưng chưa được đào tạo chính quy.
- Hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân cần được tăng cường để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề trong lĩnh vực du lịch cho cả học viên và giảng viên.

- Đảm bảo mối liên kết hợp tác bền vững giữa trường nghề và doanh nghiệp bằng cách tạo ra các cơ chế, chính sách và giải thưởng đề tôn vinh các doanh nghiệp tích cực tham gia đào tạo du lịch.
 - rà soát và tái cơ cấu mạng lưới cơ sở đào tạo du lịch để đảm bảo các trường có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ đào tạo chất lượng.
 - Tạo điều kiện dạy ngoại ngữ cho nguồn nhân lực du lịch. Điều này sẽ không chỉ góp phần tạo nên dịch vụ chất lượng cao trong ngành du lịch, mà còn giúp đảm bảo người dân địa phương có đủ điều kiện để đạt được vị thế quan trọng trong ngành.
 - Thu hút thêm các công ty giáo dục mở văn phòng tại Việt Nam với các phương pháp giảng dạy định hướng quốc tế hơn và tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam có cơ hội tham gia thi chứng chỉ quốc tế về du lịch và khách sạn. Chính phủ hỗ trợ tài chính cho các dự án có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển chuyên nghiệp của lĩnh vực du lịch và khách sạn, và,
 - Tạo điều kiện hợp tác và chuyển giao kiến thức, công nghệ giữa các cơ sở đào tạo và ngành khách sạn và du lịch, tức là tăng cường cơ hội đào tạo nghề song song để đào tạo theo hướng thực hành theo hình thức “vừa học vừa làm” để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngày càng tăng đối với nguồn nhân lực có trình độ trong ngành khách sạn, du lịch và tổ chức sự kiện.
- **Quảng bá điểm đến**
 - Phân bổ hợp lý hơn cho quỹ xúc tiến du lịch quốc gia từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ xúc tiến du lịch.
 - Tạo điều kiện phát triển quan hệ đối tác công-tư để quản lý và vận hành hiệu quả quỹ xúc tiến du lịch, nhằm mục đích đưa Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu trong ASEAN.
 - Tập trung nỗ lực quảng bá vào các thị trường mục tiêu với số lượng khách cao và ổn định, có xu hướng lưu trú trong một thời gian dài, ghé thăm thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi đi du lịch tại Việt Nam.
 - Tăng cường quảng bá hình ảnh của Việt Nam đồng thời tiết kiệm chi phí bằng cách sử dụng các ứng dụng kỹ thuật số dễ sử dụng trên điện thoại thông minh và các kênh marketing mạng xã hội để xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp cũng như cung cấp thông tin toàn diện và hữu ích cho khách du lịch.
 - Tài trợ kinh phí không chỉ cho các hoạt động quảng bá mà cả các sáng kiến hỗ trợ mục tiêu dài hạn của ngành. Những sáng kiến này bao gồm bảo tồn văn hóa và môi trường, phát triển sản phẩm và cải thiện cơ sở hạ tầng.
 - Thiết lập và tăng cường các cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp, hiệp hội và khu vực công liên quan đến du lịch, thường xuyên hợp tác với các nhóm, hiệp hội ngành và điều phối cơ cấu tổ chức.
 - Thiết lập cơ chế phối hợp trên toàn khu vực để tập trung và tối đa hóa hành động của các tỉnh để đạt hiệu quả hợp tác đồng bộ hơn, và
 - Mở các trung tâm xúc tiến và thông tin du lịch trên toàn cầu, có thể sử dụng công nghệ ảo, sau khi các hạn chế về thị thực được cải thiện để giới thiệu Việt Nam ra thế giới. Các tiêu chuẩn trang web du lịch Việt Nam cũng cần được cải thiện hơn nữa.

V. PHỤ LỤC

CÁC BÁO CÁO KHÁC

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÀNH Ô TÔ - XE MÁY

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Ô tô - Xe máy
Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam*

A. CÁC NỘI DUNG DO NGÀNH Ô TÔ ĐỀ XUẤT

I. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ:

Tôi xin được gửi lời cảm ơn và hoan nghênh các nỗ lực của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cũng như hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp nói chung.

Chúng tôi tin rằng một giải pháp đồng bộ cần được thực thi dựa trên:

- Nhóm chính sách nhằm duy trì và thúc đẩy thị trường ô tô tăng trưởng ổn định và dài hạn
- Nhóm chính sách hỗ trợ để giảm chênh lệch chi phí sản xuất giữa xe CKD và xe CBU
- Cần có chính sách cho việc phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phát triển sản xuất trong nước.

Để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, tôi xin chỉ ra một số vấn đề then chốt của ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam như sau:

1. Năng lực đáp ứng yêu cầu về chất lượng/chi phí/giao hàng (QCD) của nhà cung cấp

Ngành công nghiệp ô tô có hệ thống cung cấp phức tạp và nhiều tầng (nhà cung cấp cấp 1, cấp 2, cấp 3 và nhà cung cấp nguyên vật liệu), trong đó mỗi tầng lại bao gồm rất nhiều nhà cung cấp khác nhau. Nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 cần phải tuân thủ chặt chẽ yêu cầu sản xuất như chất lượng/chi phí/giao hàng (QCD) trong khi nhà cung cấp cấp 1 cần thỏa mãn thêm yêu cầu về năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D). Vì vậy, phát triển nhà cung cấp cần rất nhiều nỗ lực, thời gian & khả năng đầu tư. Tuy nhiên, không nhiều nhà cung cấp đáp ứng được tiêu chuẩn QCD để tham gia chuỗi cung cấp toàn cầu. Cũng như các nhà cung cấp Việt Nam cần có bản quyền hoặc chuyên giao công nghệ hoặc thỏa thuận cấp phép từ các nhà cung cấp chính hãng.

2. Các chính sách hiện hành đối với ngành công nghiệp hỗ trợ không thể giải quyết được vấn đề có tính hệ thống do quy mô sản lượng nhỏ và thuế nhập khẩu xe CBU về 0% từ năm 2018

Mặc dù đã có một số Quyết định hoặc Nghị định để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ đã được ban hành. Tuy nhiên thực tế không có quá nhiều nhà cung cấp có thể được hưởng theo chính sách vì không thể giải quyết được vấn đề có tính hệ thống do quy mô sản lượng nhỏ và thuế nhập khẩu xe CBU về 0% từ năm 2018. Đồng thời, thủ tục đăng ký khá phức tạp. Chúng tôi xin đề xuất như sau:

Đối với Chính phủ

- Chính phủ nên có ưu đãi đầu tư cho các nhà sản xuất và nhà cung cấp để họ có thể đầu tư máy móc, khuôn và đồ gá... nhằm nội địa hóa linh kiện, qua đó giúp giảm bớt tác động bất lợi của quy mô sản lượng thấp.
- Không áp dụng thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu dùng để sản xuất linh kiện, phụ tùng.

- Mời các nhà cung cấp chính tham gia vào các cuộc đối thoại về ngành ô tô và thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các điểm thảo luận rõ ràng, sau đó cần báo cáo Thủ tướng thường xuyên hơn để cải thiện tính khả thi của chính sách ban hành.

Đối với các nhà cung cấp:

- Chúng tôi cho rằng các nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 không nên đặt tham vọng “nhảy cóc” lên thành nhà cung cấp cấp 1 trong ngắn hạn mà nên tập trung đáp ứng các yêu cầu về QCD.
- Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nên tham gia các chương trình kết nối cơ sở dữ liệu và kinh doanh, xây dựng thông tin giới thiệu công ty đầy đủ và hấp dẫn.

Đối với các nhà sản xuất ô tô:

- Chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp các hướng dẫn về việc tuyển chọn nhà cung cấp, các điều kiện tuyển chọn và danh sách các linh kiện chúng tôi có kế hoạch nội địa hóa để các nhà cung cấp tiềm năng cân nhắc. Chúng tôi cũng mở rộng cơ hội tuyển chọn nhà cung cấp không phân biệt các nhà cung cấp có vốn đầu tư nước ngoài hay nhà cung cấp trong nước.
- Ngoài ra, chúng tôi có thể giúp đỡ các nhà cung cấp trong nước tiềm năng phát triển năng lực QCD và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

II. Kiến nghị liên quan đến Nghị định 116/2017/NĐ-CP quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

1. Yêu cầu thử nghiệm đối với từng lô xe nhập khẩu:

Sau khi Nghị định 116 được ban hành và có hiệu lực đối với ô tô nhập khẩu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, các thành viên của chúng tôi đã nỗ lực triển khai đáp ứng các yêu cầu đưa ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chúng tôi gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là với **yêu cầu thử nghiệm đối với từng lô xe nhập khẩu**. Gánh nặng phát sinh khi cùng một kiểu loại xe nhập khẩu, không có điểm nào khác biệt về thông số kỹ thuật, mà vẫn phải thử nghiệm khí thải và an toàn theo từng lô hàng dẫn đến thời gian cần để hoàn thành thử nghiệm, chúng nhận cho lô sản phẩm khá dài. Việc này làm tăng chi phí, khách hàng mua xe đang phải chờ đợi trong thời gian dài.

Chúng tôi xin được khẩn thiết đề nghị VPCP và Bộ GTVT xem xét sửa đổi các quy trình kiểm tra thử nghiệm xe ô tô nhập khẩu theo hướng áp dụng quản lý trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Ví dụ: Việc thử nghiệm khí thải và an toàn chỉ phải áp dụng cho mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe ở lô hàng nhập khẩu đầu tiên. Báo cáo thử nghiệm này được chấp nhận cho các lô hàng tiếp theo của cùng kiểu loại mà không cần thử nghiệm lại dựa trên khả năng đáp ứng các điều kiện đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và tuân thủ của doanh nghiệp.

Đây là vấn đề cấp bách và đã gây khó khăn cho tất cả các nhà sản xuất xe. Kể từ khi quy định được ban hành, chúng tôi từng gửi thư kiến nghị đến VPCP và Bộ GTVT nhiều lần nhưng vẫn chưa nhận được những giải pháp hữu hiệu và kịp thời cho vấn đề này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin đề nghị Bộ GTVT và Cục đăng kiểm VN nhanh chóng thành lập trung tâm thử nghiệm khí thải miền Nam nhằm giảm tải cho các trung tâm hiện giờ.

2. Các quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô

Nghị định 116/2017/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ đã có hiệu lực từ ngày 17 tháng 4 năm 2019 đối với các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô. Tuy nhiên, hướng dẫn triển khai của nghị định cho

các điều khoản áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp vẫn chưa được ban hành. Điều này đã làm cho các nhà sản xuất xe rất lúng túng trong quá trình triển khai và gây nhiều quan ngại. Chúng tôi rất mong Chính phủ, Bộ GTVT có thể nhanh chóng ban hành hướng dẫn này để tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi được thuận lợi hơn.

Cùng với đó, chúng tôi có một số đề xuất cho dự thảo thông tư mới. Rất mong được Bộ GTVT xem xét chấp thuận.

Đối với xe ô tô:

- **Quy trình cấp Giấy chứng nhận cho các xe đang sản xuất theo thông tư mới.**

Sau khi thông tư mới có hiệu lực, tất cả các kiểu loại xe đang sản xuất cần được làm chứng nhận lại để phù hợp với thông tư mới. Trong quá trình làm chứng nhận, chúng tôi xin đề xuất Bộ GTVT xem xét chấp thuận kết quả đánh giá COP theo thông tư 30 & 54, các báo cáo thử nghiệm còn hiệu lực (Các báo cáo an toàn và khí thải đã sử dụng để cấp Giấy chứng nhận trước đó) sẽ được tiếp tục sử dụng để lấy Giấy Chứng nhận theo thông tư mới.

Lí do: Các báo cáo thử nghiệm đã được cấp dựa trên các Quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) và Quy chuẩn này không có sự thay đổi ở thời điểm hiện tại. Các xe đang được sản xuất cũng không hề có điểm thay đổi.

- **Đánh giá CoP lần đầu theo thông tư mới.**

Chúng tôi hiểu rằng ngay khi thông tư mới có hiệu lực, chúng tôi cần sẵn kết quả đánh giá nhà máy phù hợp với thông tư mới để có thể tiếp tục sản xuất, lắp ráp. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, giảm tải các hoạt động cùng xảy ra ngay tại thời điểm thông tư có hiệu lực. Chúng tôi xin đề xuất Bộ GTVT kết hợp lần đánh giá đầu tiên để phù hợp với thông tư mới cùng lần đánh hàng năm tiếp theo của các doanh nghiệp.

Đối với linh kiện:

- **Giấy Chứng nhận kiểu loại linh kiện.**

Với các Giấy Chứng nhận kiểu loại linh kiện đã được cấp trước và còn hiệu lực tại thời điểm thông tư có hiệu lực, đã phù hợp với các điều kiện của nghị định 116/2017/NĐ-CP, chúng tôi kính đề nghị Quý Cục gia hạn hiệu lực các Giấy này với thời hạn 36 tháng theo đúng tinh thần của nghị định 116/2017/NĐ-CP.

- **Với các kết quả đánh giá CoP của các nhà máy sản xuất linh kiện nước ngoài.**

Theo như tinh thần chỉ đạo trong cuộc họp giữa Vụ Khoa học Công nghệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam và các doanh nghiệp ngày 22 tháng 1 năm 2019 về dự thảo nội dung thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP, với các nhà sản xuất linh kiện ở nước ngoài, đánh giá CoP lần đầu sẽ được thực hiện bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam, từ các lần tiếp theo Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ chấp nhận kết quả đánh giá CoP của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (ECE CoP).

Với cùng tinh thần chỉ đạo trên, chúng tôi xin đề xuất Bộ GTVT cùng với Cục Đăng kiểm xem xét chấp thuận rằng với nhà máy sản xuất linh kiện nước ngoài đã từng được đánh giá bởi Cục Đăng Kiểm Việt Nam thì được xem như đã đánh giá lần đầu. Các lần đánh giá tiếp theo chấp nhận kết quả đánh giá CoP của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (ECE CoP).

B. CÁC NỘI DUNG DO NGÀNH XE MÁY ĐỀ XUẤT

1. Giấy phép lái xe cho xe điện

Thời gian gần đây, việc sử dụng xe đạp điện, xe máy điện ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt với các em học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông. Chúng tôi nhận thấy rằng hiện tại các quy định cần thiết như đội mũ bảo hiểm, độ tuổi được phép lái xe vv.. vẫn còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng mất an toàn cho người điều khiển xe cũng như người tham gia giao thông. Dự thảo đề cương Luật giao thông đường bộ sửa đổi 2018 đã đề cập đến việc xem xét độ tuổi cũng như đào tạo kiến thức pháp luật cần thiết cho người điều khiển xe điện. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với dự thảo đề cương lần này và mong muốn các cơ quan liên quan nhanh chóng xem xét bổ sung để sớm ban hành chính thức quy định về độ tuổi thấp nhất được phép lái xe đạp điện, xe máy điện; cũng như quy định về giấy phép lái xe dành cho xe máy điện.

2. Quy định về kiểm soát khí thải xe máy

Xe máy hiện là phương tiện giao thông thiết yếu trong cuộc sống của người dân Việt Nam. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp xe máy cũng không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các quy định ngày càng chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn và tiêu chuẩn khí thải hướng tới những sản phẩm xanh hơn, sạch hơn. Từ năm 2017 Việt Nam đã áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 3 cho xe máy mới sản xuất. Liên quan đến xe đang lưu hành, chúng ta mới chỉ áp dụng kiểm định định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe ô tô còn với xe máy thì chưa áp dụng. Theo nghiên cứu, các nước có sử dụng nhiều xe máy tương tự như Việt Nam cũng đưa vào lộ trình áp dụng những mức tiêu chuẩn khí thải cao hơn cho xe máy cũng như áp dụng việc kiểm định khí thải cho loại phương tiện này từ nhiều năm trước như Đài Loan, Thái Lan, Indonesia... Do đó, với nỗ lực không ngừng nhằm cải tiến sản phẩm, mang tới cho người tiêu dùng những sản phẩm sạch hơn, về các khung quy định của pháp luật, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với dự thảo đề cương của Luật Giao thông đường bộ sửa đổi 2018, đề xuất áp dụng kiểm định khí thải với xe mô tô, xe gắn máy đang lưu hành nhằm góp phần cải thiện môi trường không khí. Việc kiểm tra khí thải nên có quy trình đơn giản, với chi phí thấp, thời gian đầu nhà nước nên có ngân sách hỗ trợ, kiểm tra miễn phí cho người dân, có thể xem xét xã hội hóa trong việc thành lập các trạm kiểm định khí thải để việc kiểm tra có thể tiến hành thuận tiện, hiệu quả, ít ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như gây tốn kém cho người dân. Chúng tôi cũng mong muốn Chính phủ sớm đưa ra lộ trình áp dụng khí thải Euro 4, Euro 5 cho các mẫu xe mới để các Doanh nghiệp có hướng đầu tư, chuẩn bị, tạo nên những sản phẩm tốt hơn cho khách hàng, thân thiện hơn với môi trường.

KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐƯA CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HIỆU QUẢ NHẤT TRÊN THẾ GIỚI ĐỂ ĐƯA NGÀNH KHAI KHOÁNG TRONG NƯỚC TRỞ THÀNH VAI TRÒ GIỮNG CỘT TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

Chuẩn bị bởi

Nhóm Công tác Khoáng sản

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Giữa kỳ

1. Triển vọng chung

Thăm dò và khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản quý hiếm chưa khai mở tại Việt Nam nếu được triển khai bằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), áp dụng công nghệ tiên tiến trên thế giới với phương thức thực hiện hiệu quả công việc, theo cách thức có trách nhiệm với môi trường, phát triển bền vững và an toàn, sẽ tạo nên sự khác biệt đột phá cho quá trình phát triển kinh tế, góp phần giảm nợ công của Việt Nam.

Thực hiện khai khoáng có trách nhiệm thông qua phương thức sử dụng công nghệ hiện đại thường được thực hiện ở những vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển. Khai thác khoáng sản từ lâu đã được coi là một trong những công cụ hiệu quả nhất giúp cải thiện, nâng cấp cơ sở hạ tầng trên toàn cầu. Các khu vực có mỏ tài nguyên khoáng sản thường là vùng đồi núi, cho nên đây cũng là những nơi có nền kinh tế xã hội khó khăn kém phát triển nhất đất nước, Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ. Các Công ty khai thác mỏ hiện đại không thể vận hành hiệu quả nếu không có cơ sở hạ tầng và hệ thống thông tin liên lạc tốt, do vậy các công ty khai khoáng có trách nhiệm là đơn vị tiên phong trong việc đóng góp, cung cấp để phát triển cơ sở hạ tầng. Những lợi ích cụ thể khác nữa của một đơn vị khai thác khoáng sản có trách nhiệm đó là góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo cho các khu vực vùng sâu vùng xa, khi đi vào vận hành, còn tạo cơ hội việc làm bền vững, tạo ra các đơn hàng cụ thể cho các doanh nghiệp hàng hóa dịch vụ tại địa phương.

Do vậy, khai khoáng hiện đại tại Việt Nam cũng đáp ứng được hai mục tiêu chính của Ngân hàng thế giới năm 2019 về Khung Hợp tác Quốc gia đề ra, đó là triển khai cơ sở hạ tầng và mở rộng sự tham gia kinh tế của dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

Từ trước đến nay, ngành khai thác và chế biến khoáng sản đã trở thành một trong những công cụ chủ lực cho công tác phát triển cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế xã hội tại nhiều nước trên thế giới. Đây cũng là một thực tế tại Việt Nam – một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác. Ước tính mới có khoảng chưa đến 10% tài nguyên khoáng sản kim loại cơ bản và kim loại quý hiếm được khám phá cho tới ngày nay do Việt Nam chưa thăm dò một cách có hệ thống, chưa sử dụng công nghệ và phương pháp hiện đại để thăm dò tìm kiếm những mỏ sâu hơn, trữ lượng lớn hơn và giàu khoáng sản hơn. Ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam chủ yếu được vận hành do các công ty nhà nước và công ty tư nhân. Hiện nay, về cơ bản công tác khai thác chế biến khoáng sản mới chỉ tập trung vào những vết lộ dễ tìm hoặc những khoáng sản năng lượng gần bề mặt như than, quặng sắt, bôxít, cát và đá vôi.

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) – doanh nghiệp nhà nước lớn nhất Việt Nam - lần đầu tiên thừa nhận những thách thức trên, là thách thức hầu như đối với toàn bộ các công ty khai thác chế biến khoáng sản của Việt Nam hiện đang phải đối mặt, trong đó phải kể đến “công nghệ lạc hậu và mức độ cơ giới hóa thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, lực lượng

lao động đông đảo nhưng năng suất thấp, tiêu hao năng lượng quá mức, rủi ro an toàn cao và ô nhiễm môi trường ở mức không thể chấp nhận”.

2. Thách thức

Thách thức Chính phủ cần phải giải quyết là làm cho ngành khai khoáng của Việt Nam hiệu quả hơn, năng suất hơn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Điều này chỉ có thể đạt được bằng cách khuyến khích đưa công nghệ hiện đại, đổi mới công nghệ và những cách thức thực hiện hiệu quả công việc tốt nhất vào Việt Nam thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên doanh giữa công ty trong nước với công ty nước ngoài.

Đáng tiếc rằng điều đó vẫn chưa diễn ra do các quy định pháp luật về khai khoáng thiếu nhất quán tại Việt Nam cũng như thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu và các loại phí khác cao hơn rất nhiều so với các nước khác, gây nản lòng các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, thậm chí đã làm cho các hoạt động khai thác mỏ hiện đại tại Việt Nam không mang lại lợi nhuận hoặc lợi nhuận cận biên. Điều này đã dẫn đến đóng cửa mỏ hoặc tạm ngừng hoạt động tại hai công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là Phước Sơn và Bản Phúc.

Ngay cả ở Núi Pháo, hiện là mỏ sản xuất vonfram lớn nhất thế giới, là hình mẫu tiêu biểu về ứng dụng công nghệ hiện đại và tiêu chuẩn quốc tế tại doanh nghiệp khai khoáng thuộc sở hữu Việt Nam, thì khả năng sinh lợi cũng vẫn phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài ngoài sự kiểm soát của mỏ, như giá hàng hóa thế giới dao động, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng do mức thuế cao phi thực tế của Việt Nam, doanh nghiệp hoàn toàn không thể đưa những yếu tố này vào xem xét.

Mặc dù mục đích cuối cùng của bất cứ hệ thống thuế khai thác mỏ nào là nhằm đảm bảo lợi ích lớn nhất có thể cho Nhà nước và nhân dân Việt Nam, nhưng điều này không thể đạt được nếu mỏ bị ép đóng cửa, bởi vì họ không thể vận hành có lợi nhuận một cách bền vững, có trách nhiệm.

Việc đóng cửa những cơ sở sản xuất hiện đại này trở thành ví dụ về cách vận hành mỏ, điều này có nghĩa rằng sẽ tiếp tục có tổn thất về nguồn thu thuế có giá trị đối với chính quyền trung ương và địa phương, hoạt động khai thác kém hiệu quả tiếp diễn gây lãng phí làm suy giảm môi trường, tạo điều kiện khai thác trái phép.

3. Giải pháp

Dường như vẫn còn có những cách hiểu khác nhau về thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế hải quan, phí bảo vệ môi trường và các vấn đề phí cấp quyền khai thác liên quan giữa các cơ quan quản lý trung ương và địa phương, giữa các Bộ ngành như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính. Nhu cầu cấp bách là cần sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc hướng dẫn cho ngành khai khoáng và sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành của chính quyền, sao cho các doanh nghiệp FDI và những nhà đầu tư lớn trong nước thấy tự tin hơn với các quy định pháp luật về khai khoáng của Việt Nam.

Nhóm Đặc trách về Khai khoáng, một lần nữa, kính đề nghị Văn phòng Thủ tướng và Văn phòng Chính phủ, cùng với sự tư vấn của MPI, VCCI và Ngân hàng Thế giới, nếu có thể, nên:

- Rà soát lại những quy định pháp luật về khai khoáng hiện hành và ban hành chế độ thân thiện nhà đầu tư, cạnh tranh hơn, gồm cả một chế độ thuế hợp lý, đảm bảo công bằng cho cả Nhà nước và nhà đầu tư, quy định pháp luật xây dựng được những chính sách nhất quán với cam

kết lâu dài nhằm thu hút được FDI và công nghệ hiện đại vào ngành khai khoáng của Việt Nam.

- Xây dựng quy chế phối kết hợp hiệu quả hơn nữa giữa các Bộ và Cục của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính ở cấp trung ương và địa phương nhằm khuyến khích cách hiểu nhất quán về quy định pháp luật trong lĩnh vực khai khoáng tại Việt Nam, hiểu được lợi ích của FDI trong lĩnh vực khai khoáng, đồng thời thay đổi thái độ, và hướng dẫn những cơ quan như Cục Thuế và Cục Hải Quan nắm bắt được sự phức tạp của sự dao động giá cả hàng hóa thế giới và những vấn đề khai khoáng khác mà có ảnh hưởng xấu tới khả năng sinh lợi và khả năng tồn tại của ngành khai khoáng theo chu kỳ. Cho tới nay, đôi khi những phương pháp tiếp cận không nhượng bộ của những cơ quan quản lý này đã đẩy doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và trong nước phải đóng cửa, ngay cả khi giờ đây họ có khả năng sinh lợi khi giá kim loại cải thiện, hậu quả là, đã làm cho Nhà nước và người dân Việt Nam mất đi cơ hội tham gia vào các hoạt động khai khoáng có nguồn thu giá trị và cung cấp dịch vụ.
- Tăng cường cam kết của Việt Nam trong việc mở cửa chế độ đầu tư vào khai khoáng, cấm đưa ra những loại thuế xuất khẩu mới, đồng thời loại bỏ hoặc giảm thuế xuất khẩu hiện hành, như những gì đã được đưa ra trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (gọi tắt là Hiệp định CPTPP).

4. Kết luận

Hơn bao giờ hết, Chính phủ Việt Nam cần phải công nhận tầm quan trọng của FDI cũng như tầm quan trọng của việc cải cách, đổi mới sáng tạo về khoa học và công nghệ góp phần phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam. Đáng tiếc rằng, công nghệ hiện đại, đổi mới công nghệ và cách thức thực hiện công việc hiệu quả nhất thế giới chỉ đến với ngành khai khoáng của Việt Nam thông qua FDI khi và chỉ khi Chính phủ đưa ra được những ưu đãi nhằm khuyến khích đầu tư, chứ không phải gây khó dễ.

Theo thẩm quyền của mình, gần đây Văn phòng Chính phủ đã phát hành bản thảo nghị định sửa đổi nhằm giảm và làm cho việc thanh toán Phí Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (MLGF) linh hoạt hơn, đặc biệt, Cục Đầu tư nước ngoài (FIA) cũng đã công bố bản thảo về định hướng thu hút FDI thế hệ mới và chiến lược cho giai đoạn 2018-2030, ưu tiên những lĩnh vực đem lại giá trị gia tăng cao nhất, áp dụng công nghệ mới, xúc tiến các hoạt động Nghiên cứu & Phát triển (R&D) tạo ra hiệu ứng lan tỏa. Với những lý do đã đưa ra trong Thư trình bày ý kiến này, chúng ta cần phải thực sự quan tâm đến chiến lược của một nền khai khoáng hiện đại, bền vững, trở thành yếu tố trụ cột.

PHỤ LỤC - BẢN ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**GIẢI QUYẾT NHỮNG BẤT CẬP HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ CÓ ẢNH HƯỞNG XẤU TỚI NGÀNH KHAI KHOÁNG TẠI VIỆT NAM****1. Bối cảnh**

"Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" theo Quyết định số: 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nêu rõ quan điểm chỉ đạo: *"Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, thuộc tài sản quan trọng của quốc gia. Do đó, phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt, lâu dài và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường"*.

Theo quy định tại Điều 3 của Luật Khoáng sản (2010) *"Nhà nước bảo đảm khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; khuyến khích dự án đầu tư khai thác khoáng sản gắn với chế biến, sử dụng khoáng sản để làm ra sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc các sản phẩm khác có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội"*.

Như vậy, tài nguyên khoáng sản được coi là nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội với vai trò là nguyên nhiên liệu thô cho các ngành sản xuất và đời sống. Toàn bộ chính sách áp dụng cho khoáng sản phải phù hợp với quan điểm chỉ đạo đã nêu trên. Tuy nhiên, chính sách thuế và phí về khoáng sản hiện nay chưa phù hợp với mục tiêu lâu dài và đi ngược lại so với sự phát triển của ngành khai khoáng đầy tiềm năng.

Những văn bản ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy, dựa trên số liệu thống kê của các nước tại khu vực Đông Nam Á và một số nước có ngành khoáng sản tương tự, thì Việt Nam là một trong những nước có thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu cao nhất trong lĩnh vực khoáng sản trên thế giới. Điều này, thực tế trái ngược với bản chất của chính sách coi tài nguyên khoáng sản là nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội cần được khai thác ở mức tối đa và sử dụng một cách kinh tế và hiệu quả, đồng thời gây thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp.

Một số người cho rằng thuế dưới nhiều hình thức khác nhau sẽ giúp tăng cường quản lý tài nguyên khoáng sản, nhưng lập luận đó là nguy hiểm và phi thực tế. Việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản chỉ có thể thực hiện được thông qua nâng cao chất lượng và kỷ luật về quy hoạch, cấp phép, thanh tra, giám sát và kiểm soát công tác thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cùng với những chính sách hợp lý; chứ không phải thông qua chế độ thuế.

Xét tất cả các khía cạnh liên quan, những chính sách thuế và phí hiện hành gồm có thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế hải quan, phí bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng (VAT) và phí cấp quyền khai thác khoáng sản hiện nay chỉ phục vụ cho mục đích tăng ngân sách nhà nước, thay vì tối đa hóa các tài nguyên khoáng sản phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, chưa nên nhắm tới mục tiêu tăng thu ngân sách nhà nước khi mà chưa có gì đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Để có thể cạnh tranh được trên thị trường quốc tế về tài nguyên khoáng sản địa chất, Chính phủ nên nuôi dưỡng các doanh nghiệp một cách hợp lý, sao cho họ có khả năng sản xuất mạnh mẽ, đồng thời xây dựng cơ chế thuyết phục nhằm thu hút đầu tư nước ngoài. Việc theo đuổi các mục tiêu ngân sách ngắn hạn mà không xét tới những rủi ro và không thúc đẩy được các hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ làm xói mòn niềm tin và khả năng sáng tạo của nhà đầu tư.

Trong bối cảnh chung, các doanh nghiệp đầu tư vào các khoáng sản khác cũng phải chịu gánh nặng về thuế, phí và các khó khăn tài chính không dẫn tới việc khai thác triệt để khoáng sản, mà chỉ chấp nhận việc khai thác những tài nguyên có giá trị cao nhất nhằm có được doanh thu, bỏ mặc công tác nghiên cứu công nghệ do nguồn đầu tư lớn và dài hạn ở giai đoạn đầu, các giải pháp xử lý môi trường thiếu đồng bộ, công tác hỗ trợ và phát triển cộng đồng hạn chế sẽ làm cho cộng đồng và xã hội có những cảm nhận thiếu thiện cảm, làm mất đi sự đóng góp của ngành khai khoáng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, thay vì chỉ quan tâm tới môi trường, tôn thất.

2. Thách thức

- Các loại thuế dưới nhiều hình thức mà các doanh nghiệp đang phải chịu là quá mức và quá phức tạp so với các nước khác, điều này làm cho các doanh nghiệp khoáng sản Việt Nam kém cạnh tranh và không có hướng đầu tư sâu vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Cách diễn giải các quy định pháp luật thiếu nhất quán càng gây mất thời gian và nguồn lực của cả doanh nghiệp và các cơ quan quản lý liên quan, điều này gieo rắc nỗi sợ hãi về đầu tư trong ngành. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là các tập đoàn lớn đa quốc gia, nói chung hướng về những quốc gia có các quy định pháp luật rõ ràng và được thực thi một cách nhất quán.
- Sự thiếu nhất quán, chòng chéo giữa quy định của luật và các cấp được phân quyền dẫn tới sự mất đi phạm vi quyền hạn khi giải quyết các xung đột giữa các quy định pháp luật, đẩy doanh nghiệp vào chỗ bế tắc và không được bảo vệ. Ngoài ra, còn có những cách hiểu khác nhau về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các vấn đề phí cấp quyền khai thác liên quan giữa các cơ quan quản lý trung ương và địa phương, cũng như giữa các Bộ như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính. Phí cấp quyền khai thác là một ví dụ về sự thiếu nhất quán giữa các quy định pháp luật đã đẩy các doanh nghiệp khoáng sản vào chỗ bế tắc và không được bảo vệ, khi mà cả hai Bộ (Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường) đều không thống nhất xác định giá trữ lượng hợp lý để tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Một số chính sách ưu đãi đã được ban hành, nhưng chưa có các quy định hoặc quy chế cụ thể về điều kiện và thủ tục để hưởng chế độ ưu đãi, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xin chứng nhận hưởng ưu đãi. Mặc dù Chính phủ mong muốn hỗ trợ chính sách để khuyến khích các công ty khai khoáng đầu tư vào chế biến sâu, nhưng các doanh nghiệp khoáng sản vẫn phải chịu những rủi ro và tổn thất do thay đổi chính sách gây ra. Cụ thể, trong suốt 3 năm vừa qua (2015-2018), những sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao phải đối mặt với thách thức vì những thay đổi về quy chế hoàn thuế VAT, do vậy nhiều tỷ đồng về thuế VAT đầu vào bị mắc kẹt và chưa được hoàn lại sau khi xuất khẩu theo Nghị định số 100/2016, cho dù những sản phẩm chế biến sâu đó được hoàn thuế VAT theo đúng quy định pháp luật, trước năm 2016 và sau năm 2017.

3. Giải pháp

Với những thách thức đã đề cập ở trên, nhu cầu cấp bách là cần sự trợ giúp của Chính phủ trong việc hướng dẫn đánh giá, sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật về khai khoáng nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) một cách hiệu quả cũng như những nhà đầu tư lớn trong nước. Tuân thủ đúng theo Luật Khoáng sản Luật Khoáng sản đã ban hành được 8 năm và có hiệu lực được 7 năm, do đó kính đề nghị Văn phòng Thủ tướng và Văn phòng Chính phủ: Xem xét sửa đổi và bổ sung một số quy định không còn phù hợp của Luật Khoáng sản, trong đó

những quy định về việc thu phí cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế tài nguyên cần phải được sửa đổi.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018
Hà Nội, 4/12/2018

**CHIA SẺ CƠ HỘI TRONG XU THẾ CHUYỂN DỊCH
THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU**

TÓM TẮT

PHÁT BIỂU KHAI MẠC

Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Mặc dù tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế, nhưng với những nỗ lực của toàn hệ thống chính trị, cùng với phương châm “kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, Chính phủ đã điều hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, tập trung tháo gỡ khó khăn, kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến tích cực trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như tiềm ẩn sức ép lạm phát; chất lượng tăng trưởng mặc dù được nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; năng suất lao động, năng lực cạnh tranh còn hạn chế; khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những biến động bên ngoài còn thấp; tác động của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng; nguy cơ tụt hậu và bẫy thu nhập trung bình còn hiện hữu, v.v.

Để khắc phục những tồn tại này, Chính phủ Việt Nam đã quyết tâm đổi mới toàn diện nền kinh tế theo hướng:

- Kiên trì mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục theo đuổi chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững;
- Đẩy nhanh hơn nữa tiến độ cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, khu vực, ngành hàng sản xuất gắn với chú trọng thị trường đầu ra;
- Quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh giản bộ máy, tổ chức, biên chế gắn với xây dựng Nhà nước kiến tạo, Chính phủ liêm chính, năng động, sáng tạo, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi nhất cho doanh nghiệp và người dân.

Ông Kyle F. Kelhofer, Giám đốc Quốc gia cấp cao, Việt Nam, Lào, Campuchia - Tổ chức Tài Chính Quốc tế

Bối cảnh thương mại quốc tế hiện nay liên tục thay đổi và môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều biến động và thách thức, nhưng thách thức mang tính toàn cầu này cũng đồng nghĩa với cơ hội. Đây chính xác là lý do tại sao chúng ta ở đây hôm nay, để cùng thảo luận về cả hai khu vực công và tư để tìm ra các cơ hội cho Việt Nam.

Tôi muốn chia sẻ và thảo luận về ba cơ hội như vậy:

Thứ nhất, tôi rất vui mừng khi thấy rằng chính quyền và đối tác phía Việt Nam đang chủ động nắm bắt cơ hội trong kế hoạch này. Hiệp định tự do thương mại này sẽ đem lại một cơ hội làm thay đổi cục diện, không chỉ tăng tính ổn định và đem lại lợi ích từ việc tăng trưởng thương mại quốc tế, mà còn thúc đẩy những cải tổ để phát triển khu vực tư nhân, cả trong và ngoài nước, và tăng năng suất lao động trong khu vực tư nhân để giúp Việt Nam tiếp tục tiến lên trở thành một nền kinh tế hiện đại, số hóa và có thu nhập cao.

Thứ hai, tôi kỳ vọng 3 phiên thảo luận buổi sáng sẽ đều tập trung giải quyết vấn đề làm thế nào để thu hút nguồn vốn FDI tốt hơn, bao gồm làm thế nào để phát triển và chi trả cho các cơ sở hạ tầng hiện đại cần thiết và đáng tin cậy, làm thế nào để thu được những kiến thức có liên quan và xây dựng lực lượng lao động trình độ cao để phục vụ nền kinh tế số hóa, và làm thế nào để tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh doanh mũi nhọn có vai trò thúc đẩy phát triển. Các giải pháp được đưa ra đều phải hướng tới một mục tiêu là tăng cường cơ hội để thúc đẩy lĩnh vực tư nhân phát triển, bao gồm cả tăng cường hợp tác công-tư. Đặc biệt trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, tôi muốn nhấn mạnh vào cơ hội hiếm có của Việt Nam để đóng vai trò lãnh đạo toàn cầu trong vấn đề biến đổi khí hậu, bằng cách tạo điều kiện tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái sinh và các giải pháp phát thải các-bon thấp trong khu vực tư nhân.

Cơ hội *thứ ba* sẽ có vai trò quyết định đối với khả năng của Việt Nam trong việc phát triển hơn nữa một lĩnh vực tư nhân có năng suất cao và tiên tiến, có khả năng tìm kiếm những chuỗi giá trị toàn cầu có giá trị cao hơn. Điều này đòi hỏi phải có một lực lượng lao động chất lượng cao và phân bổ nguồn lực hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực, từ cơ sở hạ tầng đến tài chính. Nhưng điều này cũng đòi hỏi có những cải tổ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh tại địa phương với các đơn vị mạnh, tăng cường kinh nghiệm quốc tế nhưng phải phù hợp với các giải pháp cụ thể tại Việt Nam và tạo ra các cơ hội để các doanh nghiệp tư nhân tiên tiến trong nước có thể hỗ trợ, đảm bảo các chuỗi giá trị toàn cầu với giá trị FDI ngày càng tăng.

Ông Tomaso Andreatta, Đồng Chủ tịch - Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Một chủ đề quan trọng trong hợp tác công-tư là sự tin tưởng của nhà đầu tư đối với các chính sách của Chính phủ. Một chính sách hết sức quan trọng và đặc biệt của Việt Nam so với các quốc gia khác là chính sách về giá - giá cả không được quyết định bởi thị trường mà bởi nhà nước. Không có một kế hoạch dài hạn cho sự biến đổi của giá cả, hay tệ hơn nữa là không theo quy luật biến đổi của giá cả thì cũng giống như thảo luận việc ban hành một loại thuế mới gây ảnh hưởng toàn bộ lợi nhuận của nhà đầu tư: nó sẽ làm nản lòng tất cả những nhà đầu tư không có mức lợi nhuận biên đủ lớn để thích ứng với sự thay đổi.

Trong lĩnh vực năng lượng, sẽ không có đột phá tài chính nào nếu không có được một hợp đồng mua bán năng lượng chắc chắn có lợi. Đồng thời, rõ ràng là ngân sách chính phủ cần được phân bổ hợp lý hơn để hỗ trợ các dự án theo chu kỳ dài hạn nhiều năm..

Trên các thị trường vốn, chúng tôi kỳ vọng sẽ có một cơ quan xếp hạng có uy tín trong nước, và các sản phẩm đầu tư được mở rộng sang lĩnh vực cơ sở hạ tầng và phát hành trái phiếu xanh trong lĩnh vực bảo hiểm và quỹ hưu trí, đây là hai bước quan trọng giúp huy động vốn cho việc triển khai xây dựng hạ tầng. Chúng tôi cũng trông đợi việc các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa hoàn toàn, điều này sẽ giúp mở rộng các thị trường vốn và thu hút nguồn tiền mới.

Trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam đang thực hiện tốt việc dạy học sinh các kiến thức văn và toán, đặc biệt là tại các thành phố, nhưng vẫn tụt hậu rất xa sau hệ thống giáo dục tại các quốc gia khác trong việc đào tạo ngôn ngữ và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Bảo vệ môi trường đang nhanh chóng trở thành một vấn đề cấp thiết đối với Việt Nam. Câu trả lời thì đã có: giảm phát thải các-bon bằng cách xây dựng các tòa nhà có hiệu suất cao, sử dụng nhiều hơn các nguồn năng lượng tái tạo, buộc các công ty áp dụng các quy trình sản xuất hiệu quả, loại bỏ các phương tiện giao thông sử dụng động cơ đốt trong, và cải tiến ngành nông nghiệp để trước hết là giảm tiêu thụ các chất độc hại, nước, và năng lượng, sau đó là thúc đẩy một nền kinh tế tuần hoàn.

Một trong những thế mạnh lớn nhất của Việt Nam là lực lượng lao động. Chúng tôi xin hoan nghênh các nỗ lực của Chính phủ trong việc bảo vệ người lao động trước nguy cơ bị bóc lột và đối xử không công bằng, đặc biệt là lao động nữ trong thời kỳ thai sản. Nhưng mặt khác, những quy định quá mức khiến thị trường lao động trở nên cứng nhắc có thể sẽ không giúp bảo vệ lợi ích của người lao động, đặc biệt là với những đối tượng khó tìm được việc làm.

Việc đóng thuế đã trở thành một vấn đề cần quan tâm. Theo báo cáo từ tất cả các phòng thương mại của chúng tôi, tất cả các công ty tham gia Diễn đàn Kinh doanh Việt Nam (VBF) đều bị ảnh hưởng trong quá trình đóng thuế, đặc biệt là hệ quả từ nhiều cuộc thanh kiểm tra có hiệu lực hồi tố và các khoản phạt. Các thành viên VBF sẵn sàng đóng mức thuế cao hơn nhưng minh bạch, hơn là một hệ thống thuế quan thiếu chắc chắn.

PHÁT BIỂU CỦA 6 HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch

Thương mại toàn cầu và các chuỗi giá trị đang dịch chuyển và Việt Nam là một trong những nền kinh tế được dự báo sẽ hưởng lợi nhiều từ quá trình này. Chìa khóa thành công góp phần chuyển các cơ hội thành hiện thực chính là công cuộc cải cách thể chế trong nước.

Năm 2018 là năm đã ghi nhận những chuyển biến rất tích cực về môi trường kinh doanh của Việt Nam tuy nhiên không gian cải cách vẫn còn rất lớn. Để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, chúng tôi kiến nghị các giải pháp cụ thể sau:

- *Về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành:* Trong quá trình cắt giảm hiện đang nảy sinh vấn đề chưa thống nhất về tiêu chí xác định quy định nào cắt bỏ hay giữ lại. Do đó, cần sớm có tiêu chí thống nhất về tiêu chuẩn của điều kiện kinh doanh để bảo đảm hiệu quả và nhất quán.
- *Về cải cách thủ tục hành chính:* Mô hình một cửa cần được nhân rộng. Cần nghiên cứu các phương án liên thông tối đa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan khác nhau. Theo đó, doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ tại một cơ quan nhà nước, cơ quan đó có trách nhiệm phải chuyển hồ sơ cho các cơ quan khác theo yêu cầu. Cho phép doanh nghiệp làm nhiều thủ tục đồng thời, hạn chế tối đa việc phải hoàn thành xong thủ tục này mới được làm thủ tục khác. Tăng cường cơ chế giám sát, theo dõi, đánh giá cán bộ tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính.
- *Về tổ chức đối thoại:* Công tác tổ chức đối thoại nên giao cho các hiệp hội doanh nghiệp chuẩn bị về mặt nội dung cũng như mời doanh nghiệp đến tham dự đối thoại. Cần nghiên cứu để có cơ chế giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp một cách hiệu quả hơn. Cần có một cơ quan, tổ chức độc lập khách quan giám sát quá trình giải quyết, đồng thời cần có đánh giá công khai kết quả giải quyết vướng mắc từ các doanh nghiệp.
- *Về thanh kiểm tra:* Các tỉnh cần giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra tỉnh làm đầu mối kiểm soát các hoạt động thanh kiểm tra doanh nghiệp trong tỉnh, kể cả các cuộc thanh kiểm tra của các bộ ngành trung ương. Theo đó, mọi cuộc thanh tra theo kế hoạch phải được thông báo trước cho cơ quan thanh tra tỉnh để sắp xếp và bố trí nhằm đạt 3 mục tiêu: (1) giảm số lần và thời gian thanh, kiểm tra; (2) không thanh, kiểm tra trùng lặp; (3) tăng tối đa số đoàn liên ngành, thay vì mỗi đơn vị tiến hành riêng lẻ, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra.

- Về minh bạch thông tin: Các bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục tăng cường công khai minh bạch thông tin trên website cơ quan chính quyền.

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu – Ông Nicolas Audier, Đồng Chủ tịch

Bên cạnh các vấn đề về gia nhập thị trường, các thành viên của chúng tôi mong muốn Chính phủ cân nhắc những vấn đề sau:

- Trong ngành Dược, Để đảm bảo khung pháp lý được thực thi hiệu quả nhất có thể, các thành viên của chúng tôi kính đề nghị có một giai đoạn chuyển đổi khả thi, có thể đoán định để đảm bảo các công ty có thể tiếp tục hoạt động với những tiêu chuẩn cao và mang đến những giải pháp điều trị tốt nhất.
- Trong ngành Trang thiết bị Y tế, Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham ủng hộ mục tiêu của Chính phủ nhằm cung cấp thiết bị y tế hiện đại tới các bệnh viện. Tuy nhiên, việc thiếu những quy chế nhất quán rõ ràng giữa các Bộ, cũng như các giải pháp lâu dài và vững bền, liên quan tới mô hình đặt máy và việc quản lý các máy đã được lắp đặt tại các bệnh viện.
- Trong Ngành Ô tô – Xe máy, Nhằm duy trì quản lý chất lượng và tạo điều kiện cho thương mại, các thành viên của chúng tôi đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xác định những công ty nhập khẩu có hồ sơ theo dõi tốt về tuân thủ kỹ thuật; hướng dẫn Cục Đăng kiểm Việt Nam trong năm 2018 chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe, và kiểm tra ngẫu nhiên, dựa vào mức độ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của các nhà nhập khẩu ô tô trong quá trình đăng kiểm. Đối với Thông tư 41/2018/TT-BGTVT, chúng tôi muốn đề cập tới 4 vấn đề chính như ự khác biệt trong các định nghĩa được sử dụng, việc thiếu các trung tâm kiểm định xe có thẩm quyền, giai đoạn chuyển tiếp chưa đủ, và việc chấp thuận chúng nhận ECA đối với phương tiện giao thông, phụ tùng và linh kiện.
- Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham muốn kiến nghị tới Chính phủ đề cân nhắc lệnh cấm buôn bán đồ uống có cồn qua mạng. Lệnh cấm này không thống nhất với xu hướng thương mại điện tử, và không giúp giải quyết vấn đề về lạm dụng đồ uống có cồn.
- Về vấn đề Giấy phép lao động cho người nước ngoài, đây vẫn là thủ tục mất nhiều thời gian do quy trình hợp pháp hóa giấy tờ phức tạp ở các quốc gia khác nhau. Chúng tôi kính đề nghị mở rộng khái niệm chuyên nghiệp nội bộ và cho phép quy trình thủ tục nhanh cấp Giấy phép lao động. Về Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người nước ngoài, chúng tôi khuyến nghị nên có một giải pháp thay thế giúp cho các lao động nước ngoài có thể được hưởng trợ cấp một lần khi quay về nước.
- Vi phạm bản quyền trực tuyến cần được xử lý nghiêm ngặt hơn thông qua sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ, tăng tiền phạt hành chính và tăng cường môi trường thực thi. Chính phủ có thể cân nhắc áp dụng một hệ thống phân loại dữ liệu, theo đó chỉ có dữ liệu an ninh quốc gia mới lưu trữ tại Việt Nam, nhằm giúp đất nước duy trì lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu – Ông Denis Brunetti, Đồng Chủ tịch

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam cam kết hỗ trợ các chương trình, kế hoạch của Chính phủ Việt Nam phát triển Công nghiệp 4.0, được đảm bảo bởi việc xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng công nghệ 4G, 5G, Internet vạn vật, khi Việt Nam muốn thúc đẩy nhanh việc chuyển

đổi kỹ thuật số các ngành nghề công nghiệp Sản xuất, Nông nghiệp, Y tế, Đào tạo, Tài chính và Ngân hàng, Năng lượng.

EuroCham ghi nhận vai trò quan trọng của Công nghệ Thông tin và Đổi mới công nghệ cao đã và đang góp phần thúc đẩy hành trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam trong 25 năm qua kể từ sự khởi đầu của Truyền thông Di động.

Việt Nam tăng cường áp dụng Công nghiệp 4.0, được tạo dựng bởi việc thiết lập các nền tảng công nghệ 4G và 5G, Internet vạn vật, đi cùng với việc tiếp tục cải cách thể chế, tăng cường tập trung vào giáo dục và đào tạo trong Khoa học Dữ liệu và các mức chuyển giao công nghệ phù hợp sẽ đảm bảo rằng tất cả các ngành công nghiệp sẽ trở nên hiệu quả hơn, có năng suất và tiết kiệm chi phí, đảm bảo khả năng cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam và sự thịnh vượng của tất cả các công dân của mình.

Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ – Ông Michael Kelly, Chủ tịch

Các nhà đầu tư nước ngoài cần một sân chơi bình đẳng, không chỉ để thu hút vốn đầu tư nhiều hơn trong tương lai mà còn để duy trì vốn đầu tư đã có tại đây. Chính phủ nên xem xét việc hướng dẫn về bảo vệ đầu tư để ngăn chặn các hiệu ứng ràng buộc tiêu cực và hồi tố của các điều luật và quy định mới đối với các dự án hiện nay.

Về năng lượng, có một nhu cầu rõ ràng và cấp thiết nhằm hướng tới việc giải quyết sự thiếu hụt ngày càng trầm trọng trong nguồn cung so với nhu cầu về năng lượng điện. Những quyết định đã được Chính phủ đưa ra về việc định giá việc sản xuất và buôn bán năng lượng không phản ánh được nhu cầu thúc đẩy hiệu suất và năng lượng sạch. PDP8 được kỳ vọng có thể giải quyết triệt để những vấn đề về giá cả này. Cần có một thỏa thuận mua bán năng lượng hợp lý hơn, quy trình ra quyết định kịp thời cho các dự án đầu tư, một biểu thuế và chế độ thuế phản ánh các ưu tiên của Chính phủ và bản đồ đường giá năng lượng dựa trên thị trường trong năm năm tới.

Về thủ tục hải quan, việc kiểm toán sau nhập khẩu – được thực hiện thường xuyên nhưng phần lớn là không cần thiết – đang tạo gánh nặng cho các công ty. Chúng tôi khuyến khích Hải quan áp dụng một cách tiếp cận tập trung hơn đối với mục tiêu đánh giá là các đơn vị nhập khẩu có nguy cơ rủi ro cao, thay vì những thương nhân hợp pháp. Chúng tôi cũng khuyến khích Chính phủ sử dụng các thủ tục OECD đối với quy định về giá chuyển nhượng và thực hiện các phương pháp thỏa thuận trước về giá tính thuế hay còn gọi là APA, điều này đã được chờ đợi thực hiện từ lâu. Chúng tôi sẵn sàng làm việc, trao đổi thêm về các thủ tục của APA.

Cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam là năng suất lao động. Các sáng kiến phát triển lực lượng sản xuất – đặc biệt là hướng nghiệp – sẽ giúp cải thiện năng suất của người lao động, nhưng tính hiệu quả cũng phụ thuộc vào một yếu tố đầu vào quan trọng: đó là chi phí lao động. Một mối lo ngại về chi phí là yêu cầu gây tranh cãi rằng công nhân nước ngoài tại Việt Nam cần đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội của Việt Nam. Điều này làm dấy lên mối quan ngại sâu sắc trong cộng đồng các doanh nghiệp và người lao động nước ngoài tại Việt Nam vì chi phí tăng nhưng không có gì chứng minh việc lao động nước ngoài sẽ được hưởng lợi từ những đóng góp đó

Về nền kinh tế số, AmCham ủng hộ mạnh mẽ mục tiêu của Chính phủ trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Internet và kinh tế số tại Việt Nam, đồng thời đảm bảo an ninh dữ liệu và bảo vệ người dùng Internet. AmCham lo ngại rằng Luật an ninh mạng và triển khai dự thảo nghị định sẽ buộc cục bộ hoá dữ liệu có thể gây ra thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho nền kinh tế Việt Nam qua việc cản trở luồng dữ liệu tự do mà nền kinh tế số toàn cầu xây dựng. Nghị định

nên giảm các dịch vụ được bảo hiểm, thiết lập một quy trình mở rộng trước khi gây ra các chi phí và rủi ro xấu của việc yêu cầu địa phương hóa dữ liệu.

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam (BBGV) – Ông Kenneth Atkinson, Chủ tịch

BBGV mong muốn nhận được sự quan tâm từ Chính phủ về các vấn đề đã được các thành viên đề cập sau đây:

- *Kê khai thuế và thanh tra thuế:* BBGV lo ngại những sai sót có thể xảy ra do lỗi quản trị. Tại Việt Nam, những lỗi này thường xảy ra do những bất cập, do việc không thống nhất trong cách giải thích các luật và quy định về thuế và hải quan, thậm chí ngay cả giữa các phòng ban ở các thành phố và tỉnh khác nhau. Việc thiếu nhân viên thuế, hải quan dẫn đến việc thanh tra thuế thường diễn ra muộn, có thể lên đến 5 năm sau kì báo cáo. Để giúp giải quyết những vấn đề này, BBGV đề xuất thành lập một cơ quan độc lập lắng nghe kháng cáo của người nộp thuế về chính sách nộp phạt và hình phạt hành chính của nhân viên thuế.
- *Giáo dục và Đào tạo:* BBGV tiếp tục nhấn mạnh sự cần thiết của liên kết chặt chẽ giữa cộng đồng doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo sau đại học nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp được trang bị và sẵn sàng để làm việc cho môi trường trong nước và quốc tế, về cả kỹ năng nghề và chuyên môn. BBGV khuyến khích các trường đại học và cao đẳng đẩy mạnh tham gia với nhà lãnh đạo doanh nghiệp để phát triển và thúc đẩy các khoá học, chương trình trang bị kỹ năng cứng và mềm cho sinh viên trước khi gia nhập lực lượng lao động. BBGV đề xuất Chính phủ xem xét và hạn chế việc gia tăng các khoản thanh toán an sinh xã hội đối với giáo viên nước ngoài, điều mà chúng tôi tin rằng đang gây áp lực, hạn chế đầu tư và hệ quả là lực lượng lao động giảm sút cho sự phát triển của nền công nghiệp 4.0
- *Cơ sở hạ tầng và ô nhiễm môi trường:* Sự kết hợp giữa ô nhiễm từ phương tiện giao thông và các nhà máy đốt than cần được giải quyết nếu Chính phủ muốn tiếp tục thu hút người lao động nước ngoài làm việc tại các khu đô thị, công nghiệp ở Việt Nam. Tàu điện ngầm khi hoàn thành sẽ có nhiều đóng góp tích cực, tuy nhiên tình trạng tắc nghẽn giao thông vẫn có khả năng cao sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong tương lai. BBGV đề xuất ưu tiên giải quyết vấn đề này.
- *Quan hệ đối tác công tư:* Một bộ luật PPP mới không giải quyết được các trở ngại hành chính liên quan. Chúng tôi cho rằng sẽ hiệu quả hơn nếu Chính phủ tập trung vào việc xây dựng cơ quan Chính phủ chuyên trách về từng mảng cơ sở hạ tầng, với cách thực hành tốt sẽ lan truyền rộng rãi qua cơ quan điều phối như Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc – Ông Ryu Hang Ha, Chủ tịch

Việt Nam và Hàn Quốc đã có những phát triển vượt bậc sau 26 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao. Cả hai nước quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhau như "láng giềng gần nhất" và cũng là "liên minh kinh tế". Thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã bắt đầu với sự xuất hiện liên tục của các ngành công nghiệp mới. Đã đến lúc hai nước chuẩn bị cho "Hợp tác Hàn Việt 2.0" phù hợp với khuôn khổ mới của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Phát triển nguồn nhân lực là chìa khóa của vấn đề thành công trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mặc dù Việt Nam đang phát triển nhanh chóng nhưng vẫn rất khó để bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 do sự tập trung của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Vì vậy, mặc dù cần có thời gian và nguồn vốn, điều quan trọng vẫn là Chính phủ phải có chính sách bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật và chuyên gia cần thiết cho các ngành công nghiệp công nghệ cao cùng với việc chuyển giao công nghệ cho đội ngũ chuyên gia, nhân lực chất lượng cao.

PPP (Quan hệ đối tác Công-tư) là phương thức thực hiện dự án trong đó các doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận từ việc đầu tư, xây dựng, bảo trì và vận hành cơ sở hạ tầng công cộng; Chính phủ giảm thuế và hỗ trợ một phần về tài chính. Lĩnh vực phát triển đô thị thông minh, công nghệ thông tin, và cơ sở hạ tầng công cộng là lợi thế của Hàn Quốc, cũng sẽ là những lĩnh vực hợp tác nhiều tiềm năng. Để thúc đẩy đầu tư vào kinh doanh PPP, các nhà đầu tư cần được cho phép có nhiều lựa chọn khác nhau để huy động vốn đầu tư và Chính phủ cần giảm rủi ro của nhà đầu tư

Cần xem xét lại giải thích quy định của cơ quan có thẩm quyền khi không công nhận miễn thuế nhập khẩu cho xuất khẩu tại chỗ ở Việt Nam. Để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam và chuẩn bị cho thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, việc nuôi dưỡng ngành công nghiệp phụ trợ và công nghiệp chế tạo là vô cùng cấp bách. Vì vậy, cần làm rõ căn cứ miễn thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu theo hình thức On-the-spot export (Xuất khẩu tại chỗ), và xem xét lại việc giải thích quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong Thông tư số 134 ngày 1 tháng 9 năm 2016.

Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản (JCCI) – Ông Koji Ito, Chủ tịch

JCCI trình bày về 4 nội dung mà Chính phủ Việt Nam nên tập trung vào để cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp Nhật Bản.

- Các dự án PPP: 4 nội dung về Nghị định này Đề chính phủ xem xét nhằm nâng cao hiệu quả của công tác khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam.
 - Quy định rõ “luật nước ngoài” được cho phép sử dụng làm luật áp dụng;
 - Cho phép giải quyết tranh chấp bởi trọng tài nước ngoài đối với toàn bộ các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trong đó có các dự án liên quan đến “bất động sản”;
 - Cho phép nhà đầu tư và các đơn vị triển khai dự án được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và quyền khai thác các công trình dự án;
 - Quy định chính phủ Việt Nam cần san sẻ một phần rủi ro liên quan đến việc ngừng thanh toán và chứng nhận ngoại hối.
- Cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN)
 - Bảo đảm định giá hợp lý khi chào bán cổ phần nhà nước;
 - Áp dụng các quy trình M&A chuẩn quốc tế, nếu được, trong quá trình thoái vốn nhà nước;
 - Có biện pháp triệt để hơn để bảo đảm quyền của cổ đông thiểu số.
- Luật An ninh mạng: Luật có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài nếu được áp dụng một cách máy móc để thu thập và kiểm soát thông tin cá nhân. Để bảo đảm Việt Nam tiếp tục duy trì sức hấp dẫn của một điểm đến đầu tư, Chính phủ nên thực thi luật này một cách hết sức cân nhắc, nhất là liên quan đến quy định của Điều 26.
- Phát triển công nghiệp phụ trợ:
 - “nâng cao năng lực công nghệ về khoa học, chế tạo chế biến”;
 - “đào tạo, phát triển tài năng trong nước”;
 - “xây dựng các chuỗi giá trị công nghiệp”

PHIÊN 1: NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng – Ông Tony Foster, Trưởng Nhóm

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng xin gửi đến một vài khuyến nghị để giúp PPP phát huy hiệu quả.

Hiện trạng: Hầu như không có bất kỳ dự án nào tuân theo cơ chế Quan hệ đối tác Công-tư quy định tại Nghị Định 15 và Nghị Định 63 (*Quy Chế Quan hệ đối tác Công-tư*). Không có dự án Quan hệ đối tác Công-tư nào nhận được nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính (viability gap funding) căn cứ theo Nghị Định 15.

Tại sao không có Các Dự Án Quan hệ đối tác Công-tư Thật Sự? Quan hệ đối tác Công-tư rất phức tạp, không chỉ ở Việt Nam, mà ở bất kỳ nơi nào trên thế giới và sự hỗ trợ của Nhà Nước là có hạn, vì vậy chắc chắn sẽ phát sinh các vấn đề chính trị. Quan hệ đối tác Công-tư chỉ có thể bền vững nếu được thực hiện hiệu quả và công bằng. Điều này có nghĩa là phải xây dựng một đội ngũ chuyên gia là những người có thể quản lý chương trình. Bên cạnh đó, Quan hệ đối tác Công-tư quá nguyên tắc. Các quy chế BOT phát huy hiệu quả trong ngành điện vì quy chế này khá chung chung và có thể được giải thích linh hoạt khi cần thiết. Quy Chế Quan hệ đối tác Công-tư có tính nguyên tắc cao. Và thường thì rất khó để có thể đáp ứng kịp thời các yêu cầu. Hoạt động đấu thầu gặp nhiều khó khăn và không hiệu quả cho Việt Nam hơn các dự án được thương lượng/đàm phán riêng.

Điều gì có thể làm cho Quan hệ đối tác Công-tư hiệu quả? Lĩnh vực này cần có kết hợp đồng thời giữa việc hỗ trợ ngắn hạn như các dự án thí điểm, mang lại kiến thức về thị trường tạo lập cơ sở cho các dự án sau này. Đặc biệt là về việc phân chia rủi ro. Và trung hạn – cần thiết luật mới. Một luật mới được dự thảo chi tiết nhằm khắc phục một số vấn đề hiện tại sẽ giúp ích rất nhiều và dài hạn; Đầu tư dài hạn về năng lực quản lý.

Về các vấn đề cụ thể cần được giải quyết, Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng xin đề xuất chú trọng vào: Các nguyên tắc phân chia rủi ro trong mỗi phân mục cơ sở hạ tầng (infrastructure sub-sector); Các nguyên tắc rõ ràng về nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính và về việc làm thế nào để nhận được hỗ trợ của Chính phủ trong trường hợp có rủi ro mà không thể giải quyết được trừ khi có sự hỗ trợ của Chính phủ. Một vấn đề khác là việc thay đổi về luật. Một công ty có thể xây dựng một nhà máy điện tuân thủ luật môi trường có hiệu lực vào ngày hôm nay và tự ấn định một mức giá cố định, nhưng công ty không thể thực hiện điều đó nếu ngày mai công ty phải chịu trách nhiệm chi 100 triệu đô la Mỹ để tuân thủ luật môi trường.

Phản hồi của Ông Nguyễn Đăng Trương, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo về việc Quốc hội đang xem xét chương trình xây dựng luật Quan hệ Đối tác Công tư (PPP), sẽ được trình bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào kỳ họp Quốc hội thứ 7, và thông qua vào kỳ họp thứ 8.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng tình với Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng về các vấn đề sau.

Thứ nhất, về nội dung hoàn thiện các quy định về Quan hệ Đối tác Công tư (PPP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng ý với quan điểm rằng luật Quan hệ Đối tác Công tư (PPP) là vấn đề luật rất mới, khó và phức tạp, liên quan tới nhiều quy định khác, cần có những dự án có thực tiễn để chúng ta có kinh nghiệm và để chuyển hóa vào các quy định của luật, để xây dựng luật mang tính khả thi cao.

Thứ hai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng ý với quan điểm cần sử dụng đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là những chuyên gia quốc tế, để xây dựng đạo luật phù hợp thông lệ quốc tế, đảm bảo các nguyên tắc thị trường.

Thứ ba, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đồng tình với việc phải xây dựng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như các cơ quan có chuyên môn đặc trách trong từng ngành, từng lĩnh vực.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẵn sàng chia sẻ với Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng các thông tin chi tiết và sẵn sàng lắng nghe kinh nghiệm từ phía các nhà tài trợ, các đối tác phát triển và các chuyên gia.

Nhóm Công tác Điện và Năng lượng – Ông John Rockhold, Trưởng Nhóm

Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam được trình bày ở Diễn đàn Doanh Nghiệp Việt Nam 2016 đã đề ra lộ trình cải cách cần thực hiện nhằm thu hút số vốn đầu tư khoảng 7 tỉ đô la Mỹ cho ngành năng lượng mỗi năm từ các nhà đầu tư tư nhân. Kế hoạch này nêu những điểm chính về tiến độ, mức rủi ro thấp và hiệu quả kinh tế của việc khai thác triệt để các nguồn năng lượng tái tạo, khí đốt tự nhiên và các công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả. Nếu Việt Nam có chính sách phù hợp để đảm bảo các dự án năng lượng tái tạo có khả năng vay vốn thì sẽ giúp tạo ra sự gia tăng lớn về việc làm trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0.

3 chương trình cải cách nhằm thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực điện – năng lượng mà Nhóm Công tác mong muốn có cơ hội hỗ trợ Chính phủ:

Kế hoạch số hóa và hỗ trợ Chính phủ khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào lĩnh vực năng lượng, cụ thể là trong công tác đánh giá thị trường, định giá, lập bản đồ định vị nguồn vốn thương mại, hỗ trợ pháp lý/ xây dựng chính sách, đặc biệt là chính sách về thị trường bán lẻ năng lượng, và lập bản đồ định vị các nguồn tài chính biến đổi khí hậu.

Lập bản đồ định vị để tiếp cận với các doanh nghiệp cải thiện hiệu suất năng lượng.

Hợp đồng mua bán điện mẫu: Chúng tôi mong muốn cơ chế thí điểm sẽ sớm được thông qua và triển khai.

Phản hồi của Ông Cao Quốc Hưng, Thứ trưởng Bộ Công Thương

Bộ Công thương đánh giá cao báo cáo của Nhóm Công tác Điện và Năng lượng đã chỉ ra những vấn đề rất cốt lõi về đầu tư, an ninh năng lượng và cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Bộ Công thương cũng đánh giá cao đóng góp của Nhóm Công tác trong thời gian qua trong quá trình xây dựng Tổng sơ đồ điện 8 và các nội dung khác.

Bộ Công thương xin phản hồi về các vướng mắc của Nhóm Công tác Điện và Năng lượng như sau:

Thứ nhất, về vấn đề phân chia rủi ro cũng như hợp đồng mua bán điện với các dự án năng lượng tái tạo, chúng tôi đồng ý với quan điểm của Nhóm Công tác rằng hợp đồng mua bán điện cần được soạn thảo phù hợp. Hiện tại, Bộ Công thương đã phối hợp với cơ quan liên quan để xây dựng Dự thảo về hợp đồng mua bán điện trực tiếp cũng như các hợp đồng mua bán điện tái tạo, đặc biệt trong quá trình phát triển Tổng sơ đồ điện 8. Bộ Công thương ghi nhận và sẽ tham khảo, trao đổi thêm về những kiến nghị, khuyến nghị đã nêu trong báo cáo.

Thứ hai, về việc khuyến khích đầu tư sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ Công thương cân nhắc giá điện để báo cáo với Thủ tướng, ghi nhận ý kiến và sẽ trao đổi thêm với Nhóm Công tác về 3 nhóm giải pháp đã nêu ra trong báo cáo.

Thứ ba, về việc phát triển điện mặt trời trên mái nhà, và các cơ chế mua điện của điện mặt trời, Chúng tôi đã cùng Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan sớm hoàn thiện Thông tư về việc mua bán điện trên mái nhà trong thời gian tới, dự kiến cuối năm 2018 hoặc đầu năm 2019.

Thứ tư, về việc phối hợp với VBF trong việc xây dựng chính sách năng lượng và các chiến lược đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, chúng tôi ghi nhận sự cần thiết của quy hoạch chiến lược năng lượng, và đang bước đầu hoàn thành dự thảo về quy hoạch tổng thể của ngành năng lượng, để sắp tới trình Thủ tướng Chính phủ.

Thứ năm, về các vấn đề liên quan đến cơ chế hỗ trợ tài chính sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam hiện chưa có một cơ chế bền vững lâu dài để áp dụng vấn đề này. Chúng tôi ghi nhận đề xuất sẵn sàng hỗ trợ hợp tác của VBF trong thời gian tới.

Nhóm Công tác Thị trường Vốn – Ông Dominic Scriven, Trưởng Nhóm

Quy mô của Thị trường Chứng khoán Việt Nam hiện nay về cỡ và dòng vốn đều tăng so với con số Chính phủ đã đặt ra. Đây là cơ hội vàng để đạt cùng lúc 3 mục tiêu. Đó là: *Thứ nhất*, xử lý những bất cập giữa luật Chứng khoán và một số luật khác. *Thứ hai*, xử lý sự phân biệt không nên có giữa Việt Nam và các thị trường Thái Lan, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a khi chưa coi Việt Nam là thị trường mới nổi mà chỉ là thị trường cận biên. *Thứ ba*, xử lý cân đối lại một số vấn đề về rủi ro và hiệu quả trong giao dịch.

Các cơ hội này được Nhóm Công tác Thị trường Vốn xem dưới góc độ 3 nhóm vấn đề, tương ứng với 3 kiến nghị giải pháp:

Nhóm vấn đề thứ nhất là phạm vi điều chỉnh của luật Chứng khoán khi so sánh với một số bộ luật khác, trong đó có điều 23 Luật Đầu tư, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Do đó, Nhóm Công tác Thị trường vốn kiến nghị xem lại Điều 23 Luật Đầu tư và sửa lại một số điều trong Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, trong đó coi cơ chế sinh hoạt của các công ty niêm yết do luật Chứng khoán điều chỉnh.

Nhóm vấn đề thứ hai, liên quan tới sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài. Nhóm Công tác Thị trường vốn kiến nghị cho phép các công ty được phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết, đưa Việt Nam trở thành thị trường mới nổi và thu hút vốn tương đối nhanh.

Cuối cùng, về rủi ro về giao dịch. Nhóm Công tác Thị trường vốn kiến nghị Chính phủ tạo điều kiện lập ra quy trình xem xét cân đối lại quy định có tiền sẵn, sở hữu của Ngân hàng thanh toán bù trừ, các quy định bảo vệ tài sản của nhà đầu tư trong quỹ.

Phản hồi của Ông Phạm Hồng Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam đã thể hiện sự tăng trưởng tốt và bền vững. mức vốn hóa của thị trường cổ phiếu của chúng ta đã tăng 11%, vốn hóa thị trường trái phiếu của chúng ta tăng trưởng 22%. Hơn nữa, về sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, thị trường chứng khoán Việt Nam có độ mở tương đối lớn, rất nhiều lĩnh vực mà nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tới 100%, chỉ có một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện sẽ bị hạn chế. Đặc biệt Nghị định 60 của Chính phủ cũng đã cho phép và những cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với việc gia nhập WTO và các hiệp định khác đều rất mở cửa đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ nhất, liên quan đến ý kiến của Nhóm Công tác Thị trường Vốn về vấn đề Luật Chứng khoán sửa đổi, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ghi nhận ý kiến của Nhóm, và hiện đang lấy ý kiến của các thành viên thị trường.

Thứ hai, liên quan đến vấn đề nâng hạng thị trường, chúng ta hiện đang ở mức thị trường cận biên, theo sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sắp tới chúng ta sẽ cố gắng để nâng hạng thị trường mới nổi. Hiện nay, về mặt định lượng, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể đảm bảo; tuy nhiên về mặt định tính vẫn tồn tại một số vấn đề từ các nhà đầu tư nhìn nhận về thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi cho rằng Việt Nam đang làm tương đối tốt việc mở cửa thị trường cũng như tính minh bạch trong công bố thông tin của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Nhóm Công tác Ngân hàng – Ông Nirukt Sapru, Trưởng Nhóm

Chủ đề thảo luận của Nhóm Công tác Ngân hàng là về “Chất lượng tín dụng là động lực chính thúc đẩy cải tiến.” Mặc dù là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất tại châu Á trong năm 2108 nhưng tăng trưởng tín dụng của Việt Nam vẫn giảm so với các năm trước. Điều này cho thấy dòng tín dụng đã được điều hướng sang các lĩnh vực chế biến chế tạo. Thị phần của các ngân hàng quốc tế trong tổng số nợ tại Việt Nam vẫn còn rất nhỏ, gây hạn chế khả năng cho vay để phát triển các doanh nghiệp trong nước có vốn FDI, bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các đơn vị cung ứng chuỗi tài chính, và các lĩnh vực tiêu dùng.

Vì vậy, Nhóm Công tác Ngân hàng xin đưa ra 3 kiến nghị tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

Thứ nhất, NHNN cần điều chỉnh lại mục tiêu mức phần trăm tăng trưởng, áp dụng một công thức có tính đến tổng tài sản/nợ của các ngân hàng cộng với chất lượng danh mục tín dụng. Đồng thời đa dạng hóa danh mục cho vay, đảm bảo các khoản cho vay được phân bổ đến các lĩnh vực được ưu tiên trong nền kinh tế, và các ngân hàng cần chủ động hơn trong việc cho vay sản xuất, đầu tư và các hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, NHNN cần loại bỏ hình thức “cho vay thế chấp” trong các số liệu hoạt động cho vay trong thị trường bất động sản vì sản phẩm này cần được khuyến khích để người dân có thể mua nhà cho mục đích dân sinh, với điều kiện các khoản cho vay này được kiểm soát hợp lý.

Thứ ba, NHNN nên cho phép các công ty mẹ ở nước ngoài thực hiện bảo lãnh đối ứng với các ngân hàng trong nước và không áp dụng quy định về hạn mức cho vay cá nhân (SBL)/cho vay theo nhóm (GBL) đối với các khoản bảo lãnh đối ứng của công ty mẹ để các ngân hàng nước ngoài có thể hỗ trợ các dự án cơ sở hạ tầng và dự án chế biến chế tạo quy mô lớn tại Việt Nam.

Về việc giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình trao đổi giữa Nhóm Công tác Ngân hàng và NHNN, Nhóm Công tác Ngân hàng đánh giá cao sự hợp tác tích cực và đã ghi nhận bốn hạng mục kỹ thuật cần thiết cho công tác điều phối với các bộ ngành liên quan, bao gồm: (1) Sự cần thiết phải xây dựng Khung pháp lý cho các sản phẩm phái sinh và quản lý tài sản tập trung; (2) Công cuộc số hóa nền kinh tế Việt Nam, tập trung vào An ninh mạng và bảo vệ thông tin khách hàng; (3) Xây dựng khung pháp lý cho hoạt động xác minh danh tính khách hàng trên nền tảng điện tử (eKYC), xóa bỏ yêu cầu phải có chữ ký tay, chữ ký của kế toán trưởng, xác nhận kép giữa hai đơn vị liên quan, kênh trả tiền qua cổng điện tử và nền tảng điện tử cho các giao dịch nước ngoài; (4) Sự thiếu nhất quán giữa các luật quy định hoạt động ngân hàng.

Phản hồi của Bà Nguyễn Thị Hồng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước

Trong năm 2018, Ngành Ngân hàng đã làm tốt vai trò là kênh cung ứng tín dụng hiệu quả của nền kinh tế, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đề cao nhiệm vụ đẩy mạnh tái cơ cấu và xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để hỗ trợ việc ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 và đổi mới hoạt động, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

Phản hồi đối với báo cáo của Nhóm Công tác Ngân hàng, chúng tôi xin nhấn mạnh giữa Ngân hàng Nhà nước và Nhóm công tác Ngân hàng không còn vấn đề nào tồn đọng vướng mắc mà chưa thống nhất được quan điểm và cách thức xử lý cụ thể. Tuy nhiên, trong bài phát biểu của Trưởng Nhóm Công tác Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cho rằng những vấn đề mà Nhóm Công tác Ngân hàng đặt ra chủ yếu là những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cụ thể nên sẽ trao đổi thêm trong những buổi họp sau trên tinh thần lắng nghe có thể điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Nhà nước.

Liên quan đến hai vấn đề là: Quản lý dòng tiền và Chủ thể mở tài khoản, đây là hai vấn đề mà Ngân hàng Nhà nước đã thống nhất với Nhóm Công tác Ngân hàng tiếp tục phối hợp với các Bộ, Ngành. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước sẽ phối hợp làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vấn đề quản lý dòng tiền, cùng nghiên cứu để có thể hoàn thiện hành lang pháp lý, và phối hợp với Bộ Tư pháp trong vấn đề chủ thể mở tài khoản.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước sẽ phối hợp với các Bộ, Ngành như Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành liên quan để có thể kiến nghị các hướng xử lý cụ thể những vấn đề còn vướng mắc như chứng từ giao dịch ngoại hối, số tiền thanh toán bằng chữ trên ủy nhiệm chi, v.v..

PHIÊN 2: NÂNG CAO KIẾN THỨC PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo - Ông Brian O'Reilly, Trưởng Nhóm

Có một số vấn đề nổi bật đang gây nhầm lẫn và không được quy định rõ trong dự thảo luật bao gồm nhưng không giới hạn như tư cách pháp lý của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và cả trường đại học vì cả doanh nghiệp và trường đại học đều có tư cách pháp nhân riêng.

Nghị định 86: Đầu tư nước ngoài vào giáo dục và đào tạo rất quan trọng để mang lại những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho Việt Nam. Khoản đầu tư này giúp chuẩn bị nguồn nhân lực hiệu quả cho Công nghiệp 4.0. Các cơ sở nước ngoài này sẽ luôn khuyến khích và hợp tác với các cơ sở Việt Nam đã thích nghi với những thách thức về nhu cầu của nền kinh tế mới.

Chúng tôi xin đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành soạn thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86 để cung cấp những hiểu biết rõ ràng về những kỳ vọng đối với các cơ sở giáo dục và những yêu cầu Bài phát biểu của Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Thường niên, 2018 Trang 2/2 triển khai cụ thể. Nhiều trường học gặp khó khăn khi làm việc với cơ quan chức năng trong việc sửa đổi giấy phép của họ vì thiếu Thông tư hướng dẫn.

Nghị định 143 - Luật Bảo hiểm Xã hội Nghị định này hướng dẫn về cách thực thi Luật Bảo hiểm Xã hội. Theo nghị định này, hầu hết người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định này có tác động lớn đến nhiều cơ sở giáo dục khi họ sử dụng một số lượng lớn nhân viên nước ngoài. Có một số vấn đề liên quan đến nghị định này và sẽ được đề xuất thông qua các Hiệp hội và Nhóm Công tác để xem xét một kỹ lưỡng và giải quyết một cách thỏa đáng cho tất cả các bên liên quan.

Giáo dục Kỹ thuật và Đào tạo Nghề (TVET): Luật mới về Giáo dục và Đào tạo nghề là một bước tiến quan trọng trong việc cải thiện TVET ở Việt Nam. Nhiều công việc đã được thực hiện cùng với các cơ quan địa phương và ở nước ngoài, và được tiếp tục hợp tác thông qua Nhóm Công tác phối hợp với Bộ Lao động Thương binh & Xã hội sẽ đảm bảo tác động của công việc này hiệu quả hơn.

Chúng tôi muốn đề nghị Bộ Lao động Thương binh & Xã hội và Chính phủ chấp thuận Nghị định đã xét duyệt nhằm thay thế cho Nghị định số 48 liên quan đến hoạt động của các trường cao đẳng đầu tư nước ngoài. Nghị định này đã được xét duyệt bởi Chính phủ trong suốt hai năm qua. Tuy nhiên, quá trình đánh giá đã bị kéo dài và đang ảnh hưởng đến hoạt động của tất cả các trường cao đẳng. Tổng cục Dạy nghề không chấp nhận đơn xin chuyển đổi với lý do họ đang chờ sửa đổi Nghị định số 48.

Phản hồi của Ông Phạm Quang Hưng, Cục trưởng Cục Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Về việc *nâng cao chất lượng giáo dục Đại học*, vừa rồi luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học vừa được Quốc hội thông qua vào ngày 19/11/2018, theo đó Luật Giáo dục sửa đổi và bổ sung đã giải quyết được một số điểm chính. Luật sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục Đại học tập trung sửa đổi 4 nhóm chính sách lớn. Điểm mới đó là việc thành lập trường đại học tư thục, nhà đầu tư có thể trực tiếp thành lập trường đại học hoặc nhà đầu tư có thể thành lập tổ chức kinh tế có pháp nhân trước khi thành lập trường đại học. Việc tổ chức kinh tế và trường đại học có pháp nhân riêng để đảm bảo: thứ nhất tổ chức kinh tế có thể đầu tư trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề kinh tế khác nhau; thứ hai, trường đại học công lập và tư thục có thể bình đẳng, cùng có tư cách pháp nhân.

Đẩy mạnh kết nối trường đại học với doanh nghiệp. Đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và tăng cường kết nối giữa các trường đại học và doanh nghiệp là chủ trương lớn của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực thực hiện trong thời gian vừa qua. Bộ Giáo dục và Đào tạo luôn tích cực đẩy mạnh và ủng hộ các doanh nghiệp kết nối với trường đại học thông qua xây dựng một số dự án, chương trình do nước ngoài tài trợ, các chương trình, sáng kiến, các diễn đàn kết nối nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Nghị định 86 năm 2018 về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Chính phủ Nghị định 86 ngày 06/06/2018 thay thế Nghị định 73. Nghị định 86 đã mở rộng rất nhiều hình thức hợp tác đầu tư nước ngoài, bên cạnh đó tạo điều kiện thông thoáng cho nhà đầu tư thuê đất, thuê cơ sở vật chất, cho phép nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua vốn góp của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư trong nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tích cực hoàn thiện Thông tư hướng dẫn Nghị định 86 và sẽ ban hành sớm trong năm 2019.

Nhóm Công tác Nông nghiệp - Ông David John Whitehead, Trưởng Nhóm

Một số lượng lớn nông dân ở châu Á và Việt Nam đang bắt đầu áp dụng công nghệ số và các phát minh sử dụng dữ liệu. Để Nông nghiệp 4.0 được trở thành sự thật, chúng ta cần sự đồng lòng giữa cơ quan chính quyền, các doanh nghiệp và cộng đồng làm nông nghiệp. Trên hết, các nhà hoạch định và chính phủ cần đảm bảo rằng các cơ sở vật chất nền tảng kỹ thuật số cho băng thông dữ liệu lớn, cả về mặt bao phủ của mạng lưới và tốc độ truyền dữ liệu tại các vùng nông thôn, được hoàn tất. Chính phủ cần ban hành các chính sách hướng tới sự thiếu hụt đầu tư trong nông nghiệp, đặc biệt tại những giai đoạn giá sản phẩm xuống thấp.

Hơn một phần ba dân số vẫn đang dựa vào làm nông để sinh nhai. Mặc dù các công nghệ nông nghiệp chính xác hiện đại cần sự đầu tư lớn ban đầu, nông dân tại các nước đang phát triển như ở Việt Nam đang được hưởng lợi từ công nghệ di động.

Nông nghiệp chính xác là sự sử dụng chính xác đủ các nguyên liệu đầu vào tại thời điểm chính xác cho mùa vụ, tăng năng suất và tối ưu hóa sản lượng. Nông dân do đó sẽ được giảm bớt chi phí sử dụng nước, phân bón, thuốc diệt cỏ.

Lợi ích thứ hai cho việc giảm thiểu nguyên liệu đầu vào là ảnh hưởng đến môi trường. Sử dụng các hóa chất đúng mức đúng chỗ và đúng thời điểm giúp ích cho trồng trọt, đất và nước ngầm, và cả chuỗi thu hoạch.

Kết quả là nông nghiệp chính xác đã trở thành cột mốc trong nông nghiệp bền vững, bởi nó tôn trọng ba yếu tố đất đai, mùa màng và người nông dân. Nông nghiệp bền vững đảm bảo nguồn cung thực phẩm liên tục trong giới hạn sinh thái, kinh tế và xã hội cần thiết để đảm bảo khả năng sản xuất bền vững trong thời gian dài.

Chăn nuôi chính xác (PLF) là việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa sự đóng góp của từng vật nuôi. Thông qua phương pháp "từng con vật riêng lẻ" này, nông dân hướng đến việc đạt kết quả tốt hơn trong chăn nuôi gia súc.

Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại, nông dân giờ đây có thể ghi lại nhiều thuộc tính của từng con vật, như phả hệ, tuổi tác, sinh sản, tăng trưởng, sức khỏe, chuyên đổi thức ăn, trọng lượng thân thịt theo phần trăm cân hơi và chất lượng thịt. Khi thông tin này có sẵn cho nông dân, nó mang lại những lợi ích rất lớn

Phản hồi của Ông Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Về phát triển, hiện nay Việt Nam đã ứng dụng các công nghệ liên quan đến cách mạng công nghiệp 4.0 trong ngành nông nghiệp như ứng dụng công nghệ sinh học trong ngành nông nghiệp, công nghệ nuôi cấy tế bào, công nghệ gen được ứng dụng trong nghiên cứu cải tiến giống cây trồng vật nuôi, công nghệ vi sinh, ứng dụng công nghệ tự động hóa, bán tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp, kết hợp với công nghệ thông tin được ứng dụng tại các mô hình canh tác có giá trị kinh tế cao.

Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ 4.0 trong nông nghiệp còn có những khó khăn, thách thức như cơ sở hạ tầng, công nghiệp hỗ trợ nguồn nhân lực. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp như sau:

Về nhiệm vụ trọng tâm, thứ nhất cần xác định ngành nông nghiệp cần ưu tiên phát triển trong trung và dài hạn. Trong đó, cần ưu tiên nhập khẩu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới, đồng thời tập trung nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng suất, năng lực công nghệ trong nước, trình độ thiết kế chế tạo ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế cạnh tranh. Ngành Nông nghiệp cũng cần chú trọng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, quản trị công nghệ và quản lý, quản trị doanh nghiệp, tăng cường chất lượng đào tạo, bảo đảm cung cấp đầu vào về nông nghiệp, tăng cường hội nhập quốc tế nhằm nắm bắt cơ hội vượt qua thách thức, phát triển nông nghiệp nhanh và bền vững, nâng cao nhận thức về cơ hội thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Về giải pháp thực hiện, thứ nhất Ngành cần xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng sâu rộng công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám, phục vụ việc phát triển các sản phẩm chủ lực của ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Thứ hai, thực hiện các chương trình Quốc gia về Đề án tăng cường ứng

dụng công nghệ viễn thám giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 để tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thứ ba, xác định các công nghệ mà Ngành Nông nghiệp cần ưu tiên phát triển trong trung và dài hạn để đón đầu các xu hướng công nghệ mới trên thế giới. Thứ tư, đề xuất nhiệm vụ đặt hàng công nghệ đối với các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh trong các lĩnh vực, xây dựng và triển khai đề án Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong ngành nông nghiệp.

Nhóm Công tác Du lịch - Ông Colin Pine, Trưởng Nhóm

Việt Nam đang phải cạnh tranh với nhiều nước, đặc biệt cả với các nước láng giềng tại khu vực Đông Nam Á trong việc thu hút khách quốc tế. Để tiếp tục cạnh tranh và nằm trong số các điểm đến du lịch tăng trưởng nhanh nhất, Việt Nam cần tiếp tục đảm bảo các yếu tố về “APP”. Cụ thể “APP” trong bối cảnh này là viết tắt cho *Access: Tiếp cận, Promotion: Thúc đẩy và Product: Sản phẩm*. Ba yếu tố này đặc biệt quan trọng nhằm thu hút du khách quốc tế, và đồng thời liên quan đến việc tiếp tục phát triển du lịch trong nước.

Hội đồng Du lịch Thế giới đã tuyên bố rằng việc tạo điều kiện xin thị thực có thể tăng thêm 10% số lượt khách quốc tế. Việt Nam đang từng bước giảm bớt các thủ tục xin cấp thị thực bằng cách tăng số lượng các quốc gia được miễn thị thực lên 24 nước và thực hiện cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam. Tuy nhiên, Nhóm công tác Du lịch có các khuyến nghị để tăng cường hơn nữa những nỗ lực mà chúng tôi tin rằng có thể đạt được và cần được thực hiện.

Trong yếu tố Access - Tiếp cận, các chính sách của ngành hàng không, bao gồm cả về chính sách liên quan đến các hãng hàng không và sân bay là một trong những vấn đề quan trọng. Trong số các điểm đến chính ở Đông Nam Á, Việt Nam có khoảng cách địa lý rất gần với Singapore và có số lượng các hãng hàng không vận tải công cộng được cấp phép là ít nhất. Sự thiếu cạnh tranh đối với các điểm đến không được phục vụ trực tiếp bởi các hãng hàng không quốc tế có thể làm tăng chi phí đi lại và điều này cũng phản ánh là chi phí của một số tour du lịch nội địa cao hơn chi phí của các tour du lịch quốc tế có khoảng cách và thời gian di chuyển tương đương.

Promotion - Thúc đẩy là chìa khóa quan trọng thứ hai để tiếp tục phát triển du lịch Việt Nam. Sự đầu tư và phối hợp chặt chẽ của Bộ phận Nhà nước cũng rất quan trọng. Quyết định để thành lập Quỹ phát triển du lịch là một bước quan trọng theo định hướng này. Tuy nhiên, cho đến nay, các chi tiết cụ thể về cơ chế tài trợ cho Quỹ và cách Quỹ sẽ được quản lý chi tiết vẫn được hoàn tất và thống nhất. Ngành Du lịch chân thành yêu cầu các quyết định đó cần được thực hiện một cách nhanh chóng và cân bằng với các sáng kiến quan trọng khác để thúc đẩy du lịch.

Các lĩnh vực chính liên quan đến sáng kiến đổi mới đi cùng với sự phát triển từ “Công nghiệp 4.0” là cả sản phẩm lưu trú và dịch vụ du lịch được cung cấp thông qua nền tảng “kinh tế chia sẻ,”- nơi các tài sản hoặc người lao động có thể được cung cấp dịch vụ trên cơ sở phân đoạn dựa trên “nhu cầu”.

Phản hồi của Ông Lê Quân, Thứ trưởng Bộ Lao động

Bộ Lao động cảm ơn Hiệp hội doanh nghiệp, các Phòng công nghiệp & thương mại, không chỉ Ủy ban về Giáo dục Đào tạo và Ủy ban về Phát triển Nguồn Nhân lực đã quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến và hướng phát triển cụ thể như vấn đề nguồn nhân lực, các vấn đề bảo hiểm xã hội và Luật Lao động.

Thứ nhất, về bảo hiểm xã hội, Nghị định 143 của Chính phủ ra đời là thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội đã đưa ra, tiếp thu nhiều ý kiến của các Hiệp hội và Nhóm Công tác. Bảo hiểm bắt buộc

dài hạn đối với lao động được áp dụng trong lộ trình đến 01/01/2022, và đến năm 2022 dự kiến cũng sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết của Trung ương. Tiếp theo, liên quan đến thủ tục thanh toán bảo hiểm, chúng tôi khẳng định thủ tục thanh toán bảo hiểm một lần cho người lao động ngoài nước áp dụng trong 5 ngày, với thủ tục rất đơn giản, áp dụng trực tuyến.

Thứ hai, về những ý kiến đóng góp về bộ Luật Lao động, Bộ Lao động cam kết Dự thảo sẽ lấy ý kiến đủ 60 ngày theo quy định của pháp luật, và thực tế hiện nay vẫn đang lấy ý kiến của nhiều Hiệp hội tại nhiều Diễn đàn khác nhau, dù rằng chưa có biên bản chính thức. Theo dự kiến, bộ Luật Lao động sẽ được đưa ra Quốc hội để thảo luận lần 1 vào kỳ họp tới.

Thứ ba, về lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực và dạy nghề, đây là lĩnh vực được cả Bộ Lao động và Nhóm Công tác phối hợp tốt trong năm vừa qua. Chúng tôi ghi nhận vấn đề thiếu nhân lực không còn là vấn đề gây bức xúc, vì Bộ Lao động và Sở Lao động các địa phương đã phối hợp thành công với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để đáp ứng đào tạo đơn đặt hàng. Về vấn đề chất lượng nguồn nhân lực, để đáp ứng nhu cầu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, chúng tôi ghi nhận các ý kiến đóng góp và có một số ý kiến. Cụ thể: (i) Về kiến nghị đào tạo Tiếng Anh, Tiếng Anh đã được đưa vào làm môn học bắt buộc trong hệ đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp; (ii) Về kỹ năng mềm, Bộ Lao động đã tăng thời gian học thực hành và học tại doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình từ thiết kế chương trình cho đến tổ chức đào tạo và tuyển dụng;

Cuối cùng, về các nghị định khác, Nghị định 48 đang trình Chính phủ để ký ban hành và điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài được cắt giảm rất nhiều như trong điều kiện về cơ sở vật chất hay thủ tục mở văn phòng đại diện, thủ tục nhân lực, tăng tính tự chủ trong vấn đề liên kết quốc tế. Liên quan đến ý kiến của đại diện Nhật Bản về các chuyên gia đã nghỉ hưu, Bộ hiện nay đang xây dựng chương trình chuyên gia quốc tế, hy vọng sẽ thu hút được các chuyên gia đã nghỉ hưu nước ngoài để tham gia hỗ trợ các trường nghề.

PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI NGUYỄN XUÂN PHÚC – THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quý Tiền tệ Quốc tế đã cắt giảm 0,2 điểm % dự báo triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2018 và 2019, xuống còn 3,7%. Điều này cho thấy kinh tế thế giới 2018 đã không thực sự thuận lợi như kỳ vọng trước đó và năm 2019 có khả năng cũng như vậy. Thương mại thế giới đang đứng trước nhiều thử thách lớn, trong đó có sự nổi lên của tư tưởng bảo hộ, chiến tranh thương mại, nguy cơ xói mòn niềm tin vào hệ thống thương mại tự do. **Việt Nam vẫn luôn tìm thấy các cơ hội hợp tác rộng mở với dòng chảy chính vẫn là hòa bình, hợp tác và toàn cầu hóa.**

Nhờ có niềm tin đó, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2018. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát theo đúng mục tiêu, thâm hụt ngân sách và nợ công giảm mạnh, cán cân thanh toán đạt thặng dư kép, lãi suất và tỷ giá được duy trì ổn định ngay cả trong bối cảnh căng thẳng thương mại nổi lên và sự biến động của các thị trường tài chính toàn cầu.

Môi trường kinh doanh của Việt Nam không ngừng được cải thiện. Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu (GCI) của VN năm 2018 ở vị trí 77/137 quốc gia. Chỉ số Đổi mới Sáng tạo (GII) đứng thứ 45/126 quốc gia. Khảo sát của Euro-Cham gần đây cho thấy gần 70% DN phản hồi ‘Tốt’ và ‘Rất tốt’, 90% doanh nghiệp đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam ổn định và cải thiện trong thời gian tới. Kết quả này minh chứng cho sự lạc quan tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp về triển vọng kinh doanh của Việt Nam trong năm 2019.

Việt Nam là một “công xưởng lớn” của thế giới và là một điểm tựa cho nhiều tập đoàn lớn xuyên quốc gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh tại khu vực và trên toàn cầu. Sự hiện diện của nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới ở Việt Nam và hàng nghìn doanh nghiệp FDI khác là **bảo chứng cho chất lượng môi trường đầu tư và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam.**

Môi trường kinh doanh của Việt Nam hoàn toàn có thể ươm mầm nên những doanh nghiệp lớn tầm cỡ, có khả năng cạnh tranh và là đối tác xứng tầm của các tập đoàn quốc tế. Nhiều tập đoàn lớn của Việt Nam hiện là thành viên của WEF. Trong những năm qua, phong trào khởi nghiệp được lan tỏa sâu rộng. Rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam giờ đang khẳng định vị thế và năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

Chính phủ cho rằng để nắm bắt cơ hội và hợp tác thành công, cần có sự nỗ lực và hợp tác của cả 3 bên:

Thứ nhất là nỗ lực của chính các doanh nghiệp Việt Nam: Tất cả các doanh nghiệp đều có những lợi thế so sánh và cần nhận diện đúng, phát huy lợi thế đó. Bản thân các doanh nghiệp cần xóa bỏ tâm lý trông chờ sự hỗ trợ của Chính phủ, chủ động nắm bắt các cơ hội, học hỏi và sáng tạo không ngừng.

Thứ hai là sự hợp tác và chia sẻ cơ hội của các doanh nghiệp FDI: Chính phủ Việt Nam mong muốn nhiều tập đoàn quốc tế, các doanh nghiệp FDI cởi mở hơn trong chính sách cung ứng của mình; tạo cơ hội nhiều hơn và hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị; tăng cường chuyên gia công nghệ và đào tạo nhân lực cho Việt Nam; đặt niềm tin nhiều hơn vào năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba là thúc đẩy vai trò kiến tạo phát triển và đồng hành của Chính phủ. Theo đó, Chính phủ ưu tiên tập trung vào 3 vấn đề trọng tâm sau:

Một là, quyết tâm giữ vững sự ổn định chính trị xã hội và nền tảng kinh tế vĩ mô. Với môi trường chính trị và vĩ mô ổn định cùng với **vị trí địa chính trị tối ưu.** Chính phủ cam kết sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các cải cách về cơ cấu, nâng cao chất lượng thể chế và năng lực quản trị nhà nước, cải cách doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tài chính, xử lý nợ xấu, quản lý nợ công,... Nỗ lực khơi thông các điểm nghẽn cho phát triển nhanh và bền vững hơn.

Hai là, tiếp tục tăng tốc cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Liên tiếp trong 3 năm 2016, 2017 và 2018, Chính phủ đều ban hành mới Nghị quyết 19 về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này cho thấy những cập nhật và cải cách liên tục của Chính phủ trong bối cảnh diễn biến trong nước và quốc tế luôn thay đổi, để không bị thế giới bỏ lại phía sau.

Ba là, Chính phủ sẽ dành ưu tiên nhiều hơn nữa cho đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D), đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng thông minh, hạ tầng kỹ thuật số để thúc đẩy và tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng 4.0. Cùng với khoa học công nghệ, Chính phủ cũng sẽ tăng cường đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục và đào tạo nhân lực.

Chính phủ sẽ hỗ trợ hết mình để doanh nghiệp phát triển, đặc biệt Chính phủ cam kết tạo lập môi trường kinh doanh rộng mở, công bằng và chi phí thấp, tạo thuận lợi thương mại hơn nữa cho các doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành cũng như điện tử hóa các thủ tục hành chính.

PHIÊN 3: KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại - Ông Fred Burke, Trưởng Nhóm

Sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư: Hiện nay tồn tại việc thiếu định nghĩa rõ ràng về một số thuật ngữ chính được sử dụng trong Luật Đầu tư, gây trở ngại cho nhiều nhà đầu tư. Sự thiếu rõ ràng trong thủ tục đăng ký đầu tư thống nhất cho một số trường hợp theo Luật Đầu tư. Trong bản kiến nghị của chúng tôi có nêu đề xuất tăng cường tính tự chủ của các bên trong Luật Doanh nghiệp. Hơn nữa, chúng tôi cũng đề nghị sửa đổi Luật Doanh nghiệp tăng tính linh động trong việc lựa chọn thực hiện các thủ tục trực tiếp hoặc trực tuyến, và ở đó có nhiều vấn đề kỹ thuật.

Luật Chuyển giao Công nghệ: Việt Nam cần sự hỗ trợ để hạn chế việc xuất khẩu lại công nghệ quan trọng trong các lĩnh vực như năng lượng hạt nhân và công nghệ môi trường. Bộ Luật này hiện đang lạc hậu vì đã được ban hành được gần 20 năm. Chúng tôi đặc biệt mong muốn Chính phủ thực hiện các biện pháp để thu nhỏ phạm vi các đối tượng công nghệ cần phải đăng ký, sao cho các doanh nghiệp có thể hoạt động trong môi trường tốt.

Luật An ninh Mạng: Một trong những vấn đề lớn nhất là việc Việt Nam cần phải thực hiện các nghĩa vụ được nêu trong CPTPP (Hiệp định Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương). Điều này liên quan đến xác định vị trí của cơ sở đặt dữ liệu ở Việt Nam, nhất là của các thể chế tài chính quốc tế có nhiều quan tâm tới vấn đề an ninh.

Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc: Có nhiều đối tượng lao động chúng tôi muốn giữ làm việc ở Việt Nam, nhưng vấn đề bảo hiểm xã hội quá lớn nên họ không làm việc.

Bộ luật Lao động sửa đổi: Đây là một Bộ luật rất phức tạp, đòi hỏi nhiều công đoạn thực hiện. Đây là khoảng thời gian hợp lý để lấy ý kiến các bên liên quan. Đặc biệt trong bối cảnh thực hiện những cam kết trong Hiệp định Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do với Liên minh Châu Âu (EU FTA). Vấn đề có tác động lớn tới nhà tuyển dụng trong thời gian vừa qua là quyền sa thải hoặc đình chỉ làm việc của nhân viên hoặc quản lý có thực hiện hành vi tham nhũng. Bộ luật hiện nay có nhiều điểm có tính bao che cho nhân viên, tạo điều kiện cho họ có khả năng lên chức trước khi bị kết án. Nếu Bộ luật hiện nay tiếp tục tạo sự linh hoạt đối với nhân viên trong vấn đề này, điều này sẽ gây tác động tiêu cực tới cuộc chiến chống tham nhũng hiện nay.

Luật Quản lý Thuế: Với nỗ lực của Ngành Du lịch và vai trò của các đại lý du lịch trực tuyến, Dự thảo Tờ trình Luật Quản lý Thuế sẽ ảnh hưởng tới các doanh nghiệp hoạt động từ xa, đặt ra yêu cầu bắt buộc phải thành lập văn phòng đại tại Việt Nam cho mục đích kê khai và nộp thuế. Hệ thống thuế ở Việt Nam hiện nay khá tốt đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng không phải là lý do hợp lý để tạo một hạng mục mới cho người nộp thuế.

Thông tư 32 về mở tài khoản thanh toán: Nếu Thông tư 32 được thực thi, các tổ chức đặc thù như: Văn phòng đại diện, Tổ chức phi chính phủ, không có tư cách pháp nhân để mở một tài khoản ngân hàng. Đây là hệ thống không lý nếu các văn phòng đại diện phải tạo tài khoản dưới tên của văn phòng chính, các tổ chức doanh nghiệp quốc tế và Tổ chức phi chính phủ sẽ phải tạo tài khoản dưới tên của nhân viên. Đây là vấn đề tồn tại nhiều ý kiến khác nhau giữa Ngân hàng Nhà nước và Luật Dân sự. Chúng tôi mong muốn giải quyết vấn đề này trong Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại, cũng như gửi tới Chính phủ ra quyết định cao hơn.

Trọng tài tại Việt Nam: Hiện nay đã có nhiều tiến triển với Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Việc nâng cao hệ thống tòa án cần được cải thiện sao cho việc pháp luật được thi hành tự động, phù hợp với luật bởi Trung tâm Luật Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

Quản lý tài khoản tập trung: Đây là thông lệ phổ biến trong hầu hết các quyền hạn xét xử. Chúng tôi hy vọng Việt Nam cũng có thể thực hiện quy định này để hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. Việc có một cơ chế quản lý tài khoản tập trung ổn định là một vấn đề hợp lý, cần được xem xét.

Nhóm Công tác Thuế và Hải quan – Ông Mark Gillin, Trưởng Nhóm

Thuế là vấn đề lớn đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam. Ban đầu, chúng tôi phải phát hiện các khoản đầu tư quan trọng về cách ứng dụng công nghệ trong các hoạt động Thuế, Hải quan trực tuyến cung cấp bởi Tổng Cục thuế và Tổng Cục Hải quan. Quản lý Thuế do đó sẽ tạo dựng niềm tin giữa doanh nghiệp và Chính phủ và sẽ giúp giải quyết hầu hết các vấn đề liên quan đến thuế.

Trước tiên, nên có chính sách bảo hộ đầu tư và tôn trọng ưu đãi thuế tại thời điểm đầu tư và được bao gồm trong giấy chứng nhận đầu tư.

Thứ hai, bảo hộ đầu tư phải được áp dụng một cách công bằng tới các doanh nghiệp mới vào Việt Nam, không dựa trên việc chọn lọc doanh nghiệp nào ồn ào nhất, giảm 50% Thuế Thu nhập cá nhân, hứa hẹn đầu tư, và loại bỏ thuế kép đối với giao dịch xuất nhập khẩu. Điều này đòi hỏi việc áp dụng phân loại thuế nhà thầu nước ngoài trên lĩnh vực, không phải phân loại để đánh giá Thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thuế Giá trị gia tăng. Do đó, làm chậm việc áp đặt khoản phạt 20% do nộp chậm thuế - một tình trạng đang diễn ra ở cơ quan thuế Hà Nội.

Chính phủ cần ghi nhận các vấn đề nêu trong bản báo cáo. Quan trọng hơn, Chính phủ cần cam kết cải cách văn hóa quản lý thuế ở Việt Nam thông qua việc học hỏi các thông lệ quốc tế. Các đối tác Việt Nam và Ngân hàng Thế giới sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong vấn đề này.

Phản hồi của Bà Vũ Thị Mai - Thứ trưởng Bộ Tài chính

Về ý kiến trong khai thuế và thu thuế hình như có một xu hướng tăng thuế để bù đắp thâm hụt ngân sách: Việc thực hiện khai thuế cũng như thu thuế của cơ quan thuế phải thực hiện theo quy định của pháp luật thuế, và việc Việt Nam hội nhập sâu với thế giới và khu vực cũng đòi hỏi chính sách thuế cần được rà soát, cơ cấu lại, điều này đã được thể hiện trong Nghị quyết 25 của Quốc hội là cơ cấu lại ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, một nguyên tắc căn bản mà BTC đã, đang và sẽ thực hiện mà như bài phát biểu của Thủ tướng cũng đã nêu, đó là chính sách thuế phải làm sao tiếp tục công khai minh bạch, rõ ràng và đồng thời phải khuyến khích thu hút đầu tư và tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát triển.

Về ý kiến cơ quan thuế thiếu nhân viên thuế cho nên thực hiện kiểm tra thanh tra hàng năm, đề nghị phải thực hiện thanh tra kiểm tra hàng năm một cách kịp thời, không nên thanh tra kiểm tra rồi sau đó một thời kỳ dài 5 năm và truy thu, xử phạt: Việc thanh tra kiểm tra của cơ quan thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro, với những doanh nghiệp thực hiện tốt và chấp hành pháp luật thuế tốt thì cơ quan thuế cung cấp dịch vụ hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện, và thanh tra kiểm tra trên cơ sở doanh nghiệp có rủi ro về thuế, và đây là nguyên tắc quản lý thuế của các nước tiên tiến trên thế giới. Mong rằng doanh nghiệp cập nhật chính sách kịp thời để tuân thủ tốt pháp luật thuế.

Về ý kiến có nêu liên quan đến xuất nhập khẩu tại chỗ: Bộ Tài chính xin ghi nhận ý kiến này, sẽ tiếp thu nhiều ý kiến của doanh nghiệp để sửa đổi Nghị định 134, và hiện nay Nghị định 134

hướng dẫn luật thuế xuất nhập khẩu 107 đang ở những khâu cuối cùng, và Bộ sẽ tiếp thu những ý kiến này để quy định rõ tại Nghị định 134 một cách minh bạch, và đồng thời sao cho khuyến khích hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ. Nghị định này dự kiến sẽ được trình Chính phủ trong cuối tháng 12 hoặc đầu tháng 1, và chắc chắn sẽ ban hành sớm nhất có thể.

Về các kiến nghị liên quan đến hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu: Bộ Tài chính đã tiếp thu và trình Chính phủ ban hành Nghị định 146 sửa đổi những bất cập trong Nghị định 100. Về hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn thuế, tại Nghị định 146 đã khắc phục được, và trong thời kỳ từ 01/7/2016 đến 01/02/2018 vẫn đề nghị các doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định 100, và khi Nghị định 146 ban hành có hiệu lực từ 01/02/2018 thì vướng mắc đó đã được giải quyết.

Về vướng mắc, kiến nghị hoàn thuế đối với đầu tư là đầu tư mở rộng: Bộ cũng sẽ ghi nhận các ý kiến này để tiếp tục nghiên cứu.

Về kiến nghị Dự thảo Luật quản lý thuế liên quan đến thương mại điện tử: Bộ Tài chính đang xây dựng và tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Luật quản lý thuế. Các kiến nghị của các Hiệp hội nêu hôm nay, chúng tôi sẽ nghiên cứu một cách đầy đủ nhất, trên cơ sở đó những ý kiến nào hợp lý chúng tôi sẽ tiếp thu để hoàn chỉnh Luật quản lý thuế để trình Quốc hội vào kỳ họp tháng 5/2019.

Về các ý kiến về cơ cấu APA, thỏa thuận xác định giá trước làm sao thuận lợi hơn, nghiên cứu về dự kiến áp thuế có đường cũng cần được xem xét thêm, và các đề xuất chung cho ngành Hải quan: Bộ Tài chính xin ghi nhận để nghiên cứu và các ý kiến hợp lý Bộ Tài chính sẽ tiếp thu.

BẾ MẠC

Ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam

Trong bối cảnh thế giới không ngừng thay đổi và có nhiều sự cố kỹ thuật nghiêm trọng, người tồn tại và thành công không nhất thiết phải là những người thông minh hơn, không phải những người bảo thủ, mà là những người biết lựa chọn để thích ứng và thay đổi tốt hơn.

Vì tất cả chúng ta đang cùng đi trên một con tàu mang tên “Việt Nam” như phép so sánh mà ngài Thủ tướng vừa đưa ra vài phút trước, tôi xin chia sẻ một số ý kiến để chúng ta có thể đi tới đích thành công.

Tôi xin được bắt đầu với hai yếu tố Thương mại và Công nghệ. Việt Nam đã và đang là một đối tác thương mại năng động trên trường quốc tế. Công nghệ đóng vai trò thiết yếu trong sự tăng trưởng của Việt Nam trong thời đại công nghệ số và chia sẻ tri thức ngày nay, chia sẻ tiến bộ công nghệ giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, và thúc đẩy phát triển nghề nghiệp. Đây là động cơ cho con tàu mang tên Việt Nam.

Tiếp đến là Khả năng thích ứng và Tính rủi ro. Đó là bởi tính chất của một thế giới luôn thay đổi mà Việt Nam là một phần trong đó. 4 khía cạnh thiết yếu của rủi ro bao gồm: quản trị rủi ro, phòng ngừa rủi ro đa lớp, thích ứng với rủi ro, và cuối cùng là chia sẻ rủi ro. Đây là 4 yếu tố mà cộng đồng kinh doanh mong đợi ở vai trò lãnh đạo của Việt Nam. Giai đoạn này có thể coi như lúc con tàu của chúng ta đang có một khoảng tạm nghỉ, và cách chúng ta tiếp tục chèo lái con tàu vượt qua giai đoạn này sẽ quyết định tốc độ về đích của chúng ta.

Tiếp đến là yếu tố Đầu tư, nhưng hôm nay với vai trò đại diện cho Ngân hàng Thế giới tôi không định bàn đến vấn đề Đầu tư mà muốn nói về Trạm vũ trụ Quốc tế. Tôi sẽ chú trọng vào

những việc thiết thực mà chúng ta cần làm. Cần cải tổ để hoạt động tài chính được linh hoạt hơn và quy định về hợp tác công tư phù hợp với thực tế thực hiện hơn. Tăng cường quy định, hướng đến các hoạt động thiết lập và hệ thống thuế quan, cơ chế mới và việc thực hiện - tất cả các hoạt động này đều phải được xây dựng trên nền tảng số hóa.

Yếu tố cuối cùng là Đối tác. Trong khán phòng này, chúng ta đều là đối tác, nhưng cũng là những con người. Việc đầu tư vào con người, vào tri thức đóng vai trò quyết định trong kỷ nguyên số này để theo kịp đà tăng năng suất, xây dựng quy mô cần thiết để thích ứng với mức rủi ro không ngừng tăng lên trong hoạt động kinh doanh phức tạp và duy trì tính cạnh tranh. Đây sẽ là nguồn nhiên liệu cho con tàu của chúng ta.

Như vậy, để con tàu của chúng ta tiến tới thành công, tôi xin cam kết với Chính phủ Việt Nam và cộng đồng kinh doanh rằng nhóm Ngân hàng Thế giới sẽ luôn hỗ trợ hết sức cho cả người lái tàu lẫn những hành khách năng động.

Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) là một mẫu hình đặc sắc và hiệu quả của quan hệ đối tác công - tư trong lĩnh vực hoạch định chính sách và thúc đẩy cải cách kinh tế ở Việt Nam. Với chủ đề là cơ hội của Việt Nam trong xu thế chuyển dịch thương mại toàn cầu, Diễn đàn đã phác họa nên bức tranh về môi trường kinh doanh và chất lượng thể chế ở Việt Nam. Trong bức tranh ấy có những điểm sáng là: cải cách thể chế có thêm nhiều động lực, niềm tin ở cộng đồng kinh doanh tiếp tục được khơi dậy, và phần lớn các doanh nghiệp đều kế hoạch tiếp tục mở rộng kinh doanh tại Việt Nam, doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh, xu hướng khởi nghiệp sáng tạo được thúc đẩy. Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp cũng bày tỏ một số quan ngại liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, việc thực thi Chính phủ điện tử, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập và thực thi các Hiệp định Thương mại Tự do, Việt Nam cần sớm khắc phục các vấn đề trên bằng kỷ luật thực thi nghiêm túc để tạo không gian phát triển mới cho đất nước.

Tiếp đến, cộng đồng doanh nghiệp đã hiến kế với Chính phủ và các Bộ, Ngành những giải pháp để thúc đẩy phát triển nền kinh tế đất nước. Trong đó, bao gồm phát triển nền kinh tế số, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân, tăng cường Quan hệ Đối tác Công tư, phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, ứng dụng năng lượng sạch vào nền nông nghiệp thông minh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, v.v. Cộng đồng doanh nghiệp cũng mong được đối thoại và hợp tác với các cơ quan Chính phủ trong việc xây dựng bản Nghị định thực thi Luật An ninh mạng để vừa bảo đảm an ninh, an toàn, vừa không tạo ra những rào cản cho nền kinh tế số.

Vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định thành lập Ủy ban Đối tác công - tư thuộc Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam, và Chủ tịch VCCI là Chủ tịch Ủy ban Đối tác công - tư. Chúng tôi hi vọng các cơ quan Chính phủ, các thành viên của VBF, các tổ chức quốc tế sẽ tham gia tích cực vào hoạt động của Ủy ban này để thúc đẩy việc huy động các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước cho phát triển trong thời gian tới.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng

Chủ đề của Diễn đàn lần này hết sức thời sự, nội dung báo cáo của các Nhóm Công tác được chuẩn bị công phu với nhiều ý kiến, khuyến nghị sâu sắc, thiết thực đối với Việt Nam để thu hút, sử dụng tốt hơn dòng vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh các nhà đầu tư, các tập đoàn đa quốc gia đang cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư trong khu vực.

Một số nội dung trao đổi của ba phiên họp của Diễn đàn bao gồm:

Thứ nhất, Vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách để thu hút đầu tư thông qua hình thức công - tư TPP hiệu quả hơn; đa dạng hóa các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và phát triển thị trường vốn, tín dụng chất lượng cao cho phát triển hạ tầng.

Thứ hai, về vấn đề lao động, Diễn đàn đã nhấn mạnh đến các sáng kiến như hướng nghiệp để phát triển lực lượng sản xuất, giúp cải thiện năng suất của người lao động trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Về vấn đề bảo hiểm xã hội, lo ngại về sự gia tăng các chi phí trong lao động, vấn đề về kỷ luật lao động và trình tự sa thải của người lao động vi phạm cũng đã được cộng đồng doanh nghiệp đưa ra các giải pháp trong thời gian tới.

Thứ ba, các khuyến nghị đối với Chính phủ hướng tới Nông nghiệp 4.0 thông qua phát triển nông nghiệp chính xác và để cách mạng hóa ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới là các đề xuất có giá trị để tham khảo, hoàn thiện chính sách trong thời gian tới

Thứ tư, trong ngành du lịch, các cơ quan Nhà nước ghi nhận đề xuất đối với phát triển trên 03 lĩnh vực để tăng sức hấp dẫn và phát huy vai trò của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế, đó là chính sách về thị thực, công tác về quảng bá du lịch, công tác về đa dạng hóa, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm du lịch.

Thứ năm, về vấn đề thực thi pháp luật, nhiều cơ quan đang còn có những cách hiểu và áp dụng luật không thống nhất, do quy định của pháp luật chưa được rõ ràng, thiếu cụ thể, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến Luật Chứng khoán, Luật Chuyển giao công nghệ, môi trường, năng lượng, v.v. Các đề xuất nhằm minh bạch hơn các quy định về thuế và hải quan.

Ngoài ra, các vấn đề khác cũng được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm như thuận lợi thương mại, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cải cách thủ tục hành chính, khai phá tiềm năng nền kinh tế số ở Việt Nam, đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, v.v.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tổng hợp tất cả các ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp hôm nay và báo cáo với Thủ tướng để có những chỉ đạo trong thời gian tới.

Hợp tác cùng:



Tài trợ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Giữa kỳ 2019:

Nhà tài trợ Kim Cương



Nhà tài trợ Vàng



DRAGON CAPITAL



Nhà tài trợ Bạc



Nhà tài trợ hiện vật



Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF):



Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

Tầng 3B, Tòa nhà Văn phòng Horison, 40 Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 84-24 3715 2223

Fax: 84-24 3715 2218

Email: info@vbf.org.vn

Website: www.vbf.org.vn

Cục Đầu tư Nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84-804 8416

Fax: 84-24 3734 3769